ĐINH TÚ ANH
(Biên soạn)

Tác giả: Đinh Tú Anh

Lịch sử dòng họ Đinh Nho

(Xã An Hòa Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh)

丁族千秋留玉彩

Đinh tộc thiên thu lưu ngọc thái

Đinh tộc nghìn thu ngời vẻ ngọc,

家風萬代顯馨名

Gia phong vạn đại hiển hinh danh

Gia phong muôn thuở rạng danh vàng!

(Đinh Nho Thanh - Hậu duệ họ Đinh Nho, đời thứ 16B)

LỜI THƯA

Kính thưa bà con đồng tộc dòng họ Đinh Nho!

Việc cúng tế có thể được xem như là việc hệ trọng nhất trong tất cả các hoạt động của các dòng tộc hằng năm. Việc thực hành nghi lễ cúng tế là nhằm thể hiện sự tôn kính và biết ơn của các thế hệ con cháu đối với các đấng liệt tổ, liệt tông. Dịp cúng tế cũng là dịp để con cháu đồng tộc khắp mọi miền quần tụ, nhận họ nhận hàng để ngày càng thắt chặt hơn thêm mối liên hệ tình cảm máu mủ ruột rà. "Một giọt máu đào hơn ao nước lã", tất cả chúng ta đều từ chung một Cụ Tổ mà ra!

Ngoài ra, cúng tế cũng là những dịp quan trọng để giáo dục các thế hệ trẻ trong dòng tộc biết hướng về nguồn cội, hiểu biết về gốc gác, lịch sử dòng tộc, để mà kính nhớ, để mà tự hào, để mà đoàn kết, để mà gìn giữ và phát huy truyền thống cha ông. Cổ nhân nói "Chim có tổ, người có tông" là vậy!

Mấy chục năm qua, vị tộc trưởng đáng kính của Đinh Nho đại tôn chúng ta, cố Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ đương thời đã luôn dành hết tâm trí của mình mà chăm lo việc họ, trong đó có việc gìn giữ và thực hành đầy đủ, uy nghiêm, trang trọng, tôn kính những nghi thức của nghi lễ cúng tế hằng năm mà cha ông truyền lại.

Nay Tộc trưởng đời thứ 19 Đinh Hải Quân đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Malaysia), việc họ nói chung và việc

cúng tế nói riêng chỉ có thể chỉ đạo từ xa, còn việc thực hành trông cậy vào những thành viên trong Ban Tộc biểu đang sinh sống và làm việc ở quê nhà cùng với bà Tộc trưởng đời thứ 18.

Để việc thực hành những nghi thức của nghi lễ cúng tế được thuận lợi, dễ hiểu và dễ dàng thực hiện, trên cơ sở những tài liệu mà cố Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ truyền lại, Tộc trưởng Đinh Hải Quân đã giao cho chúng tôi biên tập, biên soạn lại. Và đó cũng là lý do chính để chúng tôi xuất bản cuốn sách này.

Cuốn sách gồm 2 phần:

- *Phần I. Lịch sử dòng họ & chuyện về những bậc danh nhân dòng họ Đinh Nho.*

- *Phần II. Văn cúng Tổ.*

Đầu tiên để giúp cho bà con đồng tộc cũng như các thế hệ con cháu mai sau có cái nhìn hệ thống mà hiểu hơn về tổ tiên, cha ông mình, ngoài các thông tin đã có trong gia phả, chúng tôi thiết nghĩ cần phải biên soạn *Phần I. Lịch sử dòng họ & chuyện về những bậc danh nhân dòng họ Đinh Nho.*

Ở phần này, chúng tôi xen kẽ những sự kiện lịch sử của dòng họ là những câu chuyện lịch sử truyền miệng trong dòng tộc, trong dân gian. Do vậy, có thể còn có những dị bản khác nhau, cũng như thiếu đi phần nào sự chính xác của sự thật lịch sử mà thực tế rất khó có thể kiểm chứng. Và dĩ nhiên, trong khi biên soạn *Phần I* của cuốn sách, ngoài các bản gia phả của dòng họ:

- Ông Đinh Nho Khiêm, đời thứ 18A, cháu nội cụ Đinh Nho Dật cung cấp qua mạng Internet: Bản scan *Hương Yên phổ tự* bằng chữ Quốc ngữ do cụ Đinh Nho Dật viết tay. Và, bản scan *Hương Yên phổ tự* bằng chữ Quốc ngữ do cụ

Đinh Nho Chú, em trai của cụ Đinh Nho Dật chép tay lại bản của cụ Đinh Nho Dật có bổ sung thêm một số thông tin ở phần *Phụ lục*.

- Bà Đinh Thị Hiếu, đời thứ 17A cung cấp qua mạng Internet: Bản scan *Gia phả dòng họ Đinh Nho* - bản năm 2020.

Chúng tôi cũng đã tham khảo nhiều nguồn tài liệu, trong đó có các bài viết trên các trang mạng Internet của các tác giả Tống Trần Tùng, Phạm Quang Ái, Nguyễn Thị Lâm, Đinh Nho Chương, Đinh Nho Anh, Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ...

Chúng tôi cũng đã đưa thêm vào *Phần I* của cuốn sách này một số bài báo trên báo mạng nói về những tấm gương học tập, luyện rèn và thành đạt của một số bà con trong họ ta ngõ hầu giúp các thế hệ trẻ trong dòng tộc lấy đó để mà tự hào và để mà noi gương. Dĩ nhiên, đấy chỉ là những ví dụ điển hình mà chúng tôi biết, bởi chúng tôi chưa có điều kiện cập nhật hết được do dòng họ chúng ta bây giờ đã lớn rộng, nhiều nhánh, nhiều chi. Trong họ đấy mà hầu như chẳng biết nhau. Do vậy, nghe, đọc trên thông tin đại chúng thấy có những tấm gương mang họ Đinh Nho, nhưng không biết có phải cùng gốc gác của họ ta hay không. Mặt khác, rất nhiều người họ Đinh Nho nhưng họ và tên lại không có chữ Đinh Nho, như bản thân họ tên chúng tôi - người soạn sách này cũng vậy.

Cuối *Phần I.* chúng tôi in thêm bản ký âm ca khúc *Khúc ca dâng hương từ đường dòng họ Đinh Nho* do chúng tôi sáng tác.

Sau đó trong *Phần II. Văn cúng Tổ*, chúng tôi trình bày cụ thể về các nghi thức cúng tế.

Trong *Phần II* của cuốn sách, chúng tôi đã tham khảo thêm các tài liệu liên quan đến việc cúng tế trên mạng Internet, trên sách vở, tham khảo ý kiến của các Tiến sĩ Hán Nôm

Nguyễn Xuân Diện, Nguyễn Quốc Khánh; các ông Tống Trần Tùng, Đinh Quang Tích, Lê Công Sĩ (ông Tống Trần Tùng là phó giáo sư, tiến sĩ nhưng là ngành giao thông vận tải, không phải là nghành Hán Nôm, mặc dù kiến thức Hán Nôm của ông rất uyên thâm).

Các bài văn cúng tế tổ tiên theo truyền thống sử dụng âm Hán Việt. Do vậy, hầu hết bà con và các thế hệ cháu con sau này đọc hay nghe đều không hiểu nội dung. Để khắc phục tình trạng này, chúng tôi đã cố gắng dịch nghĩa rõ ràng ra Việt ngữ phổ thông để ai ai cũng có thể tỏ tường.

Bản thảo của toàn bộ cuốn sách trước khi in chính thức đã được tiếp thu ý kiến rộng rãi của bà con đồng tộc và cũng đã được Tộc trưởng đời thứ 19 chính thức thông qua.

Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, cúi mong bà con đồng tộc rộng lòng mà thể tất cho và xin tiếp tục góp ý để chúng tôi kịp thời chỉnh lí, bổ sung để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Và qua đây cũng xin mạo muội có đôi lời rằng. Kể từ Thủy tổ Đinh Phúc Diên vào đất Hương Sơn lập nghiệp, trong khoảng từ năm 1543 - 1546, đến nay, năm 2023, là đã gần 500 năm và 20, 21 đời liên tục kế tiếp. Dòng họ Đinh Nho chúng ta là dòng họ lớn, có truyền thống lịch sử vẻ vang. Không những chỉ xưa mà hiện nay bà con đồng tộc ta cũng nhiều người thành đạt. Thật đáng tự hào! Nhưng càng tự hào về tổ tiên, dòng tộc bao nhiêu thì mỗi người trong chúng ta cũng càng cần phải nỗ lực cố gắng nhiều hơn trong học tập, trong tu dưỡng, rèn luyện và trong lao động sản xuất cũng như mọi mặt của đời sống để không hổ thẹn với tiền nhân. Tự hào chứ không tự mãn, chúng ta không thể cứ mãi ngồi gặm nhấm hào quang quá khứ của

cha ông mà cần phải nỗ lực tự vươn lên. Và, nếu có thể, cần đoàn kết, tạo điều kiện giúp đỡ nhau để cùng phát triển. Mong rằng các thế hệ luôn tu tâm dưỡng trí, giữ vững cốt cách của người xưa để mãi mãi: "*Đinh tộc nghìn thu ngời vẻ ngọc/ Gia phong muôn thuở rạng danh vàng!*". Được vậy, tổ tiên ta chắc hẳn cũng ấm lòng.

Các bài báo, bài viết chúng tôi khai thác thông tin hoặc trích dẫn, hoặc đăng lại trong sách này, chúng tôi chưa có điều kiện xin phép, cảm ơn riêng từng tác giả được, rất mong được các tác giả lượng thứ.

Ngoài bà con nội ngoại tộc dòng họ Đinh Nho, cuốn sách này hi vọng còn là tài liệu tham khảo bổ ích, lý thú cho bạn bè gần xa.

Xin trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI BIÊN TẬP, BIÊN SOẠN

ĐINH TÚ ANH (ĐỜI THỨ 17B)

Phần I.

LỊCH SỬ DÒNG HỌ & CHUYỆN VỀ NHỮNG BẬC DANH NHÂN DÒNG HỌ ĐINH NHO

I. GIA PHẢ

Trước khi nói đến lịch sử, những câu chuyện lịch sử dòng họ, cần phải nói đến gia phả. Bởi, gia phả chính là sách sử chính thống của một gia tộc, của một dòng họ. Do vậy, đây có thể được xem như là tài liệu gốc, tài liệu quan trọng nhất để dựa vào đó mà kể sử của một gia tộc, một dòng họ vậy.

Trừ gia phả của những gia tộc, những chi họ mới hình thành sau này, còn gia phả gốc của các dòng họ lớn, lâu đời (dòng tộc đại tôn) thì hầu như dòng họ nào cũng thế, việc ghi chép gia phả đều muộn hơn việc phát tích dòng họ đó đến cả hàng trăm năm.

Họ Đinh Nho ta cũng không ngoại lệ. Kể từ cụ Sơ tổ (thủy tổ - người tổ đầu tiên) Đinh Phúc Diên của họ Đinh Nho ta về An Ấp, Hương Sơn lập nghiệp (khoảng 1543 - 1546) thì mãi đến đời thứ 8, Cụ tổ Thượng Bảo Tự khanh Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn (1671 - 1715) mới chính thức lập gia phả. Nói chính thức là bởi trước đó có thể đã có những ghi chép vụn vặt hoặc có những tài liệu có tính chất gia phả được lưu giữ lại. Nhưng cuốn gia phả đó chẳng may bị cháy. Con rể Cụ tổ Đinh Nho Hoàn là Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường (1681 - 1735) người làng Trung

Cần (nay là xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An) bèn ghi chép lại gia phả họ Đinh ta, lấy tên là *Đinh phổ lược sao*.

Đến đời thứ 12, cụ tổ là Tộc trưởng Triều Liệt Đại phu Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Đinh Thái Lãng (1754 - 1809) mới sưu tầm tài liệu trong bia đá, giấy in, tham khảo *Đinh phổ lược sao* của Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường, thu góp ý kiến của các cụ già mà biên soạn lại gia phả với tên gọi là *Hương Yên phổ tự* bằng chữ Hán (chữ Nho) viết tay, có bài tựa viết năm Ất Mão (1795) của Tiến sĩ Phan Bảo Định (1747 - 1826), người Yên Đồng, Đức Thọ, Hà Tĩnh. Tiến sĩ Phan Bảo Định là con rể của Cụ tổ đời thứ 10, Tộc trưởng, Hoàng Tín Đại phu, Thái Bộc Tự Khanh, Văn Lĩnh Hầu Đinh Nho Tể (1705 - 1765). Cuốn *Hương Yên phổ tự* này về sau cũng bị thất lạc nhưng rất may, Tiến sĩ Đinh Nhật Thận, người họ Đinh ở Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An đã kịp chép lại từ bản gốc, và đến nay họ Đinh ở đây vẫn còn giữ được và đã photocopy cho họ Đinh Nho ta 1 bản (sẽ nói tiếp ở đoạn sau).

Cuối thế kỷ XIX, cụ tổ đời thứ 14 của họ ta là Tuần phủ hưu trí Đinh Nho Quang (hiệu Bảo Hiên) viết lại *Hương Yên phổ tự*. Theo lời bạt do chính cụ Đinh Nho Quang (1831 - 1907) viết năm Mậu Tuất, niên hiệu Thành Thái thứ 10, sau ngày Lập xuân (1898) thì quyển này chép tiếp quyển *Thế thứ lược sao* của một tộc thúc (tộc thúc tức là 1 nhánh tộc trong họ ta, không phải dòng trưởng), có bổ sung và ghi chú rõ ràng hơn. Nội dung cũng chính là *Hương Yên phổ tự* của Cụ tổ Đinh Thái Lãng và bổ sung thêm những đời về sau.

Hương Yên phổ tự của Cụ tổ Đinh Nho Quang nguyên được viết bằng chữ Hán (chữ Nho). Khoảng năm 1926 - 1927, Cụ tổ đời thứ 15 Đinh Nho Tuyên, chắt nội của Cụ tổ Tộc trưởng Triều Liệt Đại phu Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Đinh

Thái Lãng dịch *Hương Yên phổ tự* của Cụ tổ Đinh Nho Quang ra chữ Quốc ngữ. Tiếp đó, cụ Đinh Nho Dật, đời thứ 16, cháu nội Cụ tổ Tuần phủ Đinh Nho Quang tu chỉnh lại những phần đã dịch, và nhờ cụ Phó bảng Nguyễn Cự dịch thêm những bài văn bia, văn tế, những bài thơ, bài ca, đồng thời chụp lại một số bia ở Văn miếu mà hoàn chỉnh quyển *Hương Yên phổ tự* bằng chữ Quốc ngữ.

Trong thời gian Cải cách ruộng đất (1954 - 1956), gia phả (*Hương Yên phổ tự*) lại bị thất lạc. Đến khi tìm lại được thì tranh ảnh, giấy tờ bị mất mát và rách đi nhiều. Cụ Đinh Nho Dật, đời thứ 16 lại phải dò dẫm, tra cứu, tìm hiểu nơi này, nơi khác mới viết lại được những phần đã mất. Và, gia phả đã được phục hồi gần như cũ. Trong bản phục hồi này có cả bản dịch bài tựa của Tiến sĩ Phan Bảo Định trong cuốn *Hương Yên phổ tự* của cụ Triều Liệt Đại phu Đinh Thái Lãng, có cả bản dịch lời bạt của Tuần phủ Đinh Nho Quang kể trên.

Nhận thấy gia phả có thể bị thất lạc và khi đã thất lạc thì việc viết lại rất khó khăn và mất nhiều công sức, và còn có thể bị sai lệch, do vậy năm 1988, cụ Đinh Nho Chú (1922 - 1997), em trai cụ Đinh Nho Dật đã sao chép lại cuốn gia phả mà cụ Đinh Nho Dật đã viết.

Năm 2000, Ban soạn thảo gia phả dòng họ Đinh Nho (chủ biên là Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ) đã dựa chính vào *Hương Yên phổ tự* - bản chữ Quốc ngữ của cụ Đinh Nho Dật phục hồi, kết hợp với các tư liệu như sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, sách *Danh nhân văn hóa Việt Nam*, hiện vật lưu giữ tại Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh và các tư liệu in hay chép tay của các tiểu chi, các bản kê khai của các gia đình trong họ mà tập hợp lại và soạn thành tập gia phả đặt tên là *"Gia phả họ Đinh Nho ở Hương Sơn"*.

Năm 2008, một số bà con chi họ Đinh ở xã Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An sang nhà thờ họ Đinh Nho ta nhận họ, mang theo cuốn gia phả gốc của chi họ Đinh ở đây bằng chữ Hán (chữ Nho). Cuốn gia phả này do Tiến sĩ Đinh Nhật Thận (1815 - 1866) khởi soạn, có phần đầu được chép từ *Hương Yên phổ tự* của Cụ tổ Đinh Thái Lãng (trong cuốn gia phả Tiến sĩ Đinh Nhật Thận có nói rõ việc này). Tiếp đó, nhân dịp sang dự lễ giỗ tổ ngày mồng 9 tháng Giêng năm Canh Dần (2010), đoàn đại biểu đại diện cho chi họ Đinh ở xã Thanh Liên gồm 10 người do ông Đinh Viết Hiểu làm đại diện đã tặng cho họ ta bản photocopy cuốn gia phả này. Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ đã nhờ ông Nguyễn Xuân Triêm người xã Sơn An (nay là xã An Hòa Thịnh) dịch ra chữ Quốc ngữ.

Đến các năm 2010, 2020, nghĩa là sau mỗi 10 năm kể từ năm soạn thảo cuốn gia phả dòng họ Đinh Nho năm 2000, Ban soạn thảo (chủ biên vẫn là Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ) tiếp tục hiệu đính, bổ sung, cập nhật các thông tin mới và gửi đến toàn thể con cháu trong dòng họ bằng các bản in hay các file mềm gửi qua mạng Internet.

Như vậy, có thể nói rằng, mặc dầu cuốn gia phả đầu tiên của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn bị thất truyền, nhưng nhờ kịp thời có *Đinh phổ lược sao* của con rể cụ Đinh Nho Hoàn, tức của Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường và kế thừa, cập nhật của các cụ tổ Đinh Thái Lãng, Đinh Nho Quang, Đinh Nho Dật; các bản ghi chép của các gia đình, các tiểu chi trong dòng họ; các hiện vật như nhà thờ, các đền thờ, các bia đá, khánh đá; sử sách chính thống của các triều đại... mà lịch sử của tổ tiên ta được sáng rõ. Tuy nhiên, theo chúng tôi, cuốn gia phả năm 2020 vẫn còn có một số lỗi nhất định về in ấn và về cập nhật thông tin khó có thể tránh khỏi. Do vậy, vẫn còn đôi chỗ chưa được chính xác,

Năm 2008, một số bà con chi họ Đinh ở xã Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An sang nhà thờ họ Đinh Nho ta nhận họ, mang theo cuốn gia phả gốc của chi họ Đinh ở đây bằng chữ Hán (chữ Nho). Cuốn gia phả này do Tiến sĩ Đinh Nhật Thận (1815 - 1866) khởi soạn, có phần đầu được chép từ *Hương Yên phổ tự* của Cụ tổ Đinh Thái Lãng (trong cuốn gia phả Tiến sĩ Đinh Nhật Thận có nói rõ việc này). Tiếp đó, nhân dịp sang dự lễ giỗ tổ ngày mồng 9 tháng Giêng năm Canh Dần (2010), đoàn đại biểu đại diện cho chi họ Đinh ở xã Thanh Liên gồm 10 người do ông Đinh Viết Hiểu làm đại diện đã tặng cho họ ta bản photocopy cuốn gia phả này. Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ đã nhờ ông Nguyễn Xuân Triêm người xã Sơn An (nay là xã An Hòa Thịnh) dịch ra chữ Quốc ngữ.

Đến các năm 2010, 2020, nghĩa là sau mỗi 10 năm kể từ năm soạn thảo cuốn gia phả dòng họ Đinh Nho năm 2000, Ban soạn thảo (chủ biên vẫn là Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ) tiếp tục hiệu đính, bổ sung, cập nhật các thông tin mới và gửi đến toàn thể con cháu trong dòng họ bằng các bản in hay các file mềm gửi qua mạng Internet.

Như vậy, có thể nói rằng, mặc dầu cuốn gia phả đầu tiên của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn bị thất truyền, nhưng nhờ kịp thời có *Đinh phổ lược sao* của con rể cụ Đinh Nho Hoàn, tức của Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường và kế thừa, cập nhật của các cụ tổ Đinh Thái Lãng, Đinh Nho Quang, Đinh Nho Dật; các bản ghi chép của các gia đình, các tiểu chi trong dòng họ; các hiện vật như nhà thờ, các đền thờ, các bia đá, khánh đá; sử sách chính thống của các triều đại... mà lịch sử của tổ tiên ta được sáng rõ. Tuy nhiên, theo chúng tôi, cuốn gia phả năm 2020 vẫn còn có một số lỗi nhất định về in ấn và về cập nhật thông tin khó có thể tránh khỏi. Do vậy, vẫn còn đôi chỗ chưa được chính xác,

tuy là không cơ bản. Mong rằng cuốn gia phả cập nhật lại lần sau sẽ khắc phục được những hạn chế này.

Không những ghi chép cẩn thận gia phả mà có lẽ, hiếm có dòng họ đại tôn nào ở nước ta cho đến nay, đã trải mấy trăm năm vẫn còn giữ được nguyên vẹn mộ Tổ mẫu (mẹ của cụ tổ đầu tiên), mộ của cụ tổ đầu tiên và hầu như nguyên vẹn mộ của các cụ tổ kế tiếp và cho đến nay.

II. TỔ MẪU VÀ 4 ANH EM

1. Tổ mẫu và 4 anh em

Gia phả và những câu chuyện truyền miệng truyền đời trong dòng họ Đinh Nho chỉ nói là Thủy tổ Đinh Phúc Diên cùng mấy anh em (không nêu cụ thể là có 4 anh em) thuộc dòng dõi Tướng quân Đinh Điền, một trong 4 thuộc tướng tâm phúc của Vua Đinh Bộ Lĩnh (Đinh Tiên Hoàng) từ Gia Viễn, Ninh Bình chạy loạn nhà Mạc về châu Hoan (tức xứ Nghệ, tức Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay) và tỏa ra các nơi mà không nhắc gì đến Tổ mẫu Hoàng Quý thị cũng như tên tuổi, nơi định cư lập nghiệp của từng người anh em cụ thể. Cũng không nói gì đến việc trong mấy anh em có 1 người trở ra Bắc. Câu chuyện từ dòng họ Đinh Văn ở Kim Khê, Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An thì chi tiết, cụ thể hơn, nói rõ là Tổ mẫu Hoàng Quý thị và 4 anh em cũng như từng nơi mà mỗi người sẽ đến an cư. Tuy nhiên lại không nói là từ Gia Viễn, Ninh Bình mà chỉ nói là từ phía Bắc chạy vào. Nhưng các đôi câu đối của Hoàng giáp Đinh Văn Chấp (1882 - 1953), là người họ Đinh ở Kim Khê, Nghi Long phụng cúng ở các nhà thờ họ Đinh ở Đức Thủy, Đức Thọ; họ Đinh ở Đức Nậm, Nam Đàn lại nhắc đến địa danh Gia Viễn. Từ các thông tin mà tổ tiên truyền lại, các dòng họ Đinh được cho là có các thủy tổ là anh em ruột của nhau đã tìm kiếm

nhau, liên lạc, kết nối và chắp nối các câu chuyện trong gia phả, trong dòng họ của mình với các dòng họ liên quan thành câu chuyện chung dưới đây.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê. Bốn anh em ruột nhà họ Đinh có nguồn gốc dòng dõi từ Ngoại giáp Đinh Điền, 1 trong 4 thuộc tướng tâm phúc của Vua Đinh Bộ Lĩnh gồm, anh cả là Đinh Phúc Diên, anh thứ hai là Đinh Phúc Tiên, anh thứ ba là Đinh Phúc .... (hiện nay chưa rõ tên) và anh thứ tư là Đinh Phúc An đều đang làm quan cho nhà Lê cùng đưa gia quyến và mẹ già là Hoàng Quý thị chạy loạn từ phía Bắc (gia phả họ Đinh Văn ở Nghi Long, Nghi Lộc ghi là từ phía Bắc, gia phả dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn thì ghi là từ Gia Viễn) vào thôn Thu Lũng, xã Hiếu Hợp (nay là xã Nghi Thu thuộc thị xã Cửa Lò) dừng chân làm nhà ở bên hồ bán nguyệt (trước chùa Hiếu Hợp ngày nay).

Một hôm bà Hoàng Quý thị đi giặt quần áo chẳng may sẩy chân chết đuối ở hồ bán nguyệt (không rõ ngày, tháng, năm mất). Ngày chôn cất bà xong thì đến đêm hôm ấy, trời bỗng nổi mưa to, gió lớn, đất cát trôi đến vùi lấp ngôi mộ thành một ngôi mộ lớn. Nhân dân trong vùng cho rằng đây là ngôi mộ được trời táng và coi là rất linh thiêng.

Sau khi lo tang gia cho mẹ xong, bốn anh em bàn nhau, nếu cứ ở một chỗ sẽ không có lợi. Do vậy, họ đã phân công nhau đưa gia quyến phân tán ra các miền.

- Anh cả Đinh Phúc Diên về sau đưa gia quyến về An Ấp, Hương Sơn và trở thành đấng tổ đầu (thủy tổ) của dòng họ Đinh Nho tại đây;

- Anh thứ hai Đinh Phúc Tiên cùng gia quyến ở lại chăm sóc phần mộ của mẹ và trở thành đấng tổ đầu của dòng họ Đinh Văn ở Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An;

- Anh thứ ba Đinh Phúc ...(đến nay chưa rõ tên) cùng gia quyến về thôn Đông Khê, xã Cổ Ngu, huyện La Sơn, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An (nay là làng Đông Khê, xã Đức Thủy, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh) và trở thành đấng tổ đầu của dòng họ Đinh Trọng ở đây. Đến đời thứ 9 trở đi thì đổi thành Đinh Văn.

- Anh thứ tư Đinh Phúc An trở ra Bắc nghe ngóng tình hình để có gì còn thông tin cho các anh được biết.

Hiện 3 dòng họ Đinh của ba anh em gồm anh cả, anh thứ hai và anh thứ ba đã kết nối, đi lại. Còn anh thứ tư, theo ông Đinh Văn Ngư (là người thuộc dòng họ Đinh Văn ở Nghi Long) thì dòng họ Đinh Văn ở Nghi Long khẳng định chắc chắn rằng, là cụ Đinh Phúc An, tiên tổ của dòng họ Đinh ở Hàm Giang, Cẩm Giàng, Hải Dương (Hàm Giang sau đổi thành Hàn Giang và nay là phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). Tuy nhiên, gia phả và các câu chuyện truyền đời trong dòng họ Đinh ở Hàm Giang lại là, dòng họ Đinh ở đây là hậu duệ của Tướng quân Đinh Điền, và đã lánh nạn về Hàm Giang lập nghiệp từ ngay sau khi Đinh Điền đánh nhau với Lê Hoàn bị tử trận (Đinh Điền, 924 - 979). Và ở họ cũng không có bất cứ thông tin gì liên quan đến việc Cụ tổ Đinh Phúc An của họ cùng với các anh em khác đã từng chạy loạn vào châu Hoan (tức Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay). Do vậy, họ Đinh ở Hàm Giang và 3 nhánh họ còn lại chưa đủ cơ sở để nhận họ nhận hàng.

2. Việc kết nối các nhánh họ

Ngay từ thời xa xưa, các dòng họ (các nhánh họ) Đinh gồm: Đinh Nho ở Hương Sơn, Đinh Văn ở Nghi Long, Nghi Lộc và họ Đinh ở Đức Thủy, Đức Thọ đã qua lại nhận họ, nhận

hàng và đi lại dự giỗ tổ lẫn nhau. Khoảng sau năm 1945 do thời cuộc thay đổi nên việc đi lại bị gián đoạn. Những năm sau này, các ban tộc biểu của các nhánh họ đã kết nối việc đi lại và đến năm 2017 thì thành lập ban liên lạc chung và cùng nhau góp công, góp sức sửa sang, tôn tạo nâng cấp khu mộ gồm mộ Tổ mẫu Hoàng Quý thị cùng với mộ người anh thứ hai là Đinh Phúc Tiên và lập văn bia tại đây với tiêu đề là: *"Bia ghi danh và sơ lược quá trình phát triển dòng họ của bốn anh em con Tổ mẫu"*.

Sinh thời Hoàng giáp Đinh Văn Chấp (1882 - 1953) họ Đinh Văn ở Nghi Long cũng đã về đi lễ nhà thờ họ Đinh Nho ở Hương Sơn và phụng cúng đôi câu đối:

譜存本何敢忘驩爰二州經世代

族同地亦非異鴻藍千古一江山

Phả tồn bản, hà cảm vong, Hoan Ái nhị châu kinh thế đại

Tộc đồng địa, diệc phi dị, Hồng Lam thiên cổ nhất giang sơn

(Đôi câu đối này trong nhà thờ họ Đinh Nho hiện nay không còn bản gốc, chỉ có bản phục chế bằng chữ Hán (chữ Nho) nhưng 2 chữ: Hồng Lam **鴻藍** được khắc ngược lại thành: Lam Hồng **藍 鴻**)

Ông Tống Trần Tùng dịch:

Phả còn gốc, quên được sao, Hoan Ái hai châu bao thế thứ

Họ trong vùng, đâu xa lạ, Hồng Lam muôn thuở một giang sơn.

Hương Yên phổ tự dịch:

Gia phổ còn gốc há dám quên, Hoan Ái hai châu bao thế đại

Họ đã cùng đất cũng chẳng khác, Lam Hồng muôn thưở một giang sơn.

"Phả còn gốc há dám quên.../ Họ cùng đất cũng chẳng khác...". Vâng! Gia phả dòng tộc còn gốc ở đó làm sao mà quên

được? Và họ hàng vẫn ở trong vùng đây, có xa lạ gì đâu? Đôi câu đối đã khẳng định rằng, họ Đinh Nho ở Hương Sơn và họ Đinh Văn ở Nghi Long là cùng chung một cội.

Dòng họ Đinh ở Đức Thủy, Đức Thọ, Hà Tĩnh từ xa xưa đến nay vẫn truyền đời lời dặn dò của tổ tiên, rằng: *"Họ Đinh chúng ta và họ Đinh Nho ở Hương Sơn không được lấy nhau vì cùng là anh em".*

Còn đối với họ Đinh ở Hàm Giang (sau này đổi thành Hàn Giang và bây giờ thuộc phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương):

- Theo ông Đinh Văn Ngư, là người họ Đinh Văn ở Nghi Long thì anh của ông ấy ở Hà Nội đã đến Hàm Giang (tức đến phường Quang Trung, thành phố Hải Dương) làm việc với họ Đinh ở Hàm Giang, nhưng thông tin trong gia phả của họ Đinh ở đây khác với thông tin trong gia phả của họ Đinh ở Nghi Long. Do vậy, chưa đủ cơ sở để hai bên kết nối.

- Ngoài ra, Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ họ ta cũng đã có 2 cuộc tiếp xúc với ông Đinh Gia Vĩnh, đại diện cho họ Đinh ở Hàm Giang và là Trưởng Ban liên lạc họ Đinh tỉnh Hải Dương. Trong các buổi tiếp xúc, hai bên đã trao đổi các thông tin trong các gia phả với nhau và cũng thấy chưa có đủ cơ sở để kết luận là 2 dòng họ Đinh có mối liên quan với nhau. Hai cuộc tiếp xúc đó là:

+ Theo ông Đinh Văn Ngư (họ Đinh Văn, Nghi Long), nhân chuyến ông Đinh Gia Vĩnh vào dự lễ thành lập Ban liên lạc họ Đinh Quảng Bình (năm 2014), ông Vĩnh có ghé dâng hương tại nhà thờ họ Đinh Nho ta. Cuộc gặp và trao đổi với Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ họ ta này có ông Đinh Văn Ngư chứng kiến.

+ Theo ông Đinh Nho Công (hậu duệ dòng họ Đinh Nho, đời thứ 17B) thì năm 2018, Nhà nước ta tổ chức kỷ niệm 1050 năm thành lập Nhà nước Đại Cồ Việt tại Ninh Bình, Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ ra dự và đã gặp ông Đinh Gia Vĩnh ở đó. Cuộc gặp và trao đổi này có ông Đinh Nho Công chứng kiến.

Ông Đinh Văn Ngư (họ Đinh Văn, Nghi Long) cung cấp thêm các thông tin sau:

"Căn cứ vào bút tích của Tiến sĩ Đinh Văn Chất (1843 - 1887) và Hoàng giáp Đinh Văn Chấp (1882 - 1953), từ khi vào đất Nghi Lộc, khi cuộc sống gia đình đã bắt đầu ổn định, ngài Thủy tổ Đinh Phúc Tiên đã cho con trai của ngài là ngài Đinh Phúc Hân chép nhật ký gia đình.

(Tiến sĩ Đinh Văn Chất và Hoàng giáp Đinh Văn Chấp là 2 cha con cùng đậu đại khoa, cũng giống với họ Đinh Nho ta, Tiến sĩ Đinh Nho Công và Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn là 2 cha con cùng đậu đại khoa, chúng tôi - người soạn sách này ghi chú).

Năm Canh Ngọ (1630), niên hiệu Đức Long năm thứ 2, đời vua Lê Thần Tông, ngài Đinh Phúc Thượng chép lại gia phả và chép tiếp đến đời thứ 3.

Năm Canh Thìn (1700), niên hiệu Chính Hòa năm thứ 21, đời vua Lê Hy Tông, các ngài Đinh Văn Quận, Đinh Văn Đồng chép lại gia phả và chép tiếp đến đời thứ 5.

Năm Ất Dậu (1765), niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 26, đời vua Lê Hiển Tông, các ngài Đinh Văn Tín, Đinh Gia Thái, Đinh Văn Thực chép lại gia phả và chép tiếp đến đời thứ 7.

Năm Bính Tuất (1826), niên hiệu Minh Mạng năm thứ 7, các ngài Đinh Trần Khanh, Đinh Văn Nhuận, Đinh Văn Kế, Đinh Văn Bâng chép lại gia phả và chép tiếp đến đời thứ 8.

Năm Canh Thìn (1880), niên hiệu Tự Đức năm thứ 33, các ngài Đinh Văn Chất, Đinh Văn Tương, Đinh Văn Hào, Đinh Văn Hiềng chép lại gia phả và chép tiếp đến đời thứ 9.

Năm 1940, các ngài Đinh Văn Chấp, Đinh Văn Thụ, Đinh Văn Tứ, Đinh Văn Phổ, Đinh Lê Huy chép lại gia phả và chép tiếp đến đời thứ 11. Sau đó, dịch ra chữ Quốc ngữ và giao cho các chi họ trong dòng họ Đinh Văn ở Nghi Long mỗi chi giữ 1 bản.

Nhưng rất tiếc, tất cả các bản gia phả nêu trên đến nay đều đã không còn. Ngoại trừ, một bản chữ Quốc ngữ rách nát do Tộc trưởng Đinh Văn Tửu giao lại năm 1983 và một bản mất phần đầu, mất phần cuối, chỉ còn đoạn giữa do ông Đinh Văn Diệu giao lại năm 1990. Căn cứ vào 2 bản được giao lại này và sau khi nghiên cứu thêm gia phả của các dòng họ Đinh liên quan khác, ông Đinh Văn Niêm, hậu duệ đời thứ 14 đã viết lại cuốn gia phả dòng họ Đinh Văn ở Kim Khê, Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An và hoàn thành ngày 10/6/1999 tại Hà Nội và đã được bà con trong họ đánh giá là hoàn toàn chính xác.

Theo cuốn gia phả họ Đinh Văn ở Kim Khê, Nghi Long năm 1999 nêu trên thì:

Những năm 1933 đến 1938, ngài Đinh Văn Chấp làm án sát tỉnh Hà Tĩnh đã về nhà thờ họ Đinh Nho nhận họ và phụng cúng đôi câu đối:

"Phả tồn bản, hà cảm vong, Hoan Ái nhị châu kinh thế đại

Tộc đồng địa, diệc phi dị, Hồng Lam thiên cổ nhất giang sơn"

(Đôi câu đối này đã được nêu ở phần trên - chúng tôi, người soạn sách này ghi chú).

Ngài cũng đã đến nhận họ ở nhà thờ họ Đinh ở Đức Thủy và phụng cúng đôi câu đối:

"Gia Viễn căn cơ hoa động Bắc

Kim Khê phái dẫn trúc giang Nam"

(Nghĩa chữ Hán nghĩa ở chữ chứ không phải nghĩa ở âm đọc, do vậy không có chữ Hán mà chỉ có âm Hán Việt nên việc dịch khó có thể chính xác, tuy nhiên theo ngữ cảnh, chúng tôi - người soạn sách này có thể đoán ý của đôi câu đối này là:

Gia Viễn khi xưa nương tựa vào hoa động Bắc

Kim Khê ngày nay dòng chảy theo trúc sông Nam)

Và ngài cũng đã đến nhận họ ở nhà thờ họ Đinh ở Nam Đàn và phụng cúng đôi câu đối:

"Gia Viễn Kim Khê lai dạ cửu

Nam Đàn Đức Nậm dẫn chi tràng".

(Nghĩa, chúng tôi - người soạn sách này tạm đoán, dịch:

Dòng họ Đinh Văn ở Kim Khê đến từ Gia Viễn từ xa xưa,

Chi họ Đinh Văn ở Đức Nậm Nam Đàn dẫn đến muôn đời không dứt).

Như đã nói ở phần trên, các đôi câu đối này đều nêu địa danh là Gia Viễn, phù hợp với gia phả dòng họ Đinh Nho, nói rằng, họ Đinh Nho có gốc từ miền Gia Viễn.

Họ Đinh Văn ở Đức Nậm, Nam Đàn trong câu đối nêu trên là chi nhánh của họ Đinh Văn ở Kim Khê, chúng tôi sẽ nói ở phần dưới đây, phần nói về họ Đinh Văn ở Nghi Long.

Còn phần nói về cụ Đinh Phúc An trong gia phả dòng họ Đinh Văn ở Kim Khê mà ông Đinh Văn Ngư cung cấp cũng trùng với văn bia được lập ở Nghi Long chúng tôi trích dẫn ở phần nói về họ Đinh ở Hàm Giang. Do vậy, chúng tôi không trích dẫn thêm ở đây vì dẫn đến trùng lặp.

Ông Đinh Văn Ngư còn cho biết thêm:

"Thời cụ Đinh Nho Bằng làm tri huyện Nam Đàn có vào nhà thờ họ Đinh Văn ở Đức Nậm, Nam Đàn dự tế tổ vào dịp rằm tháng Giêng.

Khi cụ đến, họ Đinh ở đây trải chiếu từ ngoài ngõ để cụ đi vào. Nhưng cụ bảo mọi người cuộn chiếu lại. Cụ nói: "Đây là con cháu vào tế tổ chứ có phải việc quan đâu".

Khi cụ làm tri huyện Nam Đàn dân tình ca ngợi: "Văn kỳ thanh, kiến kỳ hình Đinh Nho Đại nhân".

(Chúng tôi - người soạn sách này tạm dịch nghĩa: Lấy ý từ câu *Văn kỳ thanh, bất kiến kỳ hình*" - đã nghe tiếng tốt, tiếng ngợi ca ai đó nhưng chưa từng được gặp mặt để nói thành câu "*Văn kỳ thanh, kiến kỳ hình*" - tức, không những được nghe tiếng tốt, tiếng ngợi ca đại nhân Đinh Nho Bằng mà còn được thấy đại nhân nữa, ý nói cụ không những là người tốt mà còn rất gần gũi với mọi người.

Cụ tổ Đinh Nho Bằng nói trên thuộc đời thứ 15 họ Đinh Nho).

3. Họ Đinh Văn ở Nghi Long

Thủy tổ dòng họ Đinh Nho chúng ta là anh cả. Thủy tổ dòng họ Đinh Văn ở Kim Khê, Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An là anh thứ hai.

Dòng họ Đinh Văn rất rạng rỡ, nhiều người đỗ đại khoa, nhiều người làm quan lớn.

Thủy tổ Đinh Phúc Tiên của họ Đinh Văn sinh giờ Thìn ngày 20/7 năm Đinh Dậu (1477). Cụ đỗ Hương cống (Cử nhân) khoa Bính Thìn niên hiệu Hồng Đức thứ 27 (1496) triều vua Lê Thánh Tông. Được phong Thanh Lại ty Lang Trung Mậu Lâm Lang.

Thanh Lại ty Lang Trung Mậu Lâm Lang là chức quan đứng đầu Thanh Lại ty. Thanh Lại ty là cơ quan dưới cấp bộ (thời xưa có 6 bộ: Bộ Lại, Bộ Lễ, Bộ Hộ, Bộ Binh, Bộ Hình và Bộ Công). Theo sách *Lê triều quan chế* - Viện Sử học và Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội - 1977 thì chức này thuộc hàm chánh lục phẩm. Còn theo trang mạng internet WikipediA, đến thời nhà Nguyễn, chức này lại thuộc hàm chánh tứ phẩm.

Lánh nạn về đây và được mấy anh em phân công ở lại trông coi, chăm sóc phần mộ tổ mẫu ở thôn Thu Lũng, cụ cũng từ bỏ luôn con đường danh lợi. Cụ mất giờ Mão, ngày 15/2 năm Canh Tuất (1550), thọ 74 tuổi.

Nói thêm. Mộ tổ mẫu và mộ cụ thủy tổ họ Đinh Văn Nghi Long ở thôn Thu Lũng, xã Nghi Thu nay đã được di dời về nghĩa trang Kỳ Ông Trường thuộc xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Từ đời thứ 4, 5, 6, họ Đinh Văn ở đây đời nào cũng có con cháu lều chõng đi thi và nhiều người đỗ sinh đồ (tú tài). Sinh đồ Đinh Phúc Hào, đời thứ 4, sau khi thi đỗ, năm 1628, đã về Nam Đàn dạy học và hình thành nên nhánh họ Đinh tại làng Đức Nậm, nay là xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Nơi mà Cụ tổ đời thứ 15 Đinh Nho Bằng họ Đinh Nho ta, khi đang làm tri huyện huyện Nam Đàn đã về đi lễ nhà thờ, đã nói ở phần trên.

Đến đời thứ 7 có cụ nội Tiến sĩ Đinh Văn Chất (Tiến sĩ Đinh Văn Chất đã được nhắc đến ở phần trên) là cụ Đinh Hồng Phiên đỗ hương cống (cử nhân) năm 1783. Hương cống Đinh Hồng Phiên (1764 - 1833), trúng cách tam trường kỳ thi Hội (tương đương phó bảng thời Nguyễn; phó bảng là danh hiệu dưới tiến sĩ nhưng trên cử nhân, tương đương thạc sĩ ngày nay),

giữ chức Toản tu Quốc sử quán cả 2 triều Lê - Nguyễn. Quốc sử quán là cơ quan biên soạn lịch sử. Toản tu là soạn và sửa nội dung, tương đương với chức vụ biên tập viên hiện nay.

Ông nội Tiến sĩ Đinh Văn Chất là Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân Đinh Văn Phác (1790 - 1833), một trong 8 vị tiến sĩ đầu tiên của triều Nguyễn. Bà nội Tiến sĩ Đinh Văn Chất là Nguyễn Thị Tiềm, con gái Đại thi hào Nguyễn Du.

Tiến sĩ Đinh Văn Chất tham gia khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương của Vua Hàm Nghi, sau bị quân Pháp bắt được, bị giao cho triều đình xử tội. Dưới áp lực của người Pháp, triều đình Đồng Khánh khép ông tội khi quân và hạ chiếu tru di tam tộc. Ông bị chặt đầu bêu xác ngày 17 tháng Mười năm Đinh Hợi, tức ngày 28/11/1887.

Em trai Đinh Văn Chất là Đinh Văn Uyển, còn gọi là Đầu xứ Uyển (đầu xứ nghĩa là người đỗ đầu kỳ thi khảo hạch trong một xứ (một tỉnh) thời bấy giờ), là một danh sĩ có tiếng và là thầy dạy học cho chí sĩ Phan Bội Châu.

Con trai đầu Đinh Văn Chất là Đinh Văn Báu, cùng các cháu Đinh Văn Côn, Đinh Văn Thiều (con Đầu xứ Uyển) cũng tham gia phong trào Cần Vương, sau đều bị giết hại.

Con trai út Tiến sĩ Đinh Văn Chất là Đệ nhị giáp tiến sĩ (Hoàng giáp) Đinh Văn Chấp (1882 - 1953). Đinh Văn Chấp, tức Đinh Văn Chí lúc mới 5 - 6 tuổi, cha gặp nạn tru di tam tộc nên đáng lẽ ông cũng bị giết, may nhờ được 1 bà cụ trong làng cứu, sau đó trốn sang Phúc Kiến (Trung Quốc) lánh nạn. Hơn 10 năm sau, khi tình hình ở quê nhà đã yên ổn, năm 1898, ông trở về nước, đổi tên là Đinh Văn Chấp và được Lê Huy Thản đưa vào Huế học ở trường Quốc Tử Giám, sau đó thi đậu hoàng giáp khoa Quý Sửu (1913) niên hiệu Duy Tân năm thứ 7. Khoa này ông đỗ đầu nhưng vì triều đình không lấy (hay không chọn

được?) đệ nhất tiến sĩ nên ông chỉ được công nhận là đệ nhị giáp tiến sĩ. Tính từ Hương cống Đinh Hồng Phiên thì Hoàng giáp Đinh Văn Chấp là đời khoa bảng thứ 4 trong dòng họ Đinh Văn ở Kim Khê (tức dòng họ Đinh Văn ở Nghi Long ngày nay).

Với cốt cách hơn người nên ngay từ nhỏ Đinh Văn Chấp đã được Chí sĩ Phan Bội Châu (1867 - 1940) làm thơ tặng:

"Xương con lân trả cánh chim uyên
Ai dám xem thường gã thiếu niên
Trọng Mão xưa quen nhà đạo học
Trường Canh nay thấy vẻ thần tiên
Nhà gầy phước tổ sinh người quý
Tớ hổ vai anh xét phận hèn
Nghe nói Quê hương gần biển đảo
Vừng Đông cười sóng đã bao phen".

Con trai Hoàng giáp thủ khoa Đinh Văn Chấp là Hòa thượng Thích Minh Châu (1918 - 2012), thế danh Đinh Văn Nam là một đại sư và là một dịch giả Phật giáo nổi tiếng.

4. Hoà thượng Thích Minh Châu

Như đã nói ở phần trên, Hòa thượng Thích Minh Châu là con trai Hoàng giáp thủ khoa Đinh Văn Chấp, người họ Đinh Văn ở Kim Khê (nay là Nghi Long). Để hiểu thêm về một con người vô cùng vĩ đại, Hòa thượng Thích Minh Châu, chúng tôi in lại bài thuyết trình của Chơn tâm Lương Châu Phước, thuyết trình tại buổi lễ tưởng niệm Đại lão Hoà thượng Thích Minh Châu tại Montréal (Montréal là thành phố lớn nhất của bang Québec và là thành phố đông dân thứ nhì của Canada; Chơn tâm (chân tâm) là cái tâm chân thực, đã cởi bỏ mọi vọng tưởng, phiền não, phục hồi được bản tính thật có của chúng

sinh là thanh tịnh, sáng suốt. Từ trái nghĩa với chơn tâm là vọng tâm).

Bài thuyết trình đó như sau:

"CUỘC SỐNG CAO ĐẸP VÀ SỰ NGHIỆP VĨ ĐẠI CỦA HOÀ THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Khi một vị tỳ kheo đức hạnh từ bỏ cõi đời, phật tử như chúng ta thường cảm thấy thương tiếc và cầu mong vị ấy sớm đạt cõi niết bàn. Khi một vị thầy cao thâm, một tỳ kheo lỗi lạc xả bỏ xác thân, những vị đệ tử và phật tử còn phải học tập gương mẫu của vị ấy để củng cố niềm tín thành, để đáp lại một phần công ơn, để nỗ lực hành trì theo Chánh pháp. Thầy Thích Minh Châu ra đi, chúng ta cùng họp với nhau đây, để tưởng nhớ Ngài và cùng nhau học tập gương mẫu của Ngài.

Ba giai đoạn tốt đẹp của cuộc đời

Cuộc đời của Đại lão Hoà thượng Thích Minh Châu (dưới đây gọi là Hoà thượng, Đại đức) có thể chia thành 3 giai đoạn. Giai đoạn I là từ thời trẻ đến tuổi 34. Mười năm đầu là tuổi trẻ lớn lên, đi học một cách bình thường; mười năm tiếp là đời sống của một cư sĩ tích cực hoạt động; những năm còn lại là sinh hoạt của một tu sĩ Bắc tông dồi dào sinh lực và trí tuệ.

Thời kỳ thứ II là 12 năm du học. Ba năm đầu là tu học, rèn luyện trong truyền thống Phật giáo Nguyên thuỷ Tích Lan (Phật giáo du nhập vào Tích Lan (Sri Lanka) lần đầu tiên vào năm 249 trước Công nguyên, qua sứ mệnh của Mahinda - con trai của Hoàng đế Ấn Độ, vua A Dục (Ashoka) - chúng tôi, người soạn sách này ghi chú theo WikipediA); sáu năm tiếp tục trau dồi thêm kiến thức về ngôn ngữ và Phật pháp; ba năm tiếp theo là những thể nghiệm đầu tiên về khả năng dịch thuật, nghiên cứu.

Thời kỳ này ngắn nhưng có tính chất quyết định: nó hình thành nguyện vọng dịch và phổ biến Tam tạng Pali, là mở trường Phật giáo cho quần chúng.

(Tam tạng là thuật ngữ truyền thống để chỉ tổng tập kinh điển Phật giáo. Tùy theo mỗi truyền thống Phật giáo sẽ tồn tại những bộ Tam tạng tương ứng như Tam tạng Pali được duy trì bởi truyền thống Theravāda ở Sri Lanka và Đông Nam Á, Tam tạng Hán ngữ được duy trì bởi truyền thống Phật giáo Đông Á và Tam tạng Tạng ngữ được duy trì bởi truyền thống Phật giáo Tây Tạng. Những bộ Tam tạng này giữ vị trí quan trọng nhất trong thế giới Phật giáo đương đại. Ngoài ra, còn tồn tại những bộ tổng tạng được phiên dịch sang ngôn ngữ địa phương - chúng tôi, người soạn sách này ghi chú theo WikipediA).

Thời kỳ thứ III là gần 50 năm còn lại, khi ấy Hoà thượng đã là Nhà sư đĩnh đạc, là Nhà Giáo dục Phật học lớn, người đứng đầu các viện đào tạo tăng ni, và trên hết là một dịch giả Tạng kinh Nikaya. Trong đó 11 năm là ở trong chế độ Việt Nam Cộng hoà, 37 năm trong chế độ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Cuộc đời của Ngài, tốt ở đoạn đầu, tốt ở đoạn giữa, tốt ở đoạn cuối. Hãy cùng đi vào chi tiết cụ thể ở từng giai đoạn.

Hoà thượng Thích Minh Châu có tên thế tục là Đinh Văn Nam. Ông sanh ngày 20/10/1918, năm Mậu Ngọ, tại làng Kim Thành, tỉnh Quảng Nam. Gia đình ông là người gốc làng Kim Khê, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Ông xuất thân từ một gia đình vọng tộc. Dòng họ Đinh đã có 5 đời liên tiếp đậu tiến sĩ. Thân phụ là cụ ông Đinh Văn Chấp, đỗ tiến sĩ khoa thi năm 1913. Thân mẫu là cụ bà Lê Thị Đạt. Ông là con trai thứ 4 trong gia đình có 11 anh chị em. Từ thuở nhỏ, ông đã nổi tiếng là cần mẫn, chăm chỉ học hành, có trí tuệ.

Năm 1939, ông đỗ bằng cao đẳng tiểu học Đông Dương; năm sau, đỗ tú tài tại trường Khải Định (nay là trường Quốc học Huế). Sau khi đỗ đạt, ông làm thư ký toà Khâm sứ, nhưng chỉ được một năm thì xin thôi việc.

Từ những năm 1930, ở miền Trung Việt Nam có phong trào chấn hưng Phật giáo mà người đứng đầu là Cư sĩ Phật tử lỗi lạc Bác sĩ Lê Đình Thám. Năm 1936, khi ấy mới 18 tuổi, ông Nam tham gia phong trào này, nhanh chóng được giao trách nhiệm là Chánh thư ký. Rồi ông tham gia thành lập Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục và Gia đình Phật tử, lúc bấy giờ gọi là Gia đình Hoá phổ.

Năm 28 tuổi, ông vào chùa Tường Vân ở Huế, xin xuất gia làm chú "điệu" (tức sa di) với pháp danh Tâm Trí.

(Sa di là người con trai mới xuất gia, đang ở thời kỳ tập sự, mới thọ 10 giới, chưa thọ đầy đủ 250 giới của Tỳ kheo. Nếu là con gái thì gọi là sa di ni. Trong các chùa Việt Nam, tùy địa phương, sa di thường được gọi là sư chú, chú tiểu. Nếu lớn tuổi, thì được gọi là sư bác. Thông thường, người ta thường dùng từ chú tiểu, chú điệu để gọi những người ít tuổi mới xuất gia, chỉ thọ tam quy, ngũ giới và làm các công việc lặt vặt trong chùa, như quét dọn, đánh trống, thỉnh chuông, thắp hương nến, phục vụ các vị sư lớn tuổi. Còn danh từ "sư ông, sư cụ" thường để gọi những vị sư thiệt thọ, giữ đầy đủ 250 giới của Tỳ kheo - chúng tôi, người soạn sách này ghi chú).

Hoà thượng tế độ Ngài là ngài Thích Tịnh Khiết, sau này là Đệ nhất Pháp chủ của Phật giáo Việt Nam. Ba năm sau, Ngài được thọ đại giới Tỳ kheo với pháp tự Minh Châu và pháp hiệu Viên Dung. Từ đây Đại đức Thích Minh Châu đi giảng pháp ở nhiều nơi, làm chủ bút Tạp chí Vạn Hạnh (rồi đổi thành Tạp chí Tư tưởng), rồi Hiệu trưởng Trường Trung học Phật giáo Bồ đề.

Mười hai năm du học ở Tích Lan và ở Ấn Độ

Trong khi nghiên cứu về kinh tạng, thấy những chữ, những tên chuyển dịch từ tiếng Pali, Sanscrit sang tiếng Việt có nhiều khó khăn, không đồng nhất, Ngài có ý định tìm hiểu vấn đề này và đi du học. Năm 1952, Đại đức du học ở Tích Lan (Sri Lanka), vừa học tiếng Anh, tiếng Pali, vừa học giới luật, giáo pháp và tự rèn luyện thành một tỳ kheo theo truyền thống Phật giáo Nguyên thuỷ của Tích Lan. Từ đó cho đến cuối đời Ngài vẫn giữ chiếc áo vàng Nguyên thuỷ.

Những năm 50 là bắt đầu thời kỳ phục hưng Phật giáo ở Tích Lan với sự hiện hữu của nhiều trường sở, nhất là trường Phật giáo mở cửa cho đại chúng. Xuất hiện nhiều vị hoà thượng uyên thâm, nhiều học giả lỗi lạc. Nhiều học giả phương Tây, người Đức, người Anh đến đây cầu học. Tích Lan là nơi xuất phát tổ chức truyền bá kinh tạng Pali bằng tiếng Anh là Pali Text Society... Những sự kiện này đã nung nấu ước vọng dịch và phổ biến Tam tạng kinh gốc Pali ra tiếng Việt và mở những trường Phật giáo cho đại chúng ở Việt Nam của Đại đức Thích Minh Châu.

Năm 1955, sau khi đậu bằng Pháp sư (Sadhammacariya), Ngài sang Ấn Độ, tiếp tục học tại Tân Tùng Lâm Nalanda (Nava Nalanda Mahavihara). Nơi đây Đại đức tiếp cận với kho giáo lý khổng lồ bằng chữ Sanscrit. Đại đức tiếp tục rèn luyện thêm khả năng về ngôn ngữ, về dịch thuật và nghiên cứu giáo pháp. Ngài đỗ Cử nhân Pali, Cử nhân tiếng Anh, đỗ Thủ khoa Cao học (M.A.) về Vi Diệu pháp. Năm 1961, Ngài trình *Luận án Tiến sĩ So sánh Kinh Trung A Hàm chữ Hán và Kinh Trung Bộ chữ Pali.*

Hai công trình nghiên cứu so sánh kinh tạng

Luận án Tiến sĩ của Đại đức Thích Minh Châu là một công trình quý báu, hiếm có. Trước đó và cho đến 50 năm về

sau gần như không có một công trình tương tự. Vì rất hiếm người vừa hiểu biết hệ phái Nguyên thuỷ, hệ phái Bắc tông lại vừa thông thạo cả 2 ngôn ngữ Pali và Hán. Công trình nghiên cứu dày hơn 550 trang sách này được đánh giá rất cao.

Ông S. Mookerjee, Viện trưởng Đại học Nalanda tán dương: "Công trình của ông quả thực đã mở rộng chân trời hiểu biết của chúng ta. Ông đã đề cập đề tài này với cái nhìn của học giả và với thái độ vô tư, cốt đề cao chân lý chứ không với mục đích dựng lên một giáo điều hay phân phái". (...) "Tôi hết sức hài lòng vì tác phẩm này đã được hoàn tất trong khuôn viên Tân Tùng Lâm Nalanda. Chúng tôi sẽ mãi mãi hãnh diện về những gì Tiến sĩ Thích Minh Châu và những người cộng sự của ông đã làm".

Là người Việt Nam đầu tiên đỗ tiến sĩ Phật học tại Ấn Độ với một luận văn xuất sắc, Tu sĩ Tiến sĩ Thích Minh Châu được chính tay Tổng thống nước này đứng ra trao văn bằng. Ngay sau khi tốt nghiệp, Ngài được Trường Đại học Bihar, Ấn Độ mời ở lại dạy học.

Trong thời gian 3 năm ngắn ngủi, vừa dạy học, vừa nghiên cứu, Đại đức xuất bản 3 tập sách bằng tiếng Anh: *Huyền Trang nhà chiêm bái và học giả*; *Pháp hiển nhà chiêm bái khiêm tốn*; và, *Nghiên cứu đối chiếu Kinh Milinda vấn đạo chữ Pali và Kinh Na tiên tỳ kheo chữ Hán*, một công trình nghiên cứu so sánh thứ 2 về kinh tạng của 2 hệ phái.

Nếu Kinh Trung Bộ là then chốt trong việc tu tập, hành thiền mà Đại đức đã phân tích, khảo sát trong luận án tiến sĩ, thì Kinh Milinda Vấn đạo là một bộ kinh rất hay, nó xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ I, dù không phải do Phật thuyết, nhưng được xếp vào Thánh điển. Tập kinh này giải quyết những vấn đề triết học phức tạp, khó hiểu bằng những ví dụ dễ hiểu, thú vị.

Công trình nghiên cứu này cũng đã được đánh giá rất cao. Giáo sư Nalinaksha Dutt của Đại học Calcutta viết: "Tác giả là một tu sĩ Việt Nam, đã tinh thông cả 2 ngôn ngữ Pali, Hán và đã hoàn thành mọi kiến thức về ngôn ngữ Pali tại Học viện Pali ở Nalanda. Vốn uyên bác cả 2 ngôn ngữ ấy, Ngài có thể so sánh cả 2 bản này tận gốc trong từng vấn đề và nêu rõ các điểm tương đồng và dị biệt. Do vậy, các kết luận của Ngài rất có giá trị. Cách trình bày các tài liệu của Ngài thật sáng tỏ và gây ấn tượng. Qua tác phẩm này, Ngài đã có một cống hiến xuất sắc vào sự nghiệp nghiên cứu Phật học".

Đại đức Thích Minh Châu bằng những tài liệu của 2 hệ phái, đã chứng minh rằng, cả 2 tập kinh này có gốc gác xuất phát giống nhau, và có những điểm giống nhau và những điểm khác nhau về nội dung.

Đại học Phật giáo Vạn Hạnh

Trong thời gian Đại đức Thích Minh Châu dạy học ở Ấn Độ, thời cuộc ở Việt Nam có những biến cố trầm trọng liên quan đến đời sống Phật giáo và đất nước Việt Nam sắp bước vào thời kỳ chiến tranh khốc liệt. Đại đức rất quan tâm về những chuyển biến này. Năm 1964, khi đó đã 46 tuổi, Đại đức quyết định về nước và được quần chúng đón chào rất nồng nhiệt tại Sài Gòn và sau đó là tại Huế. Đại đức được giao ngay nhiều trách nhiệm quan trọng ở Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Phó Viện trưởng Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn, Tổng Vụ trưởng Tổng Vụ Văn hoá và Giáo dục Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Năm 1965, Đại đức tham gia thành lập Viện Đại học Vạn Hạnh và là Hiệu trưởng của trường này cho đến năm 1975. Khác với các học viện Phật giáo khác, thường chỉ dành cho

tăng, ni, Đại học Phật giáo Vạn Hạnh mở rộng cho mọi người trong nỗ lực tìm hiểu giáo lý của Đức Phật và những lãnh vực liên quan. Đây là mô hình gần giống như những đại học Phật giáo cộng đồng ở Tích Lan như Trường Vidyodaya Pirivena, hay Vidyalankara Pirivenna. Trong suốt 10 năm hiện hữu, Đại học Vạn Hạnh đã đào tạo được trên 4.500 người, trong đó có 215 tốt nghiệp bậc cao học, 568 người bậc cử nhân.

Khi chiến tranh chấm dứt, nước Việt Nam bước vào một giai đoạn mới. Nhà nước nắm hết việc quản lý các trường sở. Đại học Vạn Hạnh vốn là một cơ sở của Bộ Giáo dục Chính phủ Việt Nam Cộng hoà phải trả lại cho Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Đại đức chỉ còn giữ cơ sở ở đường Võ Duy Nguy, để rồi sau này trở lại thành cơ sở Phật học.

Do những duyên lành, nhất là do sự hỗ trợ đắc lực của người em là ông Minh Chi, là một cán bộ kinh tế khá cao cấp của nhà nước mới, đồng thời là một cư sĩ Phật giáo, năm 1976, Đại đức lập lại Thiền Viện Vạn Hạnh.

Năm 1981, cùng với chư tăng, ni khác trong Nam, ngoài Bắc, Đại đức tham gia thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ngài làm Tổng Thư ký; thành lập Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở 1 ở Hà Nội, 3 năm sau, mở thêm cơ sở 2 ở Thành phố Hồ Chí Minh tại đường Võ Duy Nguy, nay là đường Nguyễn Kiệm. Năm 1997, thành lập Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ngài làm viện trưởng của các viện Phật học này.

Tạng kinh Phật giáo Nguyên thuỷ

Trong thời gian làm viện trưởng và suốt cả 2 chế độ, dù bận rộn làm công việc giáo dục, đào tạo, Đại đức bắt đầu một

công việc quan trọng bậc nhất, là phiên dịch toàn bộ Tạng kinh Nikaya, cũng gọi là Tạng kinh Pali sang tiếng Việt.

Tạng kinh gốc Pali gồm 5 bộ: Kinh Trường Bộ, Kinh Trung Bộ, Kinh Tương Ưng Bộ, Kinh Tăng Chi Bộ và Kinh Tiểu Bộ.

Tháng Năm năm 1965, Tập 1 của Kinh Trường Bộ (Digha Nikaya) ra đời. Tập sách dày 220 trang, chỉ có 3 bài kinh song ngữ: tiếng gốc Pali và tiếng Việt. Đến tháng Tám năm 1972, tức 7 năm sau, toàn bộ 4 tập Kinh Trường Bộ được hoàn thành. Sau 4 tập gộp lại thành 2 tập và lần này không còn bản gốc tiếng Pali. Năm 1978 Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikaya), bộ kinh quan trọng hàng đầu trong Tạng Pali đã xuất bản. Tiếp theo đó, lần lượt các bộ kinh còn lại ra đời. Kinh Tăng Chi Bộ (Anguttar Nikaya) (4 tập), Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya) (5 tập), Kinh Tiểu Bộ (Khuddaka Nikaya)...

Ít lâu sau khi được xuất bản, các bộ kinh được tái bản nhiều lần. Ở những lần xuất bản đầu tiên, mỗi tập kinh đều có lời nói đầu, nói rõ mục đích, kể lại những khó khăn, nêu ra những nhận xét. Rất tiếc rằng, trong những lần tái bản sau này, và khi phổ biến trên Internet, những lời nói đầu hữu ích đó đã không được giữ lại.

Kinh Tiểu Bộ là bộ phức tạp nhất, dài nhất, gồm nhiều phần độc lập với nhau. Do tuổi tác đã cao và bệnh Parkinson đã bắt đầu phát triển vào cuối những năm 90 (khi ấy Ngài đã 81 tuổi), sức làm việc đã giảm, chỉ có 10 trong 18 phần là được hoàn thành. Và những tập cuối cùng là có sự góp sức của một vị đệ tử cư sĩ, Giáo sư Anh văn Trần Phương Lan.

Đến năm 2004, công trình Tạng kinh đã xuất bản gồm 24 tập, khoảng hơn 20.000 trang. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, pho sách những lời dạy đầy đủ của Đức Phật được xuất bản bằng tiếng Việt.

Trước đây, mặc dù cũng có giáo lý nhà Phật trong các kinh tạng Bắc tông, trong Hán Tạng, nhưng không đầy đủ. Người đọc các kinh Đại thừa thông dụng như Diệu Pháp Liên Hoa, Bát Nhã, Kim Cương, A di đà... sẽ không tìm thấy những giáo lý căn bản nhất như Tứ Diệu đế, Bát Chánh đạo, Pháp Duyên khởi, 37 Phẩm Bồ đề... Những ý niệm này chỉ tồn tại rất mơ hồ trong quần chúng Phật tử và ngay cả trong hàng tăng, ni.

Kinh kệ Nikaya và ngôn ngữ Pali cũng đã được Đại đức mang vào dạy ở các cơ sở đào tạo tăng, ni và ở Đại học Vạn Hạnh. Đại học này còn là nơi tập hợp nhân tài, trí thức Sài Gòn. Trong thời kỳ chiến tranh, nó còn là mái nhà che chở cho nhiều người tránh bị lôi kéo vào cuộc chiến. Như các tu sĩ Tuệ Sĩ, Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Trí Hải, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Hữu Ba, Kim Định, Lê Tôn Nghiêm, Trần Thái Đỉnh, Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư...

Ba mươi tác phẩm khác còn để lại

Song song với Tạng kinh, Hoà thượng Thích Minh Châu đã để lại khoảng 30 đầu sách nghiên cứu, sách dịch, bài giảng. Trong đó có 2 tập *Thắng pháp tập yếu luận, Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa* (sách dịch, nguyên tác của N. Dutt), *Từ điển Phật học Việt Nam* (Minh Châu & Minh Chi), *Sách học tiếng Pali* (3 tập), *Lịch sử Đức Phật Thích Ca*, *Chánh Pháp và hạnh phúc*, *Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi*, *Hành thiền*, *Đường về xứ Phật*...

Trong các tập sách, các bài giảng, Hoà thượng truyền dạy giáo pháp của Đức Phật, mở lòng từ ái, vun bồi trí tuệ, tinh tấn tu tập và hành thiền, diệt trừ khổ đau, hướng đến giải thoát. Ngài chỉ khuyên mọi người sống có đạo đức, giữ giới luật để có thể có một đời sống trong sạch, hạnh phúc. Ngài dạy hành thiền để thanh tịnh tâm. Ngài dạy thực hành Giới, Định, Tuệ để giải thoát khỏi vòng luân hồi.

Văn của Hoà thượng trong sáng, rõ ràng, dễ hiểu, có sức thuyết phục. Các bài giảng đều toán lên lòng từ ái, nhưng đôi lúc nó là lời phê bình nghiêm khắc trước những tà kiến (như bài *Dịch kinh và đại học*), hay chan chứa những tình cảm yêu nước, thương dân (như bài *Chùa Việt Nam*), và có lúc dạt dào tình cảm khi nói về dân tộc, về mẹ cha (như bài *Người Việt Nam thương mẹ kính cha*).

Từ ngày về nước, Ngài dịch kinh, giảng dạy giáo lý Nguyên thuỷ. Ngài chuyển tải những lời dạy của Phật, căn cứ theo Kinh tạng Pali. Nhờ Ngài, kinh tạng Nguyên thuỷ và ngôn ngữ Pali được đưa vào hệ đào tạo chính thức các tăng, ni, Bắc tông cũng như Nam tông. Và dưới sự chỉ đạo của Ngài, chư tăng 2 phái đều sinh hoạt hoà hợp với nhau.

Đệ tử từ nhiều nguồn

Ngài là vị hoà thượng có nhiều đệ tử nhất ở Việt Nam, trong Nam, ngoài Bắc, thuộc hệ Bắc tông, Nam tông, tu sĩ, cư sĩ... Ngài đã nhiều lần bao bọc, chở che cho nhiều người, nhiều nhân tài tránh được hoàn cảnh trắc trở, có cơ hội làm việc... Nhưng dường như không có nhiều đệ tử đi theo con đường giống như Ngài, vốn rất tế nhị, phức tạp, khó khăn.

Một số đệ tử hỗ trợ những công việc của Ngài, một số khác hoạt động trong lãnh vực riêng của mình. Có người dịch, nghiên cứu kinh tạng Pali, như Sư cô Thích nữ Trí Hải, Cư sĩ Trần Phương Lan, Hoà thượng Thích Chơn Thiện (Viện trưởng Viện Phật học Huế). Có người soạn lịch sử, văn hoá Phật giáo Việt Nam, như thầy Lê Mạnh Thát (Phó Viện trưởng Viện Phật học Thành phố Hồ Chí Minh). Có người dịch kinh từ tạng chữ

Hán, như thầy Tuệ Sĩ. Có người lo tổ chức, lo dạy học, dạy thiền viện như thầy Tâm Đức (Phó Viện trưởng Viện Phật học Thành phố Hồ Chí Minh), Sư Bửu Chánh (Trụ trì Thiền viện Phước Sơn, Trưởng khoa bộ môn Pali, Viện Phật học Thành phố Hồ Chí Minh), Sư cô Tịnh Vân (Giáo sư tiếng Pali, Viện Phật học Thành phố Hồ Chí Minh)...

Ngài cũng có nhiều hoạt động đối ngoại, giao lưu quốc tế. Như một đại diện, một sứ giả Phật giáo Việt Nam, Ngài đã tham gia nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế về Phật giáo, về Hoà bình, về Giáo dục ở hầu hết các châu lục... Trong các hội nghị đó, Hoà thượng hô hào loại bỏ mọi hình thức chiến tranh, mọi biểu hiện bạo lực, hoan nghênh mọi nỗ lực hoà bình, động viên Phật tử tham gia các phong trào đó, cổ vũ tiến trình dân chủ hoá, nhân bản hoá ở mỗi nước cũng như trong quan hệ giữa các nước. Ngài kêu gọi:

"Đạo Phật đề cao nỗ lực toàn thể cá nhân hướng tới tạo ra giữa các dân tộc, giữa các quốc gia cũng như giữa con người với nhau một bầu không khí thông cảm lẫn nhau, tin tưởng và kính trọng lẫn nhau, loại bỏ mọi thành kiến như tự ti mặc cảm, tự cao tự đại, rất hại đến nhân phẩm và giá trị con người.

Chúng tôi, những người Phật tử xem là hết sức khẩn thiết xây dựng một nền kinh tế mới, một nền trật tự đạo đức mới có khả năng làm lắng dịu mọi sân hận và mọi biến động, làm lành mạnh hoá không khí chính trị quốc tế hiện tại, chuẩn bị cho một kỷ nguyên mới nhân đạo hơn và có ý nghĩa hơn".

Với những công việc to lớn đã làm, Ngài được tặng thưởng tiến sĩ danh dự, nhiều loại huân chương, và tuyên dương công đức. Đấy là phần việc của xã hội, của người đời, Ngài không quan tâm đến những chức danh, và những lợi lạc đời thường.

Công trình vĩ đại, sự nghiệp độc đáo

Có thể nói một cách tóm tắt rằng, vai trò, đóng góp của Hòa Thượng Thích Minh Châu cho Phật giáo Việt Nam là rất độc đáo và cũng rất vĩ đại.

Độc đáo vì Việt Nam là nước duy nhất trên thế giới có cả hai hệ phái, Phật giáo Bắc tông và Phật giáo Nguyên thủy, dù hệ phái Bắc tông là chủ đạo. Và Hòa thượng Thích Minh Châu là người làm cái gạch nối hết sức cần thiết giữa hai hệ phái này. Ngài là vị hòa thượng Bắc tông, có vai trò lãnh đạo của Giáo hội, nhưng ăn mặc, sinh sống theo Nam tông, dịch kinh sách Nguyên thủy và giảng dạy, truyền bá giáo pháp Nguyên thủy. Ngài là vị tu sĩ duy nhất ở Việt Nam cũng như trên thế giới, có một thế đứng và một cách sinh sống, tu tập hết sức đặc biệt.

Ngài Minh Châu có nhiều đóng góp đa dạng cho Phật giáo Việt Nam, nhưng chỉ với công trình tạng kinh Pali, nhiều người đã gọi ngài là Huyền Trang của Việt Nam. Điều đó quả không quá xa với thực tế.

Hãy nói một chút về việc dịch kinh của Ngài. Việc này không phải dễ dàng, ít gặp thuận lợi. Vào những năm 1960, ở Việt Nam, chỉ có tu sĩ gốc người Cam Bốt (Campuchia) mới biết tiếng Pali, kinh kệ Pali. Nói chung Phật tử Việt Nam chưa biết gì nhiều về kinh kệ gốc Pali. Trong hệ phái Bắc tông gần như không có người nào thành thạo tiếng Pali. Trong hệ phái Nam tông, thì Giáo hội Phật giáo Nguyên thủy mới được thành hình, các vị tăng đang tập trung xây dựng công việc nội bộ. Có dịch kinh từ nguồn Pali thì chủ yếu để tụng đọc khi làm lễ. Do đó, Đại đức Thích Minh Châu phải làm việc một mình, hay gần như một mình gần suốt 50 năm.

Cũng không có nhiều tài liệu sẵn có để có thể nương tựa. Bản tiếng Hán thì tối nghĩa và không thống nhất, chỉ dùng

được những từ ngữ đã dịch sẵn. Đại đức phải dựa vào bản ghi chép riêng (khi còn học ở Colombo), bản tiếng Anh của Pali Text Society và bản tiếng Nhật.

Ngài lại có quá ít thì giờ cho dịch thuật, luôn luôn bận bịu với các công việc của các viện Phật học. Ngài tranh thủ từng giờ khắc, những lúc đáng lý được nghỉ ngơi: "Chúng tôi chỉ có thể để dành những ngày nghỉ, những buổi sáng thật sớm và những buổi tối (nếu không quá mệt mỏi vì những công việc ban ngày), để phiên dịch".

Và một trong những khó khăn không kém quan trọng là dư luận, những dèm pha, chỉ trích về việc tại sao lại đi dịch, đi truyền bá kinh tạng Nam tông? Đáp lại, Ngài khẳng định:

"Có người sẽ cho rằng, dịch Tạng Pali là tuyên truyền cho Tiểu thừa, phản lại tư tưởng Đại thừa. Chúng ta nên chấm dứt ngay thái độ ngây thơ và buồn cười này. Đạo Phật không có Đại thừa, Tiểu thừa, không có Nam tông, Bắc tông. Đạo Phật gồm có một số giáo lý căn bản mà học phái nào cũng phải tôn trọng, một số pháp môn thiết yếu mà đệ tử Phật tử nào cũng phải y cứ để tu hành nếu không muốn lạc vào tà giáo, ngoại đạo. Cho dịch Tạng Pali là chúng tôi muốn giới thiệu và tìm hiểu số giáo lý căn bản ấy và số pháp môn thiết yếu ấy".

Ngài xác định mục đích của việc chuyển dịch kinh tạng Pali:

"Mục đích của chúng tôi chỉ muốn giới thiệu những kinh điển có thể được xem là nguyên thủy hay gần nguyên thủy nhất, để người đọc có thể tìm hiểu lời dạy chân chính của Đức Phật, khỏi qua ống kính của một học phái nào, dầu là Ấn Độ, Trung Hoa hay Việt Nam. Chúng tôi cũng không có trách nhiệm nêu lên cho độc giả rõ, đoạn nào là nguyên thủy, đoạn nào không phải nguyên thủy. Chỉ có người đọc, sau khi tự mình

đọc, tự mình tìm hiểu, tự mình suy tư, tự mình quan sát, tự mình chứng nghiệm trên bản thân, mới có thể tự mình hiểu và thấy đoạn nào là thật sự nguyên thủy. Trách nhiệm tìm hiểu, chứng nghiệm cá nhân là trách nhiệm của người đọc, không phải của người dịch, vì Đạo Phật là Đạo đến để mà thấy chớ không phải Đạo đến để nhờ người thấy hộ, Đạo của người có mắt (Cakkhumato), không phải Đạo của người nhắm mắt; Đạo của người thấy, của người biết (Passato Jànato), không phải là Đạo của người không thấy, không biết (Apassato Ajànato). Nên chỉ có người đọc mới có thể tự mình thấy, tự mình hiểu và tự mình chứng nghiệm". (...)

" Ở nơi đây, chúng tôi cố gắng dịch trọn vẹn, không bỏ qua một kinh nào, và dịch có in nguyên bản Pali đối chiếu với dụng ý để người đọc có thể tự mình tìm hiểu nguyên nghĩa của từng chữ từng câu, khỏi rơi vào những giải thích hay lệch lạc của người dịch".

Càng đi sâu vào việc phiên dịch, Ngài càng khám phá ra những thâm ý của những người có tà kiến, những xu hướng chống đối lại Phật giáo có từ thời Đức Phật và còn hiện hữu đến ngày nay. Ngài viết:

" Càng dịch, chúng tôi càng thấy rõ ác ý của các nhà Bà La Môn đã dùng danh từ Tiểu thừa để gán vào những lời dạy thực sự nguyên thủy của Đức Phật và khiến cho các Phật tử không dám đọc, không dám học, không dám tu những pháp môn ấy. Càng dịch, càng thấy rõ dụng tâm hiểm độc của các vị Bà La Môn, đã khôn khéo xuyên tạc Đạo Phật, khiến cho những giáo lý căn bản, những tinh hoa cao đẹp nhất của tư tưởng nhân loại, đã bị những tư tưởng tà giáo xen lẫn, bị ruồng bỏ, bị che giấu, không được biết đến, không được học hỏi tu hành".

Cũng không phải dễ dàng hiểu hết được hiện tượng Thích Minh Châu, một vị chức sắc thuộc vào hàng lãnh đạo của Phật giáo Bắc tông, nhưng lại đổ hết tâm sức vào việc phiên dịch, truyền bá Giáo pháp Nguyên thủy. Hãy nghe đôi lời tâm sự của Ngài:

"Tôi tự đánh dấu hỏi, làm Viện trưởng hay làm một vị dịch kinh, làm chức vụ nào có lợi cho Phật giáo hơn? Và tôi phải tự thẳng thắn để trả lời, dịch kinh có lợi hơn! Và tôi chỉ có thể vớt vát, bằng cách để những thời giờ thong thả, chú tâm vào vấn đề phiên dịch. Chúng tôi viết những dòng chữ này vừa để sám hối, vừa mong các Phật tử và các học giả thông cảm cho".

"Cứ xem thời gian hoàn thành từng tập một, mới thấy chức vụ đa đoan của một Viện trưởng làm trở ngại cho sự phiên dịch như thế nào. Về nước năm 1964, nếu tôi không nhận chức vụ Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh thì thời nay tôi đã dịch ít nhất cũng trọn bộ Kinh tạng Pali rồi ". Phần này, Ngài viết vào năm 1972.

Và khi càng đi sâu vào việc dịch Kinh Pali, Ngài có một nhận xét rất thú vị, gần giống với nhận xét nổi tiếng của nhà bác học Einstein:

"Hơn nữa, ngày nay người ta dần dần ý thức rằng chỉ có Đạo Phật Nguyên thủy mới đáp ứng được những đòi hỏi của một thế giới khoa học hiện tại. Một tôn giáo muốn được giới trí thức trẻ hiện tại chấp nhận, vừa phải không mâu thuẫn với những phát minh khoa học mới mẻ nhất, vừa phải giải quyết được những vấn đề thuộc phạm vi con người của con người ở thế kỷ thứ hai mươi, hai mốt này. Chỉ có Đạo Phật Nguyên thủy mới may ra đáp ứng được những đòi hỏi trên".

Ngày nay, dù rằng đọc các bản kinh Ngài dịch, người ta có thể thấy một số chỗ chưa chính xác hoặc còn chưa rõ nghĩa.

Nhưng dù sao, bản văn đều thống nhất, trong sáng, chân phương, trung thực. Dù chưa phải là bản dịch chuẩn mực, cho đến nay, tạng kinh do ngài Thích Minh Châu dịch vẫn là kinh tạng chính yếu cho đông đảo chư tăng, ni, sinh viên và người nghiên cứu thuộc nhiều thế hệ dựa vào đó để tìm hiểu, nghiên cứu, và thực tập giáo lý của Đức Phật.

Dù công sức của Ngài cũng chỉ có thể dịch được tạng kinh, nhưng nó đã làm viên đá tảng cơ bản đầu tiên, để dựa trên đó, những tập khác, những tạng khác, những công trình khác được bổ sung, được hoàn thành về sau này.

Tóm lại, cuộc đời của Hòa thượng Thích Minh Châu là một tấm gương rất sáng cho việc phục vụ giáo pháp, phục vụ dân tộc, phục vụ loài người. Những đóng góp của ngài cho nền Phật giáo Việt Nam là vĩ đại chưa từng có.

Một số đóng góp

1- Ngài đã phiên dịch khá đầy đủ, có hệ thống, trong sáng gần như toàn bộ 1 trong 3 tạng kinh điển, là tạng kinh gồm những lời dạy suốt 45 năm hoằng pháp của Đức Phật.

2- Ngài đã góp phần so sánh, soi sáng những điểm giống và khác nhau trong một số tác phẩm lớn của 2 hệ phái Phật giáo.

3- Ngài đã góp phần quan trọng vào việc xóa đi những định kiến sai lầm về Tiểu thừa, về Phật giáo Nguyên thủy.

4- Đã đem giáo lý Phật giáo Nguyên thủy và ngôn ngữ Pali vào giảng dạy trong các trường đào tạo tăng, ni, mà phần lớn thuộc hệ Phật giáo Đại thừa.

5- Đã đào tạo hàng chục ngàn tăng, ni cho cả 2 miền Nam, Bắc, cho cả 2 hệ phái Phật giáo Nguyên thuỷ và Phật giáo Đại thừa.

6- Đã đưa giáo lý của Đức Phật vào quần chúng bằng các trường, lớp, bằng việc phổ biến kinh sách, tổ chức các buổi thuyết pháp và tập thiền hằng tuần cho công chúng.

Cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài

Sau nhiều năm bệnh tật, nhiều năm nằm, ngồi một chỗ, ngày 1/9/2012, tức ngày 16 tháng 7 âm lịch, Phật lịch 2556, Hòa thượng Thích Minh Châu đã xả bỏ xác thân tại Thiền viện Vạn Hạnh, với tuổi đời 95 năm và tuổi đạo 64 hạ. Hòa thượng Thích Minh Châu đã ra đi, để lại sự thương tiếc vô cùng lớn lao cho giới Phật giáo, trí thức trong và ngoài nước. Trong những ngày đầu tháng 9, hàng trăm, hàng nghìn vòng hoa phân ưu, hàng vạn người đủ các tầng lớp, nhiều đoàn thể, nhiều đại diện trong nước, ngoài nước đã đến Thiền viện Vạn Hạnh để tỏ lòng thương tiếc, kính yêu và biết ơn đối với Hòa thượng Thích Minh Châu.

Hòa thượng đã ra đi, nhưng những gì tốt đẹp nhất sẽ còn ở lại lâu dài, như Hòa thượng đã ghi lại trên Bảo tháp của Ngài: "Yo sāro thassati. Cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài". Đó là tạng kinh, những công trình, bài giảng, lời dạy và cả một cuộc đời phục vụ giáo pháp, phục vụ dân tộc.

Chúng ta có mặt hôm nay ở đây, hầu hết không có may mắn được gặp mặt Ngài, không được trực tiếp đảnh lễ Ngài. Nhưng có thể nói, chúng ta đều là những đệ tử của Ngài. Bởi vì, từ khi hiểu giáo pháp của Đức Phật, chúng con đã đọc tụng, nghiên cứu kinh kệ ở Đại Tạng Kinh Việt Nam do Ngài Minh Châu chuyển dịch.

Như là đệ tử, chúng con xin cùng đốt nén hương tưởng nhớ ân đức của Thầy. Lát nữa đây, chúng con sẽ cùng tụng những lời Phật dạy do Ngài phiên dịch. Và chúng con nguyện sống trong

Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp và nương nhờ theo những lời dạy của Thầy, Hòa thượng Thích Minh Châu.

Chơn Tâm

Lương Châu Phước

Montreal, Canada, Tháng 9, 2012, Phật lịch 2556".

5. Họ Đinh ở Đức Thủy

Thủy tổ dòng họ Đinh ở thôn Đông Khê, xã Cổ Ngu, huyện La Sơn, phủ Đức Quang, xứ Nghệ An (nay là làng Đông Khê, xã Đức Thủy, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh) là anh thứ ba, họ và tên đệm là Đinh Phúc..., hiện chưa rõ tên.

Cụ làm quan võ giữ chức Đô Chỉ huy Thiêm sự, Ti Đô Chỉ huy sứ. Theo sách *Lê triều quan chế* - Viện Sử học và Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội - 1977 thì chức quan này thuộc hàm chánh tứ phẩm.

Cụ mất ngày 12 tháng Giêng (chưa rõ năm mất). Để thuận tiện cho con cháu, họ Đinh ở đây tổ chức giỗ tổ vào ngày Rằm tháng Giêng.

Hậu duệ đời thứ 7 của dòng họ Đinh ở Đức Thủy có Đinh Đăng Trù đỗ ất tiến sĩ (tức phó bảng, tức tương đương học vị thạc sĩ ngày nay) và làm quan ở Võ Vệ Lâm Khang.

Đời thứ 9 có Đinh Hữu Nậm làm quan chức Tiến Công Thứ lang. Chức quan này thuộc hàm chánh bát phẩm, quan văn. Có 3 anh em ruột là Đinh Trọng Cầu, Đinh Trọng Đáng, Đinh Trọng Phiên và có Đinh Trọng Chiếu cùng làm quan tri huyện. Có Đinh Văn Giản làm quan Án sát tại tỉnh Quảng Trị lấy hiệu là Trung Thuận Đại nhân.

Từ đời thứ 9 trở đi, con cháu tiến chức, thành đạt, học hành tiến bộ nên đổi là Đinh Văn.

Thời sau có Thiếu tướng Chính ủy quân tình nguyện Việt Nam tại Lào là Đinh Văn Khanh. Và hiện nay trong họ có nhiều giáo sư, tiến sĩ.

Nhà thờ họ được xây dựng năm 1938, có một thời gian dài được dùng làm nhà kho, làm địa điểm sản xuất, cất giấu vũ khí phục vụ cho 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Do vậy, đã được cấp bằng chứng nhận Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh năm 2009.

6. Họ Đinh ở Trung Lương

Gia phả dòng họ Đinh Nho ta, bản năm 2020 có chép lại một đoạn trong gia phả dòng họ Đinh tại xã Trung Lương, huyện Đức Thọ (nay là phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh). Đoạn đó như sau:

"Đã được nghe truyền lại: Tổ tiên ta xưa ở huyện Gia Viễn phiá ngoài xứ Thanh Hoá, rồi vào ở xã Đô Cương, huyện Nghi Xuân, đất Nghệ An. Anh em có hai người. Người anh lại tới xã Yên Ấp, huyện Hương Sơn. Người em đến xã Cổ Ngu, huyện La Sơn. Trải qua 2 đời, dòng chính tông ở lại Yên Ấp, con cháu sau này có cháu con Đinh Nho Công thi đậu tiến sĩ đời Lê. Cụ tổ đầu dòng họ từ xã Yên Ấp chuyển về xã Minh Lương huyện Can Lộc.

Nay muốn ghi lại sự tích của các bậc xưa để cho con cháu muôn đời biết. Kể từ tên huý các cụ cao tằng, tổ khảo, các thân thuộc các chi, nhánh, đến ngày giỗ chạp, mồ mả, nơi chôn cất, đều chép lại để con cháu tỏ tường công đức gây dựng của tổ tiên, vì sự phồn vinh của con cháu. Vậy xin theo thứ tự ghi rõ liệt vị tổ tiên riêng thuộc các chi ta để làm tài liệu căn cứ lâu đời".

Như vậy thì theo gia phả họ Đinh ở Trung Lương, sau 2 đời tính từ cụ thuỷ tổ Đinh Phúc Diên họ Đinh Nho ta, tức từ

đời thứ 3, đã có người về xã Minh Lương huyện Can Lộc để hình thành nên họ Đinh ở Trung Lương. Tuy nhiên, gia phả dòng họ Đinh Nho ta thì không thấy chép việc đó (có thể do bị bỏ sót chăng?), mà chỉ nói là từ đời thứ nhất đến đời thứ 7, họ ta độc đinh (mỗi đời chỉ có 1 con trai nối dõi).

Và bài viết sau đây là của ông Đinh Xuân Vinh (ông Đinh Xuân Vinh không phải là người họ Đinh ở Trung Lương mà là người họ Đinh ở xã Đông An, Xuân Trường, Nam Định, hiện nay đang là Phó Trưởng ban liên lạc họ Đinh Việt Nam) đăng trên trang mạng hodinhvietnam.com ngày 30/5/2012, xin đăng lại để bà con tham khảo. Theo như bài viết này thì có thể hiểu rằng, cụ tổ đời thứ 11 Đinh Nho Tùng của họ Đinh ở Trung Lương cũng đã về nhà thờ họ ta để nhận họ và sao cuốn gia phả *Hương Yên phổ tự* của họ ta (bởi có nhận họ thì mới sao, và, chữ Yên có thể đọc là An, Hương Yên - Hương An). Như vậy có thể khẳng định, họ Đinh ở Trung Lương là một nhánh của họ Đinh Nho ta, được tách ra từ khoảng đời thứ 3 mà *Hương Yên phổ tự* đã bỏ sót. Bài viết đó như sau:

Giới thiệu tóm tắt

VỀ HỌ ĐINH XÃ TRUNG LƯƠNG - HUYỆN ĐỨC THỌ

(Nay là phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Gọi tắt là họ Đinh Trung Lương)

Trung Lương là một làng cổ của Hà Tĩnh, cư dân sống đông đúc, sống quần tụ gần chân núi Hồng Lĩnh, trên đôi bờ Lam Giang, Minh Giang, quê hương giàu truyền thống văn hóa và cách mạng.

Họ Đinh Trung Lương là một dòng họ tương đối lớn và lâu đời của Hà Tĩnh, là một bộ phận của họ Đinh Việt Nam.

Bộ Đinh tộc gia phả bằng chữ Hán do nhà nho Đinh Nho Tùng (đời thứ 11) biên soạn và truyền lại, có ghi như sau: "Được nghe truyền lại, tổ tiên ta xa xưa ở huyện Gia Viễn ngoài xứ Thanh Hóa". Bộ phụng sao Hương An phả tự cũng ghi: " Họ Đinh là một họ lớn ở Gia Viễn xứ Ái Châu". "Từ buổi xa xưa, hai anh em vào định cư ở xã Đô Cương, huyện Nghi Xuân, đất Nghệ An. Người anh lại tới xã An Ấp, huyện Hương Sơn, người em đến xã Cổ Ngu, huyện La Sơn".

Qua những tư liệu trên có thể nhận định rằng: Họ Đinh Trung Lương có nguồn gốc xa xưa từ huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình (?).

Các bộ gia phả không ghi tuổi dòng họ. Theo cách tính thông thường thì mỗi đời trung bình 20 năm (16 đời), suy ra có lẽ tuổi của họ tộc khoảng 320 - 350 năm (?) tính từ vị tổ đầu tiên cho đến nay.

Vị tổ khai sinh của dòng họ Đinh Trung Lương có tên chữ là Thuấn Phác, thụy là Cương Trực phủ quân, kỵ ngày 03/02 âm lịch, mộ tại xứ Lập Thạch. Vị tổ đời thứ hai tên chữ là Đôn Thành, thụy là Hoa Nhị phủ quân. Tiếp đến là các vị tổ đời thứ ba, thứ tư... đến nay có 16 đời.

Trải qua 16 đời tồn tại và phát triển, con cháu ngày càng đông đúc. Thống kê chưa đầy đủ thì có khoảng 1000 người, giống nòi khỏe mạnh, sống lâu.

Ngày nay con cháu sống ở Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Hải Phòng... Trung tâm của dòng họ là ở Trung Lương, nơi đây có các nhà thờ, mồ mả tổ tiên tiền nhân, cũng là nơi con cháu quần tụ đông nhất, có bà con các họ tộc khác bao đời gắn bó, đùm bọc.

Họ Đinh ở Trung Lương hiện có một số tư liệu quý như: Bộ Đinh gia tộc phả, Bộ phụng sao Hương An phả tự (bản sao),

Bộ gia phả họ Đinh ở Trung Lương do con cháu biên soạn, bổ sung hoàn chỉnh. Bản sơ đồ gia tộc phả ghi danh tương đối đầy đủ các vị từ đời thứ nhất đến đời thứ mười sáu. Đó là những tư liệu quý để lại cho các thế hệ con cháu ngày nay và mai sau.

Họ Đinh ở Trung Lương có hai nhà thờ: Nhà thờ tôn thờ các vị tổ đầu dòng họ. Nhà thờ chi thứ thờ ngài Đinh Thế Thát (Đinh Thế Phổ) đời thứ 8, là tộc trưởng chi thứ. Cả hai nhà thờ đều bị bom đạn Pháp, Mỹ phá hoại, các con cháu đã chung sức tôn tạo xây dựng lại tương đối hoành tráng để làm nơi thờ tự, lưu giữ tư liệu, họp họ tộc.

Mồ mả tổ tiên và tiền nhân cũng đã được quy tập và xây dựng lại nằm trong nghĩa trang phường Trung Lương.

Việc thờ cúng tưởng niệm tổ tiên cũng được tổ chức thường xuyên và chu đáo. Hàng năm có tiểu lệ, cứ 5 năm một lần tổ chức đại lễ, con cháu xa gần về dự đông đủ, tưởng niệm tổ tiên, gặp mặt họ hàng và họp họ tộc.

Con cháu chủ yếu theo nghề truyền thống của dòng họ là nghề rèn. Có nhiều người là nông dân, công nhân, thợ thủ công, một số ít là những chuyên viên quản lý nhà nước, có người làm trong các ngành khoa học, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, hàng không, xây dựng, kiến trúc... Cũng có người là doanh nhân, đời sống nói chung được đảm bảo.

Các thế hệ con cháu trong dòng họ đa phần đều chăm chỉ học hành, nhiều người thành đạt. Có khoảng 100 người trình độ từ cao đẳng, đại học, trên đại học. Con cháu đều một lòng đi theo Đảng Cộng sản và chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng, đạo đức tiến bộ. Nhiều người được Nhà nước tặng huân huy chương cao quý, được Đảng tặng huy hiệu 30-40-50-55 năm tuổi Đảng. Mọi người đều đoàn kết, nhiệt tâm xây dựng họ tộc ngày càng văn minh, tiến bộ, gia đình ấm no, hạnh phúc.

Con cháu đều tự hào về họ Đinh ở Trung Lương, về đại tộc Đinh Việt Nam.

Con cháu đang ra sức phấn đấu về mọi mặt để theo kịp với sự phát triển chung của xã hội, góp phần làm rạng danh họ tộc Đinh Việt Nam trong thời đại mới, xứng đáng là cháu con hậu duệ các vị tiên liệt.

Con cháu họ Đinh ở Trung Lương xin kính chào các dòng họ Đinh trên đất Việt Nam, luôn luôn hướng về Gia Viễn – nơi phát tích và là cội nguồn của dòng họ.

7. Họ Đinh ở Hàm Giang

Chúng ta chưa đủ cơ sở để kết luận họ Đinh ở Hàm Giang có liên quan đến họ Đinh Nho của chúng ta hay không. Tuy nhiên, chúng tôi cũng đưa mục này vào trong cuốn sách để bà con đồng tộc và những ai quan tâm tham khảo.

Theo gia phả và những câu chuyện truyền tụng trong dòng họ Đinh Văn ở Nghi Long, và được đề trong *Bia ghi danh và sơ lược quá trình phát triển dòng họ của bốn anh em con Tổ mẫu* đã được nêu ở phần trên, thì phần về Đinh Phúc An như sau (nguyên văn bia ghi danh):

"IV. Người con thứ tư là Ngài Đinh Phúc An (hay gọi là Yên) được phân ra Bắc Hà có nhiệm vụ chính là nắm tình hình chính trị để kịp thời báo về cho các anh ở trong này rõ. Dòng họ Đinh ở Hàn Giang đến đời thứ tư có tướng công Đinh Văn Tả sinh giờ Dần ngày 2 tháng 11 năm Kỷ Hợi (1599) tại Xã An Trường, Huyện Chân Phúc, Phủ Đức Quang (nay là khu vực Bắc Thành phố Vinh - xưa thuộc Nghi Lộc). Ngài Đinh Văn Tả là con trai của Võ tướng Đinh Văn Phủ (gọi Ngài Đinh Phúc Yên là ông nội) được mẹ là bà Nguyễn Thị Năng quê An Trường, Chân Phúc (Chân Phúc là huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An ngày nay - chúng tôi, người

biên soạn sách này chú thích) *đưa ra làng Cựu Khê, Hàn Giang (do thân phụ là ông Phủ đánh trận bị tử nạn ở Hải Dương năm 1600 - lúc đó Đinh Văn Tả chưa đầy 1 tuổi. Trong thời gian này ở Kim Khê có ông tổ đời thứ 3 là Đinh Phúc Nhàn* (tức ông tổ họ Đinh Văn ở Nghi Long - chúng tôi, người biên soạn sách này chú thích) *hỏi vợ* (tức lấy vợ - chúng tôi, người biên soạn sách này chú thích) *người Hàn Giang là bà Nguyễn Thị Hà. Nhờ mối quan hệ này mà trong khoảng thời gian trên hai họ Đinh Phúc Kim Khê và Đinh Phúc Hàn Giang liên lạc với nhau rất chặt chẽ...".*

Còn theo bài viết có tựa đề là *Gia thế họ Đinh ở Hàm Giang*, trang số 492 - 493, trong *Tri tân tạp chí văn hóa ra hằng tuần, năm thứ ba, số 99, ra thứ Năm, ngày 10/6/1943* của tác giả Tiên Đàm dẫn theo cuốn *Hàm Giang danh tướng liệt truyện* của Đinh Gia Nghi, Cử nhân khoa thi năm Bính Ngọ (1846), quyền Tri phủ Lâm Thao viết và đề tựa ngày 20 tháng 10 năm Thành Thái thứ 3 (tức ngày 21/11/1891) và cuốn *Gia phả dòng họ Đinh ở Hàm Giang* bằng văn vần của Đinh Gia Mai làm ở Viên Yên ngày 12/6/1936, thì:

Họ Đinh ở Hàm Giang (tức Hàn Giang) là hậu duệ của em Vua Đinh Bộ Lĩnh (tức là hậu duệ của Kim Ngô Đại tướng quân Đinh Điền). Do Đinh Điền cùng Nguyễn Bặc dấy quân chống lại Lê Hoàn bị thua nên con cháu lánh nạn về Hàm Giang lập thành quê mới. Về sau các đời xa dần không biết rõ ra sao. Kể từ Thái Bảo Thạch Quốc công Đinh Đàm, công thần đời Lê sơ truyền 6 đời đến Đại vương Lộc Quận công Đinh Văn Tả là người đứng đầu bậc công thần đời Lê Trung hưng.

Và theo đó, các đời nối tiếp nhau của họ Đinh ở Hàm Giang như sau:

- Các đời trước Thái bảo Thạch Quận công Đinh Đàm: Không rõ.

- Thái bảo Thạch Quận công Đinh Đàm: Không rõ năm sinh, năm mất. Khi nghe tin vua Lê Thái Tổ dấy binh ở Lam Sơn ông bèn xin đi theo khi đã 53 tuổi. Mà Lê Thái Tổ (tức Lê Lợi) dấy binh năm 1418. Như vậy có thể ông sinh vào khoảng năm 1365.

- Đinh Phúc An: Không rõ năm sinh, năm mất. Không rõ chức tước, địa vị. (Và, không rõ mối quan hệ giữa Đinh Phúc An và Thạch Quận công Đinh Đàm - người viết sách này chú thích).

- Đức Giang Hầu: Đức Giang Hầu là con của Đinh Phúc An. Đức Giang Hầu cũng không rõ năm sinh, năm mất. Năm Canh Thìn (1460) đã cùng các đại thần là bọn Lê Xí hợp mưu diệt trừ được phe cánh của bọn Phạm Đồn, Phạm Ban phế truất Nghi Dân đón Gia Vương lên ngôi hoàng đế (tức Lê Thánh Tông). Như vậy, năm 1460 Đức Giang Hầu cũng đã phải vào khoảng trên 20 tuổi. Vậy ít ra ông phải được sinh ra vào khoảng từ năm 1440 trở về trước. Và, vậy thì bố ông, tức Đinh Phúc An phải được sinh ra vào khoảng từ năm 1420 trở về trước. Điều này đang mâu thuẫn với thông tin từ dòng họ Đinh Văn ở Nghi Long được ghi trong Bia ghi danh nêu trên. Vì, Đinh Phúc Tiên là anh thứ hai, sinh năm 1477, mà Đinh Phúc An là em thứ tư ở đây lại là sinh vào khoảng từ năm 1420 trở về trước (?).

- Đô đốc Dương Sơn hầu Đinh Đam: Là con của Đức Giang Hầu. Không rõ năm sinh, năm mất.

- Thái bảo Hùng Quận công Đinh Phủ: Là con của Dương Sơn Hầu. Không rõ năm sinh. Mất khoảng năm 1600.

- Thượng Tế Lộc Quận công Đinh Văn Tả: Là con của Hùng Quận công Đinh Phủ. Sinh ở Thanh Hóa năm 1599. Mồ côi cha khi chưa đầy 1 tuổi. Theo thông tin ở các cuốn sách nêu

trên thì Hùng Quận công mất tại hành doanh, đóng ở Yên Trường (Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày nay) chứ không phải chết trận ở Hải Dương như thông tin từ dòng họ Đinh Văn ở Nghi Long.

Thông tin từ dòng họ Đinh Văn ở Nghi Long thì Đinh Văn Tả là cháu đời thứ 4 của Đinh Phúc An. Còn thông tin từ các cuốn sách và tạp chí đã dẫn thì Đinh Văn Tả là cháu đời thứ 5 của Đinh Phúc An.

Quả là việc đi tìm bằng chứng đủ sức thuyết phục cho việc họ Đinh ở Hàm Giang có liên quan đến các nhánh họ Đinh còn lại của chúng ta hay không là việc làm rất khó. Bởi câu chuyện của họ Đinh Văn ở Nghi Long là vậy nhưng câu chuyện của họ Đinh ở Hàm Giang lại có phần khác biệt. Tuy nhiên, ở đây tất cả các gia phả và tất cả các câu chuyện truyền đời ở 4 dòng họ đều thống nhất với nhau rằng, tất cả chúng ta đều là hậu duệ của Tướng quân Đinh Điền.

III. LỊCH SỬ DÒNG HỌ VÀ CHUYỆN VỀ NHỮNG BẬC DANH NHÂN DÒNG HỌ ĐINH NHO

1. Sơ lược lịch sử dòng họ Đinh Nho

Họ Đinh Nho ta được hình thành tại xã An Ấp, huyện Hương Sơn, phủ Đức Quang, xứ Nghệ An (nay là xã An Hòa Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh) bắt đầu từ khoảng năm 1543 - 1546 do Cụ Thủy tổ (sơ tổ, tổ đầu) Đinh Phúc Diên quê gốc từ Gia Viễn, Ninh Bình chạy loạn nhà Mạc rồi về đây. Trải qua gần 500 năm kể từ Cụ Thủy tổ đến nay, năm 2023, họ ta đã nối dõi đến đời thứ 20, 21. Và, con cháu hiện ở khắp mọi miền đất nước, có cả ở nước ngoài.

Gia phả không nói rõ cụ thủy tổ sinh năm nào. Nhưng theo gia phả họ Đinh Văn ở Nghi Long thì cụ Đinh Phúc Tiên,

em trai cụ Đinh Phúc Diên sinh năm 1477. Như vậy, cụ thủy tổ họ ta, Đinh Phúc Diên sinh khoảng năm 1475 trở về trước. Điều đó cũng phù hợp với suy luận logic vì Cụ tổ đời thứ 6 Đinh Hữu Luân sinh năm 1602, từ đời thứ nhất đến đời thứ 6 mỗi đời cách nhau bình quân khoảng [(1602 - 1475) : 5 =] 25 năm. Và nếu đúng như vậy, khi về An Ấp Cụ Thủy tổ Đinh Phúc Diên cũng đã khoảng 68 - 71 tuổi hoặc hơn. Gia phả ghi, cụ sống thượng thọ 93 tuổi. Gia phả không nói đến việc cụ thủy tổ về đây một mình hay cùng gia quyến nhưng chắc chắn cụ về đây cùng gia quyến, và chí ít đã có cháu nội, tức cụ tổ đời thứ 3 của chúng ta được sinh ra. Vì, đến năm 1543 cụ thủy tổ về đây mới lấy vợ, sinh con thì Cụ tổ đời thứ 6 không thể được sinh ra vào năm 1602 được [(1602 – 1543) : 5 = 11,8 năm, mỗi đời bình quân không thể chỉ cách nhau khoảng 12 năm].

Từ cụ thủy tổ đến đời thứ 6 họ ta độc đinh (nghĩa là mỗi đời chỉ có 1 con trai nối dõi, tuy nhiên theo gia phả họ Đinh ở Trung Lương đã dẫn ở trên thì khoảng đời thứ 3, họ ta đã có người về Trung Lương và hình thành nên họ Đinh ở đây (?)). Đời thứ 7, Cụ tổ Đinh Nho Công có 12 người con trong đó có 6 con trai. Và như vậy, từ cụ tổ đời thứ 7, Tiến sĩ Đinh Nho Công trở đi, họ ta bắt đầu phát tích khoa bảng và phá thế độc đinh, con cháu ngày càng đông đúc và nhiều người đỗ đạt cao.

Trong 6 con trai của cụ tổ đời thứ 7 thì có 4 người là có con trai nối dõi và hình thành nên 4 chi họ Đinh. Gồm:

Hai chi anh: Con trai trưởng bà cả là Cụ tổ Tộc trưởng Đinh Nho Trạch và con trai trưởng bà hai là Cụ tổ Tộc trưởng Đinh Nho Thận ở lại đất Hương Sơn và hình thành nên hai chi họ Đinh Nho ở đây. Hiện hai chi họ này thờ cúng tổ tiên chung ở nhà thờ Đinh Nho đại tôn. Hai chi anh này về sau con

cháu một số chuyển sang xã Sơn Châu, một số sang xã Sơn Tân và hành thành nên các nhánh họ Đinh Nho ở những địa phương này.

Chi thứ ba là con trai thứ hai của bà hai là Cụ tổ Đinh Nho Thường về huyện Thiên Lộc, phủ Đức Quang, xứ Nghệ An (nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Thiên Lộc đổi sang Can Lộc do năm Tự Đức thứ 15 (1862) vua ra chỉ dụ: ở đâu địa danh có chữ "thiên" phải đổi sang chữ khác để tỏ lòng tôn kính trời) sau sang xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, phủ Đức Quang, xứ Nghệ An (nay là xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh) và hình thành nên chi họ Đinh ở Cương Gián. Hành trình con cháu Cụ tổ Đinh Nho Thường tìm về, chắp nối được gia phả vào với gia phả gốc dòng họ Đinh Nho để rồi ngày 14/4/2022 tổ chức tế lễ và sao gia phả tại thôn Song Long, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là một hành trình vất vả nhưng cũng đầy lý thú của ông Đinh Quang Tích - là người con của dòng họ Đinh ở Cương Gián (bài viết của ông Đinh Quang Tích về việc này chúng tôi cũng đã đăng lại trong cuốn sách này).

Chi thứ tư là con trai thứ ba của bà hai là Cụ tổ Tổng binh Đốc lĩnh Hương Nghĩa Hầu Đinh Nho Côn về xã Thanh Liên, huyện Thanh Giang, phủ Đức Quang, xứ Nghệ An (nay là xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An) và hình thành nên chi họ Đinh ở Thanh Liên. Chắt nội Cụ tổ Đinh Nho Côn là Tiến sĩ Đinh Nhật Thận (1815 – 1866), một danh sĩ nổi tiếng triều Nguyễn. Sinh thời, Tiến sĩ Đinh Nhật Thận đã về nhận họ tại nhà thờ họ Đinh Nho ta và sao chép *Hương Yên phổ tự* của cụ tổ đời thứ 12 Đinh Thái Lãng để làm gia phả gốc cho chi họ Đinh ở Thanh Liên. Hiện nay cuốn gia

phả của Tiến sĩ Đinh Nhật Thận có phần sao chép từ *Hương Yên phổ tự* đó, họ Đinh ở Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An vẫn còn lưu giữ được. Năm Canh Dần (2010), bà con họ Đinh ở Thanh Liên cử đoàn đại biểu gồm 10 người, đại diện là ông Đinh Viết Hiểu sang dự lễ giỗ Thủy tổ Đinh Phúc Diên ngày mồng 9 tháng Giêng và tặng cho dòng họ Đinh Nho bản photocopy cuốn gia phả chữ Hán của Tiến sĩ Đinh Nhật Thận này (đã nói ở phần trên).

Cũng theo cuốn gia phả của Tiến sĩ Đinh Nhật Thận, dòng họ Đinh ở đây theo sổ bộ của người Pháp là họ Nguyễn, đến triều Vua Minh Mạng (trị vì 1820 – 1841), nhà vua mới cho cải chính sang họ Đinh.

Còn 2 người con trai nữa của bà cả là Cụ tổ Đinh Nho Huân thì mất sớm, và, Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn thì không có con trai.

Về sau họ ta còn có con cháu từ gốc là Cụ tổ đời thứ 14 Đinh Nho Thiều di chuyển sang sinh sống ở Thanh An, huyện Thanh Chương, Nghệ An. Một thời gian do khó khăn trong làm ăn và do một số nguyên nhân khác nên đã phải đổi sang họ Võ, sau đã đổi lại về họ Đinh.

Và bây giờ, con cháu đồng tộc họ Đinh Nho đã có mặt khắp mọi miền đất nước, kể cả định cư ở nước ngoài. Nếu không có sự liên kết chặt chẽ và/ hoặc không ghi chép gốc tích cẩn thận, thì con cháu các đời sau sẽ lại rất vất vả khi tìm về với nguồn cội. Theo thông tin ông Đinh Quang Tích nghe được, hiện có một nhánh họ Đinh Nho ta đang định cư ở tỉnh Phú Yên, chúng tôi chép vào đây làm cơ sở cho con cháu đời sau có thể kiếm tìm nhau, nhận họ.

Họ Đinh Nho ta trong các triều đại phong kiến là một cự tộc danh gia. Tuy nhiên là một họ lớn, nên không phải gia đình nào, chi, nhánh nào cũng có người học hành đỗ đạt, và do vậy cũng không tránh khỏi có những gia đình khó khăn trong cái khó khăn chung của toàn xã hội lúc bấy giờ. Trong cuốn *Hồi ức về Trung tướng Nguyễn Đường*, Trung tướng Nguyễn Đường kể lại thì mẹ của ông là bà Đinh Thị Mực, người họ Đinh Nho nhưng gia cảnh rất nghèo. Bà Mực là chị cả trong một gia đình có 5 người con gái và một người con trai tên là Liên (sau đổi tên thành Chân). Con trai ông Liên có người tên là Đinh Nho Phúc đi bộ đội, lên đến cấp bậc trung uý, nghỉ hưu và sinh sống tại quê vợ ở Mê Linh, Hà Nội. Cũng chép vào đây để đời sau có thể tìm kiếm, nhận họ.

Tộc trưởng hiện nay, Đinh Hải Quân thuộc đời thứ 19. 18 vị tộc trưởng đã qua của dòng họ Đinh Nho bao gồm:

Đời thứ	Tộc trưởng	Năm sinh	Năm mất	Ngày giỗ (âm lịch)	Hưởng thọ (tuổi)	Mộ ở
Thủy tổ	Đinh Phúc Diên			9/ Giêng	93	Áng Phần
2	Đinh Phúc Trường			18/7	60	Lòi Chim Chim
3	Đinh Phúc Bảo			25/6	73	Chưa rõ
4	Đinh Chính Tính			14/8	71	Áng Phần

Đời thứ	Tộc trưởng	Năm sinh	Năm mất	Ngày giỗ (âm lịch)	Hưởng thọ (tuổi)	Mộ ở
5	Đinh Phúc Khánh			19/Giêng	82	Trai Sơn
6	Đinh Hữu Luân	1602	1676	18/3	75	Lăng Kim Hoa
7	Đinh Nho Công	1637	1695	27/2	59	Lăng Kim Hoa
8	Đinh Nho Trạch	1656	1711	15/ Chạp	56	Áng Phần
9	Đinh Nho Thực	1679	1757	8/6	79	Ngọc Côn
10	Đinh Nho Tể	1705	1765	15/7	61	Thổ Vượng
11	Đinh Nho Quý	1722	1788	19/7	67	Áng Phần
12	Đinh Thái Lãng	1754	1809	21/7	56	Áng Phần
13	Đinh Nho Tự					
14	Đinh Nho Siêu					

Đời thứ	Tộc trưởng	Năm sinh	Năm mất	Ngày giỗ (âm lịch)	Hưởng thọ (tuổi)	Mộ ở
15	Đinh Nho Tánh					
16	Đinh Nho Hành (Hồ)	1885	1945	17/6	61	Đồng Mậu
17	Đinh Nho Liên	1905	1946	27/12	42	Đồng Mậu
18	Đinh Nho Quỳ	1937	2022	30/5	86	

Nhìn chung, trong các triều đại phong kiến Việt Nam, kể từ thời Hậu Lê, tức cuối Lê Sơ rồi Lê Trung hưng, tức là kể từ thời bắt đầu phát tích dòng họ Đinh Nho ở đất Hương Sơn cho đến hết thời kỳ phong kiến (hết các triều đại nhà Nguyễn), tổ tiên ta đã rất coi trọng việc học hành. Do vậy cũng đã có rất nhiều người thành danh.

1. Thủy tổ Đinh Phúc Tiên, chức Tả Hiệu Điểm, tước Công Tây Hầu, phẩm hàm Nhị phẩm, Phó Ban Võ (tòng Võ giai).

2. Đời thứ 2 Đinh Phúc Trường, 24 tuổi đậu ưu tứ trường, 27 tuổi thi xã sách cũng lại đỗ cao.

3. Đời thứ 3 Đinh Phúc Bảo, 19 tuổi đậu tứ trường, thi xã sách không đỗ chuyển sang làm nghề thuốc.

4. Đời thứ 4 Đinh Chính Tính, 20 tuổi đậu tứ trường.

5. Đời thứ 5 Đinh Phúc Khánh, 25 tuổi đậu tứ trường.

6. Đời thứ 6 Đinh Hữu Luân (1602 - 1676), 16 tuổi đậu tứ trường (1617), 19 tuổi đã dự vào Năng văn bộ ở bản phủ (1620). Gặp lúc cõi Nam có giặc tham gia dẹp giặc, sau giữ chức Huyện tá Đông Ngạn.

7. Đời thứ 7 Đinh Nho Công (1637 - 1695), đậu đệ tam giáp đồng tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670), chức Thiêm Đô Ngự sử.

8. Đời thứ 8:

- Đinh Nho Trạch (1656 - 1711), đậu hương cống (cử nhân) lúc 18 tuổi.

- Đinh Nho Hoàn (1671 - 1716), đậu đệ nhị giáp đồng tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700), chức Đốc trấn Cao Bằng, chức Thượng bảo Tự khanh, chức Phó sứ đoàn sứ Bộ triều cống nhà Thanh, sau khi mất được nhà vua gia phong Lễ bộ Tả Thị lang.

- Đinh Nho Thường, chức Tri huyện. Là thủy tổ nhánh họ Đinh ở Xã Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

- Đinh Nho Côn, đậu giải nguyên, chức Tri huyện phủ La Sơn, chức Tổng binh, tước Hương Nghĩa Hầu. Là thủy tổ nhánh họ Đinh ở Xã Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An.

9. Đời thứ 9:

- Đinh Nho Gia, chức Huyện thừa.

- Đinh Nho Lâm, chức Câu Kê. Là chức quan trong các phiên của phủ chúa, đứng dưới chức Thiêm Tri phiên. Trật chánh thất phẩm.

- Đinh Nho Hoành, chức Triều liệt đại phu.

- Đinh Nho Phiên, tước Trung Doãn Hầu.

10. Đời thứ 10:

- Đinh Nho Tể (1705 - 1765), chức Hoàng Tín Đại phu Thái Bộc Tự khanh, tước Văn Lĩnh Hầu.

11. Đời thứ 11:

- Đinh Nho Quý (1722 - 1788), chức Chỉ huy Đồng Tri, tước Hoan Trung Hầu.

- Đinh Nhật Thận (1815 - 1866) đậu tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1838), chức Tri phủ Anh Sơn (Đinh Nhật Thận là chắt của Cụ tổ đời thứ tám Đinh Nho Côn, nhánh họ Đinh Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An).

- Đinh Nguyễn Đôn, đậu hương cống khoa Kỷ Mão, niên hiệu Cảnh Hưng 19 (1759). Đinh Nguyễn Đôn là chắt của Cụ tổ đời thứ tám Đinh Nho Thường, nhánh họ Đinh Cương Gián, Nghi Xuân, Nghệ An.

12. Đời thứ 12:

- Đinh Thái Lãng (1754 - 1809), chức Triều liệt Đại phu, Hàn lâm viện thị giảng học sĩ.

13. Đời thứ 13:

- Đinh Khắc Tuy, chức Bá hộ, phẩm hàm cửu phẩm.

- Đinh Nho Tỉnh (Đinh Nho Tĩnh), chức Thái Bộc Tự khanh.

- Đinh Nho Chân, đậu cử nhân, chức Tri phủ.

- Đinh Nho Tân, đậu tú tài.

14. Đời thứ 14:

- Đinh Nho Quang, đậu cử nhân, chức Tuần phủ Phú Yên.

- Đinh Nho Lệ, tức cụ Hàn Lệ, đậu tú tài, không ra làm quan mà mở trường dạy học (chúng tôi, người soạn sách này là chắt nội cụ Đinh Nho Lệ).

- Đinh Nho Điển (1846 - 1884), đậu đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân năm Ất Hợi (1875), chức Hồng Lô Tự khanh.

- Đinh Nho Mỵ, đậu cử nhân.

15. Đời thứ 15:

- Đinh Nho Bằng, cử nhân Hán học, chức Tri huyện các huyện Nam Đàn, Nghi Lộc, Gio Linh, Cẩm Xuyên, Yên Định. Sau cách mạng làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt xã (từ năm 1946), mất ngày 15/12/1952.

- Đinh Nho Kiên (1887 - 1956), thường gọi là cụ Ấm Thuyên, là con trai của cụ Cử nhân, Tuần phủ Đinh Nho Quang, hoạt động cách mạng, mất năm 1956 [trong gia phả năm 2020 có chỗ ghi năm mất là 1950 (?)]

- Đinh Nho Khôn (1888 - 1918), đậu cử nhân Hán học khoa Ất Mão (1915), làm tri huyện Hoài An, Bình Định. Cụ Đinh Nho Khôn là con trai của cụ Cử nhân, Tuần phủ Đinh Nho Quang.

- Đinh Nho Kham (1889 - 1936), đậu tú tài Hán học. Cụ Đinh Nho Kham là con trai của cụ Cử nhân, Tuần phủ Đinh Nho Quang.

- Đinh Nho Cẩn, đậu tú tài Hán học. Cụ Đinh Nho Cẩn là con trai Tiến sĩ Đinh Nho Điển.

- Đinh Nho Nhượng, đậu tú tài Hán học. Cụ Đinh Nho Nhượng là con trai Tiến sĩ Đinh Nho Điển.

- Đinh Nho Chấn (1863 - 1935), tức cụ Hàn Cống, đậu tú tài Hán học, tác giả cuốn sách *Trung Việt dược tính hợp biên* hiện còn được lưu giữ ở thư viện Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

- Đinh Nho Đường (1890 - 1960), chức Bá hộ, phẩm hàm Cửu phẩm.

- Đinh Nho Đoan, đậu tú tài (ông Tú Mậu), tham gia hoạt động cách mạng ở Xiêm (Thái Lan) trong phong trào tiền Cộng sản.

16. Đời thứ 16 Đinh Nho Hàng, chức Tham tá Hồng lô Tự khanh. Cũng cần nói thêm rằng, Cụ Đinh Nho Hàng về sau tham gia hoạt động cách mạng trong hàng ngũ những người cộng sản cùng thời với Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương Hà Huy Tập. Tuy nhiên, khi vào hoạt động ở Sài Gòn thì cụ đã có sự thay đổi về quan điểm, nhận thức và không còn đứng trong hàng ngũ những người Cộng sản nữa. Về việc này, chúng ta cần tôn trọng quan điểm chính trị và quyền lựa chọn cá nhân của cụ.

Ngoài các vị học hành, đỗ đạt hoặc ít nhiều có cống hiến cho xã hội mà gia phả ghi lại được như đã nêu ở trên, dòng họ Đinh Nho ta cũng có nhiều nhân sĩ, trí thức tham gia hoạt động, tìm đường cứu nước trong các phong trào cách mạng giải phóng dân tộc cũng như có những thành đạt nhất định sau này.

Ngoài ra, cũng có nhiều liệt sĩ hi sinh vì Tổ quốc. Như, đời thứ 15 có:

- Đinh Nho Thục (Đinh Doãn Tế), Đinh Nho Bộc (là hai anh em ruột) đều tham gia Đông Kinh nghĩa thục; Cụ Đinh Nho Thục chết ở nhà tù Côn Đảo; Cụ Đinh Nho Bộc ốm chết ở Lào trên đường về Việt Nam trong lúc cùng đi với Chí sĩ Phan Bội Châu và với 1 người nữa. Đinh Nho Khôi, cán bộ tiền khởi nghĩa, Tổng Biên tập báo *Hà Nội mới*. Đinh Nho Vỵ (1894 - 1959), là con trai cả của cụ Tú tài Đinh Nho Lệ và là ông nội của chúng tôi, người soạn sách này, làm ở Tòa Khâm sứ Pleiku, rồi làm Phó Giám đốc Sở Lục lộ (tương đương Sở Giao thông Vận tải bây giờ), chủ một doanh nghiệp vận tải và chủ một khu chợ (nhà riêng lúc bấy giờ ở xã Trà Phú Thương, thị xã Gia Lai - Kontum, không rõ là tương ứng với địa chỉ nào hiện nay) đồng thời tham gia hoạt động cách mạng giữ chức Phó Chủ tịch Ủy

ban Kháng chiến hành chính tỉnh Gia Lai, khoảng cuối năm 1947 đầu năm 1948 bị lộ, đưa cả gia quyến về quê và được chính quyền tại quê nhà bố trí công tác theo đề nghị của chính quyền Gia Lai - Kontum, giữ chức Phó Ty Thủy lợi Hà Tĩnh. Khi còn làm việc ở Gia Lai - Kontum, cụ Đinh Nho Vỵ có gửi tiền về quê làm ngôi nhà 3 gian hai chái gỗ lim rất to đẹp. Tuy nhiên, khi đưa gia quyến về quê do không có cái ăn nên phải đổi cả ngôi nhà để lấy 2 tạ gạo. Ngôi nhà này được người ta dỡ và mang về dựng ở xã Sơn Lễ, đến nay vẫn còn.

Đời thứ 16 có:

- Đinh Nho Đang (1911 - 1972), tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Kinh qua các chức vụ: Chủ tịch huyện Hương Sơn, Hiệu trưởng Trường Thiếu sinh quân Bộ Quốc phòng, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố Hải Phòng, Viện trưởng Viện Kiểm sát Quân sự Quân khu III - Bộ Quốc phòng.

- Đinh Nho Bát, Đại tá, Chủ nhiệm Chính trị, Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng.

- Đinh Nho Hàm (1906 - 1955), nguyên Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Đà (Quảng Nam, Đà Nẵng) thời chống Pháp.

- Đinh Nho Liêm (1924 - 2008), nguyên Đại sứ Ai Cập, Lào, Liên Xô; nguyên Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao;

- Đinh Nho Huề, tham gia cách mạng trước và sau khởi nghĩa (1945);

- Đinh Nho Khoách, tham gia cách mạng trước và sau khởi nghĩa, Phó Bí thư Huyện ủy Huyện Hương Sơn;

- Đinh Xuân Bính Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Hương Sơn...

Đời thứ 17 có:

- Chí sĩ Đinh Nho Diệm (Con trai cụ Đinh Nho Huề, anh ruột Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Đinh Phạm Thái), tức nhà thơ Quỳnh Dao...

Về việc học hành đỗ đạt sau thời Nho học có:

Đời thứ 16: Cháu nội Tiến sĩ Đinh Nho Điển là Tiến sĩ Đinh Nho Hân. Ông là vị tiến sĩ Hóa học đầu tiên tốt nghiệp ở Pháp của toàn cõi Đông Dương. Không may, Tiến sĩ Đinh Nho Hân mất sớm. Thạc sĩ Đinh Nho Bảng, Vụ phó Vụ Ngoại hối - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hiệp hội Kinh doanh vàng Việt Nam.

Đời thứ 17 có các tiến sĩ: GS.TSKH Đinh Dũng; GS.TSKH, Nhà thơ, Nhà giáo Nhân dân Đinh Phạm Thái (1937 - 2023). PGS.TS Toán học Đinh Nho Chương. TS. Đinh Thị Khương. PGS.TS Y khoa Đinh Thị Thu. PGS.TS Y khoa Đinh Thị Phương Hòa. TS Đinh Thị Phương Hoa. GS.TSKH Toán học Đinh Nho Hào, Chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Toán học - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. TS. Đinh Thị Kim Oanh. Đại tá, Tiến sĩ Đinh Nho Hồng. TS. Đinh Như Hà Bình. TS. Đinh Nho Thanh. Kỹ sư Trắc địa, Cử nhân Toán học Đinh Thanh Tịnh, thông thạo 5 ngoại ngữ, sáng lập và là Giám đốc Công ty dịch thuật Quốc tế, đồng tác giả của 4 cuốn từ điển chuyên ngành, tác giả và dịch giả 3 cuốn sách chuyên ngành về trắc địa. Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Hà Tĩnh Đinh Xuân Việt. TS. Đinh Nho Hải, Phó Giám đốc nhà máy điện nguyên tử ở Australia. Thạc sĩ khoa học xã hội nhân văn, cử nhân ngôn ngữ Anh Đinh Việt Anh (nữ), mặc dù bị mù cả hai mắt từ khi còn nhỏ nhưng đã kiên trì vượt qua mọi trở ngại, khó khăn vất vả để phấn đấu trở thành người có ích cho bản thân, gia đình và xã hội - hiện đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội Người mù Việt Nam.

Đời thứ 18 có TS. Đinh Thị Yến. TS. Đinh Nho Hùng. TS. Đinh Nho Minh...

Đặc biệt, họ Đinh Nho ta còn có ông Đinh Xuân Vịnh, đời thứ 16 là nhà nghiên cứu, khảo đính lịch sử, địa lý, động thực vật. Ông nổi tiếng với cuốn *Sổ tay địa danh Việt Nam* dày 754 trang. Ông Đinh Xuân Lâm, Giáo sư sử học, được coi là một trong tứ trụ sử học: Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn và Trần Quốc Vượng. Ông Lâm là hậu duệ của nhánh họ Đinh Nho từ An Ấp sang đất Xa Lang (Sơn Tân) nên ở đây chúng tôi chưa rõ là tương đương đời thứ mấy.

Về số đinh (đàn ông) hai chi trưởng, thứ họ Đinh Nho ở Hương Sơn tổng hợp theo gia phả như sau (các chi ở Thanh Liên, Thanh Chương và Cương Gián, Nghi Xuân chưa có số liệu để tổng hợp; con cháu hai chi trưởng, thứ sang Sơn Châu, sang Xa Lang (Sơn Tân) cũng chưa có số liệu để tổng hợp ở đây):

TT	Đời thứ	Chi trưởng (A)	Chi thứ (B)	Cộng
1	Đời thứ 1	1	0	1
2	Đời thứ 2	1	0	1
3	Đời thứ 3	1	0	1
4	Đời thứ 4	1	0	1
5	Đời thứ 5	1	0	1
6	Đời thứ 6	1	0	1
7	Đời thứ 7	1	0	1
8	Đời thứ 8	3	3	6
9	Đời thứ 9	6	3	9

TT	Đời thứ	Chi trưởng (A)	Chi thứ (B)	Cộng
10	Đời thứ 10	8	9	17
11	Đời thứ 11	14	12	26
12	Đời thứ 12	24	16	40
13	Đời thứ 13	32	27	59
14	Đời thứ 14	29	39	68
15	Đời thứ 15	47	72	119
16	Đời thứ 16	82	119	201
17	Đời thứ 17	130	134	264
18	Đời thứ 18	128	69	...
19	Đời thứ 19	49	...	...
20	Đời thứ 20	8	...	...

Như vậy, về cơ bản, dòng họ chúng ta tổng hợp tương đối đầy đủ về danh sách đinh từ đời thứ nhất đến đời thứ 17.

Tuy nhiên vẫn cần phải cập nhật, bổ sung tiếp vì rải rác đây đó các đời vẫn có việc bà con đi lập nghiệp nơi xa, sinh sôi phát triển mà chưa kết nối hoặc không còn có đủ thông tin để kết nối với gia phả của tổ tiên. Đặc biệt các đời từ đời thứ 18 trở đi đang thiếu rất nhiều.

Về đền thờ thì hiện nay có 2 đền thờ đang thờ phụng các vị thần trong dòng họ Đinh Nho ta:

1. Đền Gôi Vỵ (đền bà Tiết Phụ, còn gọi là đền bà Tiết Nghĩa) thờ 4 vị phúc thần họ Đinh Nho là 4 cha con: Đinh Nho Công (cha), Đinh Nho Hoàn (con trai), Phan Thị Viên (con dâu,

vợ thiếp Đinh Nho Hoàn), Đinh Nho Côn (con trai). Ngoài ra, Đền Gôi Vỵ còn thờ các vị sơn thần thổ địa, thành hoàng làng Gôi Vỵ và thờ Ngoại giáp Đinh Điền, là cụ tổ từ xa xưa ở Gia Viễn, Ninh Bình của dòng họ Đinh Nho ta.

2. Đền thờ cụ Hường, tức đền thờ Tiến sĩ Đinh Nho Điển.

Ngoài 2 ngôi đền trên, còn có 1 ngôi đền thờ nữa có các sự tích liên quan đến Cụ tổ đời thứ 8, Tiến sĩ Đinh Nho Công của họ ta, là đền Thịnh Xá (đền Bạch Vân).

Về nhà thờ, hiện nay hai chi trưởng, thứ ở Hương Sơn cùng thờ phụng tổ tiên chung tại nhà thờ họ Đinh Nho tại thôn Đồng Vực, xã An Hòa Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Hai chi họ ở Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh và ở Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An có các nhà thờ riêng.

Về lăng mộ, họ ta hiện có 5 khu lăng mộ tổ:

1. Lăng mộ Tổ mẫu Hoàng Quý thị ở nghĩa trang Kỳ Ông Trường, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

2. Khu lăng mộ Áng Phần: gồm 16 phần mộ cụ thủy tổ và các đời.

3. Lăng mộ lòi Chim Chim (núi Điểu Lĩnh): Phần mộ cụ tổ ông, tổ bà đời thứ 2.

4. Lăng mộ Trai Sơn (rú Trai): Phần mộ cụ tổ ông, cụ tổ bà đời thứ 5.

5. Lăng Kim Hoa: Phần mộ cụ tổ ông, cụ tổ bà đời thứ 6; Phần mộ cụ tổ ông đời thứ 7.

Ngoài ra các chi họ ở Cương Gián, ở Thanh Liên cũng như các nhánh, các chi về sau có các khu lăng mộ, nghĩa trang riêng.

Đánh giá về họ Đinh Nho ở Hương Sơn, báo Hà Tĩnh số ra ngày 17/4/1999 có đăng bài *Họ Đinh Nho ở Hương Sơn,* trong đó có đoạn:

"... Họ Đinh Nho là một cự tộc thế phiệt trâm anh ở Hương Sơn và xứ Nghệ... Dòng họ này đã sản sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng cả trong khoa mục, quan trường và võ bị".

2. Thủy tổ Đinh Phúc Diên

Dòng họ Đinh Nho ta có gốc từ dòng họ Đinh ở Gia Viễn, Ninh Bình, là dòng dõi Ngoại giáp Đinh Điền.

Như trên đã nói, thủy tổ dòng họ Đinh Nho ta là Đinh Phúc Diên, anh cả trong 4 anh em cùng mẹ già là Hoàng Quý thị và gia quyến chạy loạn nhà Mạc từ ngoài Bắc (gia phả dòng họ Đinh Nho nói là từ Gia Viễn) vào đất Hoan Châu (Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay) vào khoảng năm 1527. Thủy tổ Đinh Phúc Diên cùng gia quyến về An Ấp, Hương Sơn (xã An Hòa Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay) lập nghiệp vào khoảng từ năm 1543 - 1546 lúc đã khoảng 68 - 71 tuổi hoặc hơn. Cụ thọ 93 tuổi. Cụ mất ngày mồng 9 tháng Giêng, không rõ năm sinh, năm mất.

Hằng năm, dòng họ Đinh Nho lấy ngày giỗ thuỷ tổ làm ngày đại lễ. Ở quê nhà hoặc bà con nội ngoại về quê dịp này tập trung tại nhà thờ đại tôn dâng nén hương thơm, hành tế đại lễ, chiêm niệm công đức tổ tiên và cùng nhau nâng chén rượu đầu xuân. Quang cảnh tại nhà thờ họ những lúc này thật thắm tình ruột thịt, hẳn các đấng tổ tiên chắc cũng thấy ấm lòng. Những gia đình sống xa quê, năm nào không có điều kiện để về thì cũng thường thắp hương lên bàn thờ tổ tiên, lòng hướng về quê và nhắc nhở con cháu rằng: hôm nay là ngày giỗ tổ, rồi cùng cháu con ôn lại truyền thống vẻ vang của các đấng liệt tổ, liệt tông.

Đương thời, Cụ tổ Đinh Phúc Diên là quan võ, là thuộc tướng của Lê Tuấn Mậu. Cụ giữ chức Tả Hiệu điểm, phẩm hàm Nhị phẩm, phó ban võ (tòng Võ giai). Sau khi đưa gia quyến về đất Hoan Châu cụ hợp sức cùng Phạm Phúc Kính (là thủy tổ dòng họ Phạm ở Sơn Bằng, Hương Sơn, Hà Tĩnh) tiếp tục công cuộc phù Lê diệt Mạc. Sau khi nhà Lê Trung hưng, xét công lao, nhà vua ban cho cụ thêm tước Công Tây Hầu (tước Hầu là tước thứ 2 trong 5 tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam; Nhị phẩm là phẩm hàm thứ 2 trong 9 phẩm từ nhất phẩm đến cửu phẩm).

Như vậy, họ tên, chức tước, phẩm hàm đầy đủ của cụ thủy tổ là: Tả Hiệu Điểm, Công Tây Hầu, Nhị phẩm, Tòng Võ giai Đinh Phúc Diên.

Bài *Đấng Tổ đầu* Phó Giáo sư, Tiến sĩ Toán học Đinh Nho Chương (hậu duệ dòng họ Đinh Nho, đời thứ 17), nguyên Chủ nhiệm Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, được ông nội dạy học thuộc lòng từ những năm lên 6, lên 7 tuổi (1940, 1941) ghi lại trên trang website: Hodinhvietnam.com nói về đấng tổ đầu (thủy tổ) dòng họ Đinh Nho ta như sau:

Đấng Tổ đầu

Họ Đinh ta gốc miền Gia Viễn
Vì loạn ly tị biến Hoan Châu
Bốn người làm bốn Tổ đầu
Trâm anh rạng vẻ công hầu lối xưa.

Huyện Nam Đàn lưa thưa rải rác
Vùng Nghi Xuân lác đác còn ghi
Nghi Lộc dọi vẻ lân nhi
Hương Sơn cũng vậy hai chi hùng cường.

Đấng Tổ đầu đất Hương truyền dõi

Nhà thanh bần tên gọi Phúc Diên

Bình Hòa thôn ngụ còn biên

Cây Đồng dấu tích còn truyền đến nay.

Xứ Thác Lác thường ngày khai khẩn

Bởi kiệm cần xoay vận thái lai

Về sau dẹp giặc có tài

Công Tây Hầu tước được Ngài ngự phong.

Chín ba tuổi khởi dòng thượng thọ

Ngàn vạn đời truyền họ đất Hương

Tháng Giêng mồng Chín lệ thường

Nhớ ngày Giỗ Tổ đất Hương quê nhà.

"Nghi Lộc dọi vẻ lân nhi/ Hương Sơn cũng vậy hai chi hùng cường". Quả thật, dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn và dòng họ Đinh Văn ở Nghi Long, Nghi Lộc thật hùng cường. Dòng họ Đinh ở Đức Thủy, Đức Thọ cũng rất rạng rỡ. Dòng họ Đinh ở Hàm Giang còn vẻ vang hơn. Tuy nhiên, như các phần trên đã nêu, chưa đủ cơ sở để kết luận là họ Đinh ở Hàm Giang có liên quan đến họ ta.

Phần mộ Thủy tổ Đinh Phúc Diên trước đây được táng tại xóm Cống, xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Thực hiện chủ trương của địa phương về việc tập trung các ngôi mộ về các khu đất dành cho nghĩa trang, ngày 10/2/1974, dòng họ Đinh Nho đã cải táng phần mộ Thủy tổ Đinh Phúc Diên về Khu lăng mộ dòng họ Đinh Nho ở Áng Phần.

Thủy tổ Đinh Phúc Diên có 2 bà vợ. Bà cả họ Đào, thọ 85 tuổi, mất ngày 5/4. Bà hai không rõ họ tên cũng như không rõ năm sinh, năm mất.

Mộ 2 bà trước cũng ở Sơn Thịnh, hiện nay dòng họ cũng đã di về khu lăng mộ Áng Phần cùng với mộ của cụ ông.

Khu lăng mộ Áng Phần gồm 16 phần mộ của các cụ tổ:

1. Thủy tổ Đinh Phúc Diên;

2. Vợ cả cụ Đinh Phúc Diên họ Đào;

3. Vợ hai cụ Đinh Phúc Diên không rõ họ tên;

4. Cụ tổ đời thứ 4 Đinh Chính Tính;

5. Vợ cụ Đinh Chính Tính họ Dương;

6. Vợ cả Cụ tổ đời thứ 7 Tiến sĩ Đinh Nho Công họ Đặng tên Đô;

7. Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Trạch;

8. Vợ cụ Đinh Nho Trạch họ Đặng tên Giản;

9. Cụ tổ đời thứ 8 Tiến sĩ Đinh Nho Hoàn;

10. Vợ cả cụ Đinh Nho Hoàn họ Lê tên Vệ;

11. Vợ hai cụ Đinh Nho Hoàn họ Phan tên Viên;

12. Vợ cả Cụ tổ đời thứ 8 Tổng binh Đinh Nho Côn;

13. Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Thận;

14. Cụ tổ đời thứ 9 Đinh Nho Thành;

15. Cụ tổ đời thứ 12 Đinh Thái Lãng;

16. Vợ cụ Đinh Thái Lãng họ Trần tên Bảng.

Khu lăng mộ Áng Phần này có những ngôi mộ từ trước đã được an táng ở đây, nhưng cũng có những ngôi mộ con cháu sau này quy tập về từ các vị trí rải rác khác.

Khu lăng mộ Áng Phần được con cháu, bà con trong họ tu bổ, tôn tạo vào năm 1993. Cổng khu lăng mộ có đôi câu đối:

進為義士

退為俍農

Phiên âm:

Tiến vi nghĩa sĩ

Thoái vi lương nông.

Đôi câu đối này được lấy từ bài văn khắc trên bia đá để răn dạy con cháu của Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Hoàn năm 1715, lúc Cụ được nhà vua cho về thu xếp việc nhà trước khi lên đường đi sứ sang nhà Thanh (Trung Quốc ngày nay).

Tạm dịch:

Tiến lên thì làm người nghĩa sĩ

Lui về thì làm người nông dân lương thiện.

3. Cụ tổ đời thứ 2 Đinh Phúc Trường

Cụ tổ Đinh Phúc Trường là con trai duy nhất của Cụ Thủy tổ Đinh Phúc Diên. Gia phả không chép về con gái nên không rõ cụ tổ đời thứ 2 có các chị, em gái hay không. Thuở nhỏ, cụ Đinh Phúc Trường theo học Tiên sinh họ Trần ở Châu Ái (tức Thanh Hóa ngày nay). 24 tuổi cụ thi đậu ưu tứ trường, 27 tuổi thi xã sách lại đỗ cao. Các kỳ thi tứ trường, xã sách tuy sử sách chép mỗi nơi một khác, nhưng tựu trung lại đều thống nhất đó là các kỳ sát hạch, tuyển chọn người được dự vào kỳ thi Hương để chọn tú tài, cử nhân. Tuy cụ học hành đỗ đạt chưa cao (chưa đỗ tú tài) nhưng kẻ ăn, người ở (tức người làm công) trong nhà cụ được cụ tạo điều kiện cho học hành và dạy bảo chu đáo nên nhiều người thành đạt.

Gia phả không chép năm sinh, năm mất, chỉ chép cụ thọ 60 tuổi, ngày giỗ 18/7. Vợ Cụ người họ Lê, thọ 73 tuổi, ngày giỗ 13/9. Gia phả bản năm 2020 chép, mộ của cả cụ ông, cụ bà đều được táng tại lòi Chim Chim (thôn Yên Nghĩa, xã Hữu Bằng, nay là xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh).

Tương truyền, thầy địa lý phong thủy nổi tiếng người Tàu (Trung Quốc) là Ngô tiên sinh, người sang giúp Cụ tổ đời thứ 6 Đinh Hữu Luân đặt huyệt mộ cho tổ tiên để giúp con cháu dòng họ Đinh Nho đời đời phát đạt đã điểm cho họ Đinh Nho ta hai huyệt mộ:

- Huyệt mộ ở lòi Chim Chim (thôn Yên Nghĩa, xã Hữu Bằng nêu trên);

- Huyệt mộ ở rú Trai (xã Sơn Tiến ngày nay).

Cả hai huyệt mộ này đều được cho là: *Kế thế đăng khoa, đại đại bất tuyệt.*

Huyệt mộ ở rú Trai sẽ nói ở phần sau.

Huyệt mộ ở lòi Chim Chim này là nơi họ Đinh Nho ta an táng Cụ tổ đời thứ 2 Đinh Phúc Trường. Huyệt mộ này được táng chung với mộ Cụ tổ Nguyễn Dư của họ Nguyễn nơi đây.

Tuy nhiên, để bí mật phần mộ nên sau khi an táng, dấu vết cả 2 phần mộ tổ của cả 2 dòng họ đã được xóa. Hiện không rõ các cụ được chôn cất ở những vị trí cụ thể nào ở lòi Chim Chim.

Để tưởng nhớ và để có chỗ hương khói, tảo mộ, năm 1994, con cháu của cả 2 dòng họ Đinh và Nguyễn (họ Nguyễn ở Sơn Bằng) đã thống nhất và đã cùng nhau xây cất lăng mộ chung cho cả 2 cụ tổ; năm 2022 đã tôn tạo lại. Bài vị trên lăng mộ chung ghi bằng chữ Hán và phiên âm Hán Việt như sau (đọc theo cột dọc, đọc từ trên xuống dưới, đọc lần lượt hết cột bên phải sang cột bên trái):

Huý	諱	Đinh	丁	Huý	諱	Nguyễn	阮	Nguyễn	阮
Kỵ	忌	Tộc	族	Kỵ	忌	Tộc	族	Tộc	族
Thất	七	An	安	Ngũ	五	Triệu	肇	Cập	及
Nguyệt	月	Ấp	邑	Nguyệt	月	Cơ	基	Đinh	丁
Thập	十	Đại	大	Thập	十	Đệ	第	Tộc	族
Bát	八	Tôn	宗	Bát	八	Tam	三	Chi	之
Nhật	日	Đệ	第	Nhật	日	Đại	大	Tổ	祖
Nhâm	壬	Nhị	二			Tôn	宗	Lăng	陵
Dần	寅	Thế	世			Đệ	第	Mộ	墓
Niên	年	Tổ	祖			Tứ	四		
Hạ	夏	Khảo	考			Thế	世		
Quý	季	Đinh	丁			Tổ	祖		
Tái	再	Phúc	福			Khảo	考		
Tạo	造	Trường	長			Nguyễn	阮		
2						Dư	餘		
0									
2									
2									

"Nguyễn Tộc Cập Đinh Tộc Chi Tổ Lăng Mộ Nguyễn Tộc Triệu Cơ Đệ Tam Đại Tôn Đệ Tứ Thế Tổ Khảo Nguyễn Dư Húy Kỵ Ngũ Nguyệt Thập Bát Nhật Đinh Tộc An Ấp Đại Tôn Đệ Nhị Thế Tổ Khảo Đinh Phúc Trường Húy Kỵ Thất Nguyệt Thập Bát Nhật Nhâm Dần Niên Hạ Quý Tái Tạo".

Nghĩa là:

Lăng mộ của dòng họ Nguyễn và dòng họ Đinh.

Họ Nguyễn ở Triệu Cơ, chi thứ ba, đời thứ tư, Nguyễn Dư. Ngày giỗ: Ngày Mười Tám tháng Năm.

Họ Đinh ở An Ấp, chi trưởng, đời thứ hai, Đinh Phúc Trường. Ngày giỗ: Ngày Mười Tám tháng Bảy.

Tôn tạo lại vào mùa Hè năm Nhâm Dần (2022).

Đôi câu đối ở cổng lăng mộ:

鳥岭鍾靈地

銀水造化天

Phiên âm:

Điểu Lĩnh chung linh địa

Ngân Thủy tạo hóa thiên.

Chúng tôi tạm dịch:

Điểu Lĩnh do các linh mạch tụ lại mà thành,

Ngân Thủy bởi tạo hóa biến thiên mà có.

Điểu Lĩnh tức là núi Điểu Lĩnh, tức lòi Chim Chim. Ngân Thủy tức là sông ngân, ý nói bàu Bạc ở tại địa phương này. Từ điển giảng giải bàu là ao, là đầm lớn. Nhưng qua thực tế tại các xã có bàu ở Hương Sơn, Hà Tĩnh thì theo chúng tôi, bàu còn là tên gọi của những nhánh sông, con sông nhỏ.

Theo Gia phả bản năm 2020 thì mộ cụ tổ bà, vợ cụ Đinh Phúc Trường cũng táng tại lòi Chim Chim này như đã nói ở trên, nhưng ở bài vị nêu trên không thấy nhắc đến.

4. Cụ tổ đời thứ 5 Đinh Phúc Khánh

Gia phả chép, các cụ tổ đời thứ 3 Đinh Phúc Bảo, đời thứ 4 Đinh Chính Tính và đời thứ 5 Đinh Phúc Khánh khi xưa đều chỉ đậu đến tứ trường.

Cụ tổ đời thứ 5 Đinh Phúc Khánh về sau xuất gia tu lý ở chùa Thanh Uyên ở địa phận làng Mân Xá. Chúng tôi chưa rõ làng Mân Xá thuộc địa danh nào hiện nay. *Hương Yên phổ tự* bản chữ Quốc ngữ của cụ Đinh Nho Dật chép:

"Nguyên xưa sông Phố (tức sông Ngàn Phố - chúng tôi, người soạn sách này ghi chú) *đi từ xã Phúc Dương (Sơn Trung) chuyển qua trước chùa Thanh Uyên rồi chạy thẳng về địa phận làng Mân Xá..."*

Gia phả không chép năm sinh, năm mất của cụ mà chỉ chép rằng, cụ thọ 82 tuổi, ngày giỗ 19 tháng Giêng. Cụ bà người họ Nguyễn, con nhà thi thư, thọ 74 tuổi, ngày giỗ 20/2. Lăng mộ cụ ông, cụ bà hợp táng tại rú Trai, xã Sơn Tiến ngày nay.

Truyện xưa kể lại. Cụ tổ đời thứ 6 của dòng họ Đinh Nho ta là Đinh Hữu Luân. Thuở nhỏ, cụ chăm chỉ học hành và có tiếng tăm rất sớm. 16 tuổi cụ đậu tứ trường (1617). 19 tuổi đã tham dự vào công việc ở trong phủ ở quê nhà. Gặp lúc cõi Nam có giặc, cụ tham gia dẹp giặc cứu nước. Vì có công, nhà vua cho làm chức Huyện tá Đông Ngạn. Huyện tá là chức quan giúp việc cho tri huyện. Ở huyện, cụ không chút sao nhãng việc công, hết lòng chăm lo cho dân, nổi tiếng thanh liêm. Cả hai ông bà sống đầy nhân nghĩa được dân bản địa kính nể, khâm phục. Một lần thuyền buôn của một thương lái Trung Quốc gặp nạn, cụ đã cưu mang, giúp đỡ, chu cấp lương thực, phương tiện để nhóm người Trung Quốc này về nước. Để đền đáp ơn sâu, nghĩa nặng của cụ, sau khi về nước, bảy tháng sau, họ mang theo sang một thầy địa lý giỏi và tạ cụ rằng:

"Đội ơn tái tạo của ông, chúng tôi không dám đem vàng ngọc tạ lòng trong sáng nên chúng tôi đem vị tiên sinh này ở bản quốc để

phát phúc cho nhiều người song cốt để báo cái đức thiện của nhà ông. Xin ông nhận lời!".

Cụ mừng vui khôn xiết, lấy làm cảm tạ, lập tức từ quan rồi rước Ngô Tiên sinh về quê để chăm lo cho công việc độ trì đời đời con cháu mai sau.

Lúc bấy giờ, đã gần trăm năm kể từ ngày Cụ Thủy tổ Đinh Phúc Diên đưa gia quyến về An Ấp (An Hòa Thịnh, Hương Sơn, Hà Tĩnh ngày nay) sinh sống, dòng họ ta mãi vẫn ở thế độc đinh, nghĩa là mỗi đời chỉ có một người con trai nối dõi và chưa có người học hành đỗ đạt cao (chỉ đỗ tứ trường, xã sách là hết, chưa có ai đỗ đến tú tài).

Cụ thưa với Ngô Tiên sinh rằng:

"Tiện gia này từ Ái Châu về đây gần tới trăm năm, đời đời độc đinh, trai gái muộn màng. Vả, đời nào cũng chăm chỉ về sự học mà giáp khoa hoàng bảng chưa bõ công đèn sách. Muốn nhờ Tiên sinh tính liệu cho thế nào thì may cho tiện gia này lắm!".

Thầy địa lý đã tìm kiếm khắp vùng. Sau hơn một tháng tìm kiếm, thầy địa lý đã chỉ cho hai huyệt mộ. Huyệt mộ ở lòi Chim Chim nơi hợp táng cụ tổ đời thứ 2 Đinh Phúc Trường và cụ tổ họ Nguyễn như đã nói ở phần trên. Và huyệt mộ nằm trên đỉnh núi Trai (tiếng địa phương là rú Trai), xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn ngày nay và khuyên Cụ tổ Đinh Hữu Luân đưa song thân là cụ tổ ông, cụ tổ bà đời thứ 5 Đinh Phúc Khánh về đây hợp táng, và nói rằng: *"Đây là nơi sẽ phát kế thế đăng khoa, đại đại bất tuyệt!"*. Nghĩa là: Đây là nơi sẽ phát đời đời đỗ đạt, các triều đại không bao giờ dứt!".

Theo Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ, gọi là núi Trai vì ngọn núi này trông giống hình con trai biển đang ngậm viên ngọc trai.

Cụ tổ Đinh Hữu Luân đã nghe lời thầy địa lý mà đưa song thân về đây hợp táng. Và rồi, Cụ tổ Đinh Hữu Luân còn được Ngô Tiên sinh truyền dạy cho thuật phong thủy.

Một thời gian sau, cháu gọi Cụ tổ Đinh Phúc Khánh là ông nội, tức Cụ tổ đời thứ 7 Đinh Nho Công đã thi đậu Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Cụ tổ Đinh Nho Công đã sinh được 6 người con trai, 6 người con gái, và từ đây, phá thế độc đinh của dòng họ.

Ngày 23/7/2020 (tức Mồng Ba tháng Sáu năm Canh Tý) con cháu dòng tộc Đinh Nho dưới sự chỉ đạo của Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ đã làm lễ động thổ, khởi công xây dựng, tôn tạo khu lăng mộ rú Trai này. Tuy nhiên, cũng như lăng mộ Cụ tổ đời thứ 2 Đinh Phúc Trường, khu lăng mộ này cũng chỉ có tính chất tượng trưng vì xưa kia, sau khi chôn cất, ngôi mộ đã được xóa dấu vết. Và ngày 30/8/2020 (tức ngày12 tháng Bảy năm Canh Tý) dòng tộc đã tổ chức lễ hoàn công.

Bài vị ở lăng mộ hiện nay ghi bằng chữ Hán như sau (Phần phiên âm Hán Việt trên bia mộ không có, chúng tôi thêm vào cho dễ đọc, dễ hiểu):

墓	祖	族	大	儒	丁
Mộ	Tổ	Tộc	Đại	Nho	Đinh
第		Đệ	Đệ	第	
五		Ngũ	Ngũ	五	
世		Thế	Thế	世	
祖		Tổ	Đinh	丁	
墓		Mộ	Chính	正	
字		Tự	Thất	室	

福	Phúc	Nguyễn	阮
慶	Khánh	Thị	氏
		Tổ	祖
		Mộ	墓
Thượng thọ 80 tuổi Kỵ: 19/01			Thượng thọ 78 tuổi Kỵ: 02/12

Theo chúng tôi, bài vị này sắp xếp thứ tự các chữ chưa được chuẩn, cần phải được sửa lại.

Bài vị nên được sửa lại cho đúng và đủ ý như sau:

Húy	諱	Đệ	第	Huý	諱	Đệ	第	Đinh	丁
Kỵ	忌	Ngũ	五	Kỵ	忌	Ngũ	五	Nho	儒
Lạp	臘	Thế	世	Nhất	一	Thế	世	Đại	大
Nguyệt	月	Tổ	祖	Nguyệt	月	Tổ	祖	Tộc	族
Sơ	初	Tỷ	妣	Thập	十	Khảo	考	Chi	之
Nhị	二	Đinh	丁	Cửu	九	Đinh	丁	Tổ	祖
Nhật	日	Chính	正	Nhật	日	Phúc	福	Lăng	陵
Thượng	上	Thất	室	Thượng	上	Khánh	慶	Mộ	墓
Thọ	壽	Nguyễn	阮	Thọ	壽				
Thất	七	Thị	氏	Bát	八				
Thập	十			Thập	十				
Bát	八			Niên	年				
Niên	年								
Canh	庚								
Tý	子								
Niên	年								
Quý	季								

Hạ	夏								
Mạnh	孟								
Thu	秋								
Tái	再								
Tạo	造								
2	2								
0	0								
2	2								
0	0								

Đọc theo cột dọc, đọc từ trên xuống dưới, đọc lần lượt hết cột bên phải sang cột bên trái:

"Đinh Nho Đại Tộc Chi Tổ Lăng Mộ Đệ Ngũ Thế Tổ Khảo Đinh Phúc Khánh Huý Kỵ Nhất Nguyệt Thập Cửu Nhật Thượng Thọ Bát Thập Niên Đệ Ngũ Thế Tổ Tỷ Đinh Chính Thất Nguyễn Thị Huý Kỵ Lạp Nguyệt Sơ Nhị Nhật Thượng Thọ Thất Thập Bát Niên Canh Tý Niên Quý Hạ Mạnh Thu Tái Tạo 2020".

Nghĩa là: Lăng mộ tổ của dòng họ lớn Đinh Nho. Cụ tổ ông đời thứ 5 tên là Đinh Phúc Khánh. Ngày giỗ: Ngày 19 tháng Giêng. Thượng thọ 80 tuổi. Cụ tổ bà vợ cả của cụ tổ ông, người họ Nguyễn. Ngày giỗ: Ngày Mồng Hai tháng Chạp. Thượng thọ 78 tuổi. Tái tạo lại vào tháng 6, tháng 7 âm lịch năm Canh Tý 2020.

Và cũng nên khắc cả phần nghĩa Việt ngữ phổ thông nêu trên để người đời nay cũng như các đời sau đều hiểu được.

Lăng mộ ở rú Trai này khi xưa sau khi Cụ tổ Đinh Hữu Luân hợp táng song thân xong, tuy đã được xóa dấu vết, không rõ cụ thể ở chỗ nào, nhưng con cháu cũng lập nên một mộ phần tượng trưng, một vị trí để tảo mộ, để hương khói. Đến khoảng đầu năm 1947, một người ngoại tộc đã tin vào

một thầy địa lý nào đó, bảo ông ta muốn phát phú quý thì phải cải táng cha mẹ đặt chung cùng mộ tổ họ Đinh ở rú Trai. Được tin, Ban Tộc biểu dòng họ Đinh Nho đã họp, một mặt viết tờ trình lên Ủy ban kháng chiến hành chính xã Tuần Tiến (tức xã Sơn Tiến ngày nay) nhờ can thiệp, mặt khác họ lập một đội thanh niên vào túc trực để bảo vệ phần mộ. Đội bảo vệ phần mộ cụ tổ ông, cụ tổ bà đời thứ 5 Đinh Phúc Khánh gồm có 20 người như các ông Đinh Nho Cơ, Đinh Nho Tứ (tức Đinh Nho Dương), Đinh Nho Chiêm, Đinh Nho Tiu (tức Đinh Nho Toản), Đinh Tuấn Lợi... Đặc biệt có cụ Đinh Nho Nghiêm (thường gọi là cố Viêm, cố tức là cụ, phương ngữ địa phương) lúc đó tuổi đã cao nhưng không ngại nắng mưa vẫn vào núi quyết tâm bảo vệ mộ tổ. Nhờ sự can thiệp của chính quyền địa phương và sự quyết tâm của con cháu nên việc xâm phạm mồ mả tổ tiên ta của người ngoại tộc nọ đã không thành. Sau này, họ đã thống nhất biểu dương cố Viêm và thưởng cho cố hai phương lúa để động viên (Gia phả ghi, phương là đơn vị đo lường lúc bấy giờ. Hiện nay chúng tôi không rõ là tương đương bao nhiêu kg (thóc) lúa).

Đôi câu đối ở cổng lăng mộ rú Trai do Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ sáng tác:

起始猶靈地

開元繼世科

Phiên âm:

Khởi thủy do linh địa,

Khai nguyên kế thế khoa.

Chúng tôi tạm dịch:

Bắt đầu là bởi địa linh,

Mở đầu cho việc đời nối đời khoa bảng.

5. Lăng Kim Hoa

Như đã nói ở trên, Cụ tổ đời thứ 6 Đinh Hữu Luân đã được thầy địa lý là Ngô Tiên sinh người Tàu (tức Trung Quốc ngày nay) dạy cho thuật phong thủy. Chính vì biết thuật phong thủy mà Cụ tổ Đinh Hữu Luân biết được ở Phúc Đậu cũng có huyệt địa cát, bồi nhân (địa cát - đất tốt, bồi nhân - thêm người). Phúc Đậu ngày nay thuộc xã Kim Hoa, huyện Hương Sơn nên ngày nay được bà con trong họ gọi là Lăng Kim Hoa. Cụ tổ Đinh Hữu Luân đã dặn dò con cháu sau khi 2 cụ và con trai cả mất đi thì hợp táng tại nơi này.

Và như vậy cụ tổ ông và cụ tổ bà đời thứ 6 Đinh Hữu Luân và con trai cả là Cụ tổ ông đời thứ 7 Đinh Nho Công được hợp táng ở đây. Và sau khi hợp táng, phần mộ cũng đã được xóa dấu vết.

Cụ tổ ông đời thứ 6 Huyện tá Đông Ngạn Đinh Hữu Luân (1602 - 1676), kỵ nhật (ngày giỗ): 16/3 âm lịch.

Cụ tổ bà đời thứ 6 người họ Lê, thọ 82 tuổi, kỵ nhật: 19/9 âm lịch.

Cụ tổ ông đời thứ 7 Tam giáp đồng Tiến sĩ Đinh Nho Công (1637 - 1695), kỵ nhật: 27/2 âm lịch.

Ngày 13 tháng Bảy năm Tân Sửu (2021), dưới sự chủ trì của Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ, con cháu dòng họ Đinh Nho đã làm lễ bồi hoàn long mạch và yên vị mộ phần Lăng Kim Hoa sau khi được đầu tư, tôn tạo.

Gỗ để dựng nhà Lăng Kim Hoa được tận dụng từ gỗ cũ khi Nhà nước nâng cấp Đền Gôi Vỵ. Việc này do ông Đinh Nho Công (hậu duệ dòng họ Đinh Nho, đời thứ 17B) đề xuất, được sự đồng ý của chính quyền địa phương và cùng 1 số bà con trong họ góp công, góp của thực hiện.

Để bảo vệ khu lăng mộ của tổ tiên, ngay từ xa xưa gia đình ông Đinh Nho Ngạch, hậu duệ dòng họ Đinh Nho, đời thứ 15B đã từ xã Sơn Hòa (nay là xã An Hòa Thịnh) về Phúc Đậu (nay là xã Kim Hoa) sinh sống. Do vậy, Lăng Kim Hoa hiện nay nằm trong khuôn viên khu vườn, phía trên và sau lưng ngôi nhà ở của con trai ông Ngạch là ông Đinh Nho Mạo, đời thứ 16B.

Đôi câu đối ở lăng Kim Hoa do ông Đinh Nho Thanh, đời thứ 17B sáng tác:

万世明星墾

仟秋靈脈存

Phiên âm:

Vạn thế minh tinh chiếu,

Thiên thu linh mạch tồn.

Chúng tôi tạm dịch:

Hàng vạn đời nối tiếp nhau sao sáng chiếu,

Hàng ngàn năm nối tiếp nhau linh mạch vẫn còn tồn tại.

6. Cụ tổ đời thứ 7 Đinh Nho Công

6.1. Cụ tổ Đinh Nho Công

Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân Đinh Nho Công 丁儒功 (1637 - 1695).

Từ Cụ Thủy tổ Đinh Phúc Diên cho đến Cụ tổ đời thứ 7 Đinh Nho Công, mỗi đời họ Đinh ở An Ấp ta chỉ có 1 người con trai. Cụ tổ đời thứ 7 Đinh Nho Công là người phát tích khoa bảng và cũng là người phá thế độc đinh cho dòng họ. Và từ đây, dòng họ Đinh của chúng ta có tên gọi là dòng họ Đinh Nho (tuy nhiên rất có thể là đời thứ 3 có thêm một cụ nữa về Can Lộc sau đó về Trung Lương và hình

thành nên họ Đinh ở đây như gia phả họ Đinh ở Trung Lương ghi nhận mà chúng tôi đã đề cập đến ở phần trên, chứ chưa hẳn đã độc đinh).

Cụ tổ Đinh Nho Công đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa thi năm Canh Tuất (1670), niên hiệu Cảnh Trị năm thứ 8, đời vua Lê Huyền Tông. Tên của cụ hiện đang được lưu tại bia tiến sĩ ở Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội. Bia dựng ngày 2 tháng Ba năm Đinh Dậu, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717), ghi danh 31 người đỗ đại khoa năm đó. Hai người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ, 2 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, 27 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, tên cụ đứng thứ 19/31, tức đứng thứ 15/27 trong danh sách đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Sau khi thi đỗ đại khoa cụ được giao giữ chức Giám sát Ngự sử Lệ khoa, Công khoa cấp sự trung (chức Giám sát Ngự sự có phẩm hàm là chánh cửu phẩm). Chức này nằm trong Ngự sử đài. Ngự sử đài từ thời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) trở về sau này có các chức: 1 người giữ chức cao nhất là Đô Ngự sử, 1 người giữ chức thứ hai là Phó Đô Ngự sử, 1 người giữ chức thứ 3 là Thiêm Đô Ngự sử (tức là phó thứ 2), và dưới 3 người này là các Giám sát Ngự sử. Ngự sử đài là cơ quan giúp việc cho nhà vua để vạch ra cái sai trái của vua chúa cũng như quan lại các cấp nên chỉ chọn những người cương trực, thẳng thắn, dám nói thẳng, nói thật. Do vậy, làm việc ở Ngự sử đài là rất nguy hiểm, đặc biệt là khi *"vuốt râu hùm"*, tức can gián vua chúa, cho nên số người vì nói thẳng, nói thật bị cách chức, bị đuổi về quê là không ít, bởi vì *"trung ngôn thì nghịch nhĩ" (nói thẳng thì khó ưa).*

Với chức Giám sát Ngự sử, khi đi về các địa phương làm việc, cụ luôn giữ chính sự công bình.

Đối với dân làng ở quê nhà, vì có kho lương ở An Ấp, dân thường khổ ải về việc vận tải, cụ làm biểu xin cho vận tải đường thủy, được triều đình phê chuẩn, do vậy dân làng rất đội ơn của cụ.

Sau đó cụ được phụng sai đi các xứ Kinh Bắc, Sơn Tây, giúp trị cùng quan chánh xứ; phụng sai đi phụng khảo sĩ nhân.

Cảm cái đức chính trực của cụ, nhà vua ban tặng 4 chữ *"Ngôn ngữ phong lăng"*.

Rồi cụ được giao giữ chức Tham chính xứ Sơn Nam. Sau về kinh giữ chức Thiêm Đô Ngự sử, phẩm hàm chánh ngũ phẩm (sách *Lê triều quan chế, Viện Sử học và Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin Hà Nội - 1977*, mục Hoàng triều quan chế - Phần II, Ngự sử đài thì chức Thiêm Đô Ngự sử có phẩm hàm là chánh ngũ phẩm). Theo Gia phả dòng họ Đinh Nho, bản năm 2020, cụ giữ chức Thiêm Đô Ngự sự được 4 năm thì mất.

Theo trang mạng điện tử *Zaidap.com*, bài viết *Văn bia đề danh tiến sĩ khoa Canh Tuất niên hiệu Cảnh Trị năm thứ 8 (1670)*, ở phần chú thích ghi, cụ giữ chức Thiêm Đô Ngự sử sau đó vi phạm lỗi, bị truất xuống Tự khanh nhưng không dẫn nguồn lấy từ đâu? Trong Gia phả dòng họ Đinh Nho cũng như trong các sách sử chính thống, chúng tôi đã tìm kiếm nhưng chưa tìm thấy tài liệu nào ghi chép việc này. Vả lại, các hàm Tự khanh (Tự khanh là chức trưởng, là người đứng đầu) của lục tự, của các nha môn sở thuộc (Đại Lý Tự khanh, Quang Lộc Tự khanh, Thái Bộc Tự khanh, Thượng Bảo Tự khanh) trong sách *Lê triều quan chế* nêu trên cũng đều thuộc phẩm hàm chánh ngũ phẩm như là chức Thiêm Đô Ngự sử chứ không phải thấp hơn mà cho là bị truất xuống nếu cụ có được chuyển sang chức vụ này.

Sau khi cụ qua đời, đến triều Cảnh Hưng (1740 - 1786) cụ được nhà vua gia phong 英毅大王 Anh Nghị Đại vương. Tạm

dịch: Vị đại thần tài giỏi, cương quyết và đầy nghị lực tước vương. Trên Internet có nhiều bài báo viết về đền thờ Tiến sĩ Vũ Phi Hổ, người cũng được nhà vua gia phong Anh Nghị Đại vương sau khi đã mất khoảng 300 năm thuộc thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh (nay là thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) dẫn lời Giáo sư Hoàng Giáp, Viện Nghiên cứu Hán Nôm dịch *"Anh Nghị Đại Vương"* nghĩa là *"người có công với dân với nước"* chúng tôi cho rằng dịch như vậy là chưa đúng. Không có chữ *Anh*, chữ *Nghị* hay chữ *Anh Nghị* nào trong tiếng Hán có nghĩa là người có công với dân với nước cả.

Dưới triều Nguyễn Cụ tổ Đinh Nho Công lại được nhà vua khâm phong 端 肅 翊保中興 福 神 Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần. Đây là những mỹ tự với nghĩa tạm dịch là: Vị thần may mắn, thẳng thắn, nghiêm trang giúp đỡ cho sự hưng thịnh. Trải qua các biến thiên của lịch sử, các sắc phong này đến nay không còn lưu giữ được.

Cụ tổ Đinh Nho Công mất giờ Dần ngày 27/2 năm Ất Hợi (1695), thọ 59 tuổi. Mộ cụ Đinh Nho Công hợp táng cùng song thân cụ là cụ tổ ông, cụ tổ bà đời thứ 6 Đinh Hữu Luân ở xứ Cây Hóp, xã Phúc Đậu, nay là Lăng Kim Hoa thuộc xã Kim Hoa đã nói ở phần trên.

Cụ tổ Đinh Nho Công có 2 bà vợ. Cả hai bà đều là người họ Đặng. Bà cả tên Đô mất giờ Tuất ngày 17/10 năm Đinh Hợi (1674), thọ 40 tuổi khi con trai thứ 3 của hai ông bà là Cụ tổ đời thứ 8 Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân Đinh Nho Hoàn mới được 3 tuổi. Mộ bà cả ở Cồn Xếp (An Ấp), nay đã di dời lên khu mộ tổ ở Áng Phần. Bà hai không rõ tên, ngày mất cũng như mộ táng ở đâu.

6.2. Hình thành 4 chi họ Đinh

Cụ tổ Đinh Nho Công có 12 người con, trong đó có 6 con trai nhưng chỉ có 4 con trai là có con trai nối dõi. Các con trai khác của Cụ tổ Đinh Nho Công là Cụ tổ Đinh Nho Huân có tài học nhưng mất sớm, cụ tổ Đệ nhị giáp tiến sĩ Đinh Nho Hoàn không có con trai. Từ đó, dòng họ Đinh Nho ta hình thành nên 4 chi họ:

- Hai chi anh ở Hương Sơn, Hà Tĩnh:

+ Chi trưởng là hậu duệ của Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Trạch (1656 - 1711). Cụ Đinh Nho Trạch là con trai cả của Cụ tổ Đinh Nho Công với bà vợ cả.

Cụ Đinh Nho Trạch đậu hương cống (cử nhân) lúc 18 tuổi. Đương thời cụ được người đời ví như là một Tiên ông. Cụ mất giờ Thân ngày 15 tháng Chạp năm Tân Mão (1711), thọ 56 tuổi. Con cháu hậu duệ Cụ tổ Đinh Nho Trạch trong gia phả ký hiệu là A.

+ Chi thứ là hậu duệ của Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Thận. Cụ Đinh Nho Thận là con trai cả của Cụ tổ Đinh Nho Công với bà vợ hai.

Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Thận không rõ năm sinh, năm mất. Cụ mất ngày mồng 7 tháng Chạp, mộ ở núi Ngọc Sơn nay đã được di dời về Khu lăng mộ Áng Phần. Cụ bà người họ Bùi, mất ngày 1/7 mộ ở trên đỉnh rú Chó. Gia phả chép Quan viên tử Đinh Nho Thận. Theo chú thích trong *Hương Yên phổ tự* thì Quan viên tử có nghĩa là con quan. Con cháu hậu duệ Cụ tổ Đinh Nho Thận trong gia phả ký hiệu là B.

- Chi thứ ba ở Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh:

Người con trai thứ 5 của Cụ tổ Đinh Nho Công và là con trai thứ 2 của bà hai về Can Lộc, Hà Tĩnh sau về Cương Gián,

Nghi Xuân, Hà Tĩnh và sinh ra dòng họ Đinh tại đây là Đinh Nho Thường. Đinh Nho Thường là Nho sinh trúng thức, làm chức Tri huyện. Nho sinh trúng thức theo chú thích trong *Hương Yên phổ tự* là: *"Quan viên tử (con quan) vào học ở Chiêu văn quán hay Tú lâm cục, đi thi Hội trúng 3 kỳ gọi là trúng thức".* Dòng họ Đinh ở Cương Gián sau này có Cụ tổ Đinh Nguyễn Đôn (chắt nội của cụ tổ Đinh Nho Thường) thi đậu hương cống (cử nhân) và làm quan Tham tri Bố Chánh ở Quảng Bình.

- Chi thứ tư ở xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương, Nghệ An:

Người con trai về xã Thanh Liên là người con trai thứ 6 của cụ Đinh Nho Công và là con trai thứ 3 của bà hai, Giải nguyên (tức người đỗ đầu cử nhân), Tổng binh Đốc lĩnh Hương Nghĩa Hầu Đinh Nho Côn. Hậu duệ đời thứ 4 (chắt nội) của Cụ tổ Đinh Nho Côn là Đinh Nhật Thận (1815 - 1866) đậu đệ tam giáp tiến sĩ xuất thân năm Mậu Tuất (1838). Tiến sĩ Đinh Nhật Thận là một danh sĩ nổi tiếng triều Nguyễn và là người làm bài thơ *Thu dạ lữ hoài ngâm* nổi tiếng cho đến tận ngày nay, và có lẽ còn nổi tiếng đến tận muôn đời mai sau. Tiến sĩ Đinh Nhật Thận sau khi học hành đỗ đạt đã về Hương Sơn nhận họ và sao chép *Hương Yên phổ tự. Hương Yên phổ tự* là cuốn gia phả chữ Hán của dòng họ Đinh Nho ta do Triều Liệt Đại phu Đinh Thái Lãng, đời thứ 12 khởi soạn (đã nêu ở các phần trên).

6.3. Sự tích đền Bạch Vân

Đền ở làng Thịnh Xá, xã An Ấp, phủ Đức Quang, xứ Nghệ An (nay là xã An Hòa Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh) được gọi là đền Thịnh Xá và cũng được gọi là đền Bạch Vân (đền Mây Trắng).

Trong dân gian mấy xã tả ngạn vùng hạ lưu sông Ngàn Phố cho đến ngày nay vẫn còn truyền tụng nhau về sự tích thi đỗ của Cụ tổ Đinh Nho Công và sự tích đền Bạch Vân. Trên báo mạng hiện nay cũng còn lưu giữ nhiều bài viết chép lại những sự tích đó.

Truyện truyền miệng từ đời này sang đời khác kể lại rằng (tuy nhiên mỗi người kể sẽ lại có đôi chút khác nhau, song không cơ bản, đại ý cốt truyện vẫn như nhau). Cụ tổ Đinh Nho Công thuở nhỏ chăm chỉ đèn sách, 14 tuổi đậu ưu tứ trường nhưng do gia cảnh khó khăn nên cụ phải bỏ dở việc học mà chuyên tâm vào việc đồng áng.

Khi đã gần ba mươi tuổi, một buổi sớm mai lúc cụ đang cày ruộng ở xứ Thác Lác, liền có một bà cụ dáng người đôn hậu, tóc trắng như cước đi tới và bảo: *"Ngài hãy về mà lo việc học hành, cớ sao lại còn cứ ở đây cày ruộng?"*. Nói xong bà lão biến mất. Cụ lấy làm lạ, bèn về kể với mẹ, được mẹ khuyên bảo, từ đó cụ nuôi chí lớn chăm chỉ sách đèn. Cụ ra Kinh đô Thăng Long tìm thầy để học. Ở đó, cụ kết thân với một nho sinh thông minh lỗi lạc là giám sinh (tức là học trò Quốc Tử Giám) họ Trần người Thanh Hoá. Có người kể là Trần Toản, Gia phả chép là Trần Công - không rõ cụ tên là Công hay là cách viết của người xưa đối với người đã mất, gồm: họ, đệm (là mạnh đối với con trưởng, trọng đối với con ở giữa, quý đối với con út, ở đây có thể không rõ là con trưởng hay giữa, hay út nên không có một trong các chữ đệm này), và chữ công, rồi đến chữ tự, sau đó mới đến tên. Ví dụ cụ Đinh Nho Công là Đinh Mạnh Công Tự Nho Công (chữ Hán không phân biệt viết hoa hay viết thường).

Tháng 3 năm Kỷ Dậu (1669), cụ từ biệt Trần Công về quê ứng thí. Đến ngày khảo hạch, cụ đi đến núi Eo Trèo (địa phận làng Văn Giang, Sơn Thịnh, xã An Hòa Thịnh ngày nay) bỗng

lại thấy Trần Công đi tới cầm tay và nói: *"Ta đã về trời hơn một tháng nay. Ta mừng cho ông sang năm sẽ thi đậu tiến sĩ, ta sẽ vì ông mà phù hộ độ trì cho ông ở chốn trường thi, nhưng đỗ rồi xin chớ quên ta!"*. Cụ lấy làm bàng hoàng hỏi lại: *"Ta nào quên được cố nhân, nhưng sau này biết làm thế nào để gặp lại?"*. Trần Công đáp: *"Sau khi thi đỗ, ông hãy thắp hương mà gọi ta về, lúc đó, ông thấy một đám mây trắng tụ về ở đâu thì hãy dựng cho ta một cái am ở đó"* .

Quả nhiên năm sau cụ thi đỗ tiến sĩ.

Sau ngày vinh quy bái tổ, nhớ lời hẹn ước, cụ thắp hương khấn Trần Công, bỗng nhiên, cụ thấy trên trời có một đám mây trắng tụ về rồi đứng yên một chỗ tại cồn Mai, cụ liền dựng am thờ Trần Công ở đó, gọi là am Bạch Vân. Và vị trí đó bây giờ là đền Thịnh Xá. Gọi là đền Thịnh Xá bởi đền ở làng Thịnh Xá. Ngoài tên đền Thịnh Xá, đền còn được gọi là đền Bạch Vân (tức đền Mây Trắng) để ghi nhớ tích xưa, mây trắng tụ về.

7. Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Hoàn

7.1. Cụ tổ Đinh Nho Hoàn

Đệ nhị giáp đồng tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) Đinh Nho Hoàn 丁儒完 (1671 - 1716).

Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Hoàn, hiệu Mặc Trai, tự Tồn Phác sinh ngày 5/10 năm Tân Hợi, niên hiệu Cảnh Trị năm thứ 9 (ngày 7/11/1671). Cụ thi đỗ đệ nhị giáp đồng tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa thi năm Canh Thìn, niên hiệu Chính Hòa năm thứ 21 (năm 1700). Tên của cụ hiện đang được lưu tại văn bia đề danh tiến sĩ tại Văn miếu Quốc Tử Giám. Bia cũng được dựng ngày 2 tháng 3 năm Đinh Dậu, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717) như bia ghi danh người cha của cụ, tức Tiến sĩ Đinh Nho Công. Năm đó 19 người đỗ đại khoa, gồm 1 người đỗ đệ

nhất giáp tiến sĩ cập đệ, 3 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (tức hoàng giáp) và 15 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Tên của cụ đứng thứ 4/19 trong danh sách, tức đứng thứ 3 trong danh sách đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân. Cụ là con trai thứ 3 trong 6 anh em trai (cụ có 12 anh chị em) của Cụ tổ đời thứ 7 Tiến sĩ Đinh Nho Công. Mẹ đẻ cụ mất năm cụ mới lên ba tuổi. Cụ tổ Đinh Nho Hoàn có hai bà vợ nhưng không có con trai, chỉ có hai con gái.

Sau khi thi đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, Cụ tổ Đinh Nho Hoàn được bổ nhiệm làm Hàn lâm viện hiệu lý, hàm chánh thất phẩm (Hàn Lâm viện hiệu Lý Hàm chánh thất phẩm - sách *Lê triều quan chế* đã dẫn ở trên), khoảng 2 năm. Hai năm tiếp sau đó, vào năm Nhâm Ngọ (1702), cụ được triều đình bổ dụng giữ chức Tham chính xứ Sơn Tây. Tham chính xứ là chức quan trên tri huyện, thuộc vào phẩm hàm tứ phẩm (Gia phả họ Đinh Nho chép cụ giữ chức Tham chính xứ Sơn Tây, tuy nhiên văn bia cụ để lại - sẽ nói ở phần sau, cụ chỉ nói là "phụng sai Sơn Tây xứ" chứ không nêu chức vụ cụ thể cụ được bổ nhiệm là gì. Lại sau đó cũng hai năm, đến năm Giáp Thân (1704) cụ được cử làm Đốc trấn Cao Bằng (tương đương chức vụ chủ tịch tỉnh ngày nay, tuy nhiên quy mô công việc thì không bằng nhưng quyền lực thì lớn hơn vì có toàn quyền quyết định tất cả mọi việc).

Trong thời gian làm Đốc trấn Cao Bằng, cụ làm tập *Hoán tỉnh châu dân từ* bằng chữ Nôm gồm một bài ca dài 148 câu, thể lục bát kêu gọi nhân dân địa phương làm điều tốt, bỏ điều xấu để an cư lạc nghiệp sau khi chiến tranh giữa tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh với nhà Mạc chấm dứt, nhà Mạc thất bại. Và, cụ còn làm mười bài thơ tả cảnh đẹp Cao Bằng gọi là *Cao Bằng thập thủ*. *Cao Bằng thập thủ* được tác giả Nguyễn Thị

Lâm, Viện Nghiên cứu Hán Nôm đánh giá là: *"dưới ngòi bút của Đinh Nho Hoàn, cảnh non xanh nước biếc nơi địa đầu đất nước hiện lên với những đường nét thật sinh động, hấp dẫn, mang đậm bản sắc riêng của xứ Cao Bằng. Người và cảnh như hòa quyện vào nhau, đâu đó thấp thoáng một tòa thành cổ, một ngôi đền khói hương nghi ngút, bóng áo chàm của đồng bào dân tộc ta vào các hang động, tiếng chuông chùa ngân vang trong đêm, tiếng sáo véo von của làng chài, tiếng hát của người tiều phu trên sườn núi, những ngôi nhà mới quét vôi, cảnh chợ tấp nập trên bến sông... Đó là bức tranh hiện thực về một cuộc sống đang dần dần hồi sinh sau một thời kỳ loạn lạc kéo dài".*

Thời gian làm Đốc trấn ở Cao Bằng, cụ đã cho thực thi nhiều việc để phát triển kinh tế, làm ích nước lợi dân, như sửa đường, phá gềnh đá trên sông Bằng Giang để thuyền bè đi lại giao thương được dễ dàng.

Thời đó, thuyền buôn của người Trung Quốc theo sông Bằng Giang sang buôn bán nhiều nhưng đi lại không thuận tiện; thời gian làm thủ tục, khám xét và nộp thuế lâu. Cụ đã cho phá đá mở luồng lạch đến tận biên giới, lại lệnh cho việc khám xét, làm thủ tục phải được nhanh chóng, giảm thuế để khuyến khích giao thương. Để ghi nhớ công ơn của cụ, giới buôn bán người Tàu đã góp tiền cùng nhau làm một tấm bia dựng trước cửa nhà Hội quán để ca ngợi công đức của Cụ Đốc trấn Đinh Nho Hoàn gọi là *Đức chính bia*. Nội dung *Đức chính bia* được dịch như sau (theo một số bài viết trên Internet thì bia gốc ở Cao Bằng hiện vẫn đang còn (?), bản dịch này được chép trong Gia phả họ Đinh Nho):

"Xưa nay xưng tụng công đức của các quan lớn thường để đến khi đã ly nhậm rồi, hoặc làm đền, làm bia thì lòng cảm mộ có đến hàng năm sau cũng chưa có gì làm muộn.

Nay quan Đốc trấn mới tới Cao Bằng 5 tháng mà người khách chúng tôi đã ca tụng, ấy là vì Ngài có lòng trung chính khoan bình khiến chúng tôi cảm mộ.

Thế không đợi đến hàng năm được, vậy nên chúng tôi lập một cái bia ở trước Hội quán mà chép công đức như sau này:

Ngài là người tỉnh Nghệ An, đời đời văn chương, đời đời tiến sĩ. Ngài đậu Đệ nhị giáp tiến sĩ, làm quan trong ngoài lại có tài quả quyết gần được coi khuyên. Quân dân đều được đội ơn. Khách thương chúng tôi vẫn không được biết. Chúng tôi chỉ biết tiếng hát đầy đường, tiếng ca đầy chợ mà thôi.

Về phần chúng tôi đội ơn thì những việc sau này:

Khi xưa con sông ở Giang Tây hiểm trở lắm. Giữa sông có những tre mọc, đá dô, ghe thuyền tới gần chỗ ấy vẫn cũng biết tránh, nhưng gặp lúc nước lớn, chảy mạnh tránh không kịp, thuyền liền bị đắm, của cải chìm hết thường năm tổn hại không biết bao nhiêu mà kể.

Khi Ngài tới, cưỡi ngựa ra xem, thuê thợ đục đổ những đá nổi và phát dọn những tre mọc giữa lòng sông. Mấy lâu nay ghe thuyền tới đó đã không phải tránh mà cũng không bị chìm. Bà con chúng tôi đi tới đó trỏ lòng sông mà nói với nhau rằng: "Đó là nhờ sức của Ngài cả!" - Ấy là một sự công đức.

Khi xưa thuyền khách của chúng tôi tới thì quan trấn xét hỏi đánh thuế quá nghiêm ngặt, khiến chúng tôi phải dừng chân. Nay thì những tệ ấy đã trừ hết. Xưa hàng chúng tôi đến nha lại không chịu khám, vật hàng để lâu bị hỏng. Nay thời thuyền đến khám liền, vóc lụa đóng dấu không để chậm trễ. Thuyền khách về thì cấp vé ngay, những người coi chợ cũng không dám sách nhiễu - Đó là hai điều công đức.

Cửa sông Mục thành nước chảy đông giá thường cuối mùa Đông hay mùa Xuân nước rút khó đi, có khi phải theo lạch giá mà đi đến 12 ngày mới tới chợ, không bị đá thì lại bị cạn.

Còn cuối mùa Hạ, mùa Thu nước to chảy mạnh lại khổ sở hơn. Không đứt neo thì gãy sào thiệt là nguy hiểm, chậm trễ. Tuy vậy mà thuế thì không giảm, vì ngạch định đã lâu không thương đến. Duy chỉ có Ngài thương đến khách buôn vì sự mạo hiểm mà giảm thuế cho. Chúng tôi đã cảm ơn sâu của Ngài. Ngài lại đóng dấu phế bằng giao cho chúng tôi để về sau những người thu thuế không được nhiễu hại nữa, nay mới thấy đức chức công bằng - Ấy là sự công đức.

Chúng tôi thấy lòng Ngài sáng như gương, sạch như vẽ. Xưa nay các quan thương dân cũng có, nhưng chưa có ai thương đến khách buôn như Ngài.

Xưa kia ông Dương Thúc Tử áo mũ khoan thai, trăm dân cảm đức, núi Nghiễn Sơn lưu một bia cao.

Nay Ngài cũng là ông Thúc Tử, mà núi Nghiễn Sơn là Hội quán này.

Trung thành Ngài, loài vật còn cảm động

Đức chính Ngài, cây cỏ còn xanh tươi

Kính chúc Ngài quan cao, chức trọng

Khách chúng tôi trông tưởng biết chừng nào!".

Năm năm sau kể từ ngày cụ rời chức vụ Đốc trấn Cao Bằng, năm 1715, và là lúc cụ đang trên đường đi sứ đến Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay), dọc đường đi, trên địa phận đất nhà Thanh (Trung Quốc ngày nay), được tin đoàn sứ bộ đi qua, một người khách buôn quê Phúc Kiến đã tìm đến xin gặp cụ để hàn huyên. Việc này đã được cụ ghi chép lại bằng thơ trong tập *Mặc Ông sứ tập* và, chuyện đó cũng đã nói lên rằng, cụ đã sống và làm

việc đức độ, thân thiện đến thế nào để người khách buôn ấy đã cảm cái tình của cụ đến như vậy. Trong bài thơ thất ngôn bát cú toàn bích 遇福建客丘鼎臣來訪 *Ngộ Phúc Kiến khách Khâu Đỉnh Thần lai phỏng* (Gặp Khâu Đỉnh Thần người Phúc Kiến đến thăm) này có hai câu tuyệt bút mà trong những đêm trăng chúng tôi vẫn thường hay nhớ lại mà tự một mình ngâm ngợi:

銀散滿城遊子月,

金吹千里故人風。

Phiên âm:

Ngân tán mãn thành du tử nguyệt,

Kim xuy thiên lý cố nhân phong.

Dịch nghĩa:

Trăng như du khách rắc bạc đầy thành,

Gió cố nhân thổi tiếng vàng ngàn dặm.

(Ghi chú: PGS.TS. Ngô Đức Thọ phiên âm, dịch nghĩa).

Chúng tôi dịch thơ:

Bạc rắc đầy thành trăng lãng tử,

Vàng gieo khắp chốn gió tri nhân.

Và thấy chưa chuyển tải được hết cái thần của thơ cụ nên lại dịch lại thành:

Trăng như chàng du khách

Mang bạc rắc đầy thành

Gió cố nhân đêm thanh

Thổi tiếng vàng ngàn dặm.

Và thấy mình đành bất lực mà đành chỉ ngâm ngợi: *Ngân tán mãn thành du tử nguyệt,/ Kim xuy thiên lý cố nhân phong* mà thôi.

Cụ làm Đốc trấn Cao Bằng đến khoảng năm 1710 thì được triều đình điều về kinh đô, bổ giữ chức Thượng bảo Tự khanh, giữ ấn triện ở Hàn Lâm viện (Thượng bảo Tự khanh là người đứng đầu cơ quan Thượng bảo tự - tức cơ quan lo chuyện văn thư, ấn tín, chỉ dụ của nhà vua).

Lại nói về chuyện đi sứ.

Năm Ất Mùi, niên hiệu Vĩnh Thịnh (năm 1715) cụ Đinh Nho Hoàn được cử làm Phó sứ trong đoàn sứ bộ nước ta sang triều cống nhà Thanh (tức Trung Quốc ngày nay. Khi xưa Trung Quốc được gọi tên theo triều đại như nhà Chu, nhà Tần, nhà Thanh... Sau này mới có tên gọi là Trung Quốc).

Chuyến đi sứ của cụ, *Đại Việt sử ký tục biên* ghi rõ: *"Ất Mùi (Vĩnh Thịnh) năm thứ 11 (1715) (Thanh Khang Hy thứ 54). Mùa Xuân, tháng Giêng, sai sứ thần Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn (người xã Thanh Mai, huyện Tiên Phong), Đinh Nho Hoàn (người An Ấp, huyện Hương Sơn), Nguyễn Mậu Áng (người xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm) sang Thanh"*. Trong Cương mục ghi cả chức vụ trong sứ bộ: *"Chánh sứ là Hộ bộ Tả thị lang Nguyễn Công Cơ, Thái bộc Tự khanh Lê Anh Tuấn. Phó sứ là Thượng bảo Tự khanh Đinh Nho Hoàn và Lại khoa Cấp sự trung Nguyễn Mậu Áng"*.

Tiếc rằng, khi đến Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay), sau khi hoàn thành nhiệm vụ của đoàn sứ bộ, chưa kịp trở về thì cụ Đinh Nho Hoàn ốm chết. Cụ mất vào ngày 27 tháng Chạp âm lịch. Việc cụ mất trước khi vào chầu hay sau khi vào chầu vua nhà Thanh thì sử sách không ghi chép, chỉ chép là chết dọc đường (không chép rõ là chết lúc đi hay lúc về). *Hương Yên phổ* tự thì chép, khi việc sứ đã xong, cụ bị cảm lạnh và mất. Bài văn tế của vua Khang Hy sai người tế (bản dịch của Viện Nghiên cứu Hán Nôm):

Ngày 27 tháng 12 năm Khang Hy thứ 55 (năm Bính Thân - 1716), Hoàng đế sai Viên ngoại lang Bộ lễ, gia một cấp tên là Cam Lai dụ tế phó sứ dâng lễ cống nước An Nam là Đinh Nho Hoàn rằng:

"... Đi sứ đến triều đình ta để tỏ việc đại nghĩa

Vua thương người quá cố, đó là lòng nhân sâu quan tâm đến nơi xa:

Ông phụng mệnh quốc vương nước ông

Từ phương xa vượt biển trèo non

Hồ Động Đình bái tạ ngắm trời

Công việc ấy vừa xong xuôi

Sao ông đã rời cõi thế

Trẫm nay vô cùng thương tiếc

Ta đặc ban cho ông lễ phúng

Để thỏa lòng ở cõi U Minh

Than ôi!

Núi sông xa cách, ruổi rong nơi trạm dịch hoang vu

Tận trung mà hy sinh tính mệnh, hồn về đất cũ

Ông linh thiêng hãy còn quanh quất

Xin kính cẩn nhận lễ tế này".

"... Ôi! Người Nam Giao ta ơi?

Người sao chẳng sống

Sống nên khoa mục

Sống ấy là vinh

Ôi! Người Nam Giao ta ơi?

Người ai chẳng chết

Chết vì việc nước

Chết ấy như sống

Trẫm tế Ngươi ba tuần rượu

Ngươi có thiêng thì về hưởng!".

(Ghi chú: An Nam là tên triều đình nhà Thanh gọi nước ta. Còn nước ta khi đó có tên là Đại Việt).

"Công việc ấy vừa xong xuôi" có thể được hiểu là việc đi sứ, việc vào chầu đã hoàn thành.

Thi hài của cụ được Vua Khang Hy cho ướp xác, trong quan, ngoài quách và được Đoàn sứ bộ đưa về quê nhà. Cũng cần phải nói thêm rằng, việc mang thi hài cụ về quê nhà là một cố gắng rất lớn của Đoàn sứ bộ cũng như sự giúp sức đáng để ghi nhận của các cơ quan công quyền các địa phương của triều đình nhà Thanh trên suốt dọc đường đi. Vì thời ấy, hành trình đi sứ, đi và về đều rất vất vả, phải trèo đèo, lội suối, đi bộ, đi ngựa, đi thuyền với thời gian khoảng 8 đến 10 tháng mới đến nơi. Tuy nhiên, theo như nội dung các bài thơ trong tập thơ *Mặc Ông sứ tập* của cụ để lại, thì không có nghĩa là đoàn sứ bộ phải đi một mạch, mà dọc đường đi còn được nghỉ ngơi, còn được các quan địa phương chiêu đãi hoặc mời về nhà nghỉ ngơi, chiêu đãi, gặp vợ, gặp con... và cùng nhau ngâm vịnh.

Trong hành trình đi sứ, dọc đường đi, gặp cảnh, gặp tình, cụ đều ghi chép lại bằng thơ. Sau khi cụ mất, con rể cụ là Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường (người làng Trung Cần huyện Thanh Chương, nay là thôn Trung Cần, xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, Nghệ An) đã *"đau buồn mà lục trong rương tráp của cụ"*, sưu tầm những bài văn thơ cụ sáng tác trên đường đi sứ và tập hợp lại, đóng thành cuốn gọi là *Mặc Ông sứ tập*. Cuốn sách này

hiện còn lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm nhưng chỉ còn lại 103 bài chữ Hán, chưa tìm được những bài chữ Nôm. Tập *Hoán tỉnh châu dân từ* và *Cao Bằng thập nhị thủ* nói trên cũng đang được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Bài dẫn của tập sách *Mặc Ông sứ tập*, Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường viết: *"Năm Ất Mùi (1715) nhạc phụ tôi vâng mệnh đi sứ Bắc quốc (nhà Thanh). Phàm những nơi đi qua ông đều có thơ vịnh. Thơ quốc âm (chữ Nôm) và thơ Đường luật làm sáng nghĩa cho nhau, hoặc dùng ngũ ngôn hoặc dùng thất ngôn không giống nhau, mà về thể loại lại rất đầy đủ. Nói tóm tắt thì không ngoài hai đầu mối chính là trung với vua và hiếu kính cha mẹ mà thôi. Tiếc là không may Ông đã từ trần ở ngoài yên Kinh!"*. Thơ của cụ, Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường đánh giá: *"Phảng phất Lý Bạch, Đỗ Phủ"*. Còn, Phó Giáo sư - Tiến sĩ Hán Nôm Ngô Đức Thọ thì cho rằng: *"Phần lớn xếp vào hạng danh thi; Người xưa nói chim hồng bay xa, vết móng còn in trên bãi cát, các truyền bản Mặc Ông sứ tập của Đinh Nho Hoàn còn lại cho hậu thế cũng như vết móng ấy của chim hồng!"*.

Hậu duệ đời thứ 16 dòng họ Đinh Nho, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao Đinh Nho Liêm đã phối hợp với Phó Giáo sư Tiến sĩ ngành Hán Nôm Ngô Đức Thọ cùng một số bà con trong họ và một số cộng sự đã cho dịch nghĩa, dịch thơ và ra mắt tập sách *Mặc Trai sứ tập* (Nhà xuất bản Văn học - 2009). Tập *Mặc Trai sứ tập* này giới thiệu 93 bài thơ chữ Hán từ 103 bài trong *Mặc Ông sứ tập* kể trên.

Khi thi hài của cụ được chuyển về nước, triều đình sai Hữu thị lang Bộ lễ, Thượng bảo Tự khanh Tạ Đăng Huân - người đỗ cùng khoa thi với cụ làm lễ dụ tế, truy tặng cụ chức Kim Tử Vinh Lộc Đại phu, Lễ Bộ Tả thị lang, Thọ Sơn Tử. Đến triều Cảnh Hưng (1740 - 1786), cụ được gia phong Đặc

Đạt Đại vương. Đến triều Nguyễn, cụ được khâm phong Tuấn Lương Lượng Trực Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần.

Văn tế của triều đình nhà Lê (bản dịch của Viện Nghiên cứu Hán Nôm):

Ngày 10 tháng 10 năm Vĩnh Thịnh thứ 12 (Năm Đinh Dậu - 1717), Hoàng đế đặc biệt sai Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu, Thượng bảo Tự khanh là Tạ Đăng Huân kính tế linh cữu Thượng bảo Tự khanh Đinh Nho Hoàn rằng:

"Kẻ làm tôi không cậy mình, thần tử dốc lòng trung với nước non. Xét điển lễ tỏ lòng với triều đình đã có đền ân báo nghĩa.

Nhớ ông thay!

Dòng dõi thế gian, danh cao khoa giáp

Sân nhà Ngu nghiêm kính giúp mở mưu mô lớn cho vua

Đường nhà Chu rong ruổi, nghĩ phải gắng chăm lo việc nước

Đường đi xa để tỏ công lao, sao nghĩ đến chuyến về ngày tận thế

Trông đường hành trình gấp rút, cơ xe sứ thần sầm sập trở về

Ngờ đâu về đến cửa khuyết, cờ tuyết sứ giả lẻ loi rọi xuống

Ta cáo phó mới nghe, biệt ly sao dễ vậy

Nay bày lễ tế cho thỏa vong linh

Ông hãy về hưởng lễ!".

Cụ còn được gọi là Đại vương tử vì thân sinh cụ, Cụ tổ Đinh Nho Công cũng được triều Cảnh Hưng ban tước Đại vương, gọi là Đại vương phụ.

Cụ được an táng tại Lăng Sắn Trà thuộc làng Gôi Mỹ, Tổng An Ấp (xã An Hòa Thịnh ngày nay).

Ngày 7/3/1976, thực hiện chủ trương của địa phương, dòng họ Đinh Nho đã tổ chức cải táng mộ cụ và di dời về Khu

lăng mộ Áng Phần. Ngày 24/4/1985 mộ cụ lại được dòng họ cải táng một lần nữa.

Lăng Sắn Trà khi xưa vốn là 1 khu vườn cổ thụ bởi dân địa phương cho rằng mộ cụ rất linh thiêng nên không ai dám chặt phá cây cối ở đây. Đến từ sau năm 1953, một số người trong dòng họ Đinh Nho chúng ta ngoài việc tháo dỡ, bán nhà thờ cụ Đinh Nho Hoàn, bán nhà thờ chi thứ, bán một phần nhà thờ đại tôn và suýt nữa thì cũng đã bán luôn nhà thờ đại tôn họ Đinh Nho (sẽ nói ở sau), cũng đã chặt phá Lăng Sắn Trà, bán cây cổ thụ nên sau đó lăng mộ cụ nằm trơ trọi trên một khoảnh đất hoang.

Việc coi nhẹ chuyện tâm linh, coi nhẹ thờ cúng tổ tiên này là vấn đề chung của cả xã hội một thời chứ không riêng gì một số người trong dòng họ Đinh Nho ta. Do vậy, thật đáng tiếc nhưng chúng ta không nên trách cứ người nào cả.

Nói thêm về con rể của cụ là Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường (1681 - 1735). Năm Long Đức 3 (1734) Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường vâng mệnh triều đình đi sứ sang nhà Thanh, khi trở về đến Hán Khẩu không may cũng lâm bệnh qua đời. Việc này chính sử bỏ sót, nhưng được ghi lại trong *Lịch triều đăng khoa lục* và *Nghệ An ký*. Và điều đặc biệt, con trai và cháu nội của Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường, tức cháu ngoại và chắt ngoại của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn cũng đều đậu tiến sĩ và cũng đều được cử đi sứ sang Trung Quốc. Báo mạng Internet baonghean.vn thứ Hai, ngày 22/06/2015, trong chuyên mục *Vô xứ Nghệ*, bài *Nét cổ làng Trung Cần* có đoạn:

"Dòng họ Nguyễn Trọng, tự hào "tam thế ngũ hoàng hoa" (3 đời, 5 lần đi sứ), nổi tiếng với 3 cha con, ông cháu gồm: Lại bộ Thị lang - Hầu quận công Nguyễn Trọng Thường (1681 - 1735), Hữu Thị lang - Nguyễn Trọng Đương (1724 - 1786), Hàn

lâm viện Hiệu thảo Nguyễn Trọng Đường (1746 - ?). Cả 3 tiến sĩ họ Nguyễn Trọng thời Lê đều được cử đi sứ nhà Thanh, đều được khắc tên tuổi tại nhà bia Văn miếu Quốc Tử giám ở kinh thành Thăng Long...".

Như trên cũng đã nói, Cụ tổ Đinh Nho Hoàn không có con trai mà chỉ có 3 con gái. Trước khi lên đường đi sứ nhà Thanh, cụ về quê lo việc gia đình. Cụ lập con út của anh cả (anh cả cụ tức là Cụ tổ Đinh Nho Trạch) là Đinh Nho Hoành làm tự tử (con kế tự). Cụ dựng một cái am rồi cúng cho làng 15 mẫu ruộng, 100 quan tiền để 4 mùa cúng tế. Cụ lập văn bia răn dạy con cháu.

Am Cụ dựng không rõ ở đâu. Có ý kiến cho rằng có lẽ cụ dựng am bên cạnh nhà thờ Đinh Nho đại tôn. Cũng có ý kiến nêu giả thuyết hay là tháp am đằng sau Thượng điện đền Gôi Vỵ đang còn hiện hữu đến ngày nay (?).

Gia phả cũng chép là vua hạ chỉ sai cụ đi sứ sang Tàu và phong ban cho cụ 2 bài *Ngự thi quốc âm*. Tuy nhiên, 2 bài thơ đó hiện nay không còn.

7.2. Cụ tổ Đinh Nho Hoàn với dân làng và con cháu, dòng tộc

Gia phả dòng họ Đinh Nho chép:

"Đến năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) được vua cử làm phó sứ sang Tàu để giữ tính hòa hiếu, tránh nạn binh đao.

Nhận chiếu chỉ nhà vua, Ngài xin về quê để lo lắng việc phụng thờ tổ tiên, kính tế tiền lo việc trị trang, dạy bày con cháu. Ngài cúng cho làng 15 mẫu ruộng, 100 quan tiền, lập am thờ thần linh để mong cho dân làng ngày càng ấm no. Ngài lại cúng ruộng, cấp tiền cho các giáp để xuân thu kinh tế. Đặc biệt là Ngài lập một cái bia được ghi trên khánh đá, hiện còn được lưu giữ tại đền làng Gôi Mỹ thuộc xã Sơn Hòa, Hương Sơn. Xong việc ngài mới lên đường..."

Bia của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn cúng ruộng tế Từ đường, khắc dựng năm Kỷ Sửu 1709 - tức năm Vĩnh Thịnh thứ 5 (bản dịch của cụ Phó bảng Nguyễn Cự, tức cụ Bố Cự, là bố vợ của ông Đinh Nho Dật, đời thứ 16A, chúng tôi dẫn theo Gia phả):

"Tiện nhân Mặc ông này, nhiều đời chăm việc nông, cũng nhiều đời chăm việc học. Thường chỉ bo bo giữ thói nhà quê mà không hay làm văn, giữ được lòng chất phác của trời đất vẫn dư lâu ngày. Thân phụ tôi, giữ nhà có phép, đậu tiến sĩ khoa Canh Tuất khi 34 tuổi. Làm quan đến quan Ngự sử. Đến năm Ất Hợi là năm 59 tuổi thì Ngài quy tiên. Trong châu quận ai cũng khen là trong thẳng. Khi Ngài sắp mất, thay chiếu rồi, dặn con cháu không có điều gì lạ, chỉ bảo một lời: Phải trung hiếu mà thôi.

Lọt lòng 12 người con, tôi là con thứ. Khi tôi 30 tuổi là khoa Canh Thìn thi Hội đậu đệ nhị giáp tiến sĩ. Đến tháng 8 năm Nhâm Ngọ được bổ làm Tham chính ở tỉnh Sơn Tây (theo ông Tống Trần Tùng, trong văn bia chỉ ghi là phụng sai Sơn Tây xứ mà không ghi rõ là chức gì, theo chúng tôi có thể cụ Bố Cự dịch thoát ý theo gia phả - chúng tôi, người soạn sách này ghi chú). *Đến tháng 7 năm Giáp Thân được bổ làm Đốc trấn tỉnh Cao Bằng. Tỉnh ấy giáp với nước Tàu, khí hậu lạnh lẽo, trông về quê như một hạt lúa, đường xa hơn ba ngàn dặm, đoái trông non cùng mây bạc xa xăm, hiu hắt gió thu, tin nhà vắng vẻ.*

Ngồi nghĩ lại, cha con chúng tôi trả xong nợ đèn sách cũng nhờ tổ tiên đời đời không làm điều dữ nên chi chồi mậm lành dần dần mọc lên, chứ không phải sức của một người mà hay như thế. Tôi bèn hẹn với anh tôi cúng cho họ một ngàn thước ruộng, lại cúng cho làng năm nghìn thước đất để hằng năm cúng tế một lần. Tuy một nắm xôi thơm chưa chắc tiên nhân đã hưởng, nhưng một tấm lòng thành in khắc nghìn thu, may thỏa tiên phụ tôi ở dưới suối vàng. Vậy tôi bèn khắc vào đá từ năm Vĩnh Thịnh thứ tư này".

Bia của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn răn con cháu khi lập am, trước khi đi sứ sang nhà Thanh, khắc dựng năm 1715 (bản dịch của Phó Giáo sư Ngô Đức Thọ, Viện Nghiên cứu Hán Nôm):

"Hễ con cháu Mặc ông thì phải

Trung hiếu, thật thà, trong sạch, cần kiệm, lạc bần

Tiến lên làm kẻ nghĩa sĩ, lui về làm kẻ lương nông

Chớ kiêu dâm, chớ phạm thượng, chớ tranh biện, chớ cờ bạc

Như thế mới được đến gần am ta".

(Ghi chú: Kiêu dâm - kiêu căng; tranh biện - kiện tụng, chúng tôi ghi chú).

Các bia nêu trên hiện ở trong nhà bia trong đền Gôi Vỵ. Qua nội dung ghi trong Gia phả dòng họ Đinh Nho và các văn bia được dịch ở trên thiết tưởng không cần phải nói gì thêm, ta đã biết được tấm lòng của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn với dân làng, với cháu con, dòng tộc.

8. Cụ tổ bà Phan Thị Viên

8.1. Cụ tổ bà Phan Thị Viên

Cụ tổ bà vợ thiếp của Cụ tổ ông Đinh Nho Hoàn tên là Phan Thị Viên, người làng Do Lễ, thuộc phủ Hưng Nguyên, xứ Nghệ An.

Còn cụ tổ bà vợ cả của cụ tổ ông là người họ Lê, tên Vệ, người xã Hữu Bằng (nay là xã Sơn Bằng, Hương Sơn, Hà Tĩnh). Theo như câu chuyện hồi nhỏ chúng tôi thường được người lớn kể lại, gia cảnh phụ thân của cụ Đinh Nho Hoàn là Cụ tổ đời thứ 7 Đinh Nho Công không dư dả gì. Do vậy, việc học hành đỗ đạt của cụ Đinh Nho Hoàn có sự tiếp sức rất lớn về vật chất của vợ cả và gia đình vợ cả của cụ để cụ chuyên tâm đèn sách. Và vợ cả của cụ sống rất đạo đức, mực thước, thuận hòa với vợ hai của cụ, trong xóm ngoài làng ai cũng khen ngợi.

Lại nói về cụ tổ bà là vợ hai (tức vợ thiếp) của cụ.

Chuyện xưa kể lại rằng, khi thân phụ của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn là Cụ tổ đời thứ 7 Đinh Nho Công giữ chức Giám sát Ngự sử đang làm việc ở xứ Nghệ An, nhân gặp thiên tai, vâng mệnh vua, ông tra xét ngục tù xem có ai oan uổng gì không. Lúc ấy trong nhà lao có một ông Thủ bộ họ Phan bị tống giam đã lâu, các quan trấn cho là hạng tù không thể tha thứ được. Quan Giám sát Ngự sử xem xét lại cẩn thận và thấy bị oan, liền lệnh tha ngay. Cảm ơn cứu mạng, ông Thủ bộ xin được theo hầu.

Một thời gian sau vợ ông Thủ bộ sinh được một người con gái. Năm người con gái đó lên ba tuổi, ông Thủ bộ thọ bệnh, biết không sống được, ông bèn gọi vợ con lại mà than thở: *"Ta đội ơn quan Thiêm Đô họ Đinh khi còn làm Giám sát Ngự sử đã xét ngục tha cho, ta như được sống lại, ơn ấy như trời bể mà ta thì khó lòng mà trả được. Liệu con gái có giúp gì được cho ta không?"* Nói xong, ông liền nhắm mắt xuôi tay.

Về sau, nhân loạn ly, vợ ông Thủ bộ đưa theo con gái ra Thăng Long mở quán bán hàng kiếm sống. Một hôm Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn lúc đó đang giữ chức Hàn lâm viện hiệu lý tình cờ vào quán. Chợt thấy ông, bà vợ ông Thủ bộ lấy làm sửng sốt mà hỏi han lính hầu và biết được ông là con quan Thiêm Đô Ngự sử. Vợ ông Thủ bộ bèn đưa lời trăng trối của chồng mà nói với Đinh Nho Hoàn và mong cho con gái mình được theo nâng khăn, sửa túi. Nhân duyên trời định, cụ tổ ông bèn cưới làm vợ thứ.

Cụ tổ bà Phan Thị Viên về nhà chồng lúc 16 tuổi, bốn đức công, dung, ngôn, hạnh đều vẹn toàn. Đặc biệt bà rất thông thạo chữ nghĩa, giỏi thơ văn, biết đối nhân xử thế nên bà cả rất mực quý mến, gia đạo thuận hòa.

Khi chồng đi sứ, cụ tổ bà tiễn chân ra đến trạm Lã Côi (Yên Viên, Gia Lâm ngày nay) và làm liền một mạch 10 bài thơ để *"xin dâng Ngài xem lúc đi đường cũng coi như thiếp đi theo vậy"*. Đáp lại, khi sắp lên đường, cụ tổ ông liền cởi áo là (áo là có lẽ như là áo khoác ngoài ngày nay) đang mặc trên người để tặng cụ tổ bà.

Mười bài thơ cụ tổ bà tặng cụ tổ ông đến nay gia phả dòng họ Đinh Nho chỉ còn lưu giữ được 3 bài.

Trích Gia phả:

Bài 1:

Hành hành bất thị cố quan san

Kỷ hử u tình dục thoại nan

Vi thẩm hồi văn hà nhật ký

Khuyến quân vô cửu bắc thiên hàn.

Dịch nghĩa: *Bước chân ra đi thì non nước đều lạ. Muốn ngõ tình riêng cũng khó nói hết. Sẽ có ngày học tiếng "chức cẩm hồi văn" dâng lên để ngài về, khỏi ở lâu bên Tàu rất lạnh.*

Bài 2:

Đậu Mục Lưu Thần kỳ ngộ dị

Tô Khanh Phú Bật hữu nhân nan

Nã ông vật dị thuyền quyên cố

Đai đắc trung lương nhị tự hoàn.

Dịch nghĩa: *Ông Đậu Mục, ông Lưu Thần gặp con gái tiên là việc dễ. Ông Tô Khanh, ông Phú Bật đi sứ giỏi việc khó hơn. Xin ngài đừng vì có tôi là vợ trẻ mà quan hoài. Ngài hãy mang cho được hai chữ Trung Lương trở về thì hơn.*

Bài 3:

Kim triều thành thị do Nam Quốc

Dị nhật ý quan thị Bắc triều

Liệt Nhật, thu sương quân phận nội

Thiếp tương thuỳ vị trọng yêu kiều.

Dịch nghĩa: *Thành thị hôm nay là bầu trời nước Nam. Áo mũ ngày khác đã là triều nước Tàu rồi. Phận sự ngài đi sứ phải như mặt trời nóng, gió thu lạnh. Còn về phần thiếp trẻ trung thì cũng không mượn ai vẽ làm gì".*

Có một ngày cụ tổ bà về thăm quê ngoại, bà mẹ cụ muốn lưu cụ ở lại. Cụ nói rằng (trích Gia phả):

"Chồng con đang đi sứ đường xa khó nhọc, con xiết nỗi lo phiền lẽ đâu ở lại mà chơi được. Nội trong ngày hôm nay con xin được trở về cùng bà cả để một lòng kính thuận".

Khi thi hài cụ tổ ông được mang về quê nhà, cụ tổ bà rất bình thản, không khóc lóc. Nhưng sau khi cùng bà cả lo việc tang gia cho cụ tổ ông xong, cụ tổ bà liền viết văn tế chồng, thư từ biệt mẹ già, thư từ biệt bà cả rồi dùng áo là chồng trao khi xưa tự thắt cổ chết, tuẫn tiết theo hầu chồng, giữ vẹn *"tam tòng, tứ đức"*. Năm ấy cụ tổ bà mới 19 tuổi.

Nội dung các bài văn tế, thư từ biệt của cụ tổ bà (phần này chép từ Gia phả, bản năm 2020):

Nội dung văn tế chồng:

Ô hô!

Phu quân hà chi

Hà hữu vọng nhi vô quy

Hà tiết mao hề cự lạc

Hà kỳ vị hệ sậu kỳ

Y!

Hướng giả khinh cừu phì mã

Kim yêu đan triệu tố nhi

Hướng giả tràng đình tặng cú

Kim yêu phi lộ ai từ

Liêu liêu nhạn tín

Vọng vọng thiên nhi

Hồn tiêu loan cánh

Trường đoạn la y

Y!

Sinh ư khoa giáp

Danh thọ bảng bi

Tử ư quốc sự

Chí thù cách thi

Giả vinh giả ai

Hà xá hà bi

Thiếp khi bất tri

Sự nan khấp chuyển

Vạn lệ hà tỳ

Thiếp khi bất tri

Trần gian nhất nhật

Minh phủ thiên kỳ

Y!

Uyên loan thất ngẫu

Nhi nữ tình si

Bạo vu trù bạn

Phiếm bách trù y

Túng giao thiên thọ

Bách dị vi kỳ

Chung thương bồ liễu

Đồ mai chung quỳ

Dự kỳ khế khoát

Hạ tự truy tuỳ

Vi tỵ dực điều

Viên liên lý chi

Y!

Sinh nhi cân trất

Hạnh vô duy ly

Cửa nguyên hữu phụ

Hà bất tiến di

Ỷ lư hữu mẫu

Hà bất tâm di

Cam tâm minh mục

Dị nhi dị nhi

Ô hô phu quân!

Giám ty giám ty

Ô hô! Y hi.

Dịch nghĩa:

Hỡi ôi!

Phu quân đi đâu

Đi sao mà không trở lại

Khiến thiếp âu sầu

Mao tiết nọ sao mà rụng vội

Kỳ vị kia sao đã cưỡi mau

Than ôi!

Xưa kia lừng lẫy, cưỡi ngựa mắc cừu

Giờ sao thảm đạm, xe trắng cờ đào

Xưa kia tiễn biệt, thi cú tặng nhau

Giờ sao ca vãn, phi lộ thương đau

Tin nhạn trông mà vắng ngắt

Ven trời ngóng ở nơi nao

Xem gương loan mà mất vía

Thấy áo là mà ruột sầu

Hỡi ôi!

Sống nên khoa giáp

Bia bảng còn ghi

Chết vì việc nước

Thỏa chí cách thi

Tử sinh cũng vậy

Than thở làm chi

Thiếp sao chẳng biết

Chết không sống lại

Khóc có ích gì

Thiếp sao chẳng biết

Một ngày dương thế

Ngàn thuở âm ty

Hỡi ôi!

Chim uyên chim loan một chốc lạc đàn

Tình si nhi nữ ngán nỗi cô đơn

Gối chiếc lạnh lẽo cùng ai thở than

Chiếc bách lênh đênh cùng ai bàn hoàn

Dẫu trời cho thọ

Đến tuổi kỳ vi (100 tuổi - bách tuế)

Phận hèn bồ liễu

Uổng lấp chung quỳ

Sống mà cách trở

Thà thác theo đi

Làm chim liền cánh

Làm gỗ liền chi

Hỡi ôi!

Đỡ gối nâng khăn

Trước sau một tiết

Cha dưới suối vàng

Lòng chừng thỏa thiếp

Dầu mẹ có trông

Tưởng cùng ý hiệp

Nhắm mắt đành lòng

Thôi là hết kiếp

Hỡi ôi phu quân

Xin soi lòng thiếp

Ôi thương ôi!

Thư tạ bà cả Lê phu nhân:

Thiếp niệm thiếp

Thân thế phù bình

Phong tư bồ liễu

Hàn môn tiều tuỵ, cảm vãn quê tú giai nhân

Cù mộc huy oanh, cửu mộc hà chu nhã hoá

Hà hạnh thước sào đông Phúc Khánh

Thực đa chung vũ quảng bao dung

Tự tòng nhân bí sàng chinh thiếp dự quân

Tử cộng nhiễm hoài nhân chi mộng

Nhất đán tiết mao tuyết lạc, thiếp dự

Quân tử đồng canh phiến bách chi thi

Tự thi mỹ tha, các thành ngô chí

Ngã gia hương hoả

Tu quân tử hề thi tảo tần

Đế sở y quan

Nguyện thiếp thân hề cung thị phụng

Tầm thậm tràng nhi phác thậm đoản

Cảm tích châu trầm

Tử chi nhật do sinh chi niên

Hạnh duy đan chiếu.

Dịch nghĩa:

Trộm nghĩ thiếp

Thân thế bọt bèo

Phong tư yếu ớt

Thói nhà hèn hạ, dám khoe phái tốt dịu dàng

Nấp bóng cây cao, nhờ được phu nhân dạy bảo

Chung chạ đã vịn câu Sào Thước

Bao dung nhớ lại khúc Chung Từ

Từ phen vó ngựa bước lên đường, bà cùng thiếp vẫn một lòng mộng tưởng

Đến lúc cờ mao bay rụng tuyết, thiếp cùng bà đành chiếc bách lênh đênh

Vẫn thề nhau một kiếp thờ chồng

Nhưng vì nỗi đôi đường khác nẻo

Đốt hương khói ở nơi miếu tổ, bà phải còn chăm sóc việc cúng cơm sửa áo xiêm

Chầu đức Ngọc Hoàng, thiếp không thác lấy ai hầu hạ

Lòng tuy dài mà kiếp ngắn, ngọc chìm nào dám tiếc đâu

Ngày đã chết như buổi đương còn, lòng đã dám xin soi tới.

Thư tạ mẹ là bà Phan thị:

Bất năng tất hạ thừa hoan, tốt tiết sảnh ôn chi luyến

Vị học đình tiền hý thái, cự tình ly biệt chi thư

Như hà như hà, tri tội tri tội

Như chất đàm uyển chuyển, tiếu thâm khuê cô

Vô đoạn hiệp mộng hủy xà, hà hành tịch đầu loan phụng

Trinh kỳ kỷ hỉ, thượng vô phụ mẫu duy ly

Xuân mộng vi viên, thúc nhi công gia bất tại

Thệ bất Lý thê, Trương phụ tự sài tục nữ gia lưu

Cẩu truyền tuyết tháo băng tâm, hạnh viết ngã gia hữu tử

Tư duy đồng huyệt

Nguyện thỉ mỵ tha

Huyết lệ hòa đô

Liêu đại quy minh chi cáo

Đan thần vị tử

Tràng mình vọng cực chi ân

(Sở hữu ngân can lượng phụng vi từ mẫu thọ)

Dịch nghĩa:

Khi ấm lạnh cách xa dưới gối, việc thừa hoan con những đau lòng

Vẽ hoa lan chưa múa trước sân

Thư ly biệt từ đâu đem tới

Tội thì đã vậy, tình biết làm sao

Con sức vẫn đã yếu hèn, tình càng khuê cách

Mộng xà hủy, hổ sinh ra gái

Duyên loan hoàng, may được gặp người

Tình cờ chưa được bao lâu, may cũng khỏi tiếng chê đến mẹ

Giấc mộng còn đương chếch mác vì đâu việc nặng tới chồng

Mình con chẳng như ai, thề không học gái Trương, vợ Lý

Phận gái phải lo cho sạch, may người khen cháu giống con dòng

Rày xin một thác theo chồng, thề chẳng hai lòng trông nọ

Vài lời huyết lệ gửi về thay lời cáo quy minh

Một tấm lòng son chưa mất bởi nhớ ơn vọng cực

(Vậy có mấy lượng bạc xin gửi về mừng thọ mẹ).

Hết trích Gia phả.

Đại Việt sử ký tục biên (1676 - 1789) - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, do Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng dịch và khảo chứng, Nguyễn Đổng Chi hiệu đính, trang 75, mục 9:

"Biểu dương người đàn bà tiết nghĩa là Phan Thị.

Phan Thị người xã Do Lễ, huyện Hưng Nguyên (thuộc Nghệ An) là vợ bé Đinh Nho Hoàn. Nho Hoàn đi sứ phương Bắc, chết ở dọc đường. Sau khi đưa về chôn cất, Phan Thị thương nhớ tự thắt cổ chết. Việc này đến tai triều đình. Sai quan cấp cho ruộng thờ, tặng phong là Á thận nhân, lập đền thờ (nay ở xã An Ấp, huyện Hương Sơn vẫn còn ngôi miếu thờ) và ban cho bảng vàng khắc hai chữ 'tiết phụ' treo để biểu dương".

Theo tác giả Đào Tam Tỉnh trong bài viết *Đính chính một sai lầm về bà Phan Thị Viên - Phu nhân của Đinh Nho Hoàn trong bản dịch "Nghệ An ký"* đăng trên trang báo điện tử Khoa học xã hội và Nhân văn Nghệ An khxhnvnghean.gov.vn *Chuyên san KHXH&NV số 9/2015*, ngày 5/10/2015 thì:

"Sách Bách thần sự tích có chép về Đinh Nho Hoàn và bà vợ lẽ họ Phan của ông như sau:

Nguyên văn chữ Hán:

弘信大夫陪從尚寶寺卿禮部左侍郎壽山侯丁相公特達大王靈神廟一所在香山縣安邑社原是本社人奉黎朝進士弟入侍王府府僚陪從奉使北國死節冇功奉冇敕封特達大王命立廟祀潘氏貞一亞慎夫人靈祀廟一所在香山縣安邑社原是興元縣由禮社人姓潘諱圓十六歲歸禮部左侍郎壽山侯為側室纔一年壽山侯奉使北國損故及歸骸骨到家夫人年十九歲發棺詳記隨節自縊伊族以事洞達奉有敕封為亞慎夫人贈節婦侗三金字并給本社田貳畝村族人奉祀.

Phiên âm:

Hoằng tín Đại phu Bồi tụng Thượng bảo Tự khanh Lễ bộ Tả Thị lang, Thọ Sơn Hầu Đinh tướng công Đặc Đạt Đại vương linh thần: Miếu nhất sở, tại Hương Sơn huyện, Yên Ấp xã, nguyên thị bản xã nhân. Phụng Lê triều Tiến sĩ đệ. Nhập thị Vương phủ phủ Liêu Bồi tụng, phụng Sứ Bắc Quốc. Tử tiết hữu công, phụng hữu sắc phong Đặc Đạt Đại Vương, mệnh lập miếu tự.

Phan Thị Trinh Nhất Á Thận phu nhân linh từ: Miếu nhất sở tại Hương Sơn huyện, Yên Ấp xã, nguyên thị Hưng Nguyên huyện, Do Lễ xã nhân, tính Phan, húy Viên. Thập lục tuế quy Lễ bộ Tả Thị lang, Thọ Sơn Hầu, vi trắc thất tài nhất niên. Thọ Sơn hầu, phụng Sứ Bắc Quốc tổn cố, cập quy hài cốt đáo gia. Phu nhân niên thập cửu tuế phát quan tường ký, tùy lang tự ải, y tộc dĩ sự đồng đạt, phụng hữu sắc phong vi Á Thận phu nhân, tặng Tiết phụ, đồng tam kim tự. Tinh cấp bản xã, điền nhị mẫu, thôn tộc nhân phụng tự.

Tạm dịch:

Vị thần linh thiêng là Hoằng tín Đại phu, Bồi tụng, Thượng bảo Tự khanh, Tả Thị lang bộ Lễ, tước Thọ Sơn Hầu Đinh tướng công Đặc Đạt Đại Vương: Miếu một tòa, tại xã Yên Ấp, huyện Hương Sơn, nguyên là người ở bản xã. Đậu Tiến sĩ đệ triều Lê. Được cử vào làm Bồi tụng ở phủ Liêu, Vương phủ, theo lệnh đi Sứ Bắc Quốc. Ông mất vì việc công, được phong sắc là Đặc Đạt Đại Vương, theo lệnh lập miếu tôn thờ.

Đền linh thiêng thờ Phan Thị Trinh Nhất Á Thận phu nhân: Miếu một tòa tại xã Yên Ấp, huyện Hương Sơn, nguyên người ở xã Do Lễ, huyện Hưng Nguyên, họ Phan, húy là Viên. Năm 16 tuổi về làm vợ lẽ quan Tả Thị lang bộ Lễ, tước Thọ Sơn Hầu một năm. Thọ Sơn Hầu mất khi được cử đi Sứ Bắc Quốc, sau lễ tang, hài cốt ông được đưa về nhà. Phu nhân năm đó 19 tuổi, làm lễ nhập quan xong,

bèn tự tử chết theo chồng, không cho họ tộc biết, được ban sắc phong là Á Thận phu nhân, tặng Tiết phụ cùng 3 chữ vàng. Lại ban cho bản xã 2 mẫu ruộng, để người trong thôn và gia tộc [làm lấy lợi tức sắm đồ] tế thờ".

Theo sách *Bách thần sự tích* đã dẫn trên đây thì có 2 đền thờ. Một là đền thờ Cụ tổ Đinh Nho Hoàn; và, hai là đền thờ Cụ tổ bà Tiết nghĩa Phan Thị Viên.

Sự thực cũng đúng như vậy.

Đền thờ Cụ tổ Đinh Nho Hoàn trước đây còn được gọi là đền thờ (nhà thờ) Đức Đại vương tử. Nhà thờ Đức Đại vương tử thờ Cụ tổ Đinh Nho Hoàn được xây dựng phía bên trái khuôn viên sân nhà thờ nhìn từ Thượng điện nhìn ra.

Tuy nhiên, vào khoảng từ sau năm 1953, nhà thờ này dòng họ Đinh Nho đã bán đi (sẽ nói kỹ thêm ở phần sau, phần nói về nhà thờ).

Còn đền thờ Cụ bà Tiết nghĩa Phan Thị Viên thì theo gia phả dòng họ Đinh Nho và theo tâm thức (tình cảm và nhận thức đã ăn sâu vào trong tiềm thức) của nhiều thế hệ người dân trong vùng chính là đền Gôi Vỵ (hay còn gọi là đền bà Tiết Nghĩa, cũng nhiều người gọi là đền bà Tiết Phụ) đang còn hiện hữu đến ngày nay.

Đến đời Cảnh Hưng nhà Lê cụ tổ bà được gia phong: Trinh Nhất Á Thận Nhân.

Triều Nguyễn Gia Long khâm phong: Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển Dực Bảo Trung hưng Phúc thần.

Câu chuyện về cụ tổ bà nổi tiếng thời bấy giờ. Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748) dựa vào câu chuyện có thật đó mà sáng tác nên truyện *An ấp liệt nữ* hiện có bán trong các nhà sách cũng như có thể tìm kiếm trên Internet. Tuy nhiên vì là truyện

nên có nhiều hư cấu, vả lại có thể thời bấy giờ việc đi lại, sưu tầm tài liệu chắc hẳn có nhiều khó khăn nên các nhân vật trong truyện và các nhân vật ngoài đời đã có quá nhiều sự sai khác.

Mộ Cụ tổ bà Phan Thị Viên được an táng bên cạnh mộ Cụ tổ ông Đinh Nho Hoàn ở Lăng Sắn Trà. Đến nay dòng họ Đinh Nho ta cũng đã di dời mộ cụ tổ bà lên Khu lăng mộ Áng Phần cùng với phần mộ Cụ tổ ông Đinh Nho Hoàn và mộ bà cả.

8.2. Đền Gôi Vỵ ngày nay

Cũng may là đền Gôi Vỵ được sử dụng làm trụ sở UBND xã Sơn Hòa một thời nên còn tồn tại được đến ngày nay. Nếu không, số phận của đền cũng đã như số phận đền Bình Hòa, đền Tuỵ Anh của làng Bình Hòa (xã Sơn Hòa, nay là xã An Hòa Thịnh), chùa Rú Tháp, chùa Bục Bục... cùng nhiều công trình văn hoá, lịch sử khác tại địa phương đã bị san phẳng do bị cho là tàn dư của chế độ phong kiến.

Theo các bài vị trên các bệ thờ thì đền không chỉ thờ bà Tiết Phụ mà đền thờ:

- Bốn vị nhiên thần: Cao Sơn Cao Các Mạc Sơn Đại Vương; Thành hoàng làng: Kim Đồng Ngọc Nữ; Thổ địa.

- Năm vị nhân thần:

+ Đại tư đồ Đinh Quận Công Đinh Điền (Ngoại giáp Đinh Điền - 1 trong 4 vị tướng tâm phúc của Đinh Tiên Hoàng đế);

+ Anh Nghị Đại vương, Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần Đinh Nho Công;

+ Đặc Đạt Đại vương, Tuấn Lương Lượng Trực Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần Đinh Nho Hoàn;

+ Trinh Nhất Á Thận Nhân, Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển Dực Bảo Trung hưng Phúc thần Phan Thị Viên; và:

+ Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần Đinh Nho Côn.

Bài vị thờ Cụ tổ Đinh Nho Hoàn tại đền Gôi Vỵ, ông Tống Trần Tùng đã chép lại nguyên văn chữ Hán như sau:

前黎正和更辰科正進士尙寶寺寺卿奉使贈禮部左侍郎壽山子丁相公諡簡靜靜字存樸號默齋加封特達大王欽封俊良諒直端肅翊保中興福神位.

Và ông Tống Trần Tùng phiên âm:

Tiền Lê Chính Hòa Canh Thìn khoa Chính Tiến sĩ, Thượng Bảo tự Tự Khanh phụng sứ tặng Lễ bộ Tả Thị lang, Thọ Sơn Tử Đinh Tướng công thụy Giản Tĩnh, tự Tồn Phác, hiệu Mặc Trai, gia phong Đặc Đạt Đại vương, khâm phong Tuấn Lương, Lượng Trực Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần vị.

Chúng tôi tạm dịch nghĩa:

Vị trí (bài vị) thờ vị tiền bối là Tiến sĩ khoa Canh Thìn triều Lê, niên hiệu Chính Hòa, chức Tự Khanh của Thượng Bảo tự (tức là Trưởng của cơ quan phụ trách việc văn phòng giúp vua, giữ ấn triện, sao chép sắc chỉ, chỉ dụ vua ban hoặc những chương sớ sổ sách...); được nhà vua sai sứ đến tặng chức Lễ bộ Tả Thị lang khi ông qua đời (tức tương đương chức thứ trưởng thời nay của bộ chuyên lo liệc nghi lễ của triều đình), tặng tước Thọ Sơn Tử (tước Tử tức tước thứ 4 trong 5 tước từ cao đến thấp: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam), tên cúng cơm là Giản Tĩnh (tức giản dị và tĩnh lặng), tên chữ là Tồn Phác (tức sống luôn chất phác), hiệu Mặc Trai (tức trai phòng tĩnh lặng), được nhà vua gia phong Đặc Đạt Đại vương (tức được nhà vua phong thêm là vị Đại vương nhiều đỗ đạt, nhiều phát đạt), được nhà vua khâm phong Tuấn Lương, Lượng Trực Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần (tức được nhà vua khâm phục

phong là vị thần may mắn, thẳng thắn, nghiêm trang, nhã nhặn, lương thiện giúp đỡ cho sự hưng thịnh).

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cho đến khoảng trước năm 2000, với quan điểm cho rằng đền, chùa, miếu, phủ là tàn dư của chế độ phong kiến, là mê tín dị đoan nên người ta hoặc đập phá, hoặc bỏ hoang, hoặc sử dụng những công trình này để dùng vào những việc khác. Như các đền Bình Hòa, đền Thuỵ Anh cùng ở làng Bình Hòa (xã An Hòa Thịnh ngày nay) bị dỡ bỏ. Đền Gôi Vỵ cũng không ngoại lệ. Đền Gôi Vỵ được sử dụng làm trụ sở Ủy ban nhân dân Xã Sơn Hòa hàng chục năm trời. Sau đó, khi xây được trụ sở ủy ban mới, đền lại bị bỏ hoang thêm mấy chục năm.

Chúng ta chẳng thể trách cứ riêng ai. Chỉ trách cho một thời nông nổi.

May thay, năm 2005 đền được xếp hạng di tích cấp tỉnh; ngày 5/3/2018, với quyết định số 618/QĐ-BVHTTDL, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Ngọc Thiện đã ký xếp hạng đền Gôi Vị (Gôi Vỵ) là di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia.

Trước đó, khi chưa có sự vào cuộc của chính quyền, vì xót xa cho nơi thờ tự của làng, của xã, lại có tổ tiên mình được thờ ở đó mà một số bà con dòng họ Đinh Nho, đứng đầu là ông Đinh Nho Công (đời thứ 17B) được sự ủng hộ của Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ và chính quyền địa phương đã bỏ ra một số tiền tương đối lớn để sửa sang lại ngôi đền. Tuy nhiên, chẳng thấm tháp vào đâu vì chi phí cho trùng tu là rất lớn do đền đã bị hư hại quá nặng. Đền được khang trang như hiện nay (năm 2023) là do sau khi được xếp hạng di tích cấp Quốc gia, Nhà nước đã đầu tư trùng tu, tôn tạo.

Mặt trước cổng đền trước đây là ruộng lúa, ông Đinh Nho Bảng (đời thứ 16B) đã đề nghị và được chính quyền địa phương chấp thuận cho một số con cháu dòng họ Đinh Nho, đứng đầu là ông Đinh Nho Công kể trên, đầu tư cải tạo thành hồ nước trước đền đã làm tăng lên đáng kể vẻ đẹp cảnh quan của ngôi đền.

Bây giờ xin nói về hiện trạng của ngôi đền. Phần nói về hiện trạng của ngôi đền này chúng tôi dựa phần lớn vào bài viết của ông Tống Trần Tùng trên trang facebook cá nhân của ông.

(1) Toàn cảnh

Đền Gôi Vỵ tọa lạc trên một khuôn viên rộng khoảng 2 ngàn mét vuông. Khuôn viên đền có hệ thống cổng tam quan đằng trước và tường bao xung quanh. Đền quay mặt về hướng Tây nhìn ra cánh đồng rộng lớn về phía xã Sơn An (nay đã sáp nhập với Sơn Hòa, Sơn Thịnh thành xã An Hòa Thịnh). Chạy ngang qua và cách mặt cổng đền một hồ nước rộng, vuông vắn là con đường liên thôn, liên xã rộng lớn nên giờ đây người đi qua, kẻ về lại đều được chiêm ngưỡng vẻ uy linh, tráng lệ của ngôi đền.

Ông Tống Trần Tùng viết:

"Trên đỉnh cột trụ của cổng chính là đôi nghê quay mặt vào nhau có các nét khắc tỉa rất tinh xảo. Hai bên cổng chính còn có 2 cổng phụ xây cuốn tò vò để làm lối ra vào. Án ngữ lối vào của cổng chính là một bức bình phong, còn gọi là "tắc môn - 塞門, tắc ở đây có nghĩa là che" xây thành hình cuốn cách điệu như một bức rèm, khoảng giữa bức rèm có trổ các ô hình quả trám sáu cạnh tăng thêm tính thanh thoát của bức bình phong. Trước kia, sau bức bình phong này là sân cỏ, vườn hoa, cây cảnh. Cho đến những năm sáu mươi của thế kỷ hai mươi,

sau khi đi qua sân cỏ còn có một dãy tường ngăn cách với khoảnh sân lát gạch của ngôi đền. Dãy tường này được xây như một hàng rào bên trong của ngôi đền, chính giữa có cổng để đi vào sân gạch. Phía trên hai cột trụ cổng được xây vòm tạo thành một bức cuốn thư. Hai phía cuối của dãy tường hoa là hai cột trụ nhỏ hơn, trên đỉnh có hộp đèn lắp kính, bên trong đặt nến hoặc đèn dầu để thắp sáng trong các ngày tế lễ. Dãy tường và bốn cột trụ nay không còn, nhưng móng xây của bốn cột trụ thì vẫn có thể tìm thấy dưới lớp cỏ mọc che phủ chúng. Hai bên sân gạch là hai nhà Tả vu và Hữu vu đã bị hư hỏng nhiều và trở nên hoang phế. Chính giữa sân trước đây có một bể nước nhỏ hình chữ nhật, hai góc phía trong là hai con voi đá (nay được chuyển vào sân thượng điện), còn hai góc sân phía ngoài là hai con chó đá (đã bị mất). Các công trình chính của ngôi đền như hạ điện, trung điện, thượng điện cùng nhà bia và nhà để khánh ít bị hư hỏng hơn. Hiện nay, đền đang được các cơ quan chức năng của tỉnh Hà Tĩnh trùng tu. Các hạng mục như cổng chính, cổng phụ, tường bao bên ngoài... đang được sửa chữa, khôi phục.

Bước đầu khảo sát cho thấy trong đền còn những hiện vật và tư liệu lịch sử vô cùng quý giá. Đó là biển vàng, các tấm bia đá, khánh đá với văn khắc bằng chữ Hán còn rất rõ nét và các câu đối, các dòng chữ đắp trên cuốn thư..."

Đến nay thì ngôi đền đã được trùng tu, phần nào đã được trả lại dáng vẻ ban đầu như đền vốn có.

Đôi câu đối chữ Hán được khắc dựng lại trên mặt trong của hai trụ cổng chính ngôi đền là:

姓 字 壽 江 山 雙 庚 虎 榜

英 靈 恆 今 古 四 道 鸞 書

Phiên âm:

Tính tự thọ giang sơn, song canh hổ bảng

Anh linh hằng kim cổ, tứ đạo loan thư.

Chúng tôi giảng nghĩa:

Song canh hổ bảng: Hai lần thi đỗ bảng vàng vào năm Canh Tuất (1670) của cụ Tiến sĩ Đinh Nho Công và năm Canh Thìn (1700) của cụ Tiến sĩ Đinh Nho Hoàn nên gọi là "song canh".

Thư loan: khả năng là sắc phong. "tứ đạo loan thư" có khả năng là được vua ban 4 đạo sắc phong ứng với 4 sắc phong cho 4 vị thần: Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn, Phan Thị Viên và Đinh Nho Côn.

Như vậy có thể dịch nghĩa rằng:

Họ tên lưu mãi với giang sơn, hai lần ghi danh bảng vàng

Anh linh trường tồn cùng kim cổ, bốn bận được ban sắc phong.

Đôi câu đối này bản dịch của ông Tống Trần Tùng có khác đôi chút, chúng tôi chép lại ở phần dưới.

Còn đôi câu đối chữ Hán được khắc dựng lại trên mặt ngoài của hai trụ cổng chính ngôi đền là:

兩 途 史 入 名 臣 傳

三 字 人 鈔 節 婦 香

Phiên âm:

Lưỡng đồ sử nhập danh thần truyện

Tam tự nhân sao tiết phụ hương.

Ông Tống Trần Tùng dịch nghĩa:

Lịch sử hai con đường ghi chép truyện Danh Thần

Người biết dăm ba chữ tôn kính bà Tiết Phụ.

Theo chúng tôi, "lịch sử hai con đường ghi chép truyện Danh Thần" ở đây có thể là đường văn (các danh thần Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn) và đường võ (danh thần Đinh Nho Côn).

(2) Tháp am

Trên khoảnh vườn ngay sau chính giữa nhà thượng điện là 1 cái tháp am. Tháp am này hiện nay đã được bộ rễ của cây bồ đề cổ thụ sau đền trùm kín trông rất huyền bí, linh thiêng.

(3) Thượng điện

Thượng điện gồm 3 gian.

- Gian giữa:

+ Phía trên gian giữa là tấm biển sơn son, thếp vàng đề 3 chữ Hán "節婦門 - *Tiết Phụ môn*". Tạm hiểu là gia tộc nhà bà Tiết Phụ Phan Thị Viên. Xin lưu ý, khi xưa lấy chồng là theo chồng, là làm ma nhà chồng, cho nên gia tộc bà Tiết Phụ là gia tộc nhà chồng bà, cụ ông Đinh Nho Hoàn chứ không phải là gia tộc nhà bố mẹ đẻ. Ba chữ này cũng phù hợp với các bài vị được thờ ở gian giữa. Ba chữ này không biết có phải được vua ban hay không, vì *Đại Việt sử ký tục biên chép* là vua ban 2 chữ *Tiết Phụ* chứ không phải là 3 chữ như ở tấm biển này. Tuy nhiên *Bài tán 4 vị Phúc thần họ Đinh* của Cụ tổ đời thứ 13, Thái Bộc Tự khanh Đinh Hy Tăng (Đinh Nho Tĩnh (Tỉnh)) viết:

"...Biển "Tiết Phụ" vàng dương ba chữ

Ruộng Tàm Tang hương lửa ngàn xuân...".

Ý nói biển này đề 3 chữ, và ruộng để thu hoa lợi cho việc cúng tế ngàn năm là ruộng ở xứ Tàm Tang.

+ Trên bệ thờ gian giữa để 4 bài vị: Bài vị của Đại Tư Đồ Đinh Quận Công Đinh Điền (một trong 4 vị tướng tâm phúc của Đinh Bộ Lĩnh, và là gốc tích của dòng họ Đinh Nho); Bài vị của Anh Nghị Đại Vương Đinh Nho Công - Đức Đại Vương Phụ - Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần (cha); Bài vị của Đặc Đạt Đại Vương Đinh Nho Hoàn - Đức Đại Vương Tử - Tuấn Lương Lượng Trực Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần (anh); Bài vị của Tổng Binh Đồng Tri Hương Nghĩa Hầu Đinh Nho Côn - Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần (em).

Các chữ cụ thể trên bài vị của từng vị thần chính xác được viết như thế nào, có còn đọc được đủ hay không chúng tôi sẽ khảo cứu để lưu lại trong một bài viết khác (trong lúc soạn sách này chúng tôi không ở quê nhà mà đang sinh sống và làm việc tại Quảng Ninh).

Ông Tống Trần Tùng viết:

+ Hai bên ngai thờ gian giữa hiện nay còn đôi câu đối:

一 門 作 述 倡 隨 風 聲 長 在

千 古 塔 庵 碑 磬 法 物 如 新

Nhất môn, tác, thuật, xướng, tùy, phong thanh trường tại

Thiên cổ, tháp, am, bi, khánh, pháp vật như tân

Tạm dịch:

Một nhà, hiếu, đễ, thuận, hòa, tiếng thơm lưu mãi

Ngàn năm, tháp, am, bia, khánh, pháp vật còn nguyên

Trên hai cột biên của thượng điện ở phía ngoài là hai cặp câu đối:

1) 洋 洋 乎 如 在 其 上 其 左 右

籲 籲 兮 能 保 我 民 我 子 孫

Dương dương hồ! như tại kì thượng kì tả hữu

Đoán đoán hề! Năng bảo ngã dân ngã tử tôn

Tạm dịch:

Mênh mông sao! Bao quát luôn trời cao, phải trái

Bao dung thay! Chở che cả con cháu, dân lành

2) 奥宅神皐环地千年秀氣

科名宦業仙山第一高峰

Áo trạch thần cao, hoàn địa thiên niên tú khí

Khoa danh hoạn nghiệp, tiên sơn đệ nhất cao phong

Tạm dịch:

Nhà thờ thần phía Tây, đất ngọc ngàn năm tú khí

Nghiệp khoa danh chức trọng, núi tiên nhất đỉnh thanh cao.

- Gian hữu *(phải)*:

Trên bệ thờ gian bên hữu: Bài vị của bà Tiết Phụ Phan Thị Viên - Trinh Nhất Á Thận Nhân - Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển Dực Bảo Trung Hưng Phúc Thần.

- Gian tả *(trái):*

Trên bệ thờ gian bên tả:

+ Bài vị của Cao Sơn Cao Các Mạc Sơn Đại Vương.

+ Bài vị của Thành hoàng làng: Kim Đồng Ngọc Nữ.

+ Bài vị của Thổ địa.

(4) Nhà bia

Gọi là nhà nhưng các gian nhà bia, nhà treo khánh rất nhỏ, chật chội.

Cánh gà bên trái thượng điện là nhà bia. Nhà bia dựng 3 khối bia nhưng sắp xếp không chỉn chu, không cân đối và

không đủ không gian cho việc đọc các mặt bia. Ba khối bia đó từ ngoài nhìn vào gồm:

- Bia bên trái: Khắc dựng năm Kỷ Sửu (1709). Cụ tổ Đinh Nho Hoàn soạn khi cụ còn làm Đốc trấn Cao Bằng về quê để "huân mộc trùng tu" nhưng không rõ là trùng tu công trình gì, ở đâu? *Huân mộc trùng tu* là chữ khắc trên bia, có nghĩa là trai giới tắm gội đứng ra trùng tu. Mặt sau của cột bia này ghi chép các nội dung liên quan đến các thửa ruộng tế mà chúng tôi đã đề cập ở phần trên, mục: *Cụ tổ Đinh Nho Hoàn với dân làng và với cháu con, dòng tộc.*

- Bia bên phải: Khắc dựng năm Nhâm Thìn (1712). Cụ tổ Đinh Nho Hoàn soạn khi cụ đang giữ chức Thượng bảo Tự khanh và giao cho vợ cả là cụ Lê Thị Vệ khắc dựng.

- Bia ở giữa: Khắc dựng năm 1715. Cụ tổ Đinh Nho Hoàn soạn và cho khắc dựng khi cụ về quê lo việc nhà trước khi đi sứ sang Bắc quốc, cúng 15 mẫu ruộng, cúng 100 quan tiền để tế tự 4 mùa cùng răn dạy con cháu. Nội dung văn bia răn dạy con cháu chúng tôi cũng đã đề cập ở mục: *Cụ tổ Đinh Nho Hoàn với dân làng và với cháu con, dòng tộc* nói trên.

(5) Nhà treo khánh

Đối diện nhà bia, tức bên phải nhà thượng điện là nhà treo khánh Mặc Trai. Khánh được khắc soạn năm 1712. Nội dung bài văn (bài minh) khắc bằng chữ Hán trên khánh Mặc Trai như sau (Bản dịch của Phó Giáo sư Ngô Đức Thọ - Viện nghiên cứu Hán Nôm):

"Phàm vật để yên thì lặng, gõ vào thì kêu. Nhưng âm thanh phát ra mỗi vật mỗi khác. Âm thanh của khánh trong trẻo mà có tiết tấu, nhạt nhẹ mà cao vang, tựa như có cái cao thượng của con người. Ta vì vậy mà yêu thích âm thanh của khánh, bèn xuất tiền, làm một

chiếc, treo ở phía bên trái am, đặt tên là khánh Mặc Trai để tăng thêm ý chí của ta.

Bây giờ là đời Hoàng triều ngày tốt tháng trọng thu (tức tháng 8) năm Nhâm Thìn (1712) niên hiệu Vĩnh Thịnh muôn muôn năm, năm thứ 8.

Người được vua ban Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn, quê huyện Hương Sơn, châu Hoan là Đinh Nho Hoàn, tự Tồn Phác kính cẩn soạn".

Tuy nhiên, theo ông Tống Trần Tùng thì chữ khắc trên cột đá làm khung giá để treo khánh lại có dòng chữ Hán ghi rõ là được dựng vào năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756). Theo như bài văn khắc nêu ở trên thì khánh được làm và *"treo ở phía bên trái am"* năm 1712. Am ở đâu thì đến nay chưa rõ. Không biết có phải là tháp am ở sau thượng điện nói ở trên không. Và chắc có lẽ năm 1756 khánh mới được chuyển vào đền, hoặc giả là được chuyển vào đền từ trước đó nhưng đến năm 1756 có cuộc trùng tu đền và làm lại giá treo vì giá treo cũ bị hư hỏng(?).

(6) Hạ điện

Theo ông Tống Trần Tùng thì *"Mặt chính hạ điện có đường nét kiến trúc Hoa-Âu, một mô típ kiến trúc của người Hoa bắt chước kiến trúc của châu Âu, khá thịnh hành ở miền Nam và miền Trung Việt Nam vào thập kỷ thứ 3 ở thế kỷ XX".*

Theo Gia phả dòng họ Đinh Nho thì: *"Đến năm 1922 (Nhâm Tuất, đời Khải Định), theo di chỉ còn ghi lại ở cổng nhà thờ họ, nhà thờ được trùng tu do tốp thợ làng Trung Cần (nay là Nam Trung, Nam Đàn, Nghệ An) xây cùng một lúc với đền Gôi vì mặt tiền có họa tiết giống nhau".*

Ông Tống Trần Tùng viết tiếp:

"Trước đây, hạ điện có ba cửa ra vào, hiện tại hai cửa bên đã được sửa thành cửa sổ, phía trên các cửa xây cuốn có trang trí hình rẻ quạt. Chính giữa mặt chính hạ điện ở trên cùng là một cuốn thư trên đó khắc lại những lời răn dạy của Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn đối với con cháu (đã được khắc vào cột bia 4 mặt đặt trong nhà bia) có nội dung như sau:

尊 神 碑 訓

忠 孝 扑 厚 清 倹 楽 貧 進 为 義 士 退 为 良 農 勿 驍 遥 勿 犯 上 勿 爭 訟 勿 賭 博 方 可 近 茲 庵.

啟 定 乙 丑 岁

. . . ?. . . **恭 進**

Tôn thần bi huấn. Trung hiếu phác hậu, thanh kiệm lạc bần, tiến vi nghĩa sĩ, thoái vi lương nông, vật kiêu dâm, vật phạm thượng, vật tranh tụng, vật đổ bác phương khả cận tư am. Khải Định Ất Sửu tuế... ? ... cung tiến

Tạm dịch:

Bia ghi lời giáo huấn của vị thần tôn kính

Trung hiếu chất phác hiền lành, khi tiến thân thì thành kẻ sĩ có nghĩa khí, khi lui về là người làm ruộng lương thiện. Những kẻ kiêu ngạo, ham hố, những kẻ coi thường bề trên, những kẻ hay tranh giành kiện tụng, những kẻ hay cờ bạc thì không thể đến với am này. (Bài văn khắc này lại nhắc đến cái am do Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn lập trước khi ông đi sứ)

Khải Định, năm Ất Sửu (1925)

...?.... Cung tiến

Trước hai chữ "Cung tiến" đúng ra còn phải có những chữ ghi danh tính của người đã cung tiến để đắp cuốn thư và khắc lại những

lời răn dạy này của Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn, nhưng chưa rõ vì lí do gì mà những chữ này hiện nay không còn.

Trên 4 cột giả của mặt chính hạ điện có 2 cặp câu đối như sau:

1) 父作子述夫倡婦隨萬古綱常標準的

天寶物化地靈人傑億年宅里樹風聲

Phụ tác tử thuật, phu xướng phụ tùy, vạn cổ cương thường tiêu chuẩn đích

Thiên bảo vật hóa, địa linh nhân kiệt, ức niên trạch lý thụ phong thanh

Tạm dịch:

Nghiệp cha, con tiếp nối, lời chồng, vợ nghe theo, tam cương ngũ thường xưa nay thành chuẩn mực.

Ơn trời, vật biến hóa, người tài bởi đất thiêng, nề nếp phong tục ngàn năm tạo nếp nhà

2) 清忠節烈一門柱賴以尊維賴以立

文物聲名此地山不在高水不在深

Thanh, trung, tiết, liệt, nhất môn trụ lại dĩ tôn, duy lại dĩ lập

Văn, vật, thanh, danh, thử địa sơn bất tại cao, thủy bất tại thâm

Tạm dịch:

Trong sạch, thẳng ngay, khí tiết, trung thành, nhờ đó mà gia phong bền vững

Văn nhân, bác vật, nổi tiếng, sáng danh, đâu bởi tại núi thẳm sông sâu.

Đôi câu đối này về trước lấy ý từ câu: "Địa duy lại dĩ lập, thiên trụ lại dĩ tôn" trong bài *Chính khí ca* của Văn Thiên Trường.

Về sau lấy ý từ câu: "Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh. Thuỷ bất tại thâm, hữu long tắc linh" trong bài *Lậu thất minh* của Lưu Vũ Tích.

Một số câu đối liên quan khác

Trong cuốn gia phả của chi họ Đinh ở Thanh Liêu (nay là xã Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An) do Tiến sĩ Đinh Nhật Thận, chắt của Hương Nghĩa Hầu Đinh Nho Côn biên soạn vào khoảng đầu thế kỷ XX, trong đó có phần đầu là phần sao chép *Hương yên phổ tự* do Triều liệt Đại phu Đinh Thái Lãng (1753 - 1809) khởi soạn, về sau có bổ sung cập nhật, thì phần chép về 神祠対聯 (thần từ đối liên: câu đối đền thờ thần) ở trang 85 có ghi lại 4 câu đối. Có thể các câu đối này trước đây đã được khắc vào các hàng cột cổng của bức tường hoa phía trong đã được nói đến ở trên. Các câu đối này được chép theo thứ tự trong phả như sau:

1) 两途史入名臣傳

三字人欽節婦香

Lưỡng đồ sử, nhập danh thần truyện

Tam tự nhân, khâm tiết phụ hương.

Tạm dịch:

Lịch sử hai con đường ghi chép truyện Danh Thần

Người biết dăm ba chữ tôn kính bà Tiết Phụ.

(Đôi câu đối này được khắc ở trụ cổng đền chúng tôi đã nói ở trên)

2) 歸讀世開黃榜券

威靈地起白云祠

Quy độc thế, khai hoàng bảng khoán

Uy linh địa, khởi Bạch Vân từ

Tạm dịch:

Một thế hệ sách đèn, mở trang sử bảng vàng

Một mảnh đất uy linh, dựng đền thiêng mây trắng

Bản *Lý lịch di tích đền Bạch Vân* cho biết *"theo ông Nguyễn Chưởng đọc lại và được nhà nghiên cứu Thái Kim Đỉnh ghi và dịch nghĩa"* thì câu đối này thuộc đền Bạch Vân có nội dung như sau:

Thần bút hà niên hoàng bảng trợ

Linh từ chung cổ Bạch Vân lưu

Và được dịch ra tiếng Việt là:

Bút thần năm trước nên bảng vàng

Đền cổ ngàn năm dấu Bạch Vân

Thế nhưng, ngay tại đền Thịnh Xá (đền Bạch Vân) cũng không tìm thấy chỗ nào có khắc câu đối này. Câu *"Đền cổ ngàn năm dấu Bạch Vân"* còn được một số tác giả lấy làm tiêu đề bài viết của mình.

3) 姓 字 寿 江 山 双 庚 虎 榜

英 靈 恆 今 古 四 道 鸞 書

Tính tự thọ giang sơn song canh Hổ Bảng

Anh linh hằng kim cổ tứ đạo Loan Thư

Tạm dịch:

Họ tên còn mãi với non sông, báo ân song hành bằng công danh khoa bảng

Anh linh vĩnh hằng cùng kim cổ, tu tâm tứ đạo sánh gia tộc Loan Thư

(Đôi câu đối này được khắc ở trụ cổng đền. Bản dịch nghĩa này của ông Tống Trần Tùng có đôi chỗ khác với phần dịch nghĩa của chúng tôi ở phần nói về đôi câu đối được khắc dựng mặt trong của cổng đền, ở phần *1, Toàn cảnh*).

4) 譜 存 本 何 敢 忘 驩 爰 二 州 經 世 代

族 同 地 亦 非 異 鴻 藍 千 古 一 江 山

Phả tồn bản, hà cảm vong, Hoan Ái nhị châu kinh thế đại

Tộc đồng địa, diệc phi dị, Hồng Lam thiên cổ nhất giang sơn

Tạm dịch:

Phả còn gốc, quên được sao, Hoan Ái hai châu bao thế thứ

Họ trong vùng, đâu xa lạ, Hồng Lam muôn thuở một giang sơn.

Theo một số tài liệu thì câu đối này là của Hoàng giáp Đinh Văn Chấp (1882 - 1953), thuộc dòng họ Đinh Văn ở Kim Khê (nay là xã Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An) cung tiến nhà thờ họ Đinh Nho ở làng Gôi Mỹ, tổng An Ấp (nay thuộc xã Sơn Hòa, Hương Sơn, Hà Tĩnh).

Trong phần trích dẫn bài viết của ông Tống Trần Tùng trên đây chúng tôi đã lược bớt các chú thích dẫn đến các nguồn tài liệu tham khảo của ông để cho ngắn gọn.

8.3. Mất chuông đồng cổ

Ngoài việc đã bị mất hai con chó đá ở hai góc sân phía ngoài đền thì đền Gôi Vỵ còn bị mất báu vật linh thiêng là chiếc chuông đồng cổ.

Hành trình chiếc chuông đồng cổ đền Gôi Vỵ trước khi bị mất như sau.

Sau khi trưng dụng đền Gôi Vỵ làm trụ sở UBND xã Sơn Hòa thì chính quyền địa phương chuyển chiếc chuông đồng cổ của đền Gôi Vỵ lên chùa Bục Bục (còn gọi là chùa Ngọc Sơn). Một thời gian sau, chùa đổ nát, người ta mang chuông về treo ở nhà xóm của xóm 11, tức ở ngã tư cạnh Nhà văn hóa thôn Đông Mỹ ngày nay. Khi nhà xóm hư hỏng, người ta mang chuông treo ở cây bông gòn to ở cạnh nhà xóm. Một thời gian mưa nắng, chuông lại được đưa về chốn cũ là đền Gôi Vỵ và mất lúc nào không ai hay biết. Mãi đến ngày mồng 6 Tết năm 1982 (hoặc 1983?), các đoàn thể của xã tập trung tại UBND xã, tức tại đền Gôi Vỵ liên hoan đầu năm thì mới phát hiện chuông đã bị mất tự lúc nào. Mặc dầu, theo bà Đinh Thị Phương, người giữ chìa

khóa cửa của đền, tức chìa khóa cửa của ủy ban thời điểm đó cho rằng khóa vẫn còn nguyên.

Chiếc chuông này to khoảng bằng vại nước, tức cỡ vòng tay rưỡi một người ôm.

8.4. Mất thêm 1 chuông đồng cổ

Nhưng không chỉ mất chuông đền Gôi Vỵ. Huyện Hương Sơn thời điểm đó mất tổng 5 cái chuông đồng cổ. Trong đó, xã Sơn Hòa mất 2 cái, xã Sơn Bằng mất 3 cái.

Ba cái chuông đồng cổ của xã Sơn Bằng chúng tôi không rõ. Còn chiếc chuông bị mất thứ hai của xã Sơn Hòa thì to hơn vòng tay hai người ôm, tức to hơn nhiều so với chiếc chuông đền Gôi Vỵ và rất đẹp. Hồi chúng tôi còn nhỏ, tức lúc còn chuông, chúng tôi thường trầm trồ kháo nhau rằng, nó là chuông đồng đen, rất quý. Tuy nhiên, chuông có 1 vết nứt nên tiếng hơi rè (chuông bị nứt có lẽ vì quá to và vận chuyển thủ công qua lại nhiều lần). Câu chuyện cái chuông đó thì lại như sau.

Cái chuông này là của chùa Trạng Trùa trên rú Tháp. Chùa nằm phía Nam rú Tháp, cho đến hiện nay vẫn còn vết tích của chùa.

Khi chùa Trạng Trùa được di dời về chùa Bục Bục nêu trên thì chiếc chuông này cũng được đưa lên chùa Bục Bục. Sau Cải cách ruộng đất, chuông được đưa về treo ở đền làng Bình Hòa (vị trí trường THPT Lý Chính Thắng ngày nay) vào khoảng năm 1960. Sau khi đền Bình Hòa bị phá dỡ, chuông được đưa về đền Gôi Vỵ. Lúc đó, đền Gôi Vỵ là trụ sở UBND xã Sơn Hòa như đã nói ở trên. Sau đó, chuông lại được đưa về treo ở cành cây trước cửa nhà lậm ông Tham Loan (nhà lậm được hiểu như là nhà ngang) vì khi đó, toàn bộ dinh cơ ông Tham

Loan (có ngôi nhà 2 tầng bằng gỗ lợp ngói duy nhất và đẹp nhất vùng thời bấy giờ) đã được chính quyền mua lại và dùng làm trụ sở Hợp tác xã nông nghiệp xã Sơn Hoà. Cũng đến khoảng năm 1982, 1983 như là khoảng thời điểm phát hiện mất chuông đền Gôi Vỵ, sau một đợt tập huấn cán bộ 6 xã: Sơn Ninh, Sơn Thịnh, Sơn Hòa, Sơn An, Sơn Lệ (Sơn Lễ), Sơn Tiến tại đây thì chuông không cánh mà bay.

9. Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Thường

Bài viết trong mục này là của ông Đinh Quang Tích, họ Đinh xã Cương Gián. Bài viết như sau:

CỤ THỦY TỔ HỌ ĐINH XÃ CƯƠNG GIÁN, HUYỆN NGHI XUÂN, HÀ TĨNH LÀ TRI HUYỆN ĐINH NHO THƯỜNG, CON TRAI CỦA THIÊM ĐÔ NGỰ SỬ ĐINH NHO CÔNG.

Từ năm 2013, sau khi chi họ Đinh xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh mang gia phả lên nhà thờ họ Đinh Nho ở xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh để nhận họ, sau khi đối chiếu hai gia phả của hai nơi thì hoàn toàn giống nhau, điều đó khẳng định rằng chi họ Đinh ở xã Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh là một nhánh có xuất phát từ họ Đinh Nho ở xã Sơn Hòa, Hương Sơn, Hà Tĩnh.

Điều băn khoăn sau đó là tìm lời giải cho câu hỏi: Cụ nào đã mang họ Đinh từ Sơn Hòa, Hương Sơn về Cương Gián, Nghi Xuân? Để tìm câu trả lời, chúng tôi đã đặt ra các câu hỏi:

1 - Tại sao phần chép gia phả của họ Đinh ở xã Cương Gián, Nghi Xuân chỉ chép từ đời thứ nhất là cụ Đinh Phúc Diên tới đời thứ 7 là cụ Tiến sĩ Đinh Nho Công, các đời sau không chép gì nữa. Tiếp sau đó là Ngài Thủy tổ Đinh Đại Lang.

2 - Vậy Ngài Đinh Đại Lang tên thật là gì trong gia phả họ Đinh Nho ở xã Sơn Hòa, Hương Sơn? Ngài thuộc đời thứ mấy trong gia phả họ Đinh Nho mà từ khi phân nhánh đến nay Ngài đã sinh hậu duệ đời thứ 12, 13?

3 - Ngài Đinh Đại Lang sinh vào năm nào mà Ngài có huyền tôn là Đinh Nguyễn Đôn đậu Hương cống khoa Kỷ Mão, niên hiệu Cảnh Hưng 19 (1759), đời vua Lê Hiến Tông. Làm Tham tri châu Bố Chính (Châu Bố Chính là vùng đất Quảng Bình ngày nay). Chi tiết này rất đáng lưu tâm, bởi vì số liệu này chính xác do lịch sử quốc gia ghi chép lại mà ngày nay lịch sử chép *Các nhà khoa bảng* và cuốn *Dư địa chí Nghi Xuân* còn chép tên người, quê quán và niên hiệu khoa thi rất rõ ràng. Gia phả họ Đinh xã Cương Gián cũng chép rõ chi tiết về cụ Đinh Nguyễn Đôn đậu làm quan.

Từ chi tiết cụ Đinh Nguyễn Đôn đậu hương cống năm 1759, đồng thời cụ Đinh Nguyễn Đôn là chắt của cụ Đinh Đại Lang, bằng phép suy luận đơn giản cũng suy ra được năm sinh của cụ Đinh Đại Lang là khoảng năm 1678 - 1680. Vậy Cụ Đinh Đại Lang chính là em trai của cụ Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn. Từ đó kết luận cụ Đinh Đại Lang, thủy tổ họ Đinh xã Cương Gián, Nghi Xuân chính là cụ Đinh Nho Thường, con trai thứ tư của Thiêm Đô Ngự Sử, Tiến sĩ Đinh Nho Công (Lưu ý rằng nếu lấy mốc cụ Đinh Nho Thường rời đất Hương Sơn đi nơi khác lập nghiệp rồi tính về trước hoặc tính về sau cả trăm năm chỉ có cụ Đinh Nho Thường và cụ Đinh Nho Côn rời quê đi xa lập nghiệp, nhưng cụ Đinh Nho Côn thì đã biết có hậu duệ là chi họ Đinh ở xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương, Nghệ An rồi, chỉ còn mỗi cụ Đinh Nho Thường là chưa biết con cháu ở chỗ nào).

Chúng tôi thấy, tính hết trong những người của họ Đinh Nho ra đi lập nghiệp, thì chỉ có cụ Đinh Nho Thường là người

duy nhất có đủ tuổi để đáp ứng tiêu chuẩn có chắt nội đậu hương cống vào năm 1759. Ngoài ra những người khác trong họ Đinh Nho ở Hương Sơn ra đi lập nghiệp xứ khác đều không đủ tuổi để sinh huyền tôn đậu làm quan vào năm 1759. Tìm được tên Ngài thủy tổ họ Đinh xã Cương Gián là cụ Đinh Nho Thường thì câu trả lời cho hỏi thứ nhất và câu hỏi thứ hai ở trên cũng trở nên dễ dàng và hợp lý.

Đối với câu hỏi thứ nhất là tại sao về phần nguồn cội họ Đinh xã Cương Gián chỉ chép đến đời thứ 7 là cụ Đinh Nho Công, đó là vì cụ Đinh Nho Thường đời thứ 8, chỉ xem đời thứ 7 trở về trước là tiên tổ, còn đời thứ 8 (dù có đậu đạt cao hơn) thì cũng ngang vai với cụ Đinh Đại Lang - Đinh Nho Thường nên cụ đã không chép vào phần tiên tổ.

Đối với câu hỏi thứ hai thì ta thấy cụ Đinh Đại Lang sinh ra 13 đời hậu duệ, nếu cụ là đời thứ tám thì hậu duệ đời 13 ở Cương Gián, Nghi Xuân sẽ tương đương với hậu duệ đời thứ 20 ở Sơn Hòa, Hương Sơn, vì 13 cộng 7 bằng 20. Hiện nay ở Sơn Hòa, Hương Sơn cũng chỉ mới có đời 20, đời 21, do đó ba chi nhánh ở Hương Sơn và Nghi Xuân tương đương nhau về số đời.

Một câu hỏi khác cũng cần được giải đáp, đó là, tại sao trong gia phả họ Đinh Nho xã Sơn Hòa, Hương Sơn chép rằng, cụ Đinh Nho Thường đi về vùng xã Thuần Thiện, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh. Vậy thì dọc đường đi từ xã Sơn Hòa, Hương Sơn về xã Cương Gián, Nghi Xuân cụ Đinh Nho Thường có để lại con cháu ở trạm nghỉ Thuần Thiện, Can Lộc hay không?

Để trả lời câu hỏi ấy, chúng tôi đã tìm đến xã Thuần Thiện, xã Thiên Lộc và các xã lân cận khu vực mà khi xưa là huyện lỵ của huyện Thiên Lộc đóng để tìm kiếm dấu tích người họ Đinh. Chúng tôi đã tìm thấy một chi họ Đinh ở xã Thuần Thiện nhưng khi tiếp xúc và được xem gia phả thì

khẳng định họ Đinh ở vùng ấy không hề liên quan đến cụ Đinh Nho Thường, chưa tìm thấy mối liên quan về nguồn gốc với họ Đinh Nho chúng ta. Mặt khác xem xét về vị trí địa lý của vùng Thuần Thiện, Thiên Lộc, Can Lộc và Cương Gián, Nghi Xuân thì nằm gần sát bên nhau. Dù hai xã ở hai huyện khác nhau nhưng lại có cùng ranh giới hành chính (sườn núi bên này và sườn núi bên kia), do núi không cao lắm nên nhân dân hai xã vẫn thường qua lại buôn bán hàng ngày với nhau. Từ xưa lại nay nhân dân hai vùng vẫn cưới gả con cho nhau. Họ Đinh xã Cương Gián đã và đang có nhiều cô dâu là người vùng Thuần Thiện, Thiên Lộc, Hồng Lộc. Do vị trí địa lý gần gũi và sự giao lưu kinh tế, giao lưu văn hóa mật độ cao như vậy nên việc cụ Đinh Nho Thường đưa cả gia đình di cư từ vùng Thuần Thiện, Can Lộc sang định cư ở xã Cương Gián, Nghi Xuân là việc rất bình thường và được xem là lựa chọn hợp lý vào giai đoạn cuối Lê đầu Nguyễn ấy.

Mặt khác, kể từ lúc rời quê hương Sơn Hòa, Hương Sơn ra đi lập nghiệp (ước chừng khoảng sau năm 1700), đến khi định cư ở xã Cương Gián (khoảng trước năm 1740, vì có chắt đậu hương cống năm 1759 ghi lý lịch là người xã Cương Gián, Nghi Xuân), trong khoảng chưa tới 40 năm ấy và khi tuổi khoảng 60 thì việc cụ Đinh Nho Thường mang hết cả con cháu đến xã Cương Gián, Nghi Xuân mà không để ai ở lại vùng Can Lộc là điều hợp lý, dễ hiểu.

Có thể yên tâm kết luận rằng, tất cả hậu duệ của cụ Đinh Nho Thường đã chuyển hết về xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Dù còn nhiều bí mật về cụ Đinh Nho Thường, thủy tổ của họ Đinh xã Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh, nhưng những tìm kiếm, khám phá, phân tích khoa học đã giúp con cháu hiểu biết những điều cơ bản nhất về lịch sử của vị

thủy tổ. Mong rằng mai sau, khi khoa học phát triển hơn, sẽ có ai đó giải mã thêm những bí mật về Ngài mà ngày nay chưa có câu trả lời. Sáng tỏ được gốc tích tổ tiên, cháu con, hậu duệ của Người nguyện đoàn kết, phấn đấu xây dựng dòng họ phát triển, đạt nhiều thành công để xứng đáng với công lao của các vị tiên tổ đáng kính.

10. Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Côn

Cụ tổ đời thứ 8 Giải nguyên, Tri huyện, Tổng binh Đốc lĩnh Hương Nghĩa Hầu Đinh Nho Côn, thủy tổ họ Đinh xã Thanh Liên.

Như đã nói ở các phần trên, Cụ tổ Đinh Nho Côn là người con trai út trong số 6 người con trai của Cụ tổ đời thứ 7 Đinh Nho Công.

Gia phả chép:

"Trước ngài làm Tri huyện phủ La Sơn, quản quân đốc lĩnh ở Đông Thành, Lương Sơn. Ngài có công dẹp giặc Ngô ở Võ Xương rồi thọ chức "Tổng binh hương nghĩa hầu" thường gọi là Quan đốc lĩnh.

Ngài là người văn võ song toàn, có công với dân, với nước. Ngài đã cải tiến việc hành chính đúng theo thể chế, hợp với lòng dân, tránh điều phiền toái cho dân chúng.

Về sau, ngài sang ở đất Thanh Chương (tỉnh Nghệ An). Con cháu ngài đa số đều thành đạt. Trong đó có chắt nội là Tiến sĩ Đinh Nhật Thận, một người văn võ song toàn, chí khí hơn người".

....

Cụ tổ Đinh Nho Côn mất ngày mồng 3 tháng Chạp. Mộ được táng ở đâu không rõ.

Cảm công đức ngài, triều Nguyễn truy phong 'Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần' thờ cúng tại đền Gôi Vỵ.

...

Bà là người họ Văn, mộ táng tại Áng Phần. Theo gia phả tìm được sau này của chi họ Đinh ở Thanh Liên (Thanh Chương) do cụ Đinh Nhật Thận biên soạn thì khi ngài sang Thanh Chương là lúc bà cả đã mất, ngài lấy thêm 1 bà vợ nữa và phát triển thành chi họ ở đó".

11. Cụ tổ đời thứ 11 Đinh Nhật Thận với Thu dạ lữ hoài ngâm

Cụ tổ Đinh Nhật Thận, nhánh họ Đinh xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Cụ là chắt nội của Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Côn.

Bài viết sau đây chúng tôi lấy từ trang báo điện tử diendan.vnthuquan.net ngày 25/07/2010.

"THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM

(Khúc ngâm đêm thu của người lữ thứ)

Đinh Nhật Thận, tự Tử Quý, hiệu Bạch Mao Am, sinh năm Ất Hợi 1815, mất năm 1886, người làng Thanh Liêu, nay là xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông đỗ đầu hàng tam giáp đồng tiến sĩ khoa thi Hội năm Mậu Tuất (1838) niên hiệu Minh Mệnh thứ 19, được triều đình bổ làm tri phủ, tuy nhiên, sau một thời gian thì ông bị cách chức không rõ nguyên nhân.

Năm 1843 được phục chức nhưng ông cáo bệnh không nhận. Tính tình ông phóng khoáng, thích làm thuốc, làm thơ giao du đây đó, lấy việc kết thân bạn hữu gần xa làm trọng.

Ông là bạn chí thân của Cao Bá Quát (Bắc Ninh) và Nguyễn Hàm Ninh (Quảng Bình). Sau cuộc khởi nghĩa Mĩ Lương của Cao Bá Quát, ông bị liên luỵ, triều đình bắt giữ và kiềm chế gắt gao. Biết ông là người học rộng tài cao nên Tự Đức quyết giữ ông lại trong cung, trước là để kiềm tỏa, sau là nhờ ông dạy cho các hoàng tôn.

Sống cảnh gò bó, chán chường, lúc nào ông cũng mang nặng nỗi lòng nhớ cố hương. Vào một đêm thu thanh vắng, độc ẩm, tức cảnh sinh tình, ông viết một mạch "Thu dạ lữ hoài ngâm ". Khúc ngâm dồn nén tất cả những tâm tư tình cảm với gia đình, với quê hương xứ sở. Tác phẩm được truyền tụng đến tai vua. Vì mến phục tài đức của một nhân cách cao thượng, vua Tự Đức đã hạ chỉ tha cho ông.

Thu dạ lữ hoài ngâm được sáng tác là tác phẩm có ý nghĩa quan trọng làm nên tên tuổi Đinh Nhật Thận trong lịch sử văn học Việt Nam. Tác phẩm có 136 câu chữ Hán. Bản chúng tôi in ở đây, tương truyền do tác giả tự dịch.

Thu dạ lữ hoài ngâm là tình thương nhớ quê hương, gia đình của một người bị bắt giam vô cớ, mặc dù ở giữa kinh đô nhưng lòng luôn luôn trống trải, lãnh lẽo và xa lạ.

Thu dạ lữ hoài ngâm còn là khúc ngâm đặc biệt độc đáo vì tính chất thể loại của nó. Tác phẩm chữ Hán nhưng lại được viết bằng thể song thất lục bát- một thể thơ hết sức thuần Việt và có ưu thế trong việc giãi bày tâm trạng.

Chọn in Thu dạ lữ hoài ngâm vào " Thanh Chương, Xưa và Nay", chúng tôi mong muốn bạn đọc được tiếp xúc trọn vẹn với một tác phẩm của một nhà thơ tài hoa của quê hương mà cuộc đời và sáng tác của ông đã đi vào công chúng như những huyền thoại.

BBT

(Bản phiên âm chữ Hán)

Thu dạ tĩnh thiên quang ẩn ước
Cách sở liêm đạm chước kim lôi
Thiên thời nhân sự tương thôi
Phù sinh nhược mộng kỷ hồi vi hoan?

Nhân đối cảnh hoa gian nguyệt chiếu
Cảnh liêu nhân, thọ diếu phong xuy
Giá ban liệu thiểu nhân tri
Nhàn lai phong nguyệt dữ thuỳ vi thu?

Thi tứ tuyệt di du nhã ái
Tửu tam bôi tiêu sái li hoài
Đăng tiền độc đối thư trai,
Thương tâm khách địa hữu hoài cổ nhân!

Hương thuỷ ngoại hốt văn ngư vận
Tùng hà lai trạo tấn giang biên?
Bồi hồi nguyệt dạ sương thiên,
Hàn sơn cánh nhận khách thuyền cánh phi.

Khúc giang thuỷ, hà thì Đại Đỗ?
Nhất cô châu hệ cố viên tâm
Thời lưu bát thủ thi ngâm
Linh nhân lữ tứ chuyển thâm hương tình.

Tích ngã vãng thanh thanh liễu nhứ,
Lưỡng tam thanh sơ ngữ hoàng oanh
Nhi kim cúc dĩ hàm anh
Liễu âm đình ngoại hàn minh lưu thiền.

Tích ngã khứ phiên phiên đào kiểm,
Lưỡng tam chi sơ chiếm đông phong,
Nhi kim lan dĩ thành tùng,
Đào yêu hiên ngoại lạc tòng hàn sương.

Hồ vi hồ thê lương khách xá?
Nhật ưu du kỷ cá quan đồng!
An năng dạ dạ thư phòng?
Ba tiêu khấp lộ, côn trùng minh thu.

Hồ vi hồ di do lữ quán?
Tuế thoan tuần dĩ bán sương yên!
An năng mộ mộ tây hiên?
Phong dao đình trúc, nguyệt huyền ốc lương.

Bất thị tố hà lang đầu bút
Tương trung can vị quốc tùng quân.
Thử thân không tự phong trần,
Toạ trung hư thị tẩm thần đồ văn!

Bất thị tố hà nhân phủng hịch,
Tương hiếu tâm ly thích tùng quan
Tha hương hà sự bàn hoàn?
Bạch vân phi xứ mẫu đan khai thần.

Kim nhật tự hải tần viễn cố,
Nhật khinh phàm trực độ quy lăng.
Hương hồn phất phất như tăng,
Trực phàm hốt dĩ phá từng từng ba.

Minh nhật tự sơn gia viễn thiếu,
Phiến cô vân đái hiểu phù không.
Hương tâm niểu niểu như bồng
Tuỳ vân hốt dĩ quá trùng trùng san.

Hà xứ thị hương quan nhạn tín
Du tai nan tả tận tâm tình
Dạ văn Diệu Đế chung thanh
Hải môn cổ hưởng Ngự thành pháo thôi.

Giang khúc khúc trường hồi khúc khúc,
Cảnh du du dạ phục du du.
Tiêu điều quán lữ đình thu
Lân gia thung chữ, giang đầu tạo thanh.

Ta khách địa vu oanh tâm sự,
Thán khuê nhân tình tự khả liên.
Canh thâm đăng diệt án tiền
Hàm tình yểm phiến không huyền nguyệt minh.

Cô chẩm lý tam canh ngụ mị
Phiến u hoài thuỳ thị vi lân?
Tình đầu dạ bán vô nhân.
Thuỵ lai báo điệp, tỉnh thần minh kê.

Hữu thời hoặc hương khuê tịch chiếu
Hạ đường lai dục tạo hoa lâu.
Hốt kinh yến tráp nê sào
Loan tu chiếu kính phượng sầu lại sơ.

Hữu thời hoặc chức cơ dạ tĩnh
Hô đồng lai, sơ chính đăng minh
Hốt văn nhạn độ giang thanh
Cơ dung túc đạp, thoan đình thủ phao.

Khả lân dạ phần cao đạt đán
Dạ trầm trầm bất kiến giai âm
Trịch thoan vọng vọng đình âm
Sương hàn tất suất thỉnh ngâm thanh sầu.

Vọng bất kiến du du ngã độc
Cố khuê môn tái phục ngôn hoàn
Thính gia kê xướng tây lan
Hàm tình ỷ kỷ khiêu tàn cô đăng.

Khả lân nhật đăng đình tự tảo
Nhật tà tà bất đáo hồi thư
Lãm y bộ bộ khang cù
Thiền minh dương liễu đái sầu mi khan.

Vọng bất kiến phiên phiên ngã độc
Cố cầm hiên cưỡng dục vi tình.
Hốt chiêm điệp hí lan bình
Hàm thê xuyên cược phục hành tây viên.

Kim tất vị thu thiên tĩnh hảo,
Ngã lương nhân tương đáo qui kỳ
Hoàng tri thế lộ nghiêu khê!
Quan sơn thiên lý vị kỳ hạt lai!

Kim tất vị ngã ly vĩnh cửu
Tự Trường An hoặc bão khâm trù.
Phong tình quán tự phong lưu
Phồn hoa thần hữu hoàng châu đế thành.

Cầu phi hữu nhân tình dã giả
Hồ nhi xuân nhi hạ nhi thu
Do lai tử các hồng lâu
Anh hùng bất trú trượng phu nan trì.

Như thử giả, thuỳ tri chi giả?
Yên ba trung sử ngã tâm sầu!
Ngang tàng khởi thiếu niên du
Phong lưu cựu thái, giang hồ cố gia.

Lữ cảnh mỗi tùng nga lý thống
Hương hồn không hướng mộng trung du
Giang sơn khách diệc tri hồ
Tình trung cánh thiết lộ đồ gian nan.

Tuy viết dĩ tảo tần phụ sự,
Nội tề gia thượng tự tổ tiên.
Giản mao hoàng thuỷ vi kiền,
An tri chủ quỹ năng hiền phụ nhân.

Khả tri giả thập phần gia ấu,
Nhất môn trung cộng bảo vô nguy.
Biệt thời chính tại hài nhi
Niên lai tưởng dĩ phát thuỳ nha sinh.

Khả ái giả kỳ huynh chi tử
Niên thập tam, thập tứ trung lai
Ngô huynh diệc viết hạnh tai
Để kim vị giác thuỳ khai học đường.

Khả tư giả đồng song nhị khế
Chi lan hương tế tế do văn
Mã bôi tự ấp khinh trần
Vị thành thử hậu cố nhân diệc từ.

Bất tri hậu Bắc kì khởi phỉ
Nhị ngô huynh dĩ vị hồi thần
Ta tai đồng bệnh tương lân
Nhất Tiêu Tương, nhất hướng Tần, nhất phương.

Tương hà nhật cánh tương đối ngữ
Tự khuê tình hựu tự khách trung
Nhi kin thu nguyệt thu phong
Thu ngâm thu ẩm tình trung giả thuỳ?

Đối ly cảnh lệ thuỳ song nhãn,
Cố hương quan lộ hoạn trùng san,
Tửu tàn độc ỷ lan can
Giác lai nhãn khán dạ hoàn thê lương!

Bản dịch (Tương truyền tác giả tự dịch)
Đêm thu lặng, bóng trời thấp thoáng
Cách rèm thưa chuốc chén kim lôi
"Thiên thời nhân sự tương thôi"
Kiếp chiêm bao dễ mấy hồi hân hoan?

Người đối cảnh, hoa gian trăng tỏ
Cảnh trêu người ngọn gió rung cây
Nỗi niềm ai biết chăng ai?
Cùng ai trăng gió đêm này với thu?

Thơ nhã ái, bốn câu buông vận
Rượu ly hoài ba chén làm khuây
Trước đèn trong chốn thư trai
Chạnh lòng đất khách, nhớ người đời xưa.

Ngoài Hương thủy tiếng ngư văng vẳng
Thuyền từ đâu chèo thẳng bên giang?
Lờ mờ đêm nguyệt trời sương
Thuyền ai tưởng khách non Hàn, lại không!

Khúc giang thủy nhớ ông Đại Đỗ
Buộc con thuyền lòng cũ bơ vơ
Hứng thu đề tám bài thơ
Xui người đất khách ngẩn ngơ tình làng

Xưa ta đi liễu đang xanh thế
Chim hoàng anh thỏ thẻ ba câu.
Bằng nay cúc đã hoa thâu
Liễu kia nghĩ cũng âu sầu vì ve.

Xưa ta đi đào khoe tiếu kiểm
Ngọn đông phong mới điểm ba hàng
Bằng nay lan đã chồi sương
Đào non nghĩ cũng võ vàng vì thu.

Làm chi vậy buồn rầu đất khách?
Ngày quán đồng mượn thích làm khuây
Có đêm nương bóng hồi tây
Tiếng sương khóc lá hơi may gọi trùng.

Làm chi vậy lạnh lùng quán lữ.
Năm, sương yên hết nửa đi rồi
Có đêm ngồi nhẫn thư trai
Gió lay bên trúc, nguyệt cài trên lương.

Nào có phải như chàng ném bút
Vì vua mà đồng mác cho cam?
Luống đem thân thế cát lầm
Thấy, ngồi hổ mắt, nghe, nằm thẹn tai!

Nào có phải như ai vâng hịch
Vì thân mà xa cách cho xong?
Bỗng không cách địa bình bồng
Trông mây lại nhớ, xem bông lại buồn.

Ngày nay đứng trông miền bể rộng
Một cánh lá buồm thẳng gióng về cồn.
Lòng quê đâu đã cuồn cuồn
Phút theo buồm vượt mấy ngàn sóng khơi.

Ngày mai đứng trông nơi non thẳm,
Một làn mây sớm ngắm trên không.
Lòng quê đâu đã bồng bồng
Phút theo mây kéo mấy trùng non xa.

Trông tin nhạn biết là đâu tá?
Tầm tình này ai tả cho nên?
Đêm, chùa Diệu Đế chuông rền
Trống vang cửa biển, súng rên thành vàng.

Sông quằn quại ruột càng quằn quại.
Cảnh đìu hiu đêm lại đìu hiu.
Lữ du ai chẳng tiêu điều?
Tiếng chày trong xóm, tiếng chèo ngoài sông!...

Thân đất khách não nùng tâm sự,
Thương người quê tình tự bây giờ.
Đêm khuya cơn tỏ cơn mờ,
Gẫm tình che quạt luống chờ bóng trăng.

Năm canh những mơ màng trên gối,
Mảnh tình riêng biết nói cùng ai?
Thương thay đêm vắng không người,
Ngủ thời bướm báo, dậy thời gà kêu.

Hoặc có lúc bóng chiều trong khổn,
Bước xuống thềm, lại muốn lên lầu .
Phút nghe con én kêu sầu,
Lược rầu tóc chải, gương rầu mặt soi.

Hoặc có lúc đưa thoi đêm tối,
Gọi con tì vừa tới điểm đăng.
Phút nghe tiếng nhạn khơi chừng,
Máy lơi chân đạp, thoi ngừng tay đưa.

Thương thay có đêm chờ nửa gối,
Đêm gần qua, chẳng thấy thư về.
Gác thoi ra đứng bên hè,
Tai nghe tiếng dế rè rè khóc sương.

Trông chẳng thấy, chán chường than thở,
Đoái phòng khuê muốn trở gót giầy.
Gà ai eo óc hồi tây?
Gẫm tình dựa gối liền tay khêu đèn.

Thương thay có ngày nhìn sáu khắc
Ngày gần tàn chẳng gặp thư sang,
Xuống thềm, ra đứng bên đàng
Mày sầu lá liễu hàng hàng khóc ve.

Trông chẳng thấy, lại về đứng đợi,
Đoái cầm hiên toan gợi ngón đàn.
Bướm đâu trêu cợt bình lan?
Buồn tình mang dép ra vườn hái hoa.

Rày hẳn bảo: "Trời đà mát mẻ,
Lương nhân ta có lẽ gần về..."
Biết đâu đường thế nghiêu khê
Dặm ngàn hồ dễ đi về cho năng?

Rày hẳn nói mình chừng lâu ở,
Ôm chăn mền hoặc đã có người?
Phong lưu tính đã quen rồi,
Phồn hoa lịch sự lại mùi Tràng An!

Nếu chẳng thế, bàn hoàn chi mãi,
Hết xuân rồi, hạ lại sang thu?
Lầu hồng cung cấm ấy ru?
Anh hùng lại với trượng phu ai từ?

Như thế ấy, bây giờ, ai biết?
Trông yên ba khôn xiết dạ sầu.
Há còn trai trẻ chi đâu,
Phong lưu thói cũ, giang hồ lối xưa.

Cảnh du lữ câu thơ thổn thức,
Bóng hương quan trước mắt mơ màng
Non sông khách có biết chăng?
Vẫn tình thì nhớ nhưng đường thì khơi.

Tuy rằng nói đã người tần tảo,
Trên tôn đường, trong đạo tề gia.
Rau khe nước suối cũng là,
Mình xa chẳng biết ở nhà làm sao?

Duy biết trẻ đứa nào đứa nấy,
Trong gia đình đều thấy yên vui.
Lúc đi trẻ mới hay cười,
Tóc răng nay đã ra người lớn khôn.

Vài thằng cháu trời thương cũng khá,
Tuổi năm nay chừng đã trưởng thành.
Phúc nhà mừng trộm cho anh,
Năm nay biết đã học hành cùng ai?

Bạn đèn sách một hai tri thức,
Mùi lan chi sực nức một nhà.
Từ phen cất chén quan hà,
Vị thành lúc ấy rồi mà Dương Quan.

Sau chẳng biết ngoài miền Bắc động,
Hai anh ta có chóng hồi hương?
Than ôi đồng bệnh cùng thương,
Một Tần, lại một Tiêu Tương một trời.

Đến bao giờ cùng ngồi kể chuyện,
Kể hương tình cho đến khách trung.
Mà nay nào nguyệt, nào phong,
Nào thi, nào tửu biết cùng ai hay.

Sầu li biệt tuôn đầy hai mắt,
Bóng hương quan xa khuất dặm ngàn.
Rượu rồi ngồi dựa lan can
Chiêm bao tỉnh giấc đêm tàn về thu...
(Theo Hán văn tinh tuý - NXB TP Hồ Chí Minh - 1992)

12. Cụ tổ đời thứ 14 Đinh Nho Điển

Cụ tổ đời thứ 14 Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân Đinh Nho Điển (1846 - 1884) và đền thờ cụ Hường.

Bài viết trong mục này chúng tôi đã đăng trên trang điện tử nghiencuulichsu.com ngày 11/10/2022 với tựa đề *"Tiến sĩ Đinh Nho Điển (1846 - 1884)"*.

Tiến sĩ Đinh Nho Điển sinh ngày 17 tháng Giêng năm Bính Ngọ (1846), niên hiệu Thiệu Trị thứ 6. Mất ngày mồng 5 tháng Tư năm Giáp Thân (1884), niên hiệu Kiến Phúc thứ nhất (ngày tháng sinh và mất là ngày tháng theo âm lịch).

Tiến sĩ Đinh Nho Điển được sinh ra trong một gia đình Nho học có bốn người con, hai trai, hai gái. Cha là Cụ tổ đời thứ 13 Thái bộc Tự khanh Đinh Nho Tỉnh (Tỉnh hoặc Tĩnh, vì tiếng địa phương Hà Tĩnh không phân biệt dấu hỏi, dấu ngã, dấu nặng nên có thể chưa được chính xác, tên tự là Đinh Hy Tăng). Thái bộc Tự khanh là chức quan đứng đầu của cơ quan phụ trách các trách nhiệm trông coi, nuôi cấp ngựa, giữ gìn những cỗ xe ngựa của hoàng tộc (vua và các hoàng tử); và, điều hành các mục súc (đồng cỏ để nuôi ngựa) trên toàn quốc. Chức quan Thái bộc Tự khanh thuộc phẩm trật Tòng tam phẩm, phẩm hàm thứ 3 trong hệ thống quan chế thời xưa.

Anh trai Tiến sĩ Đinh Nho Điển là Cử nhân Đinh Nho Quang (tên tự là Đinh Bảo Hiên 1831 - 1907), làm quan đến chức Tuần phủ.

Tiến sĩ Đinh Nho Điển đỗ cử nhân khoa Mậu Thìn (1868), niên hiệu Tự Đức thứ 20 lúc mới 22 tuổi. Sau đó 7 năm, năm Ất Hợi (1875), cụ đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân. Cụ đỗ thứ 3 trong 11 người thi đỗ đại khoa năm đó.

Tiến sĩ Đinh Nho Điển làm quan trải qua bốn triều vua nhà Nguyễn. Gồm, Tự Đức (1847 - 1883), Dục Đức (1883), Hiệp Hòa (1883) và Kiến Phúc (1883 - 1884). Từ Tri huyện Nghĩa Hưng đến Trung Thuận Đại phu, Hồng Lô Tự khanh, Biện lý sự vụ Bộ Hình kiêm đứng đầu Thông chính sứ ty ấn triện, rồi được chuyển sang làm Biên tu Quốc sử quán triều Nguyễn, tham gia khảo duyệt bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Quang Lộc tự Thiếu khanh, Hàn lâm viện Thị độc.

Giải nghĩa một số chức quan của cụ như sau:

- Tri huyện Nghĩa Hưng tức là chức quan đứng đầu huyện Nghĩa Hưng. Có lẽ là huyện Nghĩa Hưng thuộc tỉnh Nam Định ngày nay.

- Hồng Lô Tự khanh là chức quan thuộc phẩm trật Tòng tứ phẩm, là phẩm hàm thứ 4 trong hệ thống quan chế, là người đứng đầu Hồng Lô Tự. Hồng Lô Tự là cơ quan phụ trách việc đón tiếp và thể thức lễ nghi với những sứ đoàn từ các triều hoặc các nước khác đến. Ngoài ra, Hồng Lô Tự còn phụ trách việc xướng danh các vị tân khoa tiến sĩ.

- Biện lý sự vụ Bộ Hình kiêm đứng đầu Thông chính sứ ty ấn triện. Biện lý sự vụ Bộ Hình là chức quan thay mặt Bộ Hình để điều tra, truy tố, buộc tội can phạm. Đứng đầu Thông chính sứ ty ấn triện là người đứng đầu cơ quan chuyên phụ trách việc tấu chương trong ngoài, chuyển đạt giấy tờ của triều đình xuống và nhận đơn tâu lên vua. Với chức quan này, cụ thuộc phẩm trật Chánh tam phẩm, là phẩm hàm thứ 3 trong hệ thống quan chế.

- Biên tu Quốc sử quán triều Nguyễn là người thuộc cơ quan biên soạn lịch sử chính thức duy nhất của triều đình. Cơ quan này đồng thời cũng tham gia biên soạn sách vở, tài liệu liên quan đến các các chủ đề về văn hóa, địa lý, con người của Việt Nam.

- Quang Lộc tự Thiếu khanh là người đứng thứ nhì trong Quang Lộc tự. Đây là cơ quan phụ trách việc cung cấp và nấu rượu lễ, đồ lễ, đồ ăn trong các bữa tế tự, triều hội, yến tiệc cung đình, yến tiệc ân vinh các tiến sĩ. Quang Lộc tự Thiếu khanh thuộc phẩm trật Tòng tứ phẩm, là phẩm hàm thứ 4 trong hệ thống quan chế.

- Hàn lâm viện Thị độc là người đứng thứ ba trong Hàn Lâm viện, là chức quan trông coi việc đọc sách cho vua nghe.

Ngày 25/5/1883, triều đình Huế và thực dân Pháp ký Hòa ước Hắc Măng Quý Mùi, ngày 06/6/1884 ký Hòa ước Giáp Thân, xác lập quyền bảo hộ lâu dài của thực dân Pháp trên toàn cõi Việt Nam, chia đất nước thành ba kỳ. Trong đó, Bắc Kỳ, Trung Kỳ thành chế độ bảo hộ, còn Nam Kỳ, thành chế độ thuộc địa của thực dân Pháp.

Trước hoàn cảnh nước mất, nhà tan, là bậc sĩ phu trung quân, ái quốc cụ tỏ rõ thái độ bất hợp tác, không chịu đựng được nỗi nhục mất nước, nhưng bất lực, cụ đã tuyệt thực, uất ức mà lâm bệnh rồi chết, hưởng dương 39 tuổi. Cụ mất, Phạm Thận Duật, một danh thần cùng thời từng làm quan đến chức Thượng thư Bộ Hộ kiêm quản Quốc tử giám đã làm đôi câu đối khóc Biện lý Bộ Hình Đinh Nho Điển rằng (bản dịch của Nguyễn Văn Huyền):

"Với đời, ông há lãng quên! Đương lúc gian nan vội vàng chín suối;

Còn tôi, người đồn đã chết! Mấy lần thăm hỏi hoảng hốt giấc mòng".

Mùa thu năm Kỷ Hợi (1899), niên hiệu Thành Thái thứ 11, sau khi cụ mất được 15 năm, nhớ tới công ơn của bậc trung thần, mẫn cán, có nhiều công tích, nhà vua thương tiếc ban sắc phong giao cho nhân dân xóm Bãi Bè, làng Mân Xứ, xã Dương Trai, tổng Đậu Xá, huyện Hương *Sơn (nay thuộc xã An Hòa Thịnh, Hương Sơn, Hà Tĩnh)* xây dựng đền thờ Đinh Nho Điển, còn gọi là đền Cụ Hường (Cụ Hường là gọi chệch từ chức quan Hồng Lô Tự khanh của cụ, Hồng - Hường) để ngày đêm hương khói. Hiện nay, trong thượng điện của đền vẫn còn treo bức

hoành phi ghi bốn chữ Hán lớn 敕 賜 立 祠, phiên âm là *Sắc tứ lập từ*, nghĩa là *(vua)* sắc phong cho lập đền thờ.

Tiến sĩ Đinh Nho Điển có hai người vợ với bốn người con: hai trai, hai gái. Con bà cả là Tú tài Đinh Nho Cẩn và một người con gái mất lúc còn nhỏ. Con bà hai là Đinh Nho Nhượng và một người con gái lấy chồng về Kẻ Trúa, Hương Sơn, Hà Tĩnh.

Tiến sĩ Đinh Nho Điển có hai người chị em gái. Một lấy chồng là tú tài Trần Như Huề ở xã Lương Điền, Thanh Chương, Nghệ An (nay là xã Thanh Liêm, Thanh Chương, Nghệ An). Một (bà Đinh Thị Hoan, gia phả bản năm 2020 chép là em (bài viết dưới đây lại chép là chị) của Tiến sĩ Đinh Nho Điển) lấy chồng là Cử nhân Đặng Thai Giai, làm tri huyện cũng quê ở xã Lương Điền, Thanh Chương, Nghệ An. Con trai của Cử nhân Đặng Thai Giai và bà Đinh Thị Hoan là Đặng Nguyên Cẩn đỗ Phó bảng (tương đương học vị Thạc sĩ ngày nay). Phó bảng Đặng Nguyên Cẩn (cháu gọi Tiến sĩ Đinh Nho Điển bằng cậu - ở Nghệ An, Hà Tĩnh em hay anh của mẹ đều được gọi là cậu) là thân sinh ra Giáo sư Đặng Thai Mai, nhà giáo, nhà văn, nhà phê bình văn học Việt Nam và nguyên là Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Viện trưởng đầu tiên của Viện Văn học Việt Nam.

Theo lời kể của chắt nội Tiến sĩ Đinh Nho Điển là nhà giáo Đinh Nho Hoan (đời thứ 17) ở Yên Thành, Nghệ An thì bố ông Đinh Nho Hoan, tức cháu nội cụ tổ Tiến sĩ Đinh Nho Điển là Tiến sĩ Đinh Nho Hân, vị tiến sĩ hóa học đầu tiên của toàn cõi Đông Dương. Không may Tiến sĩ Đinh Nho Hân mất sớm khi nhà giáo Đinh Nho Hoan mới vừa 4 tuổi.

Đền thờ Tiến sĩ Đinh Nho Điển đã được tỉnh Hà Tĩnh xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Trang điện tử huongson.hatinh.gov.vn ngày 14/10/2022, trong bài *Tiến sĩ Đinh Nho Điển* viết:

'Mộc chủ tại nhà thờ họ Đinh Nho nhánh ông Đinh Nho Tĩnh (Mộc chủ tức là bài vị, tức là tấm gỗ khắc họ tên và các thông tin về người đã chết lên đó để thờ; Đinh Nho Tĩnh là cha của Tiến sĩ Đinh Nho Điển - đã nói ở phần đầu bài viết này) tại xã An Hòa Thịnh có ghi nguyên văn chữ Hán:

生於紹治丙午年正月十七日.大南故乙亥科同進士出身誥授中順大夫鴻臚寺卿辨理刑部事務兼管通政使司印篆丁府君諱典字儒典.

Phiên âm

Sinh ư Thiệu Trị Bính Ngọ niên chính nguyệt thập thất nhật. Đại Nam cố Ất Hợi khoa Đồng Tiến sĩ xuất thân cáo thụ Trung Thuận đại phu, Hồng lô tự khanh, Biện lý Hình bộ sự vụ kiêm quản Thông chính sứ ty ấn triện Đinh phủ quân, húy Điển, tự Nho Điển.

Dịch nghĩa

Đinh Nho Điển sinh ngày 17 tháng Giêng năm Bính Ngọ (1846), niên hiệu Thiệu Trị thứ 7. Đại Nam cố Đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Ất Hợi (1875), được vua bổ làm Trung Thuận đại phu, Hồng lô tự khanh, Biện lý bộ Hình sự vụ kiêm đứng đầu cơ quan Thông chính sứ ty ấn triện ngài họ Đinh, húy Điển, tự Nho Điển'.

Trên trụ cổng của đền thờ Tiến sĩ Đinh Nho Điển có 2 đôi câu đối chữ Hán (chữ Nho). Nhưng theo chúng tôi có lẽ do trùng tu nhiều lần và mỗi lần trùng tu thì có thể người thực hiện, người chỉ đạo đều không rành chữ Hán nên đã làm sai các

chữ. Vả lại, hiện trong tay chúng tôi chỉ có bản chụp từ ngoài nhìn vào nên đôi câu đối ở 2 mặt bên trụ cổng, đối diện, nhìn vào nhau chữ hơi nghiêng, khó đọc. Đôi câu đối ở mặt ngoài trụ cổng, nhìn từ ngoài vào đền thờ có thể đã được khắc ngược theo kiểu thời nay, tức đọc từ bên trái trước (xưa cha ông ta đọc từ bên phải trước).

Theo chúng tôi đọc được là:

皐門有伉敬 (vế bên trụ cổng bên trái nhìn từ ngoài vào)

正氣長存天 (vế bên trụ cổng bên phải nhìn từ ngoài vào)

Phiên âm:

Cao môn hữu kháng kính

Chính khí trường tồn thiên.

Nghĩa: Không rõ do chữ cao 皐 và chữ kháng 伉 trong vế 1 làm cho vế 1 không có nghĩa.

Chúng tôi đề xuất sửa lại là:

高門有可敬 (vế bên trụ cổng bên trái nhìn từ ngoài vào)

正氣長存天 (vế bên trụ cổng bên phải nhìn từ ngoài vào)

Và nên đảo vị trí 2 vế cho đúng với cách viết, cách đọc của cha ông xưa, là viết và đọc theo cột dọc, đọc hết cột bên phải rồi mới đọc sang cột bên trái, thành:

高門有可敬 (vế bên trụ cổng bên phải nhìn từ ngoài vào)

正氣長存天 (vế bên trụ cổng bên trái nhìn từ ngoài vào)

Phiên âm:

Cao môn hữu khả kính

Chính khí trường tồn thiên.

Tạm dịch nghĩa:

Cửa nhà thanh cao đáng kính

Chính khí thẳng ngay trường tồn.

Bởi thực tế, gia đạo nhà Tiến sĩ Đinh Nho Điển rất thanh cao. Cha, và bản thân cụ làm quan lớn trong triều, anh trai cụ làm Tuần phủ. Chính khí của cụ mạnh mẽ, thẳng ngay (tuyệt thực đến chết khi triều đình ký hoà ước với Pháp).

Đề xuất sửa như trên bởi:

Có thể chữ cao trước chữ môn 門 đang được khắc là chữ cao 皋 với nghĩa khấn, vái, chứ không phải là chữ cao 高 đi với chữ môn thành cao môn 高 門 với nghĩa đen là cổng cao như chúng tôi đang đề xuất. Chúng tôi cho rằng 2 chữ cao môn 皋 門 này đi với nhau không có nghĩa. Và chữ trước chữ kính 敬 đang là chữ kháng 伉 thì theo chúng tôi hai chữ này đi với nhau thành kháng kính 伉 敬 cũng không có nghĩa nốt, nên chúng tôi đề xuất là thay chữ kháng 伉 bằng chữ khả 可 để đi với chữ kính 敬 thành khả kính 可 敬 với nghĩa đen là đáng kính, đáng tôn trọng.

13. Cụ tổ bà đời thứ 14 Đinh Thị Hoan

Cụ tổ bà đời thứ 14 Đinh Thị Hoan là chị gái Cụ tổ đời thứ 14 Tiến sĩ Đinh Nho Điển, là vợ của Cử nhân Đặng Thai Giai, là mẹ của Phó bảng Đặng Nguyên Cẩn và là bà nội của Giáo sư Đặng Thai Mai [Giáo sư Đặng Thai Mai (1902 - 1984)].

Bài viết "Đặng Nguyên Cẩn - Nhà khoa bảng, nhà yêu nước và duy tân" trên website hodangmientrung.com thứ Hai, ngày 16/01/2017, là bài đăng lại bài viết của tác giả Nguyễn

Cảnh Lâm đã đăng trên tạp chí *Văn hóa Nghệ An*, tháng 12/2016 , đoạn nói về Cụ tổ bà Đinh Thị Hoan như sau:

"... Cụ Đinh Thị Hoan, con gái một gia đình quyền quý thuộc dòng họ Đinh Nho nổi tiếng ở huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh, là chị ruột quan nghè ngự sử Đinh Nho Điền, người đã tuẫn tiết khi kinh thành Huế thất thủ rơi vào tay giặc Pháp. Cụ Hoan là một phụ nữ hay chữ, thông minh, bản lĩnh và giàu lòng yêu nước. Đặc biệt, cụ nổi tiếng có tài đối đáp sắc sảo với bọn quan lại, cả ta lẫn Tây, khi chúng hoạch sách, hù dọa hòng lung lạc tinh thần của đối phương.

Khi Tú Hứa, con trai cụ xin mẹ bí mật xuất dương hoạt động cứu nước, cứu dân, cụ dịu dàng bảo con trai:

'Ừ, con đi đi. Khi nào lấy lại được nước thì về với mẹ.'

Sau khi Tú Hứa đi rồi, một hôm viên án sát tỉnh Nghệ, nguyên là bạn học của Đặng Nguyên Cẩn, con trai cụ, đến dụ dỗ. Hắn nói: "Thưa cụ, cháu tưởng ông Tú nhà ta cũng hiểu rằng trong tình cảnh hiện nay, chữ trung thì xa mà chữ hiếu lại gần, cụ nên góp ý với ông Tú như thế nào?"

Cụ nhẹ nhàng đáp:

"Ông lớn nói thế là đúng sách thánh hiền rồi. Nhưng anh Tú nhà này trước ngày ra đi có nói với mẹ rằng: 'Ngày xưa nói đến chữ trung là trung với vua. Ngày nay người ta chỉ biết trung với Tây, mà không hề nghĩ tới nước. Con xin mẹ cho phép con cố gắng đền ơn nước và lấy chữ trung thay chữ hiếu'".

Thế là viên án sát chào thua, cúi đầu xin phép cụ ra về.

Lại một hôm, Gạc Ne, quan Một, đồn trưởng đồn Nhím (ở gần làng Lương Điền), là lính lê dương, người Đức quốc tịch Pháp (dân địa phương gọi hắn là Một Ne), vào nhà gặp Cụ bà huyện Đặng. Hắn vờ làm ơn báo tin rằng: Ông Tú ở bên Xiêm túng thiếu, phải về nước kiếm tiền bất hợp pháp (ý nói: ăn cướp – người viết ghi chú), bị bao vây và bị lính bắn trọng thương, hiện đang bị giam giữ bên Hà Tĩnh." Rồi hắn gợi ý

nếu cụ muốn đi thăm con trai hắn sẽ giúp phương tiện đưa cụ đi. Cụ bình thản trả lời hắn:

"Khi anh Tú nhà này ra đi có hẹn với mẹ rằng 'rồi đây nước nhà trở về với dân thì con mới về. Bằng không dù có chết ở bên đó con cũng vui. Nếu không mang được nước về cho dân thì con không bao giờ về'. Thế mà bây giờ ông đồn bảo rằng nó đi ăn cướp để kiếm tiền thì dù nó có bị bắn sắp chết, tôi cũng không thăm."

Nghe đến đây, tên đồn trưởng Một Ne chỉ nhún vai, nhếch mép gượng cười, khẽ cúi đầu chào, lùi bước, rồi quay phắt nhảy phốc lên ngựa, phi một mạch về đồn. Có lẽ hắn không khỏi cảm thấy bẽ mặt".

Gia phả dòng họ Đinh Nho, bản năm 2020 trích hồi ký của Giáo sư Đặng Thai Mai, đoạn nói về bà nội, tức Cụ tổ bà Đinh Thị Hoan:

"Nhờ có bà với những đức tính cao quý và vững chãi hiếm có, đặc biệt là tình thương bao la và sức chịu đựng mọi gian khổ trên đường đời một cách cương quyết và thầm lặng mà tôi đã hiểu, đã kính phục cái sức mạnh kín đáo phi thường của người phụ nữ Việt Nam (trang 377 - Hồi ký Đặng Thai Mai)".

14. Cụ tổ đời thứ 14 Đinh Nho Lệ và những câu chuyện liên quan

Cụ Tú tài Đinh Nho Lệ là con trai của cụ Tú tài Đinh Nho Tân, đời thứ 13B đã nêu ở phần trên (chúng tôi - người soạn sách này là chắt nội của cụ Đinh Nho Lệ). Cụ Đinh Nho Lệ có 4 anh em trai, Đinh Nho Liên, Đinh Nho Lệ, Đinh Nho Tăng và Đinh Nho Văn. Cụ Đinh Nho Văn không có con, còn cụ Đinh Nho Tăng thì không có con trai, chỉ có 2 con gái. Một người con gái của cụ Đinh Nho Tăng là Đinh Thị Hét, thường gọi là bà cu Ý, lấy chồng người họ Lê cùng xã Sơn Hòa, cùng chồng sang Lào, sang Campuchia làm ăn rồi sang định cư tại

Thái Lan (các con có người sinh ở Lào, có người sinh ở Thái Lan). Sau đó, theo lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch về nước tham gia kháng chiến, cụ bà Đinh Thị Hét cùng chồng và các con là Lê Hiếu, Lê Lợi và Lê Thị Phương từ Thái Lan về Cao Bằng năm 1961. Con cả Lê Nuôi do đã có vợ con nên ở lại Thái Lan. Lê Hiếu sau này là Bác sĩ Đông y và có vợ là Giám đốc Sở Giáo dục Cao Bằng. Một người con gái khác (em gái bà Hét) cũng lấy chồng cùng xã Sơn Hòa, họ Hà Học, sau đó có người con là Hà Học Quỳ, đi bộ đội lên đến cấp bậc đại tá.

Cụ Đinh Nho Lệ không ra làm quan mà mở trường dạy học. Hiện nhà thờ cụ Đinh Nho Lệ ở thôn Đông Mỹ, xã An Hoà Thịnh. Nhà thờ này được con cháu tu bổ lại năm 2018 trên cơ sở ngôi nhà gỗ lim nhỏ 3 gian cụ Đinh Nho Lệ mua về từ năm 1925 để làm nhà tiếp khách và thờ cúng tổ tiên. Ngôi nhà này thời Cải cách ruộng đất đã bị tịch thu và đã bị chia cho người khác dọn đến ở, sau đó chính quyền sửa sai và được trả lại.

Cụ Đinh Nho Lệ khi xưa được các học trò tặng 2 bức đại tự (đại tự là chữ lớn; tấm gỗ lớn sơn màu son lấy từ nhựa cây sơn trên rừng, chữ được thếp (phủ) bằng vàng, gọi là sơn son, thếp vàng):

Đại tự 1: Tam Lạc Dã 三 樂 也. Nghĩa là: Ba niềm vui. Bức đại tự này đến nay vẫn còn, treo ở trong nhà thờ, ở gian giữa, phía trên bàn thờ.

Đại tự này được học trò của cụ lấy ý từ 'Quân tử tam lạc', tức Quân tử ba vui. Mạnh Tử viết trong sách 'Tận Tâm Thượng 盡 心 上': 'Phụ mẫu câu tồn, huynh đệ vô cố, nhất lạc dã. Ngưỡng bất quý ư thiên, phủ bất tạc ư nhân, nhị lạc dã. Đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chi, tam lạc dã'. Nghĩa là: Cha mẹ đều còn, anh em không bị làm sao, ấy là vui thứ nhất. Ngửa mặt lên trời mà không hổ, cúi đầu đối với người mà không thẹn, ấy là vui thứ hai. Được và được dạy anh tài trong thiên

hạ, ấy là vui thứ ba 父 母 俱 存、兄 弟 無 故、一 樂 也。仰 不 愧 於 天、俯 不 怍 於 人、二 樂 也。得 天 下 英 才 而 教 育 之、三 樂 也. Tam lạc dã (ba niềm vui)!

Đại tự 2: Sư Như Huynh 師 如 兄. Nghĩa là: Thầy như là anh. Ý nói rằng cụ là người thầy nhưng cư xử với học trò không khác gì là một người anh đối với các em của mình vậy. Ân cần bảo ban, dạy dỗ.

Mặc dù hiện không còn (hoặc không có, hoặc chúng tôi không biết) tài liệu hay câu chuyện truyền miệng nào kể lại học trò của cụ Đinh Nho Lệ học hành đỗ đạt ra làm sao. Nhưng qua hai bức đại tự này chúng ta biết được đương thời, các học trò quý trọng thầy Đinh Nho Lệ biết chừng nào. Và cũng hiểu phần nào về phong cách sống của cụ, thể hiện bản lĩnh của một chính nhân quân tử.

Hai đôi câu đối chữ Hán (chữ Nho) khắc ở cột đồng trụ (hai cây cột phía trước, phía hai bên nhà thờ hoặc là hình vuông, hoặc là hình tròn, thường khắc họa tiết, hoa văn hoặc câu đối lên đó được gọi là cột đồng trụ), là do ông Đinh Nho Thanh, đời thứ 16B, là cháu nội cụ Đinh Nho Lệ (ông Thanh là cha của chúng tôi – người soạn sách này) sáng tác, được khắc dựng vào năm 2018, nhưng có 1 số chữ dùng sai (có lẽ do thợ khắc chữ bây giờ họ không biết chữ Hán nên cứ tra từ điển và chọn bừa nên khắc sai, chúng tôi lúc đó không ở nhà):

* Đôi câu đối phía từ sân nhìn vào nhà thờ:

源 陌 千 秋 流 聖 地

清 名 萬 古 此 長 存

Có khắc cả phần phiên âm Hán Việt:

Nguyên mạch thiên thu lưu thánh địa

Thanh danh vạn cổ thử trường tồn.

Chúng tôi tạm dịch:

Nguồn mạch ngàn năm lưu ở đất thánh

Tiếng tăm muôn thuở trường tồn nơi này.

Đôi câu đối này theo chúng tôi nên thay chữ mạch 陌 bằng chữ mạch 脈 để chỉ long mạch. Và nên thay chữ thanh 清 bằng chữ thanh 聲 để chỉ thanh danh.

* Đôi câu đối từ hai mặt bên cột đồng trụ nhìn vào nhau:

先 景 香 靈 多 樂 戍

暘 陳 孫 子 鄧 康 榮

Có khắc cả phần phiên âm Hán Việt:

Tiên cảnh hương linh đa lạc thú

Dương trần tôn tử đặng khang ninh

Chúng tôi tạm dịch:

Ở cảnh tiên linh hồn (tổ tiên) nhiều thú vui

Ở trần gian con cháu được khỏe mạnh, bình an, thịnh vượng.

Đôi câu đối này theo chúng tôi chữ tiên 先 nên thay bằng chữ tiên 仙 mới đúng là từ để chỉ thần tiên. Chữ thú 戍 nên thay bằng chữ thú 趣 mới đúng là từ để chỉ thú vui.

Con trai cả cụ Đinh Nho Lệ là cụ Đinh Nho Vỵ lấy vợ đầu là cụ bà Tống Thị Thiện, người họ Tống Trần ở Sơn Hoà. Cụ bà là chắt của cụ Cử nhân, Tuần phủ Đinh Nho Quang, là cháu ngoại của cụ Đinh Nho Quê (thường gọi là cụ Hàn Nuôi - là con trai cả của Tuần phủ Đinh Nho Quang), và là con gái của cụ bà Đinh Thị Hạng Nhất. Nhà của cụ Đinh Nho Quê (và có lẽ nguyên là nhà của Tuần phủ Đinh Nho Quang (?)) là một ngôi nhà gỗ lim mái ngói âm dương 5 gian rất đẹp cùng với 1 nhà ngang, bị tịch thu trong Cải cách ruộng đất và bị chia cho 6 gia đình, mỗi gia đình ở một gian, gia đình còn lại được chia nhà ngang. Trong đó gian giữa là gian đặt bàn thờ tổ tiên nên được chia (thực chất là được cho giữ lại - phải ghi nhận là người đội trưởng cải cách ruộng đất này cũng là một người có tâm thiện) cho ông Đinh Nho Chiêm là con thờ tự của cụ Đinh

Nho Quê (cụ Quê không có con trai, nhận con của cháu trai ruột làm con thờ tự - lo việc thờ cúng sau này). Về sau một trong 6 gia đình là gia đình ông Trần Trung (người được chia nhà ngang) sau khi đi bộ đội về thì có tiền nên mua lại phần được chia của 5 gia đình còn lại. Ngôi nhà đó hiện nay vẫn đang còn, nguyên tại vị trí cũ như nó vốn là, tức thôn Đồng Vực, xã An Hoà Thịnh ngày nay, gần nhà thờ họ Đinh Nho. Ông Trần Trung hiện vẫn còn sống và đang ở đó, năm nay cũng khoảng trên dưới 80 tuổi.

Ông Tống Trần Lữ, cháu nội cụ bà Đinh Thị Hạng Nhất (bố ông Tống Trần Lữ là em trai cụ bà Tống Thị Thiện, và cụ Tống Thị Thiện là vợ đầu cụ Đinh Nho Vỵ, đã nói ở trên), ông nguyên là Phó Hiệu trưởng Trường THPT chuyên Hà Tĩnh, nay đã nghỉ hưu tại thành phố Hà Tĩnh, thỉnh thoảng vẫn đi về thăm lại nhà của cụ cố, bố đẻ của bà nội xưa và không khỏi xót xa, hoài cổ. Ông đã viết:

"THĂM LẠI NHÀ XƯA

(Họa bài: "Thăng Long thành hoài cổ" của Bà huyện Thanh Quan)

Trở lại thăm quê thấm bụi trường
Trăm năm trăng giải mịt mù sương
Cúi đầu tìm lại thời xa vắng
Ngẩng mặt trông về bóng tịch dương
Nhìn cảnh, nhớ người lòng bịn rịn
Trông nhà, ngắm cửa dạ buồn thương
Có ai tri kỷ cùng tâm sự
Gửi chút tình đau nỗi đoạn trường.

23/6/2018".

Chúng tôi, người soạn sách này nhân đó cũng đã hoạ theo:

Nên nỗi vì đâu cảnh đoạn trường
Cửa nhà gầy dựng nắng cùng sương
Tai bay sao nghĩ trong Vầng Nguyệt
Vạ gió đâu ngờ dưới Ánh Dương
Cảnh cũ đây rồi xao xuyến nhớ
Người xưa đâu nhỉ nghẹn ngào thương
Trái ngang dâu bể ngang tầm mắt
Nào phải trò vui chuyện hý trường?

24/6/2018

Các con của cụ Đinh Nho Vỵ với cụ bà Tống Thị Thiện đều không may mất sớm. Về sau khi bà cả qua đời, cụ Đinh Nho Vỵ lấy vợ hai là cụ bà Nguyễn Thị Chất và sinh ra các con là Đinh Thị Lai, Đinh Nho Thanh và Đinh Nho Ân.

Nói thêm về ông Đinh Nho Chiêm (1932 - 2018), con thờ tự của cụ Đinh Nho Quê. Ông Chiêm thuộc đời thứ 17A và là con trai cụ Đinh Nho Viêm (cụ Viêm thường gọi là cụ Hàn Ty). Cụ Đinh Nho Viêm là con của cụ Đinh Nho Thản (cụ Thản thường gọi là cụ Ấm Ba - Ấm là cách gọi con quan được hưởng tập ấm, tức cho phụ giúp cha trong việc cai trị và sẽ được xem xét bổ nhiệm một chức quan nào đấy sau khi đã phấn đấu, luyện rèn đạt được 1 tiêu chuẩn nào đó). Cụ Đinh Nho Thản là con trai của cụ Cử nhân, Tuần phủ Đinh Nho Quang và là em cùng cha khác mẹ với cụ Đinh Nho Quê. Như vậy theo thứ bậc trong họ hàng thì ông Chiêm phải gọi cụ Quê là ông vì cụ Quê là anh trai cùng cha khác mẹ với ông nội của ông Chiêm. Ông Đinh Nho Chiêm đi bộ đội lên đến cấp bậc đại tá, Trưởng phòng Tài chính Quân khu IV.

Con trai thứ ba của cụ Đinh Nho Lệ là cụ Đinh Nho Cự lấy vợ là cụ bà Thái Thị Huệ, người xã Sơn Long, Hương Sơn. Cụ Huệ là cháu ngoại của cụ Cử nhân, Tuần phủ Đinh Nho Quang và sinh ra các con là Đinh Thị Hường, Đinh Nho Cận, Đinh Nho Thâm và Đinh Thị Soa.

15. Cụ tổ đời thứ 15 Đinh Doãn Tế

Bài viết về Cụ tổ Đinh Doãn Tế (Đinh Nho Thục), đời thứ 15B này chúng tôi chép từ Gia phả dòng họ Đinh Nho, bản năm 2020. Theo Gia phả:

- Bài viết này nằm trong quyển "Việt Nam nghĩa liệt sĩ" của soạn giả Đặng Đoàn Bằng, tu chính Phan Thị Hán. Tô Quang Phiệt dịch và chú thích, Nhà xuất bản Văn hoá, năm 1972;

- Và theo "Việt Nam Niên biểu" thì tác giả bài viết này là của cụ Phan Bội Châu viết bằng chữ Hán và xuất bản trước năm 1920 ở Trung Quốc.

Bài viết như sau:

"Đinh Doãn Tế người huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Trầm nghị, ít nói, thật là một người quân tử đích thực. Năm Mậu Thân (1908) vào Đồng Văn thư viện Nhật, vì hết tiền ăn học nên phải bỏ đi Xiêm, ngụ ở thành Băng Cốc. Ở Xiêm, ông định về nước vận động cử sự, nhưng vì đau chân chưa đi. Lúc đó là mùa xuân năm Canh Tuất (1910) tôi và Phan Bá Ngọc có mưu sự ở biên giới Nghệ Tĩnh, đi đường Xiêm trước qua thành Băng Cốc, ông gặp, xin cùng đi. Tôi thấy ông đau chân chưa khỏi hẳn, ngăn cản lại mà không được, thế rồi cùng đi. Trèo núi, lội khe, ngủ rừng, uống suối, phấn đấu với lam chướng như thế hơn một tháng. Đất Phù Xa quân bệnh ông phát lên

mạnh. Lúc đó nhân việc chúng tôi làm hơi lộ, nên mọi người chia nhau trốn tránh. Ông cũng nhân thế bệnh nặng thêm gần chết, nhưng còn nuối tiếc không có gì khác là gọi tên tôi và tên ông Phan và nói "Giết giặc Pháp! Giết giặc Pháp!" cứ như thế đến 5, 6 ngày. Hôm ấy, ông Phan đến, ông rất mừng, tinh thần trở nên như thường, ngồi dậy nói chuyện với Phan độ 6 tiếng đồng hồ rồi bỗng nhiên chết. Lúc đó, ông mới 26 tuổi.

Thơ điếu:

Sất vũ khu phong tráng thử hành
Quan sơn thiên lý cương nam chinh
Mã từ lập vị ta hà nhật
Kiếm hốt ky thao khái bán tình
Bệnh đáo trầm kha tồn nhiệt huyết
Nhân ư sinh tử kiến giao tình
Cửu long giang thượng trào thanh cấp
Nhất vọng mê ly tổng bất bình

Dịch:

Đuổi gió gào mưa mạnh bước đường
Quan Sơn nghìn dặm hướng Nam san
Yên vừa đóng ngựa đang chờ đợi
Vỏ rút gươm rồi phải dở dang
Bệnh đến mê trầm còn máu nóng
Người khi sống chết thấy giao bằng
Tiếng triều kêu mạnh trên sông Khoóng
Trông cảnh mê ly lại bất bằng.

Liễn viếng:

Bất năng tử hại bất năng sinh, triển chuyển bệnh tuy hồn quốc nạn cứu, thống sử đáo quân vô đế thống

Dữ cân xuất thuỳ dữ câu nhập, tiêu điều vong hậu kiếp thiên hư hão giác, bi trường nhậm ngã tự do bi.

Dịch:

Chết không được, sống cũng lại không xong, bệnh hồn dằn vặt bấy lâu, nạn nước thù nhà, đau đớn anh ơi không kể xiết

Ra với nhau, về biết cùng ai nhỉ, thân thế tiêu điều lắm nỗi, chân trời góc bể, thương thầm tôi cũng biết sao đây?".

16. Cụ tổ đời thứ 15 Đinh Nho Bộc

Bài viết về Cụ tổ Đinh Nho Bộc, đời thứ 15B trong phần này chúng tôi cũng chép từ *Gia phả dòng họ Đinh Nho*, bản năm 2020. Bài viết như sau:

"Ông Đinh Nho Bộc người làng Gôi Mỹ, Hương Sơn, Hà Tĩnh, hoạt động cách mạng với ông Ngô Quảng, bị bắt ngày 31/8/1924 tại Vinh, sau khi đã thoát nạn ở Phù Xá, Hưng Nguyên, Nghệ An và bị mất 2 khẩu súng và 14 viên đạn, do tên tri phủ Hưng Nguyên bắt được (ông Phan Đình Đồng sưu tầm tại Ty Công an Nghệ An ngày 25/6/1962), sau đó, cụ Bộc bị giam ở Côn Đảo. Ở trong tù, cụ vẫn giữ tròn khí tiết Cách mạng. Cụ có làm một bài thơ gửi về nhân chuyến thăm tù của bà vợ. Bài thơ chỉ được phổ biến trong gia đình, trong đó bà Đinh Thị Sâm (con cố Nghi là em cùng cha khác mẹ với cụ Bộc còn thuộc đến bây giờ, trong đó có thể có đôi chỗ không chính xác, xin được chép ra đây để làm tư liệu quý khi tham khảo về cụ Bộc). Bài thơ viết khoảng năm 1924.

Miền Đông Hải đang cơn sùi sụt
Gót anh hùng lắm lúc buồn cười
Bước vào cửa đóng then cài
Vầng mây trông tỏ, lâu đài ngổn ngang.

Kìa xa huyện là trường Cao đẳng
Mở chín lầu bước thẳng thâm cung
Anh hùng mới biết anh hùng
Rày xem bốn bể nhất cùng một nơi.

Mặt nhìn mặt càng thêm tươi
Kẻ hô vạn phúc, người thời thiên thu
Đền rút nguyệt bốn bề đổi chác
Trong vườn hoa mấy khúc tù tùng.

Cửa kim tỏa mấy lần nghiêm ngặt
Đền văn minh một giọt sáng choang
Ngoài canh gác hai hàng cơ vệ
Trong tôi hầu mấy kẻ thanh niên.

Vẫn cơm ban áo phát tuy bốn bể
Vẫn ơn vua nợ nước để hai vai
Mặt nhìn mặt trần ai ai siết nhẽ
Tưởng làm trai cho rạng vẻ sắc này.

Trước mừng nhạc mẫu giao chúc hồng kỳ
Liễu đào bông thắm lan chi hương nồng
Còn con rễ bước phong trần
Bình an nhờ có giang sơn trên đầu.

Sinh phải buổi gió Âu, mưa Á
Tướng làm trai cho phỉ chí tang bồng
... Mái chèo thề với non sông
Náo hơn năng rút tuỳ miền A hải.

Thiên lý tại mà nhân tâm bất tại
Buổi sinh ra thương hại đa đoan
Giang sơn đâu cũng giang sơn
Giang sơn đâu cũng giang sơn cửa nhà.

Kìa nam tử yên vì thiên hạ
Tu tích nhân thêm vẹn lý tình
Thôi thì ngoảnh mặt làm thinh
Cái gan tráng sĩ, đã coi khinh rồi.

Có lưu lạc mới trải mùi nhân thế
Mặt anh hùng rõ buổi bôn ba
Bằng này thích lấy một nhà
Trên là từ tạ, dưới là khuyên lơn.

Nói với người giữ tình sau trước
Đạo vợ chồng non nước ba sinh
Bấy lâu vắng mặt xa tình
Biết đâu bờ cõi là miền tiêu giang.

Chiều hôm trông nước mây dồn
Lòng đâu dạ đó, ai phiền hơn ai
Đường gia thất nào ai chẳng có
Trên một hai thân phụ nhớ thương.

Thân già phơ phất mái sương
Con thơ măng sữa vả đương bù trì
Trên phụng sự một bề hiếu kính
Dưới mượn mình đợ gánh cho dây.

Dạy mồi nuôi kẻ thơ ngây
Xin mình hãy quyền môn trước đã
Đừng nghĩ mình vất vả trong mình
Có ông Xanh trên ấy định rồi!"

17. Nhà thơ tiền chiến Quỳnh Dao

(Bài viết của tác giả Phạm Quang Đẩu đăng trên báo mạng *Đại Đoàn kết*, mục *Tinh hoa Việt*, tựa đề *Nhà thơ Tiền chiến Quỳnh Dao - Chiến sĩ Cách mạng Đinh Nho Diệm* ngày 04/06/2020 viết về cụ Đinh Nho Diệm, đời thứ 17).

"Nhà thơ Quỳnh Dao tên thật là Đinh Nho Diệm, sinh năm 1918, quê làng Gôi Mỹ, xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Dòng họ Đinh Nho Hương Sơn trải nhiều đời là một dòng họ danh gia vọng tộc.

Trong khoảng thời gian gần 400 năm trở lại đây, cụ tổ là Đinh Phúc Diên, một thuộc tướng của Lê Tuấn Mậu, phù Lê chống Mạc. Đến đời thứ 7 được ghi trong gia phả, là Đinh Nho Công (1637 - 1695), chuyển từ Bình Hòa về làng Gôi Mỹ. Cụ Đinh Nho Công dùi mài kinh sử, tham gia kỳ thi Hương đỗ Giải nguyên, thi Hội, thi Đình, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Canh Tuất, niên hiệu Cảnh Trị 8 (1670), trở thành tổ khai khoa của dòng họ Đinh Nho. Tấm bia tiến sĩ khoa Canh Tuất hiện còn lưu giữ tại Quốc Tử Giám, Hà Nội. Cụ Đinh Nho Hoàn (1671 -

1716) là con cụ Đinh Nho Công, có tên trên bảng vàng tại Quốc Tử Giám trong kỳ thi Canh Thìn, niên hiệu Chính Hòa thứ 21 (năm 1700), đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân(tức Hoàng giáp), đứng thứ 4 trong số 19 người đỗ kỳ thi này. Năm 1715, cụ được cử làm Phó sứ trong đoàn sứ thần sang triều Thanh, không may cụ bị bệnh chết trên đường đi sứ. Trong những tháng ngày trên đường đi sứ, cụ vẫn thường làm thơ, sau khi qua đời được con rể là tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường sắp xếp thành một tập, đặt là *Mặc Ông sứ tập*. *Tổng tập văn học Việt Nam, tập 6, thời Trịnh - Nguyễn phân tranh* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2000) đánh giá: 'Thơ Đinh Nho Hoàn nhuần nhị, ngọt ngào và chứa chan những tình cảm, ý vị, đẹp đẽ, thể hiện nồng nàn lòng yêu quê hương đất nước và niềm tự hào dân tộc'.

Dòng họ Đinh Nho Hương Sơn với những cụ tổ khai sáng có tài kinh bang tế thế là niềm tự hào, tấm gương chói ngời cho các thế hệ con cháu noi theo. Hẳn là trong huyết mạch của một hậu duệ thời hiện đại đầu thế kỷ XX Đinh Nho Diệm, cũng đã tiếp nối dòng chảy dạt dào truyền thống văn học và lòng yêu nước thương dân của các bậc tiền bối. Và nay có dịp nhìn lại toàn bộ sự nghiệp của thi sĩ Quỳnh Dao - chiến sĩ cách mạng Đinh Nho Diệm, thì có thể nói, phẩm cách đó của tiền nhân đã thực sự chi phối cuộc đời ông như một định mệnh.

Đinh Nho Diệm là con trai trưởng trong một gia đình đông con. Cha là Đinh Nho Huề (1890-1966) một nhà nho nghèo yêu nước, tham gia cách mạng từ trước năm 1930. Cụ được tặng bằng Có công với nước và kỷ niệm chương Tổ quốc ghi công năm 1966.

Mới đây, năm 2017 Nhà nước đã truy tặng cụ Huân chương Độc lập hạng Ba về quá trình cống hiến cho cách mạng. Hồi nhỏ ở quê, Đinh Nho Diệm đã nổi tiếng là cậu bé thông

minh đĩnh ngộ. Năm Đinh Nho Diệm 12 tuổi, cha hoạt động trong hội kín bị địch bắt giam, ngày ngày đưa cơm cho cha, do đã được học tiếng Pháp ở nhà, khi gặp sếp bốt cậu đối đáp trôi chảy bằng tiếng Pháp, sếp bốt rất phục, có thể vì thế mà đã thả cha cậu ra sớm. Dạo ấy có vị tiến sĩ hưu quan làm một bài thơ vịnh cảnh về hưu. Đã có nhiều tiến sĩ, hoàng giáp, cử nhân ở địa phương họa lại mà không bài nào thật đạt, bất ngờ cậu thiếu niên 16 tuổi Đinh Nho Diệm ứng khẩu bài dưới đây, được cho là đạt hơn cả: *Phú quý phong lưu cũng đã vừa/Ngẫm mùi danh lợi ngọt hay chua/Vườn xuân cất bước vui đời mới/Bể hoạn buông chèo gác chuyện xưa/Sờ túi càn khôn tiền bạc sẵn/Nghiêng bầu phong nguyệt rượu thơ thừa/Vuốt râu xem lại người trong cuộc/Xiêm áo, ô kìa bận sớm trưa.*

Lớn lên làm thơ, Đinh Nho Diệm lấy bút danh Quỳnh Dao. Mới 19 tuổi, thi sĩ Quỳnh Dao đã trình làng tập thơ *Tiếng chuông chiều*, in chung với Liêu Kỳ Lộc, do Thụy Ký ấn hành năm 1937. Hai năm sau, ông cho ra mắt bạn đọc tập thơ riêng *Tơ trăng,* gồm 25 bài và lọt vào "mắt xanh" của Lê Tràng Kiều với lời nhận xét: 'Càng đọc càng lạ, càng về sau bao nhiêu càng huyền ảo bấy nhiêu'. Trên báo *Tiểu thuyết thứ năm*, ra ngày 11/4/1939 nhà văn đàn anh này đã đặt Quỳnh Dao bên cạnh những thi sĩ có tên tuổi của phong trào Thơ mới lúc bấy giờ. Ông viết: 'Chưa bao giờ các bạn mến yêu thơ được vừa lòng, được say sưa như bây giờ, khi giở những trang thân yêu của tờ báo thân yêu này. Nó đã trình bày không biết bao nhiêu tác phẩm có giá trị: những vần mơ màng của Quỳnh Dao, những vần nhẹ nhàng của Anh Thơ, những vần diễm ảo của Thanh Tịnh, những vần giản dị, thành thực của Nguyễn Bính, những vần đầy mộng ảnh, đầy âm nhạc của Yến Lan, những vần đặc biệt của Tchya, Phạm Huy Thông, Lưu Trọng Lư...'.

Thực ra ở thời hiện đại nhà thơ tiền chiến Quỳnh Dao rất ít người biết tới, thậm chí có người còn hiểu lầm tác phẩm của ông với nhà văn nữ Quỳnh Dao người Đài Loan. Trong khoảng 15 năm trở lại đây, với sự cố gắng lục tìm trong kho lưu trữ những số báo *Tiểu thuyết thứ năm* còn lại ở Thư viện Quốc gia, nhà thơ Anh Chi đã tái hiện được một phần chân dung văn học của thi sĩ. Và năm 1999, Nhà xuất bản Thanh niên đã cho ra mắt tập *Văn phẩm Quỳnh Dao*, trong đó có *Tơ trăng, Dưới cầu Giang Tô* cùng các bài lẻ in trên *Tiểu thuyết thứ năm* và tạp chí *Đông Tây* của Quỳnh Dao. Nhiều độc giả hôm nay đã nhắc đến cái tên Quỳnh Dao một thời bị lãng quên như một nhà thơ tài năng của phong trào Thơ mới.

Thời gian Quỳnh Dao xuất hiện trên văn đàn khá ngắn ngủi, chỉ khoảng 5 năm, đấy còn là khoảng thời gian ông kiếm sống bằng nghề viết báo. Ông là cây bút chủ lực trên tờ Tiểu thuyết thứ năm, tiếc là tờ báo đóng cửa quá sớm(năm 1940). Rồi ông mở ra tờ *Đông Tây* với chủ trương 'Tập hợp lực lượng văn sĩ, thi sĩ có tài để đóng góp xây dựng cho nền quốc văn Việt Nam ngày một phong phú và đổi mới'. Tạp chí này chỉ ra được 7 số, năm 1942, phải đóng cửa vì sự kiểm duyệt gắt gao của Pháp, một phần cũng vì không đủ tiền nuôi. Giờ có dịp đọc lại các bài báo viết của Quỳnh Dao, cho thấy ngoài phẩm chất thi sĩ mơ màng, trong trẻo như đã kể trên, ông còn là một ký giả nhậy bén với thời cuộc, có tính thực tiễn sâu sắc, tinh thần phê phán trung thực thể hiện trong các bài chính luận hay các tản văn, phiếm đàm. Cái chất rạch ròi, tỉnh táo ấy cũng giải thích vì sao ông sớm giác ngộ cách mạng, mau chóng rời bỏ địa hạt 'mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây' để sớm hòa nhập vào phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng cần lao do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Nếu như Quỳnh Dao xuất hiện trên văn đàn như ngôi sao băng, thì cuộc đời dấn thân vào trường tranh đấu cho độc lập tự do của đất nước của Đinh Nho Diệm cũng thật ngắn ngủi.

Ông bắt đầu tham gia cách mạng từ năm 1944, rồi tham gia phong trào tiền khởi nghĩa, đến cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tăm năm 1945 nổ ra ở địa phương, ông có chân trong tổ chức Việt Minh, đến đầu năm 1947 ông đã hy sinh trên đường đi công tác. Hoạt động cách mạng của Đinh Nho Diệm ngay từ đầu hoàn toàn là bí mật. Ai dẫn dắt ông vào con đường cách mạng, kết nạp Đảng bao giờ và làm công việc gì? Người trong cuộc không ai có dịp nói ra những điều ấy và về sau người ngoài cuộc càng không biết, ngay cả với những người thân trong gia đình ông cũng không bao giờ hé lộ điều gì. Ngoại trừ một thông tin duy nhất trên báo chí công khai ngày đó. Báo Cứu Quốc, Cơ quan tuyên truyền tranh đấu của Tổng bộ Việt Minh ra Thứ bảy, ngày 12/1/1946 cho biết, Đinh Nho Diệm trong số 74 vị ứng cử Quốc dân đại hội trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mùng 6/1/1946 tại Hà Nội. Rồi từ sau ngày Toàn quốc kháng chiến ông bị coi là mất tích". Mãi nhiều năm sau này, người thân của ông mà cụ thể là người em ruột của ông, Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Đinh Phạm Thái, nguyên cán bộ giảng dạy Đại học Bách khoa Hà Nội, qua lời kể của những bạn tù Hỏa Lò với ông, cùng một số người quen biết từng gặp gỡ ông trong kháng chiến, đã chắp nối lại các sự kiện để có cái nhìn xuyên suốt về cuộc đời hoạt động cách mạng đầy oanh liệt, vẻ vang của ông.

Hiện ở khu Di tích cách mạng nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội có 17 tấm bia đồng mạ vàng, trang trọng khắc tên những chiến sĩ cách mạng từng bị giam cầm, tra tấn, nhiều người đã hy sinh từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930) đến giai đoạn

tiếp quản thủ đô, miền Bắc hoàn toàn giải phóng (10/10/1954). Tại bia số 3, những chiến sĩ bị bắt vào thời điểm 1930 - 1945 ở hàng thứ 5, vần D ghi: 'Đinh Nho Diệm (Quỳnh Dao) sinh 1918'. Ông Nguyễn Huy Hòa, tức Hoàng Phong ở phường Thành Công, Ba Đình, một lão thành cách mạng của Hà Nội đã xác nhận: 'Trong thời gian ở Hỏa Lò tôi biết thi sĩ Quỳnh Dao bị địch bắt giam tại trại H, đeo số vuông chính trị phạm. Anh là một người chín chắn, ít nói sống hòa nhập với anh em tù nhân, sáng tác văn thơ cho tờ báo Hỏa Lò, tham gia đấu tranh tuyệt thực 3 ngày góp phần thắng lợi của tù nhân'.

Ông Bùi Huy Thục, tức Hồng Thao, một cựu tù chính trị ở Hỏa Lò vẫn nhớ một chuyện về thi sĩ Quỳnh Dao: 'Trước kia tôi đã đọc báo *Đông Tây* của anh Quỳnh Dao, nhớ câu thơ của anh: *Gà gáy chiêu hồn nguyệt Mái Tây*. Khi gặp anh ở Hỏa Lò, xuất bản báo của tù chính trị, anh có bài tả cảnh trại H rất hiện thực: Nghe đái rất tài/ Là me-xừ Bái, chả là "me-xừ" Bái được cai ngục phân phụ trách trật tự, thính tai nghe đái đêm, ai làm mất giấc ngủ thì phạt'. Trong các đêm từ ngày 11/3 đến ngày 16/3/1945 các tù chính trị đã vượt ngục Hỏa Lò bằng cách chui theo đường cống ngầm, Đinh Nho Diệm trong số các tù Cộng sản vượt ngục thành công ngày ấy. Đó là thời điểm cận kề Tổng khởi nghĩa, ông cùng các đồng chí khẩn trương tỏa về nhiều địa phương để chuẩn bị cho cuộc đánh Pháp, đuổi Nhật giành chính quyền về tay nhân dân. Thời kỳ này ông phụ trách tuyên truyền ở Khu vực 2, huyện Hương Sơn, sau đó hoạt động ở Vinh và Hà Nội. Vợ ông là bà Lâm Thị Bảo, sau ngày hòa bình lập lại trên miền Bắc làm việc tại Nhà máy Thuốc lá Thăng Long (Hà Nội).

Bà nhớ lại: Trước thời điểm cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 nổ ra ở Hà Nội, anh có về nhà chốc lát, cũng không

nói mình đang làm việc gì. Sau khi cách mạng thành công anh làm việc ở quê ít lâu, rồi đưa gia đình ra Hà Nội. Từ cuối năm 1946 ở nhà không còn tin tức gì về anh nữa. Vào giữa năm 1999, Nhà xuất bản Thanh Niên cho ra mắt Văn phẩm Quỳnh Dao, ông Đinh Phạm Thái mang cuốn sách đến tặng nhà thơ Huy Cận, bạn thơ tiền chiến với anh mình, thì được nhà thơ cung cấp một thông tin là đầu năm 1947 hai người tình cờ gặp nhau bên bờ sông Lô, Tuyên Quang, chào hỏi rồi chia tay. Nhà thơ còn nói thêm: Hiện còn bà Vũ Thị Chúc, nhà ở phố Yên Phụ, Hà Nội biết rõ nơi chúng tôi gặp nhau. Gặp bà Chúc được biết nơi hai thi sĩ gặp nhau là đền Cấm, cạnh bến Tràng Đà, thuộc huyện Yên Sơn.

Từ những thông tin đó, ông Đinh Phạm Thái nhiều lần lên Tuyên Quang tìm tung tích anh mình. Cuối cùng ông đã gặp được một người biết rõ sự việc xảy đến với anh mình, là bà Vũ Khắc Hùng, vợ một vị lão thành cách mạng của Tuyên Quang. Vừa nhìn ảnh, bà nhận ra nhà thơ Quỳnh Dao ngay. Bà kể là ngày ấy ông Quỳnh Dao ở nhà một bí thư chi bộ và hay đọc thơ trong các buổi sinh hoạt văn nghệ, nom anh nghiêm nghị, năm đó bà còn rất trẻ, mới 19 tuổi nên không dám gần hỏi chuyện. Một ngày đầu năm 1947, nhà thơ đang đạp xe trong rặng cây thì một chiếc máy bay "Bà già" của Pháp xuất hiện, bắn một loạt "đum đum", nhà thơ bị trúng đạn, ngã xuống bên bờ sông, máu ra nhiều, lúc đó không có phương tiện cấp cứu, nhà thơ đã qua đời. Thi hài đã được chôn cất trên một quả đồi. Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua sau sự kiện nhà thơ hy sinh, việc tìm mộ là rất khó khăn. Đến một ngày, ông Đinh Phạm Thái cùng người con gái của nhà thơ Quỳnh Dao đã theo "linh cảm" của mình, tìm đến một chỗ được cho là nơi chôn cất nhà thơ, bốc một nắm đất đen đưa về quê an táng trong nghĩa trang của dòng họ.

Cũng cần nói thêm, ông bà Đinh Nho Diệm có người con trai duy nhất là Đinh Nguyên Hà, anh đã tình nguyện nhập ngũ năm 1966, sớm được kết nạp Đảng và hy sinh giữa tuổi xuân xanh ở chiến trường Miền Nam.

Đã đến lúc các thế hệ hôm nay cần trân trọng và tiếp tục tìm hiểu, làm rõ hơn về những đóng góp, cống hiến của ông cho văn học và cho sự nghiệp giải phóng đất nước".

18. Đinh Nho Khôi: Nhà báo tài năng, đức độ

Bài đăng trên báo điện tử hanoimoi.vn ngày 19/10/2017 của tác giả Trần Thu Hằng viết về Nhà báo Đinh Nho Khôi (1910 – 1988), đời thứ 15 họ Đinh Nho.

"(HNM) - Không còn cơ hội được gặp gỡ, trò chuyện với ông nhưng tôi vẫn hình dung rất rõ về nhà báo Đinh Nho Khôi qua những câu chuyện của con gái ông, qua những hồi ức của bạn bè, đồng nghiệp. Tham gia cách mạng từ sớm, ông là một nhà báo tài năng và đức độ, sống khiêm tốn, trung thực...

Vạn sự khởi đầu nan

Sau ngày Thủ đô được giải phóng (10-1954), Hà Nội bước vào một thời kỳ mới. Nhu cầu của Đảng bộ thành phố về một tờ nhật báo "chính thống" cho Hà Nội ngày càng cấp thiết. Trước thực tế đó, ngày 26-2-1957, Thành ủy Hà Nội đã chính thức thông qua Nghị quyết số 93-NQ/ĐBHN "Về việc xuất bản báo hằng ngày ở Thủ đô". Việc chuẩn bị cho tờ báo ra đời được gấp rút tiến hành. Tháng 3-1957, nhà báo Đinh Nho Khôi, nguyên Trưởng ban Quốc tế Báo Nhân Dân được cấp trên điều về làm

Tổng Biên tập. Ông cùng các cộng sự lo toan mọi vấn đề "bếp núc" cho tờ báo.

Nhà báo Doãn Chiêm, một trong những người đầu tiên về công tác ở báo Thủ đô nhớ lại: "Công việc chuẩn bị thật bộn bề, phức tạp. Tôn chỉ, mục đích thì đã rõ ràng, nhưng kết cấu nội dung tờ báo làm sao cho phù hợp với đối tượng bạn đọc Thủ đô thì phải bàn? Nên có các chuyên mục gì? Lúc đầu ra ngay hằng ngày hay cứ để mỗi tuần hai ba kỳ? Khuôn khổ tờ báo to hay nhỏ?... Bao nhiêu câu hỏi cần được quyết đáp.

Là người đặt viên gạch đầu tiên cho tờ báo đang "thai nghén", đồng chí Đinh Nho Khôi đã đem những hiểu biết và kinh nghiệm nghề nghiệp của hàng chục năm làm báo trước Cách mạng Tháng Tám qua tờ Cứu quốc... trong kháng chiến chống Pháp là tờ Giết giặc đến tờ Nhân Dân sau ngày Thủ đô được giải phóng để cùng Ban Biên tập vừa được thành lập, bàn bạc, xây dựng đề án xuất bản báo. Vượt qua hàng loạt khó khăn, cuối cùng tờ báo hằng ngày Thủ đô ra mắt bạn đọc kịp thời vào ngày 24-10-1957".

Hơn 10 năm làm Tổng Biên tập là thời kỳ cực kỳ khó khăn: Cơ sở vật chất thiếu thốn, chắp vá, phương tiện làm báo thô sơ, cán bộ chưa được đào tạo cơ bản..., với trọng trách của người đứng đầu, nhà báo Đinh Nho Khôi tập hợp anh em, đoàn kết và truyền ngọn lửa say nghề cho đội ngũ cán bộ, phóng viên. Ông thường nhắc nhở: "Cách làm việc của người phóng viên phải khác xa cách làm việc của anh công chức cũ "sớm vác ô đi tối vác về". Một bài, tin viết ra cho hàng vạn, hàng triệu người đọc, muốn có tác dụng thì phải được người đọc hiểu và tin theo". Điều tưởng như đơn giản đó vẫn là bài học thiết thực đối với mỗi phóng viên ngày nay.

Dưới sự lãnh đạo của ông, đi liền với việc mở rộng khổ báo, từ khổ nhỏ 30x40cm (1957) lên khổ nhỡ 32,5x47cm (1958), rồi khổ lớn 40x60cm (1959) là sự khẳng định sự vững vàng, chững chạc trong nội dung từng số báo. Trụ sở báo cũng chuyển từ số 6 Hai Bà Trưng về ngôi nhà 44 Lê Thái Tổ trông ra hồ Hoàn Kiếm khang trang, bề thế, lại có nhà in ngay bên cạnh.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ vào giai đoạn khó khăn, khốc liệt, một số phóng viên vào chiến trường, có người đã hy sinh. Lúc này, ngoài nhiệm vụ làm báo, tổ chức lại tòa soạn, ông và Ban Biên tập còn phải lo thêm đời sống cho cán bộ, phóng viên như lập nhà trẻ và đưa đi sơ tán, phân công nuôi lợn để Tết có thịt chia cho mọi người...

Nhà báo Đinh Nho Khôi luôn mong muốn xây dựng một tờ báo tiêu biểu cho Hà Nội, giới thiệu được lịch sử nghìn năm văn hiến, tiềm năng kinh tế của Thủ đô với bạn bè khắp năm châu. Nhưng ước muốn ấy chưa thể thực hiện được trong thời chiến. Năm 1968 ông chuyển về công tác ở Hội Nhà báo Việt Nam, là Ủy viên BCH Hội Nhà báo Việt Nam (khóa 3) cho đến lúc nghỉ hưu.

Vị Tổng Biên tập bình dị

Nhà báo Đinh Nho Khôi (1910 - 1988) sinh ra tại xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, một trong những vùng được coi là "đất học" của xứ Nghệ. Ngay trên ghế nhà trường, Đinh Nho Khôi đã tham gia phong trào yêu nước trong giới học sinh. Ông tìm đọc sách báo tiến bộ bằng tiếng Pháp, liên hệ với những nhà yêu nước, những nhà cách mạng và sớm giác ngộ...

Sinh thời, khi nhớ về người thủ trưởng đầu tiên của mình, nhà báo Hàm Châu kể với tôi: "Ông Khôi là người chân thành

đến chất phác, giản dị đến xuềnh xoàng. Xuềnh xoàng trong đời thường, nhưng ông "khó tính" trong nghề. Một bài báo viết ra, ông đọc đi sửa lại nhiều lần, cân nhắc từng ý, từng câu tỷ mỉ. Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện cho tôi biết: Thời trẻ, ông Khôi nổi tiếng "hay chữ", từng được cụ Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm, thân phụ bác sĩ Viện, mời làm gia sư để kèm cặp về tiếng Pháp. Thời Mặt trận Dân chủ Đông Dương, ông Khôi viết nhiều bài bằng tiếng Pháp trên các báo công khai của Đảng, do các nhà báo Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp lãnh đạo. Ông là một tấm gương lớn về đạo đức chí công vô tư mà tôi luôn kính trọng noi theo".

Trong ký ức nhà báo Doãn Chiêm, Tổng Biên tập Đinh Nho Khôi là "một người hiền khô, giản dị, không có cái bề ngoài hoạt bát nhưng rõ ra vẻ vững vàng, chín chắn". Là người được làm việc gần gũi với Tổng Biên tập Đinh Nho Khôi từ những ngày đầu thành lập báo, ông Doãn Chiêm nhớ lại: "Dạo ấy, lớp phóng viên trẻ chúng tôi từ các chiến trường trở về, từ khắp nơi được tập hợp lại, mỗi người có chút ít vốn liếng viết báo, làm thông tin... nhưng vẫn còn nhiều bỡ ngỡ trong việc làm tờ báo của một thành phố lớn và đa dạng vừa được giải phóng. Chưa ai có thể nói là đã có tay nghề. Nhìn vào đồng chí Tổng Biên tập của mình, được sự dìu dắt, giúp đỡ cụ thể trong công việc thực tế, ai nấy đều thấy yên tâm, vững bước. Căn phòng làm việc của đồng chí ở tầng hai tòa soạn đêm đêm sáng đèn đến tận khuya truyền cho chúng tôi một tình cảm gắn bó với sản phẩm tinh thần mình làm ra, sự tận tụy và lòng yêu nghề đến mức say mê".

Phó Tổng Biên tập, nhà báo Thanh Thủy cũng đồng tình: "Tổng Biên tập Đinh Nho Khôi là một chiến sĩ cách mạng lão thành, nhà báo kỳ cựu tận tụy với nghề, chân thành với đồng

nghiệp, thân ái với mọi nhân viên. Hầu như suốt ngày đồng chí chăm lo cho tờ báo, từ viết xã luận, đọc và chữa bài đến duyệt maket, ký "bông" in báo lúc nửa đêm rồi mới chịu đi nằm. Nếu có trục trặc gì cần giải quyết thì cứ gọi, khuya khoắt mấy ông cũng có mặt ngay".

Ông Khôi sống mẫu mực và giản dị. Đi công tác, anh phóng viên đi xe đạp thì Tổng Biên tập cũng đạp xe. Hồi cơ quan báo còn ở số 6 Hai Bà Trưng, gia đình ông được sắp xếp một phòng hơn 10m2 trên tầng 2, nóng như rang. Đến khi cơ quan chuyển về 44 Lê Thái Tổ, ông cũng chuyển gia đình về ở một phòng nhỏ trên tầng hai của tòa soạn. Khi ấy, Thành ủy đặt vấn đề cho ông một chỗ khá hơn, vậy mà ông chối đây đẩy, còn viện lý do: "Mình ở liền cơ quan báo để hễ có chuyện chi đêm hôm dễ bề trở tay".

Nhà báo Lê Việt viết mảng quốc tế nhận xét: "Làm việc bên ông, chúng tôi học tập được nhiều điều hữu ích đối với một người làm báo hằng ngày. Tính nhanh nhạy và làm việc cẩn trọng là hai tố chất nổi bật ở ông. Nhìn bề ngoài ông giống một nông dân đất Nghệ hơn là Tổng Biên tập một tờ báo lớn. Thường thì khoảng 1h30 sáng ông mới lui về phòng. Lắm đêm 4-5 giờ sáng ông Khôi mới về chợp mắt bởi ông có cái "bệnh" bao giờ cũng phải coi qua số báo ra ngày hôm sau còn thơm mùi mực in, thấy không có sai sót gì, mới chịu lui về. Ông sống công bằng, không thiên lệch với bất cứ người nào"...

Sau này, khi đã nghỉ hưu, hằng ngày ông Khôi vẫn đạp xe mấy cây số từ nhà ở Giảng Võ đến tòa soạn, đều đặn chăm chỉ như khi còn làm việc, xem tờ báo, gặp gỡ bạn bè cũ hoặc chị em phóng viên trẻ mới vào nghề, thân tình nói vài ba câu chuyện,

giống như người làm vườn cũ gắn bó với hàng cây, luống đất mình đã dành bao tâm huyết, công sức gieo hạt, vun trồng...

60 năm đã trôi qua kể từ ngày tờ Thủ đô, tiền thân của Báo Hànộimới do nhà báo Đinh Nho Khôi làm Tổng Biên tập ra đời, tờ báo Đảng của Thủ đô đã qua nhiều chặng đường phát triển và đang tiếp tục phát triển để làm tròn nhiệm vụ được giao. Thế hệ làm báo sau ông hiểu rằng những gì đạt được ngày hôm nay đều bắt nguồn từ những bước đi chập chững buổi ban đầu...".

19. Có một người họ Đinh thời nay như thế

Bài viết của Giáo sư Nguyễn Đình Chú, Đại học Sư phạm Hà Nội viết về cụ Đinh Xuân Vịnh, đời thứ 16 họ Đinh Nho đăng trong Kỷ yếu hội thảo *Nhà Đinh với sự nghiệp thống nhất và phát triển đất nước*. Hội thảo diễn ra ngày 7/1/2012 tại Khách sạn Hoa Lư, Ninh Bình, do Viện Lịch sử, UBND tỉnh Ninh Bình và Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam phối hợp tổ chức.

"Đã hai mươi ba năm rồi, kể từ ngày được trông thấy bản thảo công trình học thuật của cụ Đinh Xuân Vịnh thuộc dòng dõi họ Đinh ở Hương Sơn (Hà Tĩnh) bao đời nay vẫn nổi tiếng học giỏi ấn tượng về một hiện tượng lạ trong đời sống văn hóa của đất nước vẫn đeo đẳng, buộc tôi phải nghĩ nhiều điều, kể cả sự tự đối chiếu thầm lặng với chính mình, với cả nhiều đồng nghiệp của mình là những người vốn đã được cuộc đời xếp vào chức danh học vị, học hàm này khác mà hôm nay, tại cuộc hội thảo khoa học về *Họ Đinh với sự nghiệp thống nhất và phát triển đất nước*, tôi muốn được giới thiệu cùng quý vị.

Với tôi, nghĩ đến hiện tượng Đinh Xuân Vịnh, không thể không nghĩ đến cái gọi là chân giá trị của một nhân cách văn

hoá, một nhân cách khoa học và một con đường đã dẫn đến thành tựu khoa học kiểu Đinh Xuân Vịnh. Đúng là theo bảng giá trị quan phương và cũng là thông thường thì hầu như cụ Đinh Xuân Vịnh không là gì cả. Không phó tiến sĩ, tiến sĩ. Không phó giáo sư, giáo sư, viện sĩ. Không chuyên viên này khác. Đến cái bằng cử nhân (tốt nghiệp đại học), cái bằng tú tài (tốt nghiệp phổ thông trung học) cũng không! Bản lí lịch của cụ vẫn chỉ ghi: đậu điplôm năm 1934 tại trường Quốc học Vinh, tức là ngang với bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở hiện nay. Sau đó đi làm kiếm sống với cái chân thư kí tòa Công sứ Pháp ở tỉnh Nghệ An. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, làm cán bộ văn xã, Trưởng phòng hành chính Ủy ban hành chính tỉnh Nghệ An. Đến năm 1962 thì chuyển ra Hà Nội làm nhân viên văn thư tòa soạn Báo Khoa học thưởng thức. Tới năm 1974, nghỉ hưu với mức lương cán sự loại ba. Lai lịch của cụ Đinh Xuân Vịnh khiêm tốn, nếu không muốn nói là "thấp bé" như thế, nhưng cách đây hơn hai mươi năm cụ lại ra mắt người dân Việt Nam chúng ta trong và ngoài nước, kể cả với nhiều người nước ngoài, với tư cách là tác giả một công trình học thuật có bản thảo dày 0,6 mét, được báo chí đủ ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp hết lời ca ngợi, dư luận xã hội bái phục, nhiều bậc thức giả đến tham quan tỏ lòng kính nể, chương trình VKT của Đài Truyền hình Việt Nam trang trọng giới thiệu. Nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười (lúc đó còn là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) cho thư kí riêng hai lần tới tìm hiểu và có xem một phần bản thảo. Tôi đã đề nghị với thư kí riêng của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng là làm sao Chính phủ bỏ ra một số tiền mua lại bản thảo của cụ Vịnh rồi nhân bản để ở các thư viện cho độc giả tham khảo. Lời đề nghị đã được chấp nhận nhưng không may chưa gì vị thư kí riêng này đã qua đời. Sau đó, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam trao giải thưởng hạng Nhất (1994) và đưa vào

danh sách đề nghị Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh. Một hiện tượng như thế không là niềm vui lớn của đất nước, không là hiện tượng lạ sao?

Nói đến Đinh Xuân Vịnh, trước hết là nói đến một sự đam mê sách vở, học thuật. Từ thuở rời ghế trường Quốc học Vinh, cái tiếng đồn Đinh Xuân Vịnh mọt sách đã lan rộng. Bởi thế mà qua lời giới thiệu của người bạn là Phan Đăng Tài (em ruột của Phan Đăng Lưu và là thư kí tòa Công sứ Pháp ở Hà Tĩnh), Đinh Xuân Vịnh trở thành người "mọt sách" đọc, ghi giùm Ramadier (con trai thủ tướng Pháp Ramadier) lúc này là Phó Công sứ tỉnh Nghệ, đang chuẩn bị luận án tiến sĩ về Việt Nam học. Thời kháng chiến chống Pháp, sách vở hiếm, cụ Vịnh vẫn tìm đủ mọi cách để khỏi xa rời sách vở. Đặc biệt từ năm 1962 được chuyển ra Hà Nội làm văn thư Báo *Khoa học thường thức* có trụ sở gần hai thư viện lớn là Thư viện khoa học và Thư viện Quốc gia thì với cụ là như cá gặp nước, hổ về rừng. Cơ quan bố trí cho cụ một chỗ ở tập thể. Nhưng rất ít khi cụ về nhà.

Hằng ngày, cụ vẫn ăn cơm quán, ngủ ngay tại phòng làm việc, để tranh thủ ngoài giờ, đọc sách ở thư viện, ròng rã hàng chục năm trời như thế. Niềm say mê sách vở của cụ Vịnh lại đi đôi với một thói quen ghi chép, một tác phong nghiên cứu, tỉ mẩn, nghiêm túc cũng triền miên theo năm tháng. Ở tuổi 90, bệnh già đã không tha, mà hàng ngày cụ vẫn đọc, vẫn viết, vẫn chữa đi sửa lại, vẫn cắt cắt dán dán trên bản thảo công trình. Đúng là một trạng thái lao động trí tuệ đã thành bản năng không khác gì chuyện ăn ngủ, hô hấp. Cụ Vịnh còn được trời phú cho một trí nhớ không dễ có nhiều. Tôi đã nhiều lần trộm phép thử trí nhớ của cụ bằng cách hỏi xuất xứ tư liệu, hỏi lịch sử vấn đề thuộc mục từ này khác trong công trình của cụ, thì

đều được cụ trả lời ngay và đâu ra đấy, xứng đáng là pho từ điển sống. Tôi cũng nhiều lần nhờ cụ chỉ bảo cho điểm này điểm khác thuộc lĩnh vực địa lý, lịch sử Việt Nam, Trung Hoa, thế giới và sau khi được nghe trả lời, không thể không thèm khát cái trí nhớ kì lạ của cụ. Với trí nhớ này, cụ là người thông thạo tiếng Pháp đã đành mà còn có thể đọc sách tra cứu bằng những ngoại ngữ khác: Anh, Tây Ban Nha. Cụ rất ít nói, đặc biệt là rất ít nói về mình. Hơn nửa thế kỉ miệt mài học vấn và sản sinh ra một công trình đồ sộ là thế, nhưng nào có ai biết, ngoài vợ con trong gia đình, mà cũng theo cụ im lặng nốt. Buổi đầu, tình cờ được tiếp xúc với công trình của cụ, sau giây phút kinh ngạc, tôi hỏi: Cụ làm bộ sách này với mục đích gì? Cụ đáp: Chỉ biết thích thú mà làm. Tôi xin cụ nói rõ hơn. Cụ tiếp: Muốn thỏa niềm thích thú với văn hiến của nước nhà mà làm, muốn bắt chước các tiền nhân như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Trương Quốc Dụng, Đặng Xuân Bảng... và người đương thời như Nguyễn Văn Tố, Đào Duy Anh... mà làm. Tôi lại hỏi: Cụ có nghĩ đến việc xuất bản không? Cụ đáp: Chưa dám nghĩ tới. Tôi hiểu sự thầm lặng này của cụ Vịnh không chỉ là chuyện cá tính mà còn là sự tinh khiết của một nhân cách văn hóa lớn. Và nhân cách văn hóa đặc biệt này đã dựa trên cơ sở lòng yêu nước, yêu văn hiến dân tộc. Nhà thơ Huy Cận khi là Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, trong buổi họp xét đề nghị tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cho công trình của Đinh Xuân Vịnh vào dịp cuối năm 1995 đã nói một cách nồng nhiệt: "Với công trình này, cụ Vịnh không chỉ đáng ca ngợi, mà còn đáng tôn thờ", chính là vừa căn cứ vào thành tựu học thuật, vừa căn cứ vào nhân cách, động cơ học thuật của tác giả.

Công trình học thuật của cụ Đinh Xuân Vịnh hiện có là bản thảo tự chép tay lần thứ ba sau lần thứ nhất bị chiến tranh

làm thất lạc, lần thứ hai bị thời tiết làm hoen ố. Nó gồm 40 cuốn vở học trò khổ 19 x 27cm. Mỗi cuốn có 120 trang. Tổng số mục từ là khoảng 4 vạn và được chia làm 5 phần.

Phần I:

21 cuốn gồm những mục từ thuộc về địa lí Việt Nam và các nước trên thế giới có liên quan đến Việt Nam: Những mục từ về các tinh thể, hệ thống sao, mặt trời, quả đất, các hiện tượng thiên nhiên, thời tiết, bốn mùa, các tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã, thôn ấp (với vị trí, địa giới thay đổi qua các thời kì lịch sử), các núi non, cao nguyên, thung lũng, rừng, chằm, phá, ao, hồ, đầm, các cửa bể, các bình nguyên, thảo nguyên, đèo, lèn, các đảo, các điểm dân cư, thị trấn, thị xã, thành phố, kinh đô, thủ đô, các nông trường, ngư trường, lâm trường, các trạm tiếp sứ, các chợ, các trường học, các đường giao thông, các quán xá, khách sạn, xe lửa, hầm xe lửa, các đường ô tô, các sông ngòi, đê đập, cống thủy lợi, các bến cảng, bến đò, các sân bay, các di tích văn hoá, khảo cổ, các đền chùa, nhà thờ, đạo quán, lăng miếu, am tháp, các bệnh viện chung, các bệnh viện chuyên môn, các chiến trường, các trận đánh...

Phần II:

15 cuốn gồm những mục từ về lịch sử Việt Nam, về các đơn vị hành chính phụ thuộc, các nước trong thời cổ đại, các tổ chức chính trị (đảng phái, hội kín), quân sự (các khối phòng thủ xâm lược), tôn giáo, kinh tế (các trớt, công ty, xí nghiệp), văn hóa, các trường học cổ có tiếng, các trường đại học ngày nay, các Viện Hàn lâm, các hội khoa học, thư viện, bảo tàng, báo chí, thông tấn xã, các giải thưởng quốc tế, các hội hè, lễ tết, các huân chương, bội tinh, các tác phẩm văn học, nghệ thuật,

mĩ thuật, kĩ thuật các hình thức vui chơi giải trí, chèo, hát, ca múa, các cuộc đua thể dục thể thao, các kì thi hương, thi hội, thi đình, thi võ cử, bác cử, tạo sĩ, tiến sĩ võ, các vị đại khoa, các vua chúa, các triều đại, các hậu phi, công chúa, phò mã, các bậc hiền triết, các văn thần, võ tướng, các sứ thần, các quan lại nước ngoài cai trị nước ta thời Bắc thuộc, Pháp thuộc, các nhà hàng hải, các nhà khoa học, các giáo sĩ, tăng ni, đạo sĩ, Phật đồ, các tổ sư nghề truyền thống, các hiệp ước, công ước quốc tế...

Phần III:

3 cuốn gồm những mục từ về tài nguyên, sản vật, thực vật, động vật, khoáng vật của Việt Nam và Đông Dương (trong số đó có lịch sử phân bố di chuyển, nhập nội giống của ai, thời kì nào), các mỏ, các suối khoáng, các sản phẩm quê hương, các nghề truyền thống (xay xáo, đan lát, mây tre, chạm tiện, làm kiệu lọng, giầy dép, bút giấy, nón mũ).

Phần IV:

1 cuốn có tính chất phụ lục gồm các bảng thống kê danh sách các loại tiền tệ, các đơn vị đo lường cũ và mới ở Việt Nam, Trung Quốc, Anh, Pháp, Mỹ, các ngôn ngữ, các dân tộc trên thế giới, các nước ra đời sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, các nước đang đấu tranh giành độc lập dân tộc, các vương quốc hiện nay: danh sách các hoàng đế Trung Hoa, các vua Việt Nam, Lào, Chiêm Thành, Chân Lạp, danh sách các giáo hoàng, các sứ thần Trung Quốc sang đất nước ta từ đời thuộc Hán đến đời Nguyễn; danh sách các quan lại Trung Hoa sang cai trị nước ta gồm các thái thú, thứ sứ, đô hộ, tổng quản, tiết độ sứ, danh sách các quan lại Pháp đô hộ nước ta gồm các đô đốc, thống đốc, toàn quyền, tổng sứ, khâm sứ, thống sứ, công sứ, tổng cao

ủy, cao ủy, bảng thống kê các sáng kiến phát minh của nhân loại từ khi có văn minh đến nay, các sự kiện chính trị quân sự, kinh tế, quan trọng của thế giới và Việt Nam.

Phần V:

Gồm khoảng 50 bản đồ trong đó có bản đồ thế giới qua các thời kì phát kiến địa lí, bản đồ Việt Nam và các nước phụ cận, bản đồ phân chia các đơn vị hành chính (lộ, trấn, tỉnh, phủ, huyện), bản đồ các cuộc xâm lăng lớn, bản đồ các thành trì ở Việt Nam, bản đồ sứ thần Việt Nam sang Trung Hoa ở đời Lê và đời Nguyễn. Cụ Đinh đã từng thi vào trường Mỹ thuật Việt Nam sau khi đậu Đilốp nhưng không đạt.

Ngoài 5 phần nội dung trên, có phần thư mục tham khảo dày 36 trang trong đó gồm 435 sách tiếng Pháp, Anh, Tây Ban Nha, 52 sách chữ Hán do người Pháp dịch, 206 sách tiếng Việt, 15 cuốn từ điển các loại, 11 bản đồ xưa và một khối lượng báo chí trong và ngoài nước rất lớn. Với nội dung ấy, công trình đã được tác giả đặt tên là ***Việt Nam trong lòng thế giới***. Cái tên ***Việt Nam Văn Hiến*** (tên công trình được nhận Giải thưởng hạng Nhất của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam năm 1994) là sau khi đã tạm gác ra ngoài phần những mục từ phạm vi thế giới. ***Việt Nam trong lòng thế giới*** là những gì thuộc về Việt Nam, nhưng còn là những gì thuộc về thế giới có liên quan đến Việt Nam, và cả những gì mà người Việt Nam có văn hóa cần biết về thế giới. Tôi tôn trọng ý đồ đó mà cụ Đinh Xuân Vịnh đã đeo đuổi từ đầu đến nay với công trình của mình. Vấn đề là công trình này thuộc loại hình gì? Không ít bài viết đã xem nó là tự điển bách khoa. Tôi e cách gọi này ít nhiều gây ngộ nhận, thậm chí là nghi ngờ. Bởi từ điển bách khoa đòi hỏi "tính bách khoa" phức tạp hơn, tính hệ thống cao hơn và phải do một đội ngũ

đông đảo các nhà khoa học thực hiện mới có. Một người dù có trí thức uyên thâm, quảng bác đến đâu, cũng khó lòng kham nổi một bộ từ điển bách khoa.

Với tôi, dẫu thấy công trình của cụ Đinh Xuân Vịnh có nội dung đa ngành nhưng vẫn muốn định dành cho nó là một dạng Kiến văn đại tiểu lục. Nó gần gũi với loại hình sách Kiến văn đại tiểu lục của Lê Quý Đôn ngày trước nhưng khối lượng lớn hơn nhiều. Vậy chất lượng khoa học của nó là như thế nào? Đây hẳn là điều mọi người quan tâm nhất. Nhưng trước mắt lại chưa dễ gì có lời đáp đầy đủ ngay bởi chưa qua sự thẩm định của một hội đồng khoa học qui mô nào cả, Chúng ta thử tưởng tượng, với một công trình tư nhân dày hơn nửa mét với 4 vạn mục từ như thế, làm thế nào để đi qua cửa ải thẩm định được. Kinh phí đánh máy và nhân bản, kinh phí chi tiêu cho hội đồng thẩm định, chắc chắn là khá lớn, lấy đâu ra? Giả thử có cơ quan nào đó tài trợ để thẩm định tài liệu hội đồng gồm bao nhiêu người để đọc đủ nội dung đa ngành của công trình và mỗi thành viên sẽ đọc trong bao lâu để có thể thẩm định? Tất cả sự khó khăn này xét cho cùng là bởi tính chất quá đồ sộ của công trình gây nên mặc dù sự đồ sộ chính là nguồn hấp dẫn lớn của nó. Vấn đề là không thể để công trình bị mai một. Mai một là phí cả một đời lao động học thuật nghiêm túc, tâm huyết của cụ Vịnh nhưng cũng còn phí cho nền văn hóa Việt Nam đã để mất một tài sản quý báu. Nhưng cách xử sự thế nào cho tốt cũng là điều không dễ.

Nhiều nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đã biết đến và tỏ thái độ quan tâm bằng cách giao cho một vài cơ quan xem xét. Báo chí đã nhiều lần đưa tin nhưng cho đến nay vẫn chưa có kết quả cụ thể. Trong khi đó, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam và Đại học Quốc gia Hà Nội đã tỏ ra giàu nhiệt

tâm với việc bảo vệ giá trị văn hóa học thuật này. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam qua việc thẩm định (có giới hạn) đã trao Giải thưởng hạng Nhất cho công trình Đinh Xuân Vịnh như đã nói trên. Tiếp đó hội còn thành lập Hội đồng phát hiện và bảo trợ tác giả tác phẩm (trực thuộc Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam) và chủ trương trước mắt ưu tiên bảo trợ công trình của cụ Đinh Xuân Vịnh. Quyết tâm của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam và Đại học Quốc gia Hà Nội là làm sao sớm cho ra mắt bạn đọc một phần dù là nhỏ trong công trình của cụ Đinh Xuân Vịnh. Kết quả, một phần thuộc lãnh vực địa lý Việt Nam, của tác giả Đinh Xuân Vịnh đã ra mắt bạn đọc với nhan đề: *Sổ tay địa lý Việt Nam* dày trên 600 trang vào năm 1994. Chính phủ cũng đã tặng tác giả Đinh Xuân Vịnh Huân chương Lao động hạng Ba. Chỉ tiếc là hiện nay số phận công trình đồ sộ của một đời người này không chừng sẽ bị mai một. Và tác giả của nó thì đã ở tuổi gần 100, đang chuẩn bị về với tổ tiên họ Đinh."

20. Nhớ về Thủ trưởng Đinh Nho Liêm

Bài viết của ông Trịnh Đình Hùng (Phó Vụ trưởng Vụ châu Âu, Bộ Ngoại giao đăng trên trang điện tử *Thế giới & Việt Nam* (baoquocte.vn) ngày 09/11/2008 viết về cụ Đinh Nho Liêm, đời thứ 16.

"Ông Đinh Nho Liêm thuộc thế hệ cán bộ lão thành của Bộ. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, ông tham gia "Tiểu ban Việt Nam" là một đơn vị đặc biệt trong Bộ Ngoại giao chuyên lo vấn đề giải pháp (giải pháp đấu tranh với Mỹ trong cục diện 'vừa đánh vừa đàm' nhằm chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam) sau đổi thành Vụ II mà Vụ trưởng là đồng chí Phan Hiền và Thứ trưởng phụ trách là đồng chí Nguyễn Cơ Thạch. Sau khi kết thúc chiến tranh, ông làm Tổng Lãnh sự ở

Ai Cập, Ấn Độ, làm Đại sứ ở Lào, ở Liên Xô, Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ về bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, Thứ trưởng, rồi Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao.

Kỷ niệm sâu sắc nhất của tôi với ông Đinh Nho Liêm là thời gian ông làm Đại sứ ở Liên Xô (1982 - 1986), và tôi làm tuỳ viên, thường phải phiên dịch không chỉ cho Đại sứ mà cả cho các đoàn cấp cao trong nước sang. Đó là một giai đoạn sôi nổi, đầy ắp những sự kiện trong quan hệ Việt – Xô. Đối với Việt Nam, Liên Xô khi ấy là đồng minh số một, chỗ dựa chủ yếu cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của ta trong bối cảnh nước ta bên trong thì gặp muôn vàn khó khăn, bên ngoài thì bị bao vây, cấm vận.

Là ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, ông Đinh Nho Liêm được cử đi làm Đại sứ ở Liên Xô, làm nhiệm vụ củng cố và thúc đẩy mối quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô trong một giai đoạn ta đang cần sự hợp tác và giúp đỡ của Liên Xô về mọi mặt. Một phần lớn quan hệ hợp tác của các ngành trong nước với quốc tế đều qua đầu mối là Đại sứ quán ta tại Moscow. Thậm chí các đoàn đi công tác các nước cũng thường qua Moscow.

Đất nước trong những năm ấy vô cùng khó khăn, nên ngoại giao cũng phải triệt để tiết kiệm. Các Sứ quán ở nước ngoài chỉ được duyệt kinh phí tổ chức chiêu đãi Quốc khánh vào năm chẵn (tức là 5 năm 1 lần). Mỗi chuyến đi công tác nước ngoài lúc đó của Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch là mở cửa, phá vây; nhưng ông thường chỉ mang theo 2 đến 3 cán bộ, còn bản thân ông hầu như bao giờ cũng đi vé hạng "Economy".

Là phiên dịch, tôi thường xuyên tháp tùng Đại sứ Đinh Nho Liêm đến những nơi cao cấp, sang trọng. Tuy nhiên, đi với ông, tôi có cảm giác những vui thú đời thường mà cuộc đời làm

ngoại giao có thể mang lại không hề làm ông xao xuyến. Dù ngồi trước 'mâm cao cỗ đầy' hay bên bàn đàm phán, trong ông vẫn luôn đau đáu những khó khăn đất nước và nỗi lo thường trực làm sao hoàn thành nhiệm vụ.

Là một cán bộ lãnh đạo nghiêm khắc, đã từng là Thứ trưởng phụ trách công tác cán bộ, ông Đinh Nho Liêm cũng là người nhân hậu, day dứt trước mọi biểu hiện mất đoàn kết nội bộ hoặc chủ nghĩa cá nhân. Ông quý trọng cán bộ, coi bồi dưỡng đạo đức và học tập là gốc của tiến bộ. Kể cả khi tôi không làm với ông và khi tôi gặp khó khăn trên đường công tác, ông vẫn ân cần, thông cảm, và tin tưởng rằng tôi sẽ còn đóng góp được cho công tác. Là một con người nho nhã, đọc nhiều, nhưng tính ông cũng hay nóng vội, cũng vì xuất phát từ mong muốn mọi công việc cần phải được làm ngay!

Một người thầy luôn muốn cầm tay bảo ban cán bộ, một thủ trưởng chân thành, có thiện ý, gương mẫu với tập thể bằng tấm gương thanh bạch, mực thước và khắc khổ của bản thân mình - đó là hình ảnh của Bác Liêm đọng lại trong tâm trí tôi. Xin viết những dòng này để tri ân một con người có đạo đức lớn đã dìu dắt tôi trên chặng đầu của con đường ngoại giao mà tôi đã có may mắn được gặp, như nén hương tưởng nhớ và vĩnh biệt một Thủ trưởng cũ, một người thầy."

21. Những ký ức khó phai về Nhà báo Đinh Nho Liêm

Bài viết của tác giả Phan Thế Cải đăng trên trang điện tử *Báo Hà Tĩnh* ngày 29/07/2022 viết về cụ Đinh Nho Liêm, là người họ Đinh Nho nhánh họ xã Sơn Tân (không phải Cụ Đinh Nho Liêm Thứ trưởng Bộ Ngoại giao được nhắc đến ở phần trên). Cụ là bố đẻ Tiến sĩ, Nhà thơ Đinh Nho Tuấn (sẽ được nhắc đến ở phần sau.

"Mới đó đã một thập kỷ kể từ ngày nhà báo Đinh Nho Liêm gửi hồn về cùng mây trắng. Mỗi lần ra thắp nén hương trên mộ ông, bao nhiêu kỷ niệm sâu sắc về vị Tổng Biên tập đáng kính lại ùa về trong ký ức. Tôi thực sự cảm phục ông - một đảng viên cộng sản mẫu mực, luôn trau dồi đức tính 'cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư'.

Ông Đinh Nho Liêm sinh ngày 14/7/1935 tại xã Sơn Tân, huyện Hương Sơn (nay là xã Tân Mỹ Hà). Năm 22 tuổi, ông làm giáo viên dạy Văn Cấp 2 phổ thông. Năm 1960, ông vinh dự được kết nạp Đảng, sau đó được đề bạt làm hiệu trưởng của một trường học.

Tháng 9 năm 1962, Báo Hà Tĩnh thành lập, ông được đồng chí Võ Trọng Cúc - Tổng Biên tập ngỏ lời với ngành giáo dục đưa về làm báo Đảng. Ông được tòa soạn gửi đi đào tạo cấp tốc khóa ngắn ngày tại Trường Tuyên huấn Trung ương và trở thành phóng viên. Với trái tim tuổi trẻ đầy nhiệt huyết, ông như chiếc đèn cù xoay tít theo nhịp tháng ngày công việc tòa soạn phân công.

Tôi đã từng được nghe ông Liêm kể về một thời làm báo đầy gian khổ, khốc liệt. Ngày 5/8/1964, giặc Mỹ đưa máy bay ra ném bom đánh phá miền Bắc. Thành phố Vinh (Nghệ An) và Bến Thủy bị giặc Mỹ tàn phá đầu tiên. Tòa soạn *Báo Hà Tĩnh* phải sơ tán về xã Thạch Lưu (nay là xã Lưu Vĩnh Sơn), huyện Thạch Hà nên phóng viên và cán bộ đành ở trọ trong nhà dân.

Với khí thế hừng hực 'Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược', nhà báo Đinh Nho Liêm đã không ngại hiểm nguy, ở đâu có bộ đội và dân quân bắn máy bay rơi, ở đấy ông đều có mặt để đưa tin chiến thắng. Từ Bến Thủy đến Đèo Ngang, 'tọa độ lửa'

nào cũng có dấu chân ông và đồng nghiệp. Cực nhất là giữa trời tháng Năm gió lào bỏng rát, ông một mình với chiếc 'xe đạp Liên Xô' trên hành trình cả trăm cây số để đưa tin, viết bài kịp thời. Bên ngọn đèn ống nứa leo lét, ông viết bài *Tiếng gọi trả thù* mà nước mắt chảy xuống trang giấy, khi máy bay giặc Mỹ tàn sát 33 em học sinh Trường Cấp 2 Hương Phúc (Hương Khê). Bài viết ấy, chương trình thời sự của Đài Tiếng nói Việt Nam đưa ngay lên sóng, với giọng đọc của phát thanh viên Tuyết Mai đã khiến hàng triệu nhân dân cả nước nghẹn ngào.

Với sự xông xáo, đam mê nghề nghiệp lại là người mẫu mực về nhân cách, nhà báo Đinh Nho Liêm đã được Tổng Biên tập Trần Văn Trạc bồi dưỡng thành 'lãnh đạo nguồn' của báo. Năm 35 tuổi, ông được tập thể tín nhiệm, được Tỉnh ủy đề bạt giữ chức Phó Tổng Biên tập *Báo Hà Tĩnh*.

Năm 1976, Báo Hà Tĩnh sáp nhập với Báo Nghệ An thành Báo Nghệ Tĩnh. Ông Đinh Nho Liêm và ông Nguyễn Hường giữ chức Phó Tổng Biên tập.

Thời điểm đó, đời sống nhân dân và cán bộ vẫn còn nhiều khó khăn. Hoàn cảnh ông Liêm lại vất vả hơn nhiều anh em khác trong cơ quan khi cả gia đình tá túc trong ngôi nhà ngói xập xệ 2 gian của tòa soạn ở thôn Phong Toàn, xã Hưng Dũng (nay là phường Hưng Dũng, TP Vinh). Biết hoàn cảnh ông gieo neo nên nhiều đồng nghiệp đã chia sẻ cùng, khi thì mua giúp con lợn giống giá rẻ, khi thì mua giúp dăm lượng thịt bằng tem phiếu. Trước tình cảm của đồng nghiệp, ông Đinh Nho Liêm lại càng gắng sức để vừa làm tốt thiên chức 'trụ cột' trong gia đình, vừa làm tốt nhiệm vụ của người quản lý cơ quan.

Ông Đinh Nho Liêm sống giản dị và rất khiêm tốn, luôn thượng tôn pháp luật, lấy 'phép công là trọng'. Thời kỳ làm

Tổng Biên tập *Báo Nghệ Tĩnh*, ông thường xuyên rèn luyện đạo đức cho phóng viên trong tòa soạn. Tôi nhớ có 2 phóng viên bị cơ quan thi hành kỷ luật và chuyển đổi công tác vì hành vi thiếu trung thực và sách nhiễu cơ sở trong quá trình tác nghiệp. Đặc biệt, ông tập trung chỉ đạo nâng cao sức chiến đấu của Đảng trong phê bình và tự phê bình. Các đảng viên trong tháng, nếu có vi phạm khuyết điểm đều được đưa ra kiểm điểm nghiêm túc, tập thể góp ý rất thẳng thắn, chỉ rõ những sai phạm. Vừa chăm lo xây dựng Đảng, vừa chăm lo xây dựng tổ chức công đoàn, ông Liêm xác định 'Muốn công đoàn là mái nhà chung, phải thường xuyên quan tâm nâng cao đời sống cho anh em trong đơn vị'.

Vào những năm 1987 - 1990, trong bối cảnh Nghệ Tĩnh thiếu lương thực nghiêm trọng, ông Liêm đã bàn bạc với cán bộ công đoàn cơ quan tổ chức làm dịch vụ in lưới và cử anh Nguyễn Ngọc Cương vốn là thợ kỹ thuật giỏi vào Sài Gòn mua máy, rồi đứng ra thành lập một nhóm khoảng 5 người làm. Họa sĩ Minh Thông ngoài việc trang trí mặt báo hằng ngày, đêm về còn tranh thủ thiết kế cho in lưới. Mặt khác, cử anh Lê Huy Lạp - Chánh Văn phòng năng động vào tận Sài Gòn để mua gạo cho anh em. Từ tiền lãi, dịch vụ hằng tháng được cơ quan chia đều cho mọi người và số gạo ở Sài Gòn được vận chuyển về kịp thời, các phóng viên và cán bộ đã yên tâm hơn trong công tác.

Tháng 5 năm 1987, hưởng ứng 'Những việc cần làm ngay' do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh khởi xướng, ông đã đề nghị lãnh đạo tỉnh và Bộ Văn hóa, thể thao cho xuất bản tờ *Nghệ Tĩnh cuối tuần*. Đây là tờ báo gây dấu ấn nhất trong lịch sử *Báo Nghệ Tĩnh*, thu hút bạn đọc bằng những nguồn tin nóng và những bài phóng sự điều tra công phu khi viết về các vụ việc tiêu cực điển hình thời kỳ ấy.

Tháng 9 năm 1991, theo chủ trương của Trung ương, tỉnh Nghệ Tĩnh được tách lại thành 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Quay về bến cũ với bao khó khăn chồng chất không kém gì buổi nhập tỉnh, thế nhưng, Tổng Biên tập Đinh Nho Liêm vẫn vững vàng chèo lái đưa tờ báo vượt qua những tháng ngày gian khó với những bài báo, bài thơ chứa chan tình người sâu lắng. Có thể kể đến bài thơ *Mai em về Hà Tĩnh* với những câu từ tha thiết: '*Mai em về Hà Tĩnh/ Anh ở lại Nghệ An/ Dòng sông La - sông Lam/ Rung giây đàn - một nhịp*' đã được nhạc sĩ Trần Hoàn phổ nhạc, sau đó thu thanh và phát trên sóng *Đài Tiếng nói Việt Nam*, thu hút nhiều khán thính giả.

Còn nhiều chuyện về người Tổng Biên tập đáng kính này mà tôi không thể nào kể hết, bởi ông là người luôn 'mình vì mọi người'. Bao nhiêu thế hệ được ông bồi dưỡng kèm cặp đã trở thành Tổng Biên tập *Báo Hà Tĩnh* sau đó như: Nguyễn Quốc Khanh, Lê Hữu Quý. 2 phóng viên trẻ được ông tuyển dụng năm xưa là Nghiêm Sỹ Đống và Phan Tấn Linh giờ là Bí thư Huyện ủy Can Lộc và Nghi Xuân.

Trên hành trình 6 thập kỷ phát triển của *Báo Hà Tĩnh*, chắc hẳn trong đồng nghiệp và những người bạn thân tình của ông hiện vẫn luôn hoài niệm về một vị tổng biên tập có nhân cách lớn."

22. Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân Đinh Xuân Lâm: Con người và sự nghiệp

Bài viết của hai tác giả Thanh Hà, Trần Minh đăng trên trang điện tử Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, ngày 22/11/2021 viết về Giáo sư Đinh Xuân Lâm (1925 - 2017), người họ Đinh Nho chi nhánh xã Sơn Tân. Do đến nay không rõ vị tiên tổ nào từ họ Đinh Nho

ở An Ấp (xã An Hoà Thịnh ngày nay) sang Xa Lang (xã Sơn Tân) nên không biết Cụ Đinh Xuân Lâm tương ứng với đời thứ bao nhiêu của dòng họ đại tôn.

Hội thảo "GS.NGND Đinh Xuân Lâm: Con người và sự nghiệp do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và Hội khoa học Lịch sử phối hợp tổ chức vừa qua (20/11) nhằm tổng kết di sản đồ sộ của GS. Đinh Xuân Lâm trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử, đánh giá sức sống và sự lan tỏa của những di sản này trong nhiều thế hệ những người học tập, nghiên cứu và yêu mến lịch sử dân tộc. Hội thảo cũng là nơi nhiều thế hệ học trò chia sẻ những hồi ức cùng tình cảm kính trọng, yêu mến đối với một trong những nhà giáo tài năng, đức độ của Khoa Lịch sử.

GS.NGND Đinh Xuân Lâm (1925 - 2017) sinh tại xã Sơn Tân (nay là xã Tân Mỹ Hà), huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh trong một gia đình quan lại triều Nguyễn. Ông bắt đầu làm nghề dạy học (bậc Trung học) từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm, Văn khoa, năm 1956, GS. Đinh Xuân Lâm được giữ lại trường làm công tác giảng dạy tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Ông được coi là một trong những nhà sử học khai khoa, góp phần xây nền đắp móng và phát triển nền Sử học cách mạng Việt Nam từ sau khi hòa bình lập lại trên miền Bắc năm 1954. Trong quá trình nghiên cứu kéo dài gần 6 thập kỷ từ cuối những năm 1950 cho đến trước khi mất, ông đã để lại di sản gồm hàng trăm công trình nghiên cứu thuộc nhiều thể loại khác nhau.

GS. Đinh Xuân Lâm có nhiều đóng góp cho việc xây dựng Bộ môn *Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam* của Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội

và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) trên cương vị Chủ nhiệm Bộ môn trong suốt 30 năm; là Phó chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam khóa IV, Chủ tịch Hội đồng khoa học Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam.

Với đức độ và tài năng sư phạm, Giáo sư được đồng nghiệp và các thế hệ học trò mến mộ, tôn vinh là một trong bốn thành viên của bộ "Tứ trụ" huyền thoại của khoa Lịch sử (cùng với GS.NGND Phan Huy Lê, GS.NGND Hà Văn Tấn, GS.NGUT Trần Quốc Vượng). Trong 45 năm đứng trên bục giảng, ông đã trực tiếp truyền dạy, hướng dẫn và góp phần đào tạo hàng ngàn sinh viên, hàng trăm học viên thạc sĩ và nghiên cứu sinh tiến sĩ của cả Việt Nam và nước ngoài, trong đó có nhiều người đã trở thành những nhà khoa học uy tín, nhà lãnh đạo quản lý đứng đầu nhiều bộ, ngành, địa phương; một số lưu học sinh ngoại quốc đã trở thành các nhà ngoại giao, nhà Việt Nam học nổi tiếng thế giới.

Không chỉ là một nhà giáo tâm huyết, tài ba, GS. Đinh Xuân Lâm còn là một nhà khoa học xuất sắc với sự say mê khoa học hiếm thấy. Chỉ sau một năm ra trường, đến năm 1957, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ của nhà sử học Trần Văn Giàu, ông đã hoàn thành công trình đầu tay Lịch sử Việt Nam thời kỳ 1897 - 1914 (Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội). Kể từ đó đến năm 2015, nhà nghiên cứu Đinh Xuân Lâm vẫn miệt mài nghiên cứu và công bố trên 570 công trình khác nhau dưới dạng sách chuyên khảo, tham khảo, chuyên luận, bài báo khoa học, giới thiệu tư liệu và phê bình sách... Các công trình nghiên cứu của GS. Đinh Xuân Lâm chủ yếu tập trung vào các vấn đề của *Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại* như: *Phong trào vũ trang chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, về Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam, về xu hướng cải cách trong lịch sử Việt Nam...*

Theo GS.NGND Nguyễn Văn Khánh (nguyên Bí thư Đảng ủy, nguyên Hiệu trưởng Trường ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội), đọc Danh mục xuất bản phẩm của ông, mới chỉ xét ở khía cạnh số lượng, người ta cũng không khỏi ngạc nhiên về sức viết và năng lực sáng tạo hiếm thấy của một nhà giáo - nhà khoa học xuất sắc, nhất là sau khi được nghỉ hưu. Nếu trong 33 năm công tác ở đại học, số công trình của ông là 185, trung bình 5,6 bài/năm, thì sau khi nghỉ hưu (năm 1990), ở độ tuổi 70, 80, ông còn công bố nhiều ấn phẩm hơn so với thời gian còn đi dạy học. Tính từ năm 1991 đến 2016, tức trong 26 năm sau khi về hưu, ông đã cho công bố 377 công trình và bài viết, trung bình mỗi năm xuất bản gần 15 công trình, bài viết. Đó là một thành quả đặc biệt xuất sắc, thuộc vị trí đỉnh cao mà rất ít người trong giới khoa học có thể đạt được.

'Không chỉ có khối lượng công trình đồ sộ, chủng loại đa dạng, các công trình xuất bản của GS. Đinh Xuân Lâm còn có cách trình bày nhuần nhị và sức lôi cuốn lớn đối với người đọc. Nhờ khả năng cập nhật về tư liệu, sử dụng tinh thông các phương pháp nghiên cứu, GS. Đinh Xuân Lâm đã có nhiều đóng góp xuất sắc trong nghiên cứu lịch sử dân tộc, nhất là giai đoạn lịch sử Việt Nam cận - hiện đại. Là một sử gia có tinh thần đổi mới và dấn thân, GS. Đinh Xuân Lâm không ngần ngại điều chỉnh nhận thức, thậm chí thay đổi quan điểm. Từ góc độ chuyên môn của mình, ông đã luôn ủng hộ và nêu cao tư duy đổi mới trong nghiên cứu lịch sử. GS. Đinh Xuân Lâm cũng là một trong những người đi đầu trong thực hành đổi mới công tác nghiên cứu lịch sử, từ đổi mới cách tiếp cận, tìm tòi các nguồn tư liệu mới đến thường xuyên cập nhật các lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu lịch sử' - GS.NGND Nguyễn Văn Khánh nhận định.

PGS.TS Trần Đức Cường - Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam nhìn nhận: 'GS. Đinh Xuân Lâm là một trong những hội viên nòng cốt của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam ngay từ khi Hội được thành lập. Từ khóa III (1994 - 1999) đến khóa VI (2010 - 2015), GS. Đinh Xuân Lâm là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Trong các khóa V (2005 - 2010) và VI (2010 - 2015), GS. Đinh Xuân Lâm là Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Trong suốt thời gian tham gia Ban Chấp hành và nhất là trên cương vị Phó Chủ tịch, GS. Đinh Xuân Lâm đã phối hợp chặt chẽ với GS.NGND Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội và các thành viên khác trong Ban Chấp hành chú trọng các hoạt động học thuật, đẩy mạnh công tác chuyên môn và quảng bá các kết quả nghiên cứu mới nhất của Sử học Việt Nam, đặc biệt từ khi đất nước bước vào công cuộc Đổi mới. Giáo sư Đinh Xuân Lâm đã tích cực viết bài, góp phần tạo nên diện mạo khoa học cho Tạp chí *Xưa và Nay*, cơ quan ngôn luận của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Nhiều bài của Giáo sư có sức thu hút bạn đọc trong và ngoài nước, thể hiện sự tâm huyết với nhiều vấn đề lịch sử.'

GS.NGND. Vũ Dương Ninh, cựu sinh viên khóa I Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nguyên Chủ nhiệm Khoa Quốc tế học chia sẻ: 'Điều may mắn lớn nhất là được đi theo thầy (GS. Đinh Xuân Lâm) suốt một năm ở Madagascar. Trong thời gian dạy ở đây, thầy chỉ dạy vài buổi thôi mà dư luận ở đó rất sôi nổi. Người ta bàn luận nhiều về ông giáo sư Việt Nam. Họ ngạc nhiên về sự hiểu biết lớn và sâu sắc của thầy về đất nước của họ. Khi giảng dạy, thầy gắn kết được những vấn đề của lịch sử Việt Nam với lịch sử Madagascar mà mối gắn kết giữa Nguyễn Ái Quốc với nhà yêu nước

Ralaimongo đã thành biểu tượng giữa hai đất nước; đem đến cho họ phương pháp nghiên cứu về các cuộc khởi nghĩa của Madagascar... Ảnh hưởng của thầy tạo ra là rất sâu sắc. Sinh viên bày tỏ sự kính phục đối với sự hiểu biết, phương pháp và phong cách của thầy. Có thể thấy, không chỉ là một bậc trưởng lão mở đường cho ngành lịch sử Việt Nam, GS. Đinh Xuân Lâm còn là một thầy giáo rất có kiến thức, phương pháp uyên bác nhưng lại bình dị, gần gũi với học trò.'

GS.TS.NGƯT. Phùng Hữu Phú (nguyên Bí thư Đảng ủy, nguyên Hiệu trưởng Trường ĐHKHXH&NV, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương) kể lại kỷ niệm về GS. Đinh Xuân Lâm với tình cảm trân trọng: 'Thầy là người đầu tiên dẫn dắt tôi làm khoa học. Công ơn của thầy là rất lớn. Tôi gọi thầy là một nhà bác học bình dân. Cụ sinh trong một gia đình khá giả, nhưng sống rất bình dị, đạp xe tới trường. Bao giờ thầy cũng thăm anh em cán bộ trẻ trong ký túc, sống gần gũi ân tình như người cha, người ông. Các thế hệ học trò chúng tôi đều là những dòng sông nhỏ mà chính thế hệ các thầy đã khơi sáng bằng tâm đức của mình.'

Nhà sử học Dương Trung Quốc nhấn mạnh đến sự cần thiết phải chia sẻ và nhân lên những giá trị mà thế hệ các nhà khoa học đầu ngành như GS. Đinh Xuân Lâm để lại cho thế hệ sau: Tất cả chúng ta đều đang nói về một ông thầy của các thầy, với di sản rất đồ sộ không chỉ về tri thức mà quan trọng hơn là cả là về nhân cách. Thầy rất mực thước, luôn thẳng thắn nói rõ quan điểm của mình nhưng không cực đoan. Thầy đã đóng góp rất nhiều vào việc quảng bí tri thức ngành sử. Thế hệ của thầy là một thế hệ vàng, thế hệ được tiếp nhận học vấn cơ bản trong nước, cùng với được tiếp nhận nền giáo dục của văn minh Pháp, cộng hưởng với lòng khao khát của người trí thức từng

sống trong giai đoạn mất nước. Bên cạnh việc học những kiến thức từ thầy, chúng ta nên hướng tới những giá trị mà thầy để lại và truyền lại cho các thế hệ sau."

23. Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ

23.1. Cuộc đời và sự nghiệp

Sẽ thật là thiếu sót nếu không viết thêm vài dòng về vị tộc trưởng đáng kính đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ (1937 - 2022).

Thân sinh cụ Đinh Nho Quỳ là Tộc trưởng đời thứ 17 Đinh Nho Liên (1905 - 1946). Cụ Đinh Nho Liên sinh sống và làm việc tại Quảng Nam, cụ bà người Quảng Ngãi.

Năm cụ Đinh Nho Quỳ được 3 tuổi thì bà nội cụ nhất quyết lặn lội vào Nam đón cụ về nuôi. Lý do chính là để tiếp nối công việc hương khói tổ tiên. Cảnh nhà neo đơn hai ông bà già và một cháu nhỏ, cuộc sống lúc đó vô cùng khó khăn trong cảnh khó khăn chung của toàn xã hội.

Năm chúng tôi đang theo học Đại học Ngoại thương Hà Nội (1992 - 1997, tốt nghiệp cấp 3 năm 1986, tôi đi làm công nhân, 6 năm sau mới vào đại học, học tại chức), thầy Trần Sửu quê Quảng Bình là người dạy tôi môn Quản lý chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu. Thầy trò chúng tôi mâu thuẫn với nhau về cách giải một bài toán ứng dụng. Thầy cáu, thầy bảo là thầy đã và đang dạy như thế đã mấy chục năm rồi chưa có sinh viên nào phản đối. Tuy nhiên, sau một hồi tranh luận thầy đành chịu thua tôi. Từ đó, thầy trò dần thân thiết và nói chuyện với nhau nhiều hơn.

Hóa ra thầy là bạn học cùng lớp với Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ. Thời đó, học trò từ tận Nghệ An, học trò từ tận Bình Trị

Thiên (các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế ngày nay) đều về xã Ngu Lâm, huyện Đức Thọ (tra mạng Internet không thấy xã Ngu Lâm ở đâu, có lẽ nay là xã Đức Lâm, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) để học cấp 3 (Trung học phổ thông ngày nay).

Thầy kể, ông Quỳ là người học giỏi nhất khoá, thông minh lắm, ai cũng nể phục. Vào đại học bạn bè mỗi người một trường, không có điều kiện qua lại, rồi bặt tin nhau. Khi đã có tuổi, và điều kiện đi lại, thông tin liên lạc cũng đã dễ dàng hơn thì bạn bè khắp nơi mới lại tìm nhau và ngơ ngác vì thấy thiếu vắng Đinh Nho Quỳ.

Thầy bảo. Ông Quỳ học Tổng hợp, là niềm mơ ước của tất cả chúng tôi nhưng chúng tôi thì chẳng thể vào. Cứ nghĩ, bạn mình bây giờ ít ra thì cũng đã là giáo sư. Rồi thầy ngậm ngùi: *"Thật tiếc cho một tài năng!"*.

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội, Cụ Đinh Nho Quỳ về làm giáo viên dạy môn Vật lý Cấp 3 tại trường Cấp 3 Hương Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1982, tỉnh Hà Tĩnh thành lập phân hiệu 2 của trường Cấp 3 Lê Hữu Trác (đóng tại thị trấn Nầm, huyện Hương Sơn) tại xã Sơn Hòa cho học sinh các xã Sơn Ninh, Sơn Thịnh, Sơn Hòa, Sơn An, Sơn Lễ, Sơn Tiến thời bấy giờ, Cụ được phân công về phân hiệu này để được gần nhà.

Người bảo, cụ không được phân công công tác tại Hà Nội do lý lịch dòng dõi con quan thời phong kiến. Người lại bảo, cụ phải về quê phụng dưỡng bà nội lúc đó đã già. Cả hai lý do đó có lẽ đều đúng.

Dạy vật lý cấp 3, cụ được mệnh danh là "Vua vật lý" bởi cụ dạy giỏi, tận tâm, tận tình với học sinh và đào tạo được rất

nhiều thế hệ học sinh đạt các giải lớn về thi học sinh giỏi môn vật lý.

Tôi cũng may mắn được học thầy Quỳ. Năm tôi học lớp 11 (gọi là lớp 11 nhưng lúc đó học sách giáo khoa lớp 8 của hệ 10 năm vì đang trong thời kỳ cải cách giáo dục chuyển từ chương trình phổ thông hệ 10 năm sang hệ 12), thầy không dạy lớp tôi nhưng vào dạy thay 1 tiết. Vào lớp tay không, thầy hỏi, hôm trước các em được giao bài tập về nhà những bài số mấy, trang bao nhiêu? Và cứ thế chữa bài. Rồi thầy lại hỏi, hôm trước học bài mới đến trang bao nhiêu rồi? Rồi lại giảng bài tiếp theo. Chúng tôi ngơ ngác, ngạc nhiên rồi thích thú. Có nghĩa, thầy đã thuộc lòng 12 cuốn sách cả sách giáo khoa và sách bài tập Cấp 3 từ lớp 8 đến lớp 10 thời đó (thời đó mỗi môn học chỉ vỏn vẹn có 2 quyển sách: sách giáo khoa tập 1, tập 2; và, sách bài tập tập 1, tập 2 (mỗi tập ứng với mỗi học kỳ).

23.2. Một lòng đau đáu với công việc thờ phụng tổ tiên

Có lẽ việc họ trước đó và mãi mãi về sau sẽ không có thời kỳ nào khó khăn, vất vả và nhiều gian truân, hờn tủi như thời của Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ.

Như đã nói ở các phần trên. Sau Cách mạng Tháng Tám, năm 1945, cả xã hội Việt Nam và đặc biệt là các vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, với chủ trương bài trừ mê tín dị đoan và đánh đồng việc thờ cúng tổ tiên với việc mê tín dị đoan, người ta ra tay dẹp bỏ các nơi thờ tự không thương tiếc. Suýt nữa, nếu không có sự kiên quyết phản đối việc đập phá để giữ lại của Cụ bà Tộc trưởng đời thứ 16 (bà Cu Hồ) thì nhà thờ họ Đinh Nho đại tôn nay đã không còn. Và nếu không được trưng dụng làm trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sơn Hòa thì đền Gôi Vỵ - đền của làng Gôi

Vỵ phụng thờ 4 vị phúc thần họ Đinh Nho ta cũng chẳng còn để mà được trùng tu.

Sau đó thì nhà thờ dột nát. Trời mưa trong cũng như ngoài. Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ họp họ. Tộc trưởng viết thư gửi đi muôn nơi cho con cháu dòng họ Đinh Nho ở khắp mọi miền. Nhưng bất lực, nhưng vô vọng vì thời điểm đó cả xã hội đều nghèo, tất cả bà con dòng họ Đinh Nho cũng đều nghèo.

Rồi thì mồ mả tổ tiên các đời mỗi ngôi một chốn cần phải quy tụ về xây sửa khang trang.

Rồi thì Ủy ban nhân dân xã bỏ đi, đền Gôi Vỵ trở thành vô chủ đổ nát, cần huy động cháu con dựng lại.

Rồi thì cúng giỗ quanh năm sao cho chu đáo. Đặc biệt, ngày đại lễ hằng năm - ngày giỗ Thủy tổ Đinh Phúc Diên mồng Chín tháng Giêng.

Rồi thì kết nối các dòng họ Đinh có cùng tổ mẫu.

Rồi thì con cháu các chi, nhánh họ lưu lạc muôn nơi tìm về nhờ cụ tra cứu gia phả, chắp nối các thông tin để nhận họ, nhận hàng.

Rồi thì chủ biên sưu tầm soạn lại và viết tiếp gia phả...

Kinh tế đất nước nói chung và con cháu dòng họ Đinh Nho nói riêng dần dần khấm khá. Tin tưởng cụ, mọi người đoàn kết bên nhau cùng góp công, góp của và mọi việc nêu trên cơ bản cũng đã hoàn thành.

Viết ra thì chỉ có vậy nhưng mường tượng lại quãng thời gian mấy chục năm qua của Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ và Ban Tộc biểu cùng đông đảo con cháu thành tâm (đặc biệt là bà con nông dân trong họ tại quê nhà) mới thấy hãi hùng.

Có lẽ, cụ đã rất mãn nguyện khi về với tổ tiên vào ngày 30/5 năm Nhâm Dần (2022). Bởi, lúc cụ mất, công trình cuối

cùng của Cụ, công trình trùng tu lăng mộ tổ đời thứ 2 Đinh Phúc Trường tại Lòi Chim Chim, xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh cũng đã sắp hoàn thành.

Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ đã đi xa nhưng họ Đinh Nho ta vẫn chưa hết việc. Hiện nhà thờ họ đã và đang xuống cấp nghiêm trọng, nguy cơ sẽ đổ sập bất cứ lúc nào, rất cần sự đoàn kết chung tay của bà con dòng tộc để sớm được trùng tu.

24. Thầy giáo già lên núi Pháo

Bài đăng trên trang điện tử của *Bảo tàng di sản các nhà khoa học Việt Nam* ngày 26/12/2015, đăng lại bài của tác giả Phạm Quang Đẩu trên báo điện tử *Đại Đoàn kết* viết về Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học, Nhà Giáo nhân dân, Nhà thơ Đinh Phạm Thái (1937 - 2023), đời thứ 17, em ruột Thi sĩ Quỳnh Dao - Đinh Nho Diệm.

'Một ngày giữa năm 2012, Giáo sư Đinh Phạm Thái có người con trai cả luôn đi bên cạnh, tìm đến núi Pháo (GS tuổi đã ngót 80 rồi, gia đình không muốn ông đi đâu xa một mình).

Với con mắt của người trong nghề khi bước chân lên đỉnh núi Pháo, phóng tầm nhìn xung quanh, GS. Đinh Phạm Thái nhận ra ngay khu khai thác, khu tuyển và nhà xưởng chế biến đã khá hoàn chỉnh, đang được vận hành nhịp nhàng. Mắt ông dừng lại hồi lâu tháp hoàn nguyên sản phẩm nhô cao, khá bề thế và ông chợt nghĩ: Nếu mai này không cần phải xây lò hoàn nguyên nữa khi đã ứng dụng phương pháp mới của mình, thì sẽ góp phần giảm đáng kể giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm, thời gian qua cha con ông đã bỏ ra bao công sức chỉ vì điều đó...

Núi Pháo thuộc huyện Đại Từ, Thái Nguyên, thời trước có câu "*Lử khử lừ khừ, chẳng Đại Từ cũng Võ Nhai*", đó là những vùng hoang vu ma thiêng nước độc của tỉnh miền núi phía Bắc. Nhưng mấy năm gần đây, bỗng chốc núi Pháo hút được nhiều nhà đầu tư trong, ngoài nước đến làm ăn và chẳng bao lâu sau đó trở thành một khai trường có vốn đầu tư lớn, nhộn nhịp vào bậc nhất nước ta hiện nay. Ở đây đã phát hiện một mỏ quặng đa kim gần như lộ thiên, ước trữ lượng trên 80 triệu tấn, vào hàng lớn nhất, nhì so với những mỏ đa kim của thế giới. Giới chuyên môn gọi 'đa kim' vì trong quặng chứa nhiều thành phần quý hiếm như: vonfram, florit, bismut, đồng, vàng... Vonfram là kim loại siêu cứng, điểm nóng chảy cao dùng để chế tạo sợi tóc bóng đèn, mũi khoan, chế tạo vũ khí hay máy bay phản lực; florit là chất khoáng canxi florua được dùng nhiều trong công nghiệp luyện kim và điện lạnh; bismut là kim loại màu xám đen có nhiệt độ nóng chảy thấp, không độc, được sử dụng nhiều trong các thiết bị điện tử, công nghệ hạt nhân, hàng không, dược phẩm và mỹ phẩm... Dự án khai thác, chế biến mỏ đa kim núi Pháo sẽ hoạt động trong vòng 20 năm, từ năm ngoái chủ đầu tư đã bắt đầu thực hiện việc chế biến sâu khoáng sản trước khi xuất khẩu. Cần phải nói thêm rằng, buổi đầu mỏ này đưa vào khai thác khá trầy trật, sau mấy lần bán đi mua lại thay đổi chủ sở hữu, nay mới chính thức thuộc về Công ty Tài nguyên Masan, nằm trong Tập đoàn Masan.

Chủ định của GS. Đinh Phạm Thái lên núi Pháo lần này chỉ nhằm riêng cho việc chế biến bismut, nó chiếm tỷ lệ 0,1% trong quặng (trong khi vonfram chiếm 0,21%, florit chiếm 8%). Tất nhiên, việc chế biến quặng đa kim lâu nay trên thế giới đã có phương pháp tuyển các tinh quặng riêng biệt, trong đó có

tinh quặng bismut. Để thu được bismut từ tinh quặng người ta thường dùng phương pháp thủy luyện để có sản phẩm trung gian biosen (BiOCl). Từ đó luyện hoàn nguyên ở nhiệt độ cao bằng than cùng với chất trợ dung đặc biệt, hoặc bằng khí hyđro. Trước khi GS. Đinh Phạm Thái lên đây, trong phòng thí nghiệm ông đã có phương pháp chế biến riêng, triển vọng đạt hiệu quả kinh tế kỹ thuật cao hơn cách làm truyền thống kể trên. Giờ tuy ông đã nghỉ hưu, vì yêu cái nghề luyện kim màu đã từng đeo đuổi cả cuộc đời mà ông lặn lội nơi rừng núi, song vẫn thấy trong lòng phấn chấn lạ thường, mỗi bước chân trèo núi thêm phần dẻo dai. Ngày còn tại chức, ông là giảng viên khoa Luyện kim, trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Cũng như những người thầy yêu nghề, có trình độ cao khác, ông vừa giảng dạy vừa nghiên cứu khoa học. Cách nay gần 40 năm, ông từng lặn lội lên tận mỏ thiếc Tĩnh Túc, Cao Bằng, tìm ra một phương pháp tinh luyện thiếc mới, được cấp bằng sáng chế cá nhân đầu tiên ở nước ta. Cũng từ phát kiến mới về luyện thiếc mà ông đã hoàn thành luận văn tiến sĩ khoa học (TSKH), trở thành một chuyên gia đầu ngành về luyện kim màu. Lần này ông lại đến với bismut, một thứ kim loại đặc biệt, ở nước ta rất ít được nghiên cứu. Ngày trước làm đề tài có kinh phí của Nhà nước, đi đâu có xe công đưa đón, cần thì phòng thí nghiệm phục vụ, nay đã về với đời thường, việc nghiên cứu khoa học chỉ là tự nguyện, tự chi phí về mọi mặt. Nhưng ông không thích an nhàn, đã thành "quán tính", đầu óc lúc nào cũng vẩn vơ nghĩ đến nghề cũ và... thơ (Ông vốn là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, đã xuất bản 3 tập thơ và có bài được giải cao). Vả lại, thời của mạng toàn cầu Internet, những thông tin liên quan đến nghề, thường là mới mẻ, hấp dẫn. Ngày người ta chưa phát

hiện ra mỏ đa kim núi Pháo, nghiên cứu sinh Trần Viết Thường thuộc trường Cao đẳng luyện kim Thái Nguyên được ông hướng dẫn đề tài về thu hồi thiếc và bismut từ bùn anot trong tinh luyện thiếc Thái Nguyên. Thầy trò làm theo cách truyền thống để thu hồi bismut với việc vận dụng cụ thể vào bùn anot, cuối cùng đã thành công. Sau 3 năm nghiên cứu, trò có bằng tiến sĩ và trở về trường nhậm chức hiệu trưởng; còn thầy thì đã nảy ra một ý tưởng mới trong quá trình làm thí nghiệm. Một lần, GS. Đinh Phạm Thái đang làm "nhờ" ở phòng thí nghiệm của trường cũ, ông để chất biosen trong cốc thủy tinh thí nghiệm cho tự khô, mà đáng ra phải dùng phương pháp chuẩn là lắng lọc và sấy. Khi lấy bột biosen ra, tình cờ ông dùng một cái thìa nhôm nhỏ không biết ai đã để đấy xúc và cạo bột đáy cốc. Bỗng trong bột biosen màu trắng xuất hiện một vài vẩy đen, như một thứ dị vật bên ngoài rơi vào. Linh cảm nghề nghiệp mách bảo ông: Có thể đây là hệ quả của một phản ứng hóa học nào đấy (?) Ông chủ ý xiết mạnh tay hơn, đầu thìa cũng bắt đầu xuất hiện màu đen, màu đặc trưng của bismut. Trái tim nhà khoa học khi đó bỗng đập rộn ràng vì phấn khích, hệt như từng có được phát kiến mới trong tinh luyện thiếc ở mỏ Tĩnh Túc ngày nào. Sự phát triển của khoa học qua các thời đại, không hiếm trường hợp 'tình cờ' mà có phát kiến lớn, như chuyện I. Newton nhìn thấy quả táo rụng đã khám phá ra một định luật bất hủ là Vạn vật hấp dẫn. Nhưng ông không hề ảo tưởng mình có phát hiện gì 'to tát', mà chỉ đơn thuần vì sự đam mê nghề thôi thúc ông tìm hiểu đến cùng dấu hiệu nhỏ nhoi trên. Ông lặp lại nhiều lần thí nghiệm, rồi lấy hẳn bột nhôm trộn vào bột biosen, điều thú vị là chẳng mấy chốc chất màu đen xuất hiện dày đặc. Chất màu đen, không phải chất nào

khác, chính là bismut hoàn nguyên ở nhiệt độ thường. Điều thú vị nữa, phản ứng xảy ra ở nhiệt độ thường lại tỏa nhiệt khá mãnh liệt và sản phẩm đạt độ sạch rất cao. Phản ứng này chưa từng được mô tả trong bất kỳ sách giáo khoa hoặc tài liệu khoa học nào thuộc lĩnh vực hóa chất công nghiệp và luyện kim. Từ đây, ông mạnh dạn đưa ra một khái niệm chuyên môn mới, gọi là 'phản ứng nhiệt kim kép' vì có sự tham gia của một muối kép oxy-clorua kim loại. Và ông lên núi Pháo để tìm hiểu thêm về quy mô, trữ lượng mỏ quặng quý, đồng thời sẽ thương lượng với chủ đầu tư nhượng một số lượng quặng nguyên khai nhất định để đưa thực hiện thí nghiệm với số mẫu lớn nhằm kiểm nghiệm chắc chắn hơn cho chủ thuyết mới của mình.

Ông Vũ Hồng, Phó Tổng giám đốc Masan resources, đơn vị đang quản lý mỏ núi Pháo cho biết: Năm 2015 này Công ty của ông đặt mục tiêu doanh thu 192 triệu USD và sang năm sẽ là 288 triệu USD... Hiện việc chế biến sâu để thu được các nguyên tố trong quặng đều theo phương pháp truyền thống. Nếu có thể áp dụng việc luyện theo phương pháp mới ưu việt hơn, dù chỉ riêng với bismut thôi, chắc hẳn đơn vị sẽ hoan nghênh, mục tiêu cuối cùng vẫn nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Vậy là GS.TSKH Đinh Phạm Thái với một linh cảm nghề nghiệp nhạy bén, đã phát hiện ra phản ứng 'nhiệt kim kép' khi luyện bismut. Phát kiến này đã đăng trên tạp chí chuyên ngành "Kim loại" của Hội Khoa học kỹ thuật Đúc luyện kim Việt Nam (số 61, tháng Tám năm 2015), được nhiều đồng nghiệp gần xa rất quan tâm. Nội dung bài báo thực chất còn là một mô tả sáng chế. Mới đây, Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã cấp bằng độc quyền sáng chế cho Phương pháp mới luyện bismut từ hợp chất BiOCl (Bằng số 14552, ngày

14/9/2015). Vậy là trong cuộc đời nghiên cứu khoa học của ông đã có được 2 bằng sáng chế quan trọng là luyện thiếc và luyện bismut, một bằng ở thời trai trẻ và một bằng khi tuổi đã mãn chiều. Hôm rồi, lại có thêm một nghiên cứu sinh từ Trường Đại học Mỏ địa chất xin theo thầy nghiên cứu, để làm luận văn tiến sĩ với hướng mới về hoàn nguyên bismut ở nhiệt độ thường từ quặng núi Pháo.

'Thầy giáo già lên núi Pháo' chỉ là khởi đầu của một câu chuyện khoa học thú vị, có nhiều triển vọng. Thường thì sự hình thành và ứng dụng một phát kiến khoa học đều phải theo hai bước, bước đầu thực hiện trong phòng thí nghiệm và GS. Đinh Phạm Thái đã thu được kết quả ngoài mong đợi. Còn bước hai, ứng dụng sáng chế này vào sản xuất như thế nào 'hạ hồi phân giải', phải chờ sự kết hợp giữa nhà đầu tư và nhà khoa học. Dấu hiệu tích cực sau lần lên núi Pháo cho ta hy vọng về một sự vào cuộc giữa hai "nhà", trước một phát kiến vừa mang ý nghĩa khoa học vừa mang ý nghĩa thực tiễn như vậy! Đây cũng là một minh chứng cho lòng yêu nghề, khát khao cống hiến của một nhà khoa học dù đã ở tuổi 'xưa nay hiếm'.

Như trên đã 'tiết lộ', GS. Đinh Phạm Thái còn là một nhà thơ. Ông là hậu duệ của Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn (1671 -1715), tên được khắc trên bia tiến sĩ ở Văn Miếu Quốc Tử Giám, tác giả của tập thơ chữ Hán nổi tiếng *Mặc Trai sứ tập*, viết trên đường đi sứ nhà Thanh, năm 1715 và cụ ngã bệnh mất vào năm đó. Có 'gen' thi ca của tổ tiên, nên ngoài khoa học, những lúc có nhã hứng ông làm thơ. Hôm đó trên đường từ núi Pháo trở về, qua đèo Khế, tức cảnh sinh tình, ông có bài tứ tuyệt: *Rừng ve dằng dặc trưa hè/ Cành rây bột nắng ngựa xe bụi đường/ Quặng sâu biền biệt người thương/ Cuối đèo thả lỏng dây cương.../ Ráng chiều*".

Bài thơ cái roi ngày ấy của GS. TSKH Nhà thơ Đinh Phạm Thái, giải Nhì (không có giải Nhất) cuộc thi thơ Lục bát của báo Giáo dục và Thời đại năm 1996 - 1998:

CÁI ROI NGÀY ẤY

Ngày nào con nghịch con chơi
Bỏ nhà đi suốt một hơi tối ngày
Làn roi rơi xuống thân gầy
Làm đau lòng mẹ, làm cay mắt bà.

Bây giờ con ở đâu xa
Nắm xương không cửa không nhà mãi đi
Trường Sơn một dải xanh rì
Đất đen, đất đỏ, đất gì chôn con?

Chân run quờ chiếc gậy mòn
Sợ cầm phải cái roi còn đâu đây.

25. Người gìn giữ những giá trị của cha ông

Bà con dòng họ Đinh Nho các thế hệ đều ý thức giữ gìn những giá trị của cha ông. Trung, hiếu, kiệm, cần; đức độ, chuẩn mực và sống có trách nhiệm với gia đình và xã hội, xứng với lời tổ huấn: *Tiến vi nghĩa sĩ, thối vi lương nông*. Tiến thì làm người nghĩa sĩ, lui về thì làm người nông dân lương thiện.

Chúng tôi chỉ xin nêu một tấm gương điển hình. Đó là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Toán học, Nhà giáo ưu tú Đinh Nho Chương, nguyên Chủ nhiệm Khoa Toán, Đại học Sư phạm Hà

Nội. Ông thuộc đời thứ 17 họ Đinh Nho và là chắt nội của Cử nhân, Tuần phủ Đinh Nho Quang.

Những đóng góp của ông cho Toán học và cho ngành giáo dục không thuộc nội dung đề cập trong mục này. Ở đây chỉ nói về việc họ.

Cùng đời thứ 17 với chúng tôi nhưng ông nhiều tuổi hơn bố chúng tôi. Nghĩa là gọi là người trong họ nhưng trước đây chúng tôi chưa bao giờ được gặp ông bởi ông trưởng thành thì chúng tôi chưa được sinh ra và khi ông sống ở Hà Nội thì chúng tôi còn đang sống ở quê. Thuở nhỏ, chúng tôi thường được nghe tên ông qua những lời giáo huấn của cha mẹ khi nhắc nhở chúng tôi chuyện học hành. "Kính nhi, viễn chi" - tôn kính nhưng nghĩ sẽ chẳng bao giờ được gần, được gặp.

Thế mà cách đây mấy năm chúng tôi chợt nhận được một cuộc điện thoại lạ. Ông gọi cho chúng tôi từ thành phố Hồ Chí Minh (nơi ông đang nghỉ hưu) ra Hạ Long để gặp chúng tôi nói chuyện. Khi biết là ông gọi, chúng tôi liền xưng cháu và gọi bác bởi ông quá lớn tuổi so với chúng tôi, nhưng ông chỉnh ngay, trong họ anh là anh chứ không phải là bác. Thực sự chúng tôi rất cảm động bởi ông và chúng tôi cũng chỉ là họ hàng xa. Muốn biết quan hệ họ hàng cụ thể như thế nào thì phải giở gia phả ra mà tra từng đời, từng nhánh hồi lâu mới biết được. Thế mà ông đã chủ động gọi cho chúng tôi để kết nối họ hàng. Thế mới biết "máu loãng còn hơn nước lã đặc". Trong họ, nếu chúng ta không chủ động mà liên hệ với nhau thì họ hàng cứ dần mãi cách xa. Và nữa, tôn ti, trật tự, thứ bậc trong họ cũng cần được duy trì.

Em gái ông, Tiến sĩ Đinh Thị Khương, nguyên Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dâu Tằm Tơ, Bộ Thương mại cũng là

một người trọng tình cảm họ hàng như thế. Bà cũng là người chủ động kết nối với chúng tôi để chị em gặp nhau và cũng xưng gọi chị em. Mặc dù, con trai út của bà lớn hơn chúng tôi 2 tuổi.

Nhân việc đền thờ Cụ Hường Đinh Nho Điển được công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh, chúng tôi viết bài khảo cứu lịch sử về cụ đăng trên trang điện tử nghiencuulichsu.com. Trong đó, có một chi tiết sai về Cụ bà Đinh Thị Hoan, bà nội Giáo sư Đặng Thai Mai. Cụ bà Đinh Thị Hoan là chị em gái của Tiến sĩ Đinh Nho Điển nhưng chúng tôi lại viết là con gái (do tài liệu trong hồ sơ đề nghị công nhận di tích thiếu chính xác). Ông đã gọi điện phê bình tính bất cẩn của chúng tôi và cung cấp những thông tin chính xác để chúng tôi đăng đính chính. Hóa ra, Tiến sĩ Đinh Nho Điển là em ruột Cử nhân Tuần phủ Đinh Nho Quang. Tức, là em trai của cụ nội ông.

Đầu năm nay (2023) nhân chuyến vào thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi đã tranh thủ đến thăm ông. Ông đã ngoài 90 tuổi, sức khoẻ và mắt không còn được tốt nữa nhưng trí tuệ thì vẫn rất minh mẫn. Ngồi hàn huyên với ông, mới biết, bà con, dòng họ, các nhánh họ Đinh Nho và những câu chuyện về lịch sử họ Đinh Nho ông thuộc nằm lòng. Ông gìn giữ cẩn thận, nguyên vẹn hai bản gốc chép tay *Hương Yên phổ tự*, một của bố ông là cụ Đinh Nho Dật và một của chú ruột ông là cụ Đinh Nho Chú. Và nhờ chính vào hai bản *Hương Yên phổ tự* đó mà các bản gia phả dòng họ Đinh Nho 2000, 2010, 2020 cũng như cuốn sách này được hoàn thiện.

Một điều bất ngờ nữa đối với chúng tôi là ông là một nhà giáo, tức điều kiện kinh tế cũng chẳng dư dả gì so với rất nhiều người trong họ. Thế mà, hiện nay Quỹ Khuyến học của dòng họ đang do một mình ông tài trợ. Điều này cũng gợi cho chúng tôi

thật nhiều suy ngẫm (tuy nhiên, do số tiền quỹ còn khá khiêm tốn, nên Ban Tộc Biểu cũng chỉ dùng để khen thưởng, động viên các cháu có thành tích học tập ở trong phạm vi hẹp, xã Sơn Hoà (cũ) mà thôi).

26. 'Cây đại thụ' tâm huyết với ngành vàng Việt Nam

Bài viết đăng trên báo điện tử vietnamnet.vn ngày 15/04/2016 của tác giả Vũ Ngọc Minh viết về ông Đinh Nho Bảng, đời thứ 16 họ Đinh Nho.

"Là một chuyên gia đồng hành với ngành vàng hàng chục năm qua, ông Đinh Nho Bảng - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội kinh doanh vàng Việt Nam luôn tâm huyết với nghề và được nhiều doanh nghiệp trong nước tín nhiệm.

Ở tuổi lục tuần ông Đinh Nho Bảng vẫn tận tụy với nghề và giữ vững vai trò của mình. Hoạt động trong Hiệp hội kinh doanh vàng Việt Nam, ông cũng là một trong những người thường xuyên xuất hiện trên mặt báo với tư cách chuyên gia trong lĩnh vực kinh doanh vàng.

Ông Bảng nắm rất chắc từng sự biến động của tình trạng vàng trên thế giới và trong nước, nhạy bén và luôn đưa đưa những nhận định giúp các doanh nghiệp xác định được những hướng đi đúng đắn, phù hợp với bối cảnh.

Đánh giá về xu hướng phát triển ngành vàng và trang sức ở Việt Nam, ông Bảng cho rằng xu hướng đầu tư vào vàng sẽ lên ngôi; trang sức bạch kim và vàng trắng hứa hẹn sẽ trở thành cơn sốt trong năm 2016.

Theo sự biến động của thời trang thế giới, nhu cầu sử dụng trang sức để làm đẹp và thể hiện đẳng cấp của người dân ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, phần lớn người Việt vẫn giữ thói

quen lựa chọn trang sức vàng ta và đá quý sắc sỡ để phô trương hơn làm đẹp. Đó là sự vận động ngược chiều so với xu hướng chung của thế giới là ưa chuộng những dòng sản phẩm bạch kim, vàng trắng và kim cương tinh tế, sang trọng hơn.

Ông Bảng cho biết, vàng chỉ nên phục vụ cho mục đích tích trữ, bởi đây là chất liệu không mang nhiều giá trị thẩm mỹ, độ mềm dẻo cao nên không bền, màu vàng ánh kim đậm khó kết hợp với màu da và cũng thường khó kết hợp với các loại trang phục. Trong khi đó, vàng trắng lại bắt mắt hơn với vẻ đẹp sang trọng, tinh tế, không hề phô trương như vàng vàng, lại phù hợp với mọi lứa tuổi, nhiều màu da và dễ dàng phối hợp với đa dạng phong cách thời trang.

Đặc biệt, sự xuất hiện của bạch kim tại Việt Nam - một trong những chất liệu quý hiếm nhất trên thế giới - cũng khiến cho thị trường trang sức trở nên sôi động và có nhiều chuyển biến tích cực.

Mặc dù thị trường vàng trang sức vàng đang phát triển, song ông Bảng nhận định hầu hết các doanh nghiệp đều lựa chọn phương án an toàn là kinh doanh dàn trải với rất nhiều dòng sản phẩm. Mang tới sự lựa chọn phong phú cho người tiêu dùng, song định hướng của các doanh nghiệp này không rõ ràng.

"Hiện tại, tôi đánh giá cao thương hiệu Skymond Luxury - một trong số ít những doanh nghiệp hoạt động có trọng tâm, chỉ tập trung phát triển hai dòng sản phẩm chính là bạch kim và vàng trắng. Điểm đặc biệt ở chỗ, chưa có doanh nghiệp nào dám mạnh dạn sản xuất và kinh doanh trang sức bạch kim, bởi đó là chất liệu rất quý hiếm và khó chế tác. Đây là một bước đi đúng đắn giúp doanh nghiệp phát triển một cách có chọn lọc, định hướng thị trường không tụt hậu so với xu hướng chung"".

27. Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học Đinh Dũng - Giải thưởng Tạ Quang Bửu

Bài đăng ngày 30/03/2019 trên trang điện tử taquangbuuprize.nafosted.gov.vn không dẫn tên tác giả, viết về GS.TSKH Đinh Dũng, đời thứ 17 dòng họ Đinh Nho, người được nhận giải thưởng Tạ Quang Bửu năm 2015. Ông là con trai cả của cụ Đinh Nho Liêm, nguyên Thứ trưởng Thứ nhất Bộ Ngoại giao.

"GS.TSKH Đinh Dũng sinh năm 1951 tại Thanh Hoá. Ông tốt nghiệp đại học năm 1975, bảo vệ luận án Tiến sĩ năm1979 và Tiến sĩ Khoa học năm 1985 tại Đại học Tổng hợp Quốc gia Moskva M. V. Lomonosov (Liên Xô cũ). Hiện nay, ông là nghiên cứu viên cao cấp tại Viện Công nghệ Thông tin, ĐHQGHN. Ông là tác giả của hơn 80 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín.

Công trình khoa học

Dũng, D., & Ullrich, T. (2013). N-Widths and □-dimensions for high-dimensional approximations. Foundations of Computational Mathematics, 13(6), 965-1003.

Công trình khoa học nghiên cứu độ phức tạp tính toán của các bài toán giải số hoặc xấp xỉ tín hiệu có số chiều rất lớn xuất hiện trong các lĩnh vực khác nhau của khoa học và công nghệ. Trong thực tế, độ phức tạp tính toán thường tăng theo hàm mũ và các bài toán trở nên không giải được trên máy tính bằng các thuật toán thông thường. Công trình đề xuất một cách tiếp cận mới và phương pháp xấp xỉ chữ thập hyperbolic mới, hữu hiệu cho các bài toán nêu trên. Từ các kết quả nhận được, công trình đã chỉ ra "thảm họa về số chiều" có thể khắc

phục được trong một số trường hợp (ví dụ, khi tín hiệu có độ trơn hỗn hợp) và độ phức tạp tính toán là chấp nhận được. Các kết quả của công trình là một trong những đóng góp quan trọng nhất đối với bài toán tổng quát về xấp xỉ tín hiệu có số chiều rất lớn, kết nối giữa lý thuyết xấp xỉ hàm nhiều biến kinh điển và các vấn đề hiện đại của toán học tính toán".

Giải thưởng Tạ Quang Bửu: Vinh danh nghiên cứu Việt tầm quốc tế

Bài đăng trên trang điện tử tienphong.vn ngày 17/03/2016 của tác giả Nguyễn Hoài. Chúng ta đọc thêm bài này để hiểu hơn về giá trị của giải thưởng Tạ Quang Bửu mà GS.TSKH Đinh Dũng đã vinh dự được nhận.

"TP - Trong buổi Giao lưu trực tuyến trên Tiền Phong Online về Giải thưởng Tạ Quang Bửu chiều qua, GS.TSKH Đinh Dũng, nghiên cứu viên cao cấp của Viện Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Hà Nội nhận định: "Vì những công trình được tôn vinh mang tầm quốc tế nên giải thưởng mới ra đời 3 năm đã có tiếng vang và uy tín trong cộng đồng khoa học. Có thể tiến tới là giải thưởng khoa học uy tín quốc tế".

Giải thưởng Tạ Quang Bửu được Bộ KH&CN tổ chức hằng năm nhằm khích lệ và tôn vinh các nhà khoa học có thành tựu nổi bật trong nghiên cứu cơ bản thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Giải thưởng Tạ Quang Bửu lần thứ 3 sẽ được trao giải vào tháng 5 tới. Mỗi năm giải thưởng vinh danh hai nhà khoa học có công trình đạt tầm quốc tế, trị giá giải thưởng 200 triệu đồng. Ngoài ra, có thêm một giải cho nhà khoa học trẻ (trị giá 50 triệu đồng).

GS.TSKH Đinh Dũng, nghiên cứu viên cao cấp của Viện Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Hà Nội (nhận giải năm

ngoái) tâm sự, Giải thưởng Tạ Quang Bửu rất khác với các giải thưởng cấp quốc gia khác. Đây là giải thưởng duy nhất có Hội đồng xét chọn chỉ gồm các nhà khoa học tiêu biểu, không có sự tham gia của các nhà quản lý thuần túy. Giải thưởng không tặng cho thành tích của một quá trình mà chỉ tặng cho một tác giả chính của một công trình khoa học xuất sắc đạt tầm cỡ thế giới. Như vậy, các nhà khoa học lão thành và các nhà khoa học trẻ có ưu thế như nhau.

PGS.TS Trần Thanh Hải, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhớ lại khi nhận giải năm ngoái: "Tôi không dám tin mình được lựa chọn vì tiêu chí tương đối khắt khe. Năm ngoái có hơn 40 bộ hồ sơ của nhiều nhà khoa học khác, hầu hết là những người xuất sắc". Ông kể thêm: "Bây giờ những người làm khoa học, nhất là nhà khoa học trẻ coi giải thưởng như một mục tiêu phấn đấu".

Ông Đỗ Tiến Dũng, Giám đốc điều hành Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia, đơn vị thường trực của giải thưởng chia sẻ, năm đầu có 52 hồ sơ đăng ký. Chúng tôi từng lo lắng, số lượng hồ sơ, tham dự giải thưởng sẽ giảm đi theo các năm nhưng rồi vui mừng nhận thấy, số lượng hồ sơ vẫn tương đối ổn định. Hai năm qua, Chủ tịch Hội đồng giải thưởng là GS Ngô Việt Trung, nhà toán học uy tín của Việt Nam. Hội đồng giải thưởng cũng bao gồm các nhà khoa học đầu ngành, uy tín và có thêm hai nhà khoa học quốc tế.

Ông Dũng bật mí thêm, năm nay có 49 hồ sơ tham dự. GS.TS Nguyễn Đức Chiến, Chủ tịch Hội đồng khoa học ngành vật lý của Giải thưởng Tạ Quang Bửu tiết lộ, ngành vật lý có 3 đề cử. Các công trình đề cử được đăng trên các tạp chí rất có uy tín của các chuyên ngành. "Đặc biệt, một công trình là vật lý

thực nghiệm được lượng trích dẫn rất cao. Công trình này hoàn toàn là của người Việt Nam, thực hiện ở Việt Nam", GS Chiến nói. GS Đinh Dũng, Chủ tịch Hội đồng khoa học ngành khoa học máy tính và thông tin kể về Hội đồng của ông, có 4 công trình xét thưởng. Hội đồng nhận xét bốn công trình này đều mang tầm quốc tế, có chất lượng tương đối tốt. Tuy nhiên, cả bốn công trình này đều không qua được vòng sơ tuyển.

"Giải oan" cho nghiên cứu cơ bản

Giải thưởng Tạ Quang Bửu vinh danh các nghiên cứu khoa học cơ bản. Trước câu hỏi Việt Nam còn nghèo, nên đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng thay vì nghiên cứu cơ bản, ông nghĩ sao?, GS Nguyễn Đức Chiến tâm sự, đầu tư nghiên cứu cơ bản hay nghiên cứu ứng dụng là một cuộc tranh luận không ngừng, nhất là ở Việt Nam. Tôi kể thế này, trong các cuộc tiếp xúc với các nhà khoa học nước ngoài, nhất là những người từng đoạt giải Nobel, không ai khuyên chúng ta bỏ làm nghiên cứu cơ bản. GS Ngô Bảo Châu khi giao lưu với sinh viên một trường đại học ở Mỹ nhận được câu hỏi "phát minh của anh ứng dụng ở đâu?". Anh Châu trả lời "chả ở đâu cả". Chúng ta không thể nói trước điều gì nhưng biết đâu. Có những nghiên cứu cơ bản ban đầu không có mục đích ứng dụng nhưng lại mang lại giá trị lợi ích khổng lồ. Cũng không nên đối lập giữa hai loại hình này vì nghiên cứu cơ bản là nền tảng của nghiên cứu ứng dụng để tạo ra sản phẩm cho xã hội.

"Nhờ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia tài trợ cho các nghiên cứu cơ bản mà ở viện tôi hơn 20 nhà khoa học trẻ đã về nước. Ở các nước tiên tiến tỷ lệ giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng là 50-50. Việt Nam đang thiếu thốn thì có thể là 30-70%" - GS Nguyễn Đức Chiến nói.

GS.TS Phan Tuấn Nghĩa, Phó hiệu trưởng Trường Đại học KHTN, Đại học Quốc gia Hà Nội chia sẻ thêm, nghiên cứu cơ bản là cái móng cho phát triển tầm cao, móng ấy không vững, không chắc thì không thể vươn cao. Hiểu đơn giản là đầu tiên phải đi tìm nghiên cứu, quy luật sau đó mới phát triển thành công nghệ, sản phẩm. Muốn phát triển khoa học ứng dụng thì phải trên nền tảng nghiên cứu cơ bản vững chắc. Ở nước ta nhiều khi vị trí của nghiên cứu cơ bản chưa được đánh giá đúng mực.

Quy trình xét chọn Giải thưởng Tạ Quang Bửu rất chặt chẽ, khoa học, công khai và minh bạch. Thành phần hội đồng gồm bảy chủ tịch hội đồng ngành do cộng đồng các nhà khoa học bầu lên và thường có thêm hai nhà khoa học uy tín quốc tế. Mỗi công trình đều được gửi xin đánh giá của hai nhà khoa học đầu ngành trong nước và từ một đến ba nhà khoa học có uy tín trên thế giới. Các công trình được tặng giải thưởng đều nằm trong top 3% danh mục hàng trăm các tạp chí ISI có uy tín trong từng chuyên ngành của thế giới".

28. Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học Đinh Nho Hào

Bài viết của tác giả Nguyen Trung Thanh đăng trên trang facebook cá nhân ngày 15/08/2022 viết về GS.TSKH Đinh Nho Hào, Chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam.

"Sau một năm hoãn vì Covid 19, Hội nghị quốc tế về Phương trình Vi phân và ứng dụng (International Conference on Differential Equations & Applications) sẽ diễn ra từ thứ 4 đến thứ 7 tuần này (17-20/8/2022) tại Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam nhằm tôn vinh những đóng góp cho

khoa học và giáo dục của GS. TSKH. Đinh Nho Hào nhân dịp kỷ niệm sinh nhật lần thứ 60(+1) của GS.

Hội nghị có sự tham gia báo cáo của nhiều chuyên gia rất nổi tiếng trong nước và quốc tế về các lĩnh vực lý thuyết và ứng dụng của phương trình vi phân, phương trình đạo hàm riêng, giải tích số, tối ưu, bài toán ngược, và cả học máy.

http://math.ac.vn/conference/PDE2021/index.php?lang=en

Một chút tóm tắt về sự nghiệp khoa học của GS Đinh Nho Hào: GS Hào là chuyên gia nổi tiếng về nhiều lĩnh vực toán học, trong đó có Phương trình Đạo hàm riêng, và đặc biệt là về Bài toán ngược. Hiện tại GS Hào là chủ tịch Hội đồng khoa học của Viện Toán học. GS Hào công bố hơn 100 bài báo khoa học, phần lớn là trên các tạp chí quốc tế có uy tín rất cao, và hai cuốn sách chuyên khảo. Các công trình khoa học của GS Hào đã được trích dẫn hơn 2000 lần (theo google scholar). GS Hào cũng được mời vào ban biên tập của các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín. GS Hào đã nhận được các giải thưởng danh giá quốc tế như Alexander von Humboldt Fellowship (Đức), Royal Society Visiting Professorship (Anh), Marie Curie Incoming International Fellowship (Hội đồng Châu Âu). GS Hào đã hướng dẫn thành công 10 luận án Tiến sĩ (cả trong và ngoài nước) và rất nhiều luận văn cao học. Chi tiết có thể xem ở đây:

https://sites.google.com/site/dinhnhohao13/

Ở tuổi mà nhiều người đã thấy "chồn chân mỏi gối" thì GS Hào vẫn làm việc khoa học rất nghiêm túc, vẫn dẫn đầu một nhóm nghiên cứu lớn ở VN về bài toán ngược, và chủ trì các đề tài nghiên cứu mang tính ứng dụng thực tiễn cao.

Nhân nói về lĩnh vực Bài toán ngược mà GS Hào nghiên cứu, tôi xin post lại bài giảng đại chúng của GS Hào cách đây

mấy tháng để mọi người thấy các bài toán ngược trong cuộc sống quanh ta: https://www.facebook.com/vientoanhoc/videos/964342857565889

Ngoài lĩnh vực chuyên môn, GS Hào còn rất am hiểu về văn học và ...rượu vang".

29. Thầy tôi

Bài đăng trên trang điện tử baovannghe.com.vn ngày 29/03/2020 dẫn nguồn Văn nghệ số 13/2020, không thấy dẫn tên tác giả, viết về Nhà giáo Đinh Nho Hoan, đời thứ 17 dòng họ Đinh Nho, chắt nội của Tiến sĩ Đinh Nho Điển.

"Là thầy Đinh Nho Hoan. Thầy sinh năm 1933. Hiện vợ chồng thầy sinh sống tại xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, một làng khoa bảng, nổi tiếng từ xưa tới nay. Từ nhà tôi xuống làng Quỳnh Đôi không xa nên tôi thường đi thăm thầy. Lần nào đến tôi cũng thấy, hôm thì thầy rảo bước trong khoảng sân hẹp, tay cầm bình nước nhỏ xịt cho mấy cụm phong lan, hôm thì bắt gặp thầy ngồi trước máy tính.

Đã xấp xỉ tuổi 90, mái đầu thầy trắng như cước, phong thái khoan thai, ung dung tự tại. Phun tưới cho hoa thì thầy đủng đỉnh, nhẩn nha nâng từng chiếc lá, sửa từng cụm rễ. Trước máy tính màn hình lớn thì thầy lúc chăm chú đọc, chăm chú gõ say mê, miệt mài. Toàn bộ sân vườn nhà thầy phảng phất hương hoa. Phong lan, địa lan, trên cây, trên tường rào, dọc thềm sân, nào cúc, nào hồng, nào mai... quanh năm, mùa nào hoa nấy khoe sắc, khoe hương. Trong nhà, bàn ghế, đồ đạc, sách báo gọn gàng, ngăn nắp, nhìn đâu cũng thấy tri thức, chữ nghĩa...

Tôi chỉ được là học trò của thầy một học kỳ của năm cuối cấp 2. Ấy là học kỳ 1 năm học 1966-1967 tại trường cấp 2

Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An quê tôi. Lúc này đang là thời kỳ Mỹ đánh phá dữ dội miền Bắc nước ta nên các lớp học phải phân tán rải rác vào các xóm. Lớp chúng tôi sơ tán vào xóm Phú Thành. Lúc đó thầy mới ngoài ba mươi, cho tới mãi sau này tôi vẫn ghi nhớ được dáng người thanh mảnh, phong thái ung dung mực thước và đầy vẻ tự tin của một người có học và ăm ắp năng lượng sống của thầy. Đang thời chiến mà thầy vẫn giữ phong độ của nhà giáo mô phạm, sơ mi trắng bỏ trong quần, chân đi săng đan, vẻ mặt tươi sáng. Thầy đến sớm, đứng chờ dưới bụi tre bên hông lớp học.

Chỉ một học kỳ thôi, với những tiết học trong tiếng bom, tiếng gầm rú của máy bay phản lực Mỹ chúng tôi vẫn chăm chú, miệt mài. Đặc biệt là với những tiết văn của thầy. Những tiết văn như dòng nước mát lành len lỏi vào những tâm hồn trong trẻo của đám học trò chúng tôi. Bao điều lạ lẫm, bao điều mới mẻ đã mở ra... Cuộc đời thật đáng yêu, thật đáng sống, chúng tôi trở thành những thiếu niên biết mơ mộng và đầy hoài bão... Có thể nói, chỉ mấy tháng là học trò của thầy tôi đã bắt đầu viết được những câu văn đầu tiên. Có những câu văn được thầy uốn nắn, sửa chữa cho bớt phần vụng dại mà tới nay tôi vẫn còn nhớ.

Hồi đó tôi chỉ biết thầy là người Hà Tĩnh, thế thôi. Mãi sau này, khi tham gia bộ đội chống Mỹ, tháng 10 năm 1972, đường ra trận hành quân dọc con sông Ngàn Phố tôi mới được tận mắt chiêm ngưỡng phong cảnh quê thầy. Làng Gội đất Hương Sơn của thầy là một làng có truyền thống hiếu học và khoa bảng. Thầy Đinh Nho Hoan là cháu 6 đời của ông tổ Đinh Nho Công, tiến sĩ đời vua Lê Thánh Tông, là cháu 5 đời của Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn năm 1772. Ông cố của thầy là Tiến sĩ Đinh Nho Điển đậu năm 1838. Thân sinh thầy chính là

Tiến sĩ Đinh Nho Hân - Tiến sĩ hóa học đầu tiên của toàn cõi Đông Dương. Tuy là hậu duệ của một dòng họ có truyền thống vẻ vang, được sinh ra trong một gia đình danh giá, thế nhưng cuộc đời thầy lại long đong ngay từ lúc mới lọt lòng. Bốn tháng tuổi thì bố mất, thầy được mẹ đưa vào Sài Gòn gửi người bà con là một gia đình giầu có. Rồi thầy được gia đình này gửi vào học ở trường Ta pe - là một trường của đạo Thiên chúa lừng lẫy nhất Sài Gòn. Chính tại ngôi trường này thầy Đinh Nho Hoan được tiếp thu những kiến thức Tây học đầu tiên. Và cũng chính từ ngôi trường này, với sự cần cù và tư chất thông minh bẩm sinh thầy đã được trau dồi vốn Pháp ngữ đến độ đọc thông viết thạo để thầy có thể đọc trực tiếp các sách triết học cũng như các tác phẩm văn học Pháp.

Lên 9 tuổi, mẹ mất, được bà nội ở quê cho người đón về, từ đây thầy rơi vào khốn khó. 12 tuổi, bà nội mất không còn ai nuôi, thầy phải bỏ học. Nhưng nhờ học giỏi, Đinh Nho Hoan được các thầy thương yêu, giúp đỡ nên đã theo học hết cấp 2. Mới hết cấp 2 nhưng Đinh Nho Hoan đã làm được bài văn tiếng Pháp cho các anh lớp trên. Năm 1952, thầy ghi tên thi vào trường Sư phạm Liên khu 4 và là một trong hai người đỗ cao nhất trong 46 chỉ tiêu nhận học trên 2.000 thí sinh.

Tốt nghiệp ra trường, thầy được bổ dụng về Yên Thành dạy học. Nghề dạy học, những buổi sinh hoạt chuyên môn, những đợt tiếp thu chỉ đạo của cấp trên, không ít lần thầy phải nghe những ý kiến "chướng tai", những việc làm "gai mắt" của những quan chức kiến thức hạn hẹp nhưng muốn "lên mặt". Thầy cãi, thầy tranh luận bằng tất cả tiết tháo của một người có tâm hồn trong sáng và đầy lòng nhân ái mà ông cha truyền lại đang dạt dào trong huyết quản. Dù chịu sự hằn học, ghét bỏ và

kìm hãm của một vài kẻ có chức quyền, bù lại thầy luôn được đồng nghiệp mến phục, học trò yêu kính. Những đợt chuyên đề, hội thảo do Bộ Giáo dục tổ chức thầy thường được Ty giáo dục cử tham dự và phản biện. Bằng những ý kiến sắc sảo, tuy khiến không ít người khó chịu và bị coi là kẻ ương ngạnh, bướng bỉnh nhưng thầy luôn được lãnh đạo ngành đánh giá cao. Ngoài năng lực cao về chuyên môn, thầy còn có nhiều kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi. Ngót nửa thế kỷ trên bục giảng, không thể thống kê, không thể nhớ hết bao nhiêu học sinh giỏi được thầy phát hiện, bồi dưỡng...

Thực tế, tuy quê ở làng Gôi, nhưng vì sớm mất cha rồi mất mẹ nên thầy như cánh bèo trôi giạt. Tuổi ấu thơ ở Sài Gòn, 9 tuổi về quê vất vưởng vừa học vừa kiếm sống và học lên nên thầy chỉ sống ở làng Gội 5 năm, từ 1942 đến 1948. Xong khóa Sư phạm về dạy học ở Yên Thành, và tại đây, sau một thời gian đã diễn ra cuộc Cải cách ruộng đất. Cũng như nhiều nơi khác trong cả nước, sự kiện "long trời lở đất" này đã làm đảo lộn mọi nếp sống, nếp nghĩ và mọi giá trị vốn được kết tụ bền lâu ở một vùng quê vốn bình yên sau lũy tre làng. Vì trắng trẻo, thư sinh, thầy giáo trẻ Đinh Nho Hoan bị nghi là con cái địa chủ, đi đâu, làm gì cũng bị theo dõi, dòm ngó và bị gây không ít khó khăn. Tuy vậy thầy vẫn kiên trì với nếp suy nghĩ và giữ nguyên nếp sống, say mê công việc chuyên môn và hết lòng thương yêu học trò, nhất là những trò gặp hoàn cảnh khó khăn. Thời kỳ này, những học sinh là con cái những gia đình bị qui là địa chủ đều bị kỳ thị, gây khó dễ, đã luôn được thầy tìm cách bênh vực, bảo vệ.

Đoạn đời chìm nổi gian nan, tiếp đến là quãng thời gian nhiều biến cố, thăng trầm. Cách mạng tháng 8, rồi kháng chiến chống Pháp... Hiện thực đời sống ngổn ngộn trở thành "năng

lượng" đầy ắp, đã đến lúc phải "giải phóng". Năm 1961 thầy cầm bút viết truyện ngắn đầu tiên, và tác phẩm này đã giành giải 3 cuộc thi truyện ngắn do Bộ Giáo dục và Hội Nhà văn phối hợp tổ chức. Kết quả này như cú hích, tiếp đó thầy viết tiếp một truyện dài gửi ra Hội Nhà văn. Sau thời gian khá dài chờ đợi rồi bản thảo này bị trả trở lại. Thấy vậy, vị Hiệu trưởng nhà trường lúc đó đã nói, thứ thuộc "nhân văn giai phẩm..." ai người dùng. Chả là dạo đó người ta thấy thầy thường đọc các ấn phẩm của nhóm gọi là "Nhân văn, giai phẩm" như báo Nhân văn, tạp chí Giai phẩm mùa xuân... Nhóm gọi là "Nhân văn giai phẩm" lúc này đang là đối tượng bị phê phán và đấu tố kịch liệt. Thất vọng và phẫn chí, thầy đốt luôn bản thảo này và buông bút. Tiếc là 3 năm sau, một hôm anh cán bộ Văn phòng nhà trường đưa cho thầy bản nhận xét rất tốt của nhà văn Bùi Huy Phồn về truyện dài kia, nhưng đã quá muộn.

Về dạy học ở Quỳnh Lưu năm 1956. Năm 1959, thầy bén duyên cùng cô Hồ Thị Thảo. Cô Thảo cũng là một người được sinh ra trong một gia đình hiếu học... Dạo đó đang là thời kỳ chống Mỹ, cũng như bao nhiêu giáo viên khác với đời sống thiếu thốn, kham khổ. Đồng lương ít ỏi, thầy cô phải tha theo những đứa con qua rất nhiều nơi. Nào Quỳnh Hậu, nào Hoàng Mai... Tôi vẫn nhớ hình ảnh bữa ăn của gia đình thầy cô với bát cơm độn, bát canh rau...

Thế rồi đất nước hòa bình, thống nhất, các con thầy cô theo năm tháng, trưởng thành... Với đoàn con cháu đỗ đạt, thầy cô về hưu ung dung với cảnh sống tuổi già, chăm hoa, đọc sách, đánh cờ, vui vẻ tiêu dao ngày tháng. Tiếc cho một tài năng bị lãng phí, một bạn học vốn rất hiểu thầy, trong một lần từ Hà Nội về thăm quê đã nói với thầy: "Tài như cậu phải làm một việc gì cho gia đình, cho xã hội chứ...". Không ngờ, lời nhắc

nhở của bạn đã có tác dụng. Thầy đã lại cầm bút. Ngoài tuổi tám mươi mới cầm bút trở lại. Ngót cả thế kỷ tích lũy, bao kiến thức và vốn sống, bao trải nghiệm thăng trầm, bao ngọt bùi và cay đắng và chứng kiến kiến bao biến động... như bị dồn nén lúc này mới bung ra. Cảm xúc trào dâng, tư liệu dồi dào và ngôn ngữ phong phú, tôi có thể hình dung khi thầy viết, có lẽ bàn tay không theo kịp với ý nghĩ. Thầy đã viết một mạch... Năm 2012 thầy vừa hoàn thành thành cuốn Kể chuyện làng Côi. Sau đó thầy viết tiếp Mái trường một thuở cả hai cuốn đều được Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành.

Nếu như Mái trường một thuở kể về những ngày thầy cùng học trò vùng Hoàng Mai, Nghệ An vượt qua khó khăn dời trường dựng lớp dưới mưa bom bão đạn của giặc Mỹ, thời gian và không gian có giới hạn, chừng mực, thì trong Kể chuyện làng Gôi, tác giả đã làm sống lại một vùng quê được mở rộng, có độ lớn về thời gian và số nhân vật. Vùng làng Côi của huyện Nho Lâm bên dòng sông Phố, một vùng quê trù mật với núi đồi, bờ bãi, với dãy Dăng Màn, với núi Thiên Nhẫn có hổ báo, có ba ba, có suối khe trong vắt... Làng Côi trong chế độ phong kiến với những tập tục, hương ước, với những lề luật khắt khe nhưng vẫn duy trì được mọi trật tự và thấm đẫm tình người. Thế rồi cách mạng đến, cách mạng đã thổi tới làng Côi luồng gió mới làm đảo lộn tất cả, đưa con người lại gần nhau hơn. Cách mạng đưa người làng Côi trở thành những công dân của thể chế dân chủ cộng hòa, có trách nhiệm trước tồn vong của đất nước mà tham gia hết lòng cho sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, cho dù còn hết sức thiếu thốn, phải ăn đói mặc rách. Tưởng đâu cuộc sống, cho dù còn gian khổ, sẽ biến đổi đi lên, vậy mà... Từ tưởng từ một nước lớn tràn về, cuộc Cải cách ruộng đất long trời lở đất như một cơn bão lốc

ập đến đã làm cho làng Côi xơ xác, tiêu điều và bao giá trị tồn tại lâu bền nơi đây bị đảo lộn...

Giọng văn của thầy có lúc như thủ thỉ, lúc lại như gào thét, có lúc lại trầm xuống như ái ngại với những số phận. Kẻ lưu manh nhảy lên có quyền cưỡi đầu cưỡi cổ, những ông tú, ông cử... những người như là biểu tượng cho những giá trị nhân bản lâu bền bị chà đạp, giày xéo... Nhưng rồi làng Côi cũng vượt qua mọi biến cố. Người làng Côi trước đến nay vẫn vậy, hết lòng vì cách mạng, cùng chung số phận với cả nước. Dân làng Côi sẵn sàng xả thân, sẵn sàng vét đến hạt thóc cuối cùng cho công cuộc kháng chiến... Thời gian của câu chuyện kéo dài từ đầu thế kỷ 20 sang thế kỷ 21. Bao lớp người đã mất, nhiều lớp người mới được sinh ra. Đường biên văn học như bị phá vỡ... Nhưng làng Côi vẫn là cái làng Côi ấy. Cho dù trải qua thăng trầm biến cố, trải qua sóng gió của thời kinh tế thị trường, các giá trị dù có bị đảo lộn thì con người nơi đây, trong thẳm sâu máu huyết, vẫn giữ được tình người... Trong sâu thẳm của tâm tư, qua văn chương cũng như câu chuyện trao đổi, thầy muốn khẳng định rằng, nông dân Việt Nam nói chung, người làng Côi nói riêng, dù dưới chế độ nào, vẫn một lòng son sắt vì đất nước.

Hôm nay đây, trong ngồi nhà đơn sơ, chẳng khác mấy với nếp nhà tranh vách nứa cách nay ngót sáu chục năm, nơi mà tôi đã từng chứng kiến thầy cặm cụi bên cửa sổ với chiếc mỏ hàn nhỏ mầy mò lắp glen bán dẫn. Thầy vẫn vậy, luôn khám phá, luôn kiếm tìm. Và ngay giờ đây, khối óc, trái tim thầy vẫn chưa ngơi nghỉ. Bằng việc hàng ngày trầm tư nghiền ngẫm, thầy đang hiện diện với cuộc đời theo tinh thần của triết học duy lý Đề các: "Tôi tư duy, vậy tôi tồn tại".

Nguồn Văn nghệ số 13/2020".

30. Thầy Đinh Nho Kiểu - Người trong cõi nhớ

Bài đăng trên trang điện tử thptchuyenhatinh.edu.vn ngày 22/09/2021 của tác giả Thái Thanh Huyền (người đăng Trần Thị Thu Huyền) viết về Nhà giáo Đinh Nho Kiểu, đời thứ 18 họ Đinh Nho.

"Trong ba mươi năm gian khó và thành công của trường Chuyên Hà Tĩnh luôn có những tấm gương tận tụy, mẫu mực, gắn bó cả cuộc đời mình với bục giảng, với mái trường. Những con người ấy đã để lại trong lòng biết bao thế hệ học sinh những niềm cảm phục kính trọng và cả những niềm thương tiếc khôn nguôi. Một trong những người thầy để lại dấu ấn sâu sắc trong nhiều thế hệ chuyên Toán, chuyên Lý đầu tiên của trường THPT Năng khiếu Hà Tĩnh ngày ấy là thầy Đinh Nho Kiểu, người đã phụng hiến và hy sinh hết mình cho sự nghiệp trăm năm trồng người, cho tương lai của nhà trường và các thế hệ học sinh.

Chuyên mục hôm nay xin giới thiệu bài viết của một cựu học sinh, đồng thời cũng là giáo viên của Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh - cô giáo Thái Thanh Huyền. Bài viết với tựa đề "Thầy Đinh Nho Kiểu - Người trong cõi nhớ", từng được đăng trong Kỷ yếu hai mươi năm thành lập trường.

THẦY ĐINH NHO KIỂU - NGƯỜI TRONG CÕI NHỚ

Tôi đứng tần ngần rất lâu trước cánh cổng sắt đã hoen rỉ, bạc màu thời gian ở cuối con đường Nguyễn Du. Ngôi nhà cũ kỹ, mang cái vẻ sầu muộn và ủ rũ bởi những tường loang lổ rêu xanh, góc sân nhỏ cũng đã nhạt phai màu của đất... Đã nhiều lần tôi bước chân vào ngôi nhà đó, và lần nào, Thầy cũng ra mở cửa đón chúng tôi bằng nụ cười hồn hậu, ấm áp. Nhưng ngôi nhà ấy, đã vắng bóng thầy Đinh Nho Kiểu hơn 7 năm nay rồi...

1. Thầy Đinh Nho Kiểu thuộc thế hệ giáo viên đầu tiên của trường Năng Khiếu Hà Tĩnh. Sinh ra và lớn lên ở một vùng quê nghèo bên dòng sông Ngàn Phố của xã Sơn Hòa – Hương Sơn – Hà Tĩnh, Thầy Đinh Nho Kiểu tự hào là người con của dòng họ Đinh Nho, một dòng họ nổi tiếng về học hành khoa cử. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Vinh khoa Lý năm 1972, Thầy được giữ lại dạy ở Cao đẳng Sư phạm Vinh. Năm 1980, Thầy đỗ nghiên cứu sinh đi học ở Đức, nhưng cuối cùng đã không đi được vì một lời nhận xét không rõ ràng ở địa phương (?). Như cánh diều đang lên bỗng nhiên gặp lúc gió lặng, ước nguyện không thành bởi một lý do "không ai hiểu nổi", Thầy buồn bã, lặng lẽ rời xa thành Vinh trở về quê, lại làm một ông đồ nghèo ở Trường cấp III Lê Hữu Trác.

Chị Đinh Nho Lam Hương, con gái của thầy Kiểu kể lại: Năm 1991, khi được điều về trường Năng khiếu, cha tôi đã băn khoăn, trăn trở rất nhiều vì lúc đó cha tôi đã hơn 50 tuổi. Ông nói với chị: "Gái sinh nở - Trai dời dinh cơ" nhưng cuối cùng ông vẫn quyết định đi vì nghĩ tới môi trường làm việc và tương lai con cái. Kỉ niệm về ngày đầu đến nhận công tác vẫn in hằn trong kí ức của chị Hương. Chị kể lại với tôi: "Đó là ngày 19 tháng 10 năm 1991, cha tôi và tôi rời Sơn Hoà trong mưa lũ, 2 ngày sau mới đến thị xã Hà Tĩnh vì tắc đường. Hầu hết tài liệu, sách vở đều ướt mèm. Tối đó, cha con tôi, o Lộc (Cô Nguyễn Thị Lộc - kế toán đầu tiên của trường) và chú Lữ (thầy Tống Trần Lữ) đều ngủ trên bàn lim, không màn, không chiếu. Không ai có thể quên được những bữa cơm nhóm bếp mất trọn một tiếng đồng hồ, cơm toàn sạn và thức ăn độc nhất là món tép khô. Những ngày tháng tiếp theo, khó khăn chồng chất khó khăn vậy mà những thầy cô đầy tâm huyết ấy vẫn bám trụ đến cùng. Hai mươi năm đã trôi qua, thành công nối

tiếp thành công nhưng tất cả những giáo viên của năm học đầu tiên ấy đã không còn ai ở trường nữa. Một số chuyển công tác hoặc về hưu, hai người đã đi xa. Dẫu biết rằng ai cũng phải tuân theo quy luật tất yếu - cát bụi lại trở về với cát bụi - nhưng mỗi lần hội ngộ những giáo viên cũ, tôi lại thắt lòng vì nhớ cha tôi".

Trong kí ức của tôi, một cựu học sinh chuyên Văn trường Năng khiếu Hà Tĩnh, Thầy Đinh Nho Kiểu vẫn hiện lên với dáng người gầy gầy cao cao, đôi mắt sâu và sáng, một sống mũi cao thẳng và thấp thoáng một nụ cười hóm hỉnh. Tôi nhớ rất rõ vì Thầy đã dạy môn Vật Lý lớp tôi đến những... 5 năm. Ngày đó, giờ học môn Lý không bao giờ nhàm chán bởi những câu nói "lạ tai", những câu chuyện đúc kết triết lý sâu sắc của Thầy. Tôi không thể quên dáng đi nghiêng nghiêng của Thầy mỗi lần vào lớp, quyển sách vo tròn lại trong tay, có khi dắt ở túi quần. Thầy cầm cho có vậy thôi, chứ lúc dạy Thầy không cần đến sách giáo khoa, kiến thức đã nhuần nhuyễn cứ thế tuôn ra thôi. Học sinh lớp Văn, vốn lãng mạn, hay lãng...đãng, ít tập trung vào chuyên môn... Lý, nên cũng thường đặt ra những câu hỏi "bên lề" để nghe Thầy nói chuyện cho vui. Và không chỉ "cho vui" đâu, chúng tôi còn ngộ ra được rất nhiều điều từ những câu chuyện Thầy kể. Có lần, chúng tôi hỏi Thầy một câu rất chi là... không hợp tuổi: "Thầy ơi, đàn ông như thế nào thì được coi là người đào hoa?". Và Thầy đã liệt kê ra bốn kiểu đàn ông dễ trở thành người đào hoa: Thứ nhất là đàn ông đẹp trai, thứ hai là có tài lẻ, như hát hay, chơi đàn giỏi, thứ ba là thông minh và thứ tư là có tài ăn nói. Bây giờ nghĩ lại, tự hỏi, thầy Kiểu vừa đẹp trai, vừa thông minh như vậy, có phải thời trai trẻ Thầy cũng từng có... số đào hoa? (Nhưng phải chăng, trời xanh vẫn thường hay ghen tị với những người tài hoa)...

2. Suốt cuộc đời, thầy đã sống một cuộc sống thanh cao và bần bạc. Dẫu không phải bon chen, không phải lụy mình để được sống đúng với tư chất một ông đồ xứ Nghệ, nhưng gặp phải thời buổi kinh tế khó khăn, Thầy đã phải lam lũ, vất vả làm thêm rất nhiều nghề để nuôi ba đứa con ăn học. Chỉ cho đến khi về dạy ở trường Năng khiếu, Thầy mới có thể sống với nghề và bằng nghề dạy học. Biết bao học trò chuyên Toán, chuyên Lý... qua các thế hệ đã nhớ mãi những tiết dạy của Thầy. Thầy biết cách thu hút học sinh tập trung vào bài giảng, lối truyền đạt giản dị mà dễ hiểu nên để lại ấn tượng sâu sắc với học sinh. Nhiều học sinh đã ngưỡng mộ Thầy như một người Thầy mẫu mực và đáng kính nhất.

Anh Bùi Tiến Sỹ, cựu học sinh chuyên Toán khóa 4 (hiện nay là giảng viên nghiên cứu viên của Học viện quân y, đang làm nghiên cứu sinh tại khoa dịch tễ học phân tử các mầm bệnh virus, viện Robert Koch, Berlin, CHLB Đức) xúc động kể lại rằng, Thầy Kiểu là người anh ngưỡng mộ và quý mến nhất quãng đời học sinh của mình. Dù theo học khối B để thực hiện ước mơ vào trường Y trở thành bác sĩ, học Lý không nhiều nhưng anh luôn bị thu hút bởi những tiết dạy của Thầy. Với anh, Thầy Kiểu không chỉ như người Thầy truyền đạt kiến thức mà còn là một người cha tận tụy, người bạn lớn rất thấu hiểu lẽ đời. Anh Sỹ nhớ lại một kỉ niệm khó quên với Thầy Kiểu: Năm học lớp 11, trượt đội tuyển toán 12 là một cú sốc của tôi với Hào, hai đứa chán nản không học lại hay nghịch phá. Thầy đã nói chuyện và động viên tôi với Hào tiếp tục học tập, dần dần 2 đứa cũng cân bằng lại và học nhiều hơn. Thầy rất thương Hào, vì biết bạn ấy hoàn cảnh rất khó khăn, nhà không đủ ăn, bố lại bị tâm thần. Thầy và chị Hương thỉnh thoảng lại cho bạn ấy tiền học. Sau này, tôi và Hào vào đại học học cùng

một lớp, mỗi lần về hè, về Tết, đến chơi nhà Thầy, Thầy lúc nào cũng dặn dò là phải luôn giúp đỡ và trông chừng Hào. Lúc Thầy bị ốm nặng, nói rất khó khăn, nhưng Thầy vẫn gắng gượng hỏi han tình hình mỗi đứa. Kiến thức chưa phải là tất cả, Thầy còn dạy chúng tôi đạo làm người. Bây giờ mỗi lúc nghĩ đến Thầy, tôi lại chạnh lòng xót xa. Ân tình Thầy còn đó, những lời nói của Thầy còn đó mà Thầy đã đi xa...

Vâng, Thầy Kiểu đã ra đi, mãi mãi... Căn bệnh tâm phế mãn, hậu quả của sự lam lũ, nhọc nhằn suốt cuộc đời dạy học, đã chuyển thành căn bệnh ung thư phổi quái ác. Chưa kịp về hưu, Thầy đã phải rời xa bục giảng để điều trị ở bệnh viện. Những câu chuyện bị ngắt quãng bởi những cơn ho, rồi những lời dặn dò cuối cùng cũng không sao giữ lại được nữa... Một tháng trước khi mất, Thầy đã không thể nói vì khối u đã di căn sang dây thanh. Chị Hương đã không thể giấu được nỗi nghẹn ngào khi nhớ lại những ngày tháng ấy: "Cha tôi không biết bệnh tình thực sự của mình, ông vẫn tin là mình chưa thể ra đi nhanh như thế được, ông muốn nhìn thấy sự trưởng thành của cháu con, của những học trò mà người rất mực yêu quý và chăm chút. Thời gian cuối ở trong bệnh viện, cha tôi rất khó thở, nằm hay ngồi gì cũng khó khăn. Tôi phải quan sát nhịp thở của ông để bón cho ông từng thìa cháo nhỏ, từng ngụm nước để ông không bị nghẹn..."

Người thân, đồng nghiệp, học sinh hằng ngày ra bệnh viện thăm Thầy, nhìn Thầy những lúc đó, nước mắt lại nghẹn rơi... Sau mấy tháng chăm sóc Thầy, cô Lý, người vợ hiền của Thầy vốn sức khỏe không được tốt lại càng thêm tiều tuỵ đi. Những ai gắn bó với Thầy Kiểu đều không thể quên, ở trong khoa nội bệnh viện Hà Tĩnh hồi ấy, có một bệnh nhân – một người thầy đang từng giờ chống chọi với bệnh tật. Tóc đã bạc

gần hết, thân thể gần như suy kiệt, phải thường xuyên thở bằng oxy. Và Thầy không còn nói được nữa. Duy chỉ có đôi mắt của Thầy là vẫn sáng.

Và dường như tất cả những nỗi niềm của Thầy đều dồn vào đôi mắt ấy, đôi mắt của một trí tuệ mẫn tiệp, một tâm hồn tha thiết yêu sự sống mà thấy mình bất lực. Nhiều lúc, tôi như thấy, nước mắt ứa ra từ đó. Thầy xúc động khi thấy học trò đi xa, trưởng thành vẫn tìm về thăm. Thầy Nguyễn Đăng Ái, trong lời phát biểu cảm nghĩ lúc chia tay quãng đời 19 năm làm hiệu trưởng trường Chuyên Hà Tĩnh của mình đã xúc động nhắc lại: Thương lắm, nhớ lắm những người đồng nghiệp cũ đã đi xa, anh Trương Biên Thuỳ, anh Đinh Nho Kiểu. Không thể nào quên những giờ phút cuối cùng, dù đã rất yếu, các anh vẫn gắng gượng vì học sinh, vẫn đến trường chỉ để nhìn học sinh một lát, dù không thể dạy được nữa... Cả cuộc đời người Thầy ấy chỉ luôn thường trực một nỗi trăn trở về học sinh, về những gì đã làm được và không thể làm được cho các học trò yêu quý. Chị Hương kể lại, Thầy có thói quen để những giấy tờ quan trọng trong túi áo. Lúc biết cha sắp mất, chị xin ông cất hộ và chị đã không ngờ được, đó chỉ là... thẻ bảo hiểm y tế và danh sách 8 học sinh đạt giải trong kì thi HSG quốc gia môn Lý năm đó (!!!). Nhưng tình cảm của vợ con, của đồng nghiệp và các thế hệ học sinh cũng chỉ giữ được Thầy một thời gian ngắn ngủi. Một ngày hè định mệnh, ngày 13 tháng 6 năm 2004, mái trường Năng khiếu tỉnh thân yêu đã không còn Thầy Kiểu nữa. Đợt đó, đang giữa mùa hè oi bức mà bỗng dưng có áp thấp nhiệt đới, Hà Tĩnh mưa như trút nước. Mưa ngoài trời mà lạnh đến cả trong tim...

3. Cũng trong một ngày hè nóng bức, tôi ngồi trong căn nhà số 375 đường Nguyễn Du, trước mặt là bàn thờ có di ảnh

của Thầy. Góc bàn thờ cũng đã phủ bụi thời gian. Bảy năm, Thầy đã thuộc về một cõi khác, nhưng trong tiềm thức của những thế hệ học trò như chúng tôi, thì thầy như vẫn còn đó. Vẫn ánh mắt sâu thẳm và nụ cười nhân hậu, yêu thương cuộc đời, yêu thương từng thế hệ học sinh mà không đòi hỏi cho riêng mình một chút gì... Trong chặng đường 20 gian khó và thành công của trường Chuyên Hà Tĩnh đã có một cuộc đời, một con người như thế. Tôi xin được mượn lời một ông già trong vở kịch "Người trong cõi nhớ" (Lưu Quang Vũ) để tặng Thầy: "Chúng tôi là những người đã chết. Nhưng người ta chỉ chết hẳn đi khi không còn sống trong lòng người khác nữa. Ngoài thế giới của những người đang sống và cõi lặng im của người đã chết, còn một cõi thứ ba nữa: đó là cõi của những người đang sống trong trí nhớ của người khác, những người không bị lãng quên. Nơi chúng tôi đang ở chính là cõi đó. Chúng tôi vẫn đang được những người đang sống nhớ đến, nhờ vậy chúng tôi vẫn còn được sống". Và tôi tin trong thế giới đó, linh hồn Thầy được siêu thoát, nhẹ nhõm, bởi Thầy đã sống một cuộc đời thực sự ý nghĩa.

Thái Thanh Huyền – Tháng 7/2011".

31. Doanh nhân Đinh Thị Hoa

Bài đăng trên trang điện tử nguoinoitieng.tv với đường dẫn nguoinoitieng.tv/nghe-nghiep/doanh-nhan/dinh-thi-hoa/bbxh. Bà Đinh Thị Hoa, đời thứ 17, bà là con gái của cụ Đinh Nho Liêm, nguyên Thứ trưởng Thứ nhất Bộ Ngoại giao.

"Đinh Thị Hoa là một nữ doanh nhân nổi tiếng Việt Nam. Bà được biết đến với vị trí là Chủ tịch kiêm Tổng

Giám đốc Công ty Cổ phần phim Thiên Ngân (Galaxy Studio); Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán Thiên Việt (TVS).

Sau khi hoàn thành khóa du học tại nước ngoài, bà Hoa quay trở về Việt Nam cùng ông Trần Vũ Hoài, bạn học Harvard thành lập Công ty Thiên Ngân - Galaxy. Ban đầu, Công ty này chuyên tư vấn cho các tổ chức, doanh nghiệp đa quốc gia muốn quảng bá và đầu tư vào Việt Nam. Năm 1995, Thiên Ngân mở rộng thêm hoạt động tổ chức sự kiện, sản xuất và phát hành phim. Năm 2003 có lẽ là dấu mốc đáng nhớ nhất của Galaxy. Đây là thời điểm nhà nước cho phép tư nhân tham gia sản xuất phim. Thiên Ngân là đơn vị đầu tiên nhảy vào và thành công vang dội, cho đến nay vẫn dẫn đầu các hãng phim Việt. Với lối tư duy đột phá và cách làm quyết liệt của bà Hoa, Galaxy hướng vào dòng phim thị trường và thành công bất ngờ, năm 2004, Công ty đầu tư cho phim *Những cô gái chân dài*. Kết quả là khách kéo đến rạp "đông chưa từng thấy" và tạo cảm hứng cho các hãng phim Việt khác về dòng phim bị xem là "mì ăn liền" này. Sau đó là thành công của nhưng bộ phim *Nụ hôn thần chết* (2008), *Giải cứu thần chết* (2009), *Long Ruồi* (2011)... Đặc biệt, bộ phim *Mỹ nhân kế* (2013) đã đánh bật cả các siêu phẩm đến từ Hollywood như *Kungfu Panda* và *Avatar* khi cán mốc 52 tỉ đồng doanh thu, trở thành bộ phim ăn khách nhất cho đến thời điểm đó. Đến năm 2015, đột phá trong phim *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*, bộ phim đạt kỉ lục trong làng điện ảnh Việt khi đạt tới 78 tỉ đồng doanh thu sau một tháng công chiếu, trong khi vốn đầu tư chỉ trên 20 tỉ đồng.

Ngoài những thành công trong lĩnh vực phim ảnh, bà Hoa còn ghi nhiều dấu ấn trong lĩnh vực tài chính. Hiện bà

là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập tại Ngân hàng Á Châu (ACB).

Với tài năng của mình bà đã ghi tên mình trong TOP 10 nữ doanh nhân thành công nhất năm 2013 do tạp chí *Forbes* bình chọn.

Năm 2017, bà được bình chọn trong TOP 20 người phụ nữ quyền lực nhất Việt Nam do tạp chí *Forbes Việt Nam* đánh giá năm 2017.

32. Đinh Nho Tuấn, củ khoai, quả cà làm nên vóc dáng

Bài đăng trên trang điện tử vanhoavaphattrien.vn ngày 12/12/2021 của tác giả Ngô Đức Hành viết về Tiến sĩ Kinh tế, Thạc sĩ Luật học, Nhà thơ Đinh Nho Tuấn, nhánh họ Đinh Nho ở xã Sơn Tân, con trai cụ Đinh Nho Liêm (1936 - 2012), cụ Liêm nguyên là Tổng Biên tập *Báo Hà Tĩnh*.

"Đinh Nho Tuấn đang 'thăng hoa' cùng thơ. Nói về sức sáng tạo của Đinh Nho Tuấn, không riêng tôi mà GS. Phong Lê, nguyên Viện trưởng Viện Văn học, nay là Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam đã nhận xét: 'Phải nói đó là một lao động thơ đáng nể, không dễ thực hiện ở bất cứ ai, dẫu là nhà thơ chuyên nghiệp. Thế nhưng điều đáng nói ở đây lại không phải là mật độ thơ, ở số lượng bài mà ở sự mở rộng của chất liệu và cảm hứng thơ.'

1. Trong ba năm 2018, 2019, 2020, TS. Đinh Nho Tuấn 'trình làng' văn chương 3 tập thơ: *Em hãy cho anh vội*, *Em tôi*, *Díu dan với núi sông*, NXB Hội Nhà văn cấp phép. Cả 3 tập thơ đều dày dặn. *Em hãy cho anh vội* gồm 76 bài, gần 200 trang in; *Em tôi* gồm 101 bài và chùm thơ ngắn 4 câu (2 chùm 64 bài),

chùm thơ ngắn 8 câu (chùm 13 bài), 324 trang in; *Díu dan với núi sông* gồm 76 bài, 218 trang in.

Đinh Nho Tuấn đang 'thăng hoa' cùng thơ. Nói về sức sáng tạo của Đinh Nho Tuấn, không riêng tôi mà GS. Phong Lê, nguyên Viện trưởng Viện Văn học, nay là Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam đã nhận xét: 'Phải nói đó là một lao động thơ đáng nể, không dễ thực hiện ở bất cứ ai, dẫu là nhà thơ chuyên nghiệp. Thế nhưng điều đáng nói ở đây lại không phải là mật độ thơ, ở số lượng bài mà ở sự mở rộng của chất liệu và cảm hứng thơ'. (Lời giới thiệu cho tập *Em tôi*).

Đọc thơ Đinh Nho Tuấn, dễ thấy cuộc sống ngoài kia cứ vỗ vào trái tim anh, bật lên thành thơ. Anh viết về thế giới, đất nước, quê hương, tình yêu, về những người thân, bạn hữu... Tức là cả 3 tập đã xuất bản, đề tài rộng, đa dạng. Thơ Đinh Nho Tuấn, ngoài những chùm thơ ngắn (trong Em tôi), cả 3 tập đều có những bài thơ dài đến kinh ngạc. GS. Phong Lê khi giới thiệu *Em tôi* đã thống kê, đánh giá: 'Và cái mới, hoặc lạ theo tôi là những bài thơ dài đến bảy chục câu, thậm chí trên 100 câu, để trang trải một câu chuyện dài, như Titanich (132 câu); hoặc cho cả một đời người, như câu chuyện *Em tôi* (132 câu)...'.

Trong *Díu dan với núi sông*, bài *Tổ quốc và tôi* gồm 6 đoạn, 10 trang in, 132 câu; bài *Lễ cưới vui vẻ* gồm 16 trang in. Nếu như *Lễ cưới vui vẻ* là câu chuyện thơ dài, thì *Tổ quốc và tôi* được xem như một 'tiểu trường ca'. Đinh Nho Tuấn có thể phát triển thành một trường ca vạm vỡ, tư tưởng của bài thơ đáng ghi nhận. Như vậy, Đinh Nho Tuấn, ít nhất có đến 3 bài thơ đều 132 câu. Con số 132 đang là ẩn số chưa giải mã được.

Đinh Nho Tuấn là con "nhà nòi", ông cụ thân sinh, cố nhà báo lão thành Đinh Nho Liêm, nguyên Tổng biên tập Báo *Hà*

Tĩnh cũng là một tác giả thơ. Hồn thơ Đinh Nho Tuấn được nuôi dưỡng trong 'không gian' của Ví giặm, của *Truyện Kiều* và 'nếp nhà' thi ca ấy. Người đọc nhận ra Đinh Nho Tuấn là người gần gũi, trọng tình, dễ sẻ chia trong thơ. *Người thơ* Đinh Nho Tuấn đầy trắc ẩn, xa xót.

Lớn lên Đinh Nho Tuấn sang Liên Xô (cũ) du học, rồi về nước khởi nghiệp. Đường đời, đường thơ song hành. Anh đi nhiều, từ bến Giang Đình (Hà Tĩnh), đến với nước gần, nước xa; gần và xa thành nỗi lòng như *Mùa thu nước Nga*. Đến đâu Đinh Nho Tuấn cũng có thơ. Thơ xác tín Đinh Nho Tuấn được chọn trao gửi, để 'díu dan' giữa cõi vô thức và cõi người.

2. Đinh Nho Tuấn cả nghĩ. Đọc thơ anh, nhất là tập *Díu dan với núi sông* dễ thấy anh là người yêu quê hương, đất nước đến thế nào! Trong tập này, ngoài bài thơ dài *Tổ quốc và tôi*, còn có bài *Khi Tổ quốc nguy nan từ biển*, *Những hòn đảo Tổ quốc*.

Biển không chỉ là không gian sinh tồn ngàn năm nay của người Việt mà còn là không gian văn hóa Việt được cha ông, lớp cha trước lớp con sau đổ bao xương máu tạo dựng nên. Đáng tiếc, không gian đó đang bị nước ngoài gặm nhấm, ăn cướp và đe dọa. Đọc những câu thơ của Đinh Nho Tuấn, không thể không nhói lòng:

...

Khi Tổ quốc nguy nan từ biển
Cả cỏ cây không một phút yên lòng
Đau đớn thay phải lấy máu mà làm nên đất nước
Lấy tro người tô thắm non sông
(Khi Tổ quốc nguy nan từ biển)

Bài thơ này nhà thơ Đinh Nho Tuấn viết vào trung tuần tháng Tư năm 2020. Thời điểm này hằng năm không ai quên được sự kiện đẫm máu Gạc Ma 32 năm trước. Ngày 14/3/1988 là một ngày đặc biệt đối với người dân Việt Nam. Đó là ngày Trung Quốc xua quân tấn công các chiến sĩ công binh của Việt Nam tại khu vực Trường Sa. Máu đã loang trên mặt Biển Đông. 64 chiến sĩ của chúng ta đã mãi mãi không trở về. Nỗi đau không thể nào quên được. Đau đớn là nỗi đau này lại do chính những người cùng chung lý tưởng gây ra. Âm mưu thôn tính biển Đông của Trung Quốc đặt người Việt vào tư thế luôn phải cảnh giác.

Chủ đề đất nước, không chỉ có trong *Díu dan với núi sông*. Trong tập thơ đầu tiên *Em hãy cho anh vội* anh có *Tôi đi tìm vần thơ đất nước*, *Đất nước 3*, *Đất nước và em*; trong *Em tôi* có *Sông Hồng*, *Hà Nội và nỗi nhớ*, *Linh hồn Gạc Ma*... Còn nếu nói theo cách của nhà văn Nga I-li-a Ê-ren-bua: 'Tình yêu đất nước bắt đầu từ tình yêu mái rạ nhà mình', thì gần như chủ đề này không thua kém mảng thơ về tình yêu của anh.

Dẫu đã đi nhiều nơi trên thế giới, nhưng với Đinh Nho Tuấn không đâu bằng Tổ quốc. Anh yêu đất nước, không chỉ từ những vấn đề lớn lao, mà bắt đầu từ những điều cụ thể, thân thuộc. Cũng nhà văn Nga I. Ê-ren-bua nói về quá trình hình thành lòng yêu nước một cách sinh động và giàu hình ảnh: 'Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc'.

Thực tế đã cho thấy điều đó là đúng. Lòng yêu nước vốn là khái niệm trừu tượng, nhưng nó được thể hiện qua những việc làm cụ thể, bình thường hằng ngày. Ngoài những bài thơ đau đáu thế sự, Đinh Nho Tuấn còn viết về những điều giản dị

như 'Rau khoai lang'... Đinh Nho Tuấn, khắc khoải từ những ngọn rau lang vượt vồng, từ vị bưởi quê nhà, từ vườn đêm nơi có vị mồ hôi trinh nữ làm xốn xang thuở bắt đầu biết yêu.

Có phải vì ngọn khoai mà những bài thơ cha màu xanh
Có phải vì ngọn khoai mắt chúng con màu xanh
Những nước mơ xanh
Có phải?
(Rau khoai lang)

3. Hẳn nhiên, Đinh Nho Tuấn yêu cuộc sống. Anh nâng niu từng khoảnh khắc của thiên nhiên, với thiên nhiên. Chính vì yêu và mang trong mình phẩm chất thi sỹ nên thiên nhiên luôn va đập vào trái tim mẫn cảm của anh. Không khó gì khó hiểu, trong ba tập thơ đã xuất bản, nhất là *Díu dan với núi sông* anh gắn mình mới thiên nhiên như một biện chứng sinh tồn.

Mỗi người sinh ra, ai mà không có cội nguồn gốc gác, ai mà không có quê hương. Quê hương là nơi ta sinh ra và lớn lên, nơi chôn rau cắt rốn của ta. Quê hương cho ta những kỷ niệm ngọt ngào, cho ta tuổi thơ tươi đẹp. Quê hương dạy ta những bài học làm người đầy ý nghĩa, để cho ta lớn khôn và trưởng thành. Với Đinh Nho Tuấn cũng vậy, quê hương có một vị trí vô cùng đặc biệt, chiếm một vị trí quan trọng trong thơ anh.

Đinh Nho Tuấn là người Xứ Nghệ, hẹp hơn, nơi chôn nhau cắt rốn của anh là Hà Tĩnh, nên không lạ, chủ đề làng quê thân thuộc trong thơ anh đậm nét. Hà Tĩnh luôn hiện hữu trong tâm hồn Đinh Nho Tuấn. Trong tập *Em hãy cho anh vội*, anh viết: *'Con mượn thơ cha làm mái chèo ngược dòng Lam/ Qua miền Nghi Xuân hướng về rừng Pù Mát/Nước vỗ mạn thuyền ngàn câu lục bát/ Lấp lóa sao trời thương kiếp Tố Như'*, (*Dòng Lam dòng La*).

Tình yêu cố hương trong thơ Đinh Nho Tuấn, tập thơ sau trở nên da diết hơn tập thơ trước. Có thể đó là dư vị hạnh phúc một "đêm quê" theo suốt cuộc đời: *Em mơ đêm lạnh/ Khép mình triền đê/ Ôm anh ấm gió/ Ngã vào đêm quê (Đêm quê).* Yêu quê đến da diết, và tự hào về xứ Nghệ *"Đi năm châu nơi mô cũng húc vào người Nghệ"*, (*Người Nghệ*).

Trong văn hiến Việt Nam, Hà Tĩnh nổi lên là vùng đất giàu bản sắc văn hóa. Đất anh hùng, đất học, đất nhạc, đất thơ, đó là "căn cước", là gương mặt riêng của Hà Tĩnh. Đây là nơi giàu truyền thống yêu quê hương, đất nước, kiên cường, dũng cảm trong chống giặc ngoại xâm, tạo nên bản sắc văn hóa vùng miền rất rõ nét. Nhạc sỹ Nguyễn Văn Tý lúc còn sống từng nói: 'Tài nguyên duy nhất của người Hà Tĩnh là người Hà Tĩnh'. Đinh Nho Tuấn tự hào về quê hương mình. Tuy nhiên, cũng không ít điều dở cần phải thay đổi trong môi trường hội nhập.

Đinh Nho Tuấn nhìn ra: *"Yêu chi yêu dập yêu vùi/ Ghét chi phang thẳng đến đui đến què"*; *"Anh ơi, chơ răng mà xúc thơ từng đọi/ Đổ xuống mùa em say cả ánh trăng rằm"*. Yêu đến dâng hiến, phân thân. Đó là nét đẹp. Nhưng cục cằn, gia trưởng, cục bộ thì không thể không khắc phục. Đinh Nho Tuấn đã có những cố gắng trong việc tạc chân dung con người xứ sở trong *Người Nghệ*.

Tôi muốn dành cảm tình đặc biệt với Đinh Nho Tuấn với bài thơ *Quê hương*, trang 139 đến trang 145 của tập *Díu dan với núi sông*. Đây cũng là bài thơ dài "phong cách" Đinh Nho Tuấn. Phần 1, anh phác họa "bức tranh thơ" tổng quát về quê; Phần 2, anh nói về dòng sông, đặc biệt là sông Lam có vị trí như "sông cả" của xứ Nghệ; Phần 3, anh nói về làng; Phần 4, anh nói về con người. Bài thơ trải dài và rộng về cảm xúc, biện chứng phồn sinh giữa đất và người. *"Ôi con người quê tôi/ Đội nắng mưa cả khi ở trong nhà/ Củ khoai quả cà làm nên vóc dáng"*, dẫu

quê nay khác quê xưa nhưng *"Quê hương/ Còn chút niềm đau"*. Đây là bài thơ, Đinh Nho Tuấn đa dạng thi pháp, ngay cả phát triển mới đồng dao như *"Còn thương còn giận còn cả bờ tre/ Còn non còn nước còn cả trưa hè"*, dù tổng thể là thi pháp tự do để anh biểu đạt được không gian cảm xúc và gửi gắm tư tưởng.

Đinh Nho Tuấn có mảng thơ sinh thái khá thú vị. Anh không đứng ngoài những vấn đề lớn của thời đại; lắng lo và thức tỉnh trước nguy cơ đối với văn hóa sinh thái của nhân loại. Có thể kể ra các bài *Mẹ thiên nhiên*, *Tôi quên bây giờ đã vào xuân*, *Tôi cám ơn buổi sáng này trong lành*...

Sự phát triển nhanh và cuồng hoan tiêu dùng bất chấp văn hóa, tín ngưỡng của cuộc sống hiện đại đẩy loài người đến chỗ phải đối mặt với hai hiện trạng nghiêm trọng: một là vấn đề cắt đứt với văn hóa truyền thống trong 'xung đột cổ kim', hai là ý thức hạnh phúc giả tạo, vay mượn, chụp giật, bóc lột không gian tồn tại của chính mình... Suy cho cùng, con người đang 'tấn công' vào chính tương lai của con cháu họ. Sinh thái vật chất và sinh thái tinh thần đang bị phá vỡ. Mưa lũ miền Trung năm 2020, có nguyên nhân "nhân tai". Covid-19 và các biến thể của nó phát sinh từ năm 2019 và kéo dài đến nay, phá vỡ hết tất cả các cấu trúc kinh tế và xã hội, do con người sinh ra. Hay nói cách khác, con người là thủ phạm nên tất yếu trở thành nạn nhân.

...
Theo tháng năm chưa bao giờ khép cửa
Mẹ nhân từ luôn dang rộng vòng tay
Vì con người cũng một loài cỏ dại
Xanh một đời, chết theo gió sẽ bay.

(*Mẹ thiên nhiên*)

Bài thơ này Đinh Nho Tuấn viết vào giữa tháng Tư năm 2020, khi đợt Covid-19 thứ hai bùng phát ở Việt Nam. Đọc thơ Đinh Nho Tuấn thấy anh không chỉ biết lắng nghe mà còn thấu hiểu "mẹ thiên nhiên". Chính vì thế, trái tim anh run lên đớn đau: '*Tôi quên bây giờ đã vào Xuân/ Mẹ thiên nhiên đâu có ngày tận thế/ Nhưng với con người, tôi tin/ Không gì là không thể*', (*Tôi quên bây giờ đã vào Xuân*).

Mừng vì Đinh Nho Tuấn tiếp tục cho ra đời "những bài thơ ngổn ngang, bề bộn và dạt dào xúc cảm", như đánh giá của nhà thơ Trần Đăng Khoa. Đinh Nho Tuấn là một nhà thơ giàu trắc ẩn, cảm xúc. Chính vì thế, thơ anh hồn hậu, dễ sang chấn cảm xúc cho người đọc, mang đến vẻ đẹp lương thiện cho những cảm xúc ấy".

33. Người phụ nữ khiếm thị tài năng vượt lên số phận

Bài đăng trên trang điện tử Nhà xuất bản Hà Nội nxbhanoi.com.vn, ngày 19/10/2016 của tác giả Đào Thị Huệ viết về Đinh Việt Anh, đời thứ 17, hiện là Phó Chủ tịch Hội người mù Việt Nam (và là em gái của chúng tôi - người soạn sách này).

"Đinh Việt Anh sinh năm 1978, hiện đang thường trú tại khu tập thể Trung tâm Đào tạo cán bộ và Phục hồi chức năng Hội Người mù Việt Nam thuộc phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy.

Việt Anh sinh ra tại một vùng quê nghèo thuộc xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Cô bé cũng được cha mẹ ban cho đôi mắt đen tròn, long lanh đẹp đẽ như bao đứa trẻ khác. Bất hạnh ập đến, lúc 3 tuổi căn bệnh thoái hóa võng mạc đã dần cướp đi nguồn ánh sáng của cô bé thơ ngây. Biết con gái

ham học, 5 tuổi mẹ Việt Anh đã xin cô giáo cho Việt Anh đến trường để được ngồi nghe giảng. Đáp lại những nỗ lực vượt bậc của cô gái mù, 12 năm miệt mài đèn sách, 12 năm vật lộn với từng con chữ cũng là 12 năm Việt Anh luôn dẫn đầu lớp.

Học hết Cấp 3, tưởng như con đường học tập của Việt Anh dừng lại tại đây, vì không có trường đại học nào nhận hồ sơ dự thi của người khiếm thị.

Năm 1997, khi Trung tâm Đào tạo cán bộ và Phục hồi chức năng Hội Người mù Việt Nam vừa mới thành lập thì Việt Anh một mình lặn lội từ Hà Tĩnh ra Hà Nội, tới trung tâm xin nhập học. Tốt nghiệp khóa học Việt Anh được giữ lại làm giảng viên. Tiếp cận với chữ nổi (chữ Brai dành riêng cho người mù) chính là cơ hội là bước ngoặt để Việt Anh cống hiến và phấn đấu.

Năm 1999, Việt Anh thi vào trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ngành Quản lý xã hội. 2 năm sau Việt Anh lại thi tiếp vào khoa Tiếng Anh, Viện Đại học Mở Hà Nội. Bằng mọi cách cô gái ấy đã miệt mài suốt 6 năm vừa làm, vừa học. Việt Anh đã tốt nghiệp xuất sắc hai trường đại học. Trong thời gian này, Việt Anh còn học thêm tiếng Pháp, tiếng Nhật và cũng có chứng chỉ sư phạm xuất sắc.

Năm 2005, Việt Anh là người khiếm thị duy nhất của Việt Nam được Hiệp hội Người mù khu vực châu Á - Thái Bình Dương cử tham gia khóa học Công nghệ thông tin tại Nhật Bản và một khóa học khác về công nghệ làm sách nói cho người mù tại Thái Lan.

Đinh Việt Anh có một gia đình khá đặc biệt, bởi cả hai vợ chồng đều không nhìn thấy. Song họ là một tổ ấm vô cùng viên mãn, hạnh phúc. Chồng chị là anh Phạm Xuân Trường sinh năm 1975 cũng là một cử nhân giỏi cùng giảng dạy trong

Trung tâm. Yêu nhau suốt 8 năm họ mới tổ chức kết hôn. Cưới xong, hai vợ chồng lại tiếp tục động viên nhau đi học cao học. Chỉ vì là người mù mà anh chị phải nộp hồ sơ tới lần thứ 3 mới được dự thi vào ngành quản lý công Học viện Hành chính Quốc gia.

Tháng Năm năm 2014 anh Phạm Xuân Trường và chị Đinh Việt Anh bảo vệ luận văn thạc sĩ tại Học viện Hành chính Quốc gia với kết quả xuất sắc. Chị Việt Anh đạt điểm cao nhất khóa học.

34 tuổi Việt Anh đã là Phó Giám đốc phụ trách đối ngoại của Trung tâm Đào tạo - Phục hồi chức năng, chị có thể giao tiếp tốt bằng ba ngoại ngữ Anh, Pháp, Nhật. Với lợi thế này, chị đã không ít lần vinh dự đại diện cho Việt Nam tham dự các khóa học chuyên đề, hội thảo quốc tế ở gần 10 quốc gia. Việt Anh cũng đã từng một mình sang Nhật, sang Thụy Điển, sang Malaysia tham gia các khóa học về kỹ năng cho người mù.

Năm 2013, Đinh Việt Anh được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Hội Người mù Việt Nam. Chị là Ủy viên Thường vụ kiêm Tổng Biên tập tạp chí *Đời mới*, vừa phụ trách đối ngoại vừa kiêm Trưởng ban Công tác phụ nữ và trẻ em.

Dù công việc bề bộn, nhiều năm qua Việt Anh vẫn tích cực viết và triển khai thực hiện nhiều dự án. Tìm đối tác, vận động sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Đẩy mạnh việc chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ, trẻ em mù trong cả nước.

Với sự kiên trì, bền bỉ, phấn đấu không biết mệt mỏi, Việt Anh đã được nhiều cấp, nhiều ngành vinh danh, biểu dương khen thưởng:

- Năm 2000 được Trung ương Đoàn tặng Bằng khen.

- Năm 2004 được Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tặng Bằng khen.

- Năm 2007 được Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tặng Bằng khen, vinh danh là Phụ nữ tài năng toàn quốc.

- Năm 2012 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

- Năm 2013 được Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tặng Bằng khen.

- Năm 2014 được thành phố Hà Nội vinh danh danh hiệu: Gia đình công nhân viên chức tiêu biểu của Thủ đô.

- Nhiều năm là Chiến sĩ thi đua được Trung ương Hội Người mù tặng nhiều Bằng khen.

Dẫu là một phụ nữ tài năng, là nhà quản lý giỏi với nhiều bằng khen, nhưng Việt Anh vẫn là người vợ đảm đang, người mẹ dịu hiền giống như bao người phụ nữ bình dị khác.

Ước mơ và khát vọng giản dị của Việt Anh là sẽ cố gắng hết mình cùng với Hội và các cơ quan liên quan góp phần từng bước giúp người khiếm thị Việt Nam tiến bộ hòa nhập với sự phát triển chung của xã hội.

Có thể nói, cuộc đời của cô gái khiếm thị Đinh Việt Anh là sự nối dài của những khát vọng không ngừng nghỉ. Khát vọng chiếm lĩnh tri thức, khát vọng được cống hiến và được làm những công việc có ích cho xã hội.

Đinh Việt Anh là một tấm gương sáng về người phụ nữ khiếm thị kiên cường đầy tự tin, đầy trách nhiệm; của một nghị lực phi thường vượt lên số phận; của một ý chí sắt đá; dẫu tàn nhưng không phế.

Đinh Việt Anh đúng là một bông hoa người tốt thắm sắc".

Hiện nay, Đinh Việt Anh đang là Phó Chủ tịch Hội người mù Việt Nam.

34. Những câu thơ ẩn chứa nỗi niềm

Bài đăng trên trang điện tử baoquangninh.vn ngày 05/08/2018 của Nhà văn Vũ Thảo Ngọc viết về tập thơ *Tự sự* của tác giả Đinh Tú Anh, đời thứ 17B dòng họ Đinh Nho (tức viết về tập thơ của chúng tôi - người soạn sách này).

"Tình cờ tôi có được tập thơ với tựa đề Tự sự (Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành năm 2017) của tác giả Đinh Tú Anh. Tác giả hiện đang công tác trong ngành mỏ, hóa ra thơ anh đã thi thoảng xuất hiện trên tạp chí của ngành. Những bài thơ dung dị viết về nơi anh công tác và có bài thơ đã từng được giải cao.

Nhưng tôi thực sự ngạc nhiên về độ dày của tập thơ với 300 trang in, 200 bài thơ ngắn, dài được chia thành 9 chương. Mỗi chương là một câu chuyện kể về đề tài của chương đó mà tác giả đã mặc định. Hai trăm bài thơ có đủ cả các thể loại: Lục bát, thất ngôn, tự do, thơ văn xuôi...

Qua mỗi câu chuyện thơ của mình, tác giả Đinh Tú Anh cố gắng diễn tả hết cảm xúc, cảm quan của mình để dâng đời những câu thơ như trái ngọt đầu mùa. Quả là tôi chưa thấy tập thơ nào in với hình thức chia... chương như tiểu thuyết cho thơ như thế này, thật sự ngạc nhiên và có thể gọi đây là "tiểu thuyết thơ" mới đúng! Anh dành hẳn chương 5 viết cho 12 tháng trong năm với đủ cung bậc cảm xúc theo thời gian. Tác giả khắc họa tháng Giêng như một nét vẽ trong trẻo, man mác như một hơi xuân buồn nhẹ: "Tháng Giêng buồn trong sóng mắt mơn xanh/ Trời tơ nõn mây hững hờ đưa đón/ Nắng nhạt màu đậu bờ vai ngả ngón/ Lẳng lơ đùa thiếu nữ buổi mai sương".

Ở chương 3 có tên "Quê hương, tuổi thơ và hoài niệm", anh chỉ đề cập đến tên những công việc mò cua, bắt cá, mót lúa ở làng. Cách làm này chắc ít tác giả nào có cách biểu thị tình

yêu quê như anh. Đinh Tú Anh đã trải hồn mình cùng những tên mang theo hơi thở phương ngữ Nghệ Tĩnh. Thông điệp của thơ ở đây không nhiều, nhưng cái tình của người viết dành cho quê hương lại vô cùng...

Các tên "chương" đều ghi rõ các vấn đề mà tác giả quan tâm: Về gia đình, vợ con, về thiên nhiên, thời gian, cảnh vật... Chương 2 có tên "Tôi" và tác giả đã tự họa luôn mình. Chương "Tự sự" là chương anh viết nhiều về Vùng mỏ, công việc làm mỏ hối hả, vất vả. Nhưng có những lúc cũng thật thư thái khi một mình với cả trời sao lồng lộng để mà làm thơ như trong bài có cái tên cũng rất... văn xuôi: Đêm Trung thu giữa vụng neo tàu Hòn Nét. Tác giả khắc họa cái hạnh phúc của riêng mình khi chen giữa nhiệm vụ rất buồn chán của công việc người làm xuất nhập khẩu than lênh đênh mấy ngày trời giữa biển xa. Cái hạnh phúc nhỏ nhoi ấy chính là thơ đã giúp người thơ thăng bằng khi phải đối diện với một công việc rất đặc thù: "Không gian ấy như mơ như thực/ Cảnh thần tiên lay thức hồn ta/ Một mình ở giữa bao la/ Ngỡ đang thư thái, Ngân Hà dạo chơi...".

Nhưng xuyên suốt tập thơ là nỗi nhớ quê hương day dứt và da diết trong mỗi câu thơ của tác giả. Dù là người gắn bó làm công việc kỹ thuật, nhưng tâm hồn tác giả rất lãng mạn. Anh đã bày tỏ được hết mọi nẻo lẽ đời, những lúc thăng trầm, yêu ghét, nhớ nhung theo các chiều suy tư cảm xúc của tác giả. Ví như viết cho người yêu, anh có thể dâng trào không ngơi nghỉ với "em" trong cả một chương thơ. Hãy nghe những câu thơ đầy cảm xúc chất chứa ấy của Đinh Tú Anh về tình yêu, những câu thơ dịu dàng, da diết nhớ nhung: "Ngược về bến hẹn xa xưa/ Con tim thổn thức như vừa chớm yêu/ Ngoài sân bong bóng vỡ nhiều/ Ai như người cũ liêu xiêu cuối trời"... Và, ngoài

những giãi bày cảm xúc dung dị ấy, Đinh Tú Anh có nhiều câu thơ đã mạnh dạn viết theo lối hiện sinh như các tác giả hậu hiện đại.

Là một tác giả làm thơ không chuyên, nhưng Đinh Tú Anh đã mang đến cho độc giả những nét khắc họa bằng thơ theo lối riêng. Nhưng vì không chuyên nên anh đã "tham" bày tỏ hết mọi ngõ ngách cảm xúc cá nhân khiến tác giả đã bị trượt dài theo cái tư duy riêng "tự sự". Mỗi tác phẩm văn học nghệ thuật ra đời là thuộc về công chúng, nên trách nhiệm của người viết không thể lệ thuộc vào cách duy cảm ấy, mà làm chất lượng tác phẩm kém đi. Tiếc cho tác giả không duy mỹ mà lại nặng về duy cảm là như thế. Tuy nhiên, Đinh Tú Anh có một tâm hồn thơ dung dị và nhiều nội lực. Hy vọng sẽ có dịp gặp tác giả ở một tác phẩm thơ mới nhiều hứa hẹn.

Một số bài thơ của tác giả Đinh Tú Anh rút từ trong tập *Tự sự*

TẢN MẠN TUỔI THƠ TÔI

Cha gánh sông Ngàn Phố về đổ đầy vại nước

Trong những ngày khô hạn nắng chang chang

Mẹ chở nguyên núi Thiên Nhẫn về làng bằng thuyền

Nhặt hạt sỏi, tôn nền nhà trong lũ

Chúng tôi trên chạn rơm hằng đêm nằm nghe trâu bò miệng nhồm nhoàm hình như chúng sắp đặt công việc của ngày mai

Nghe ấm ách bởi những củ khoai lang gầy nhũng nhẵng không chịu yên trong bụng chúng tôi mà ngủ

Ngắm trăng sao qua mái nhà ràn dột nhìn thấu trời

Trong mơ thơm ngai ngái mùi phân

Chúng tôi chạy thẳng băng trên những con đường làng nhão nhoẹt bùn đất, chơi những trò chơi của những thế kỷ trước, giờ không còn

Chúng tôi trèo lên những đỉnh đồi trơ sỏi đá, cứ ngỡ ngôi làng nhỏ bé của mình rộng lớn bao la cò bay mỏi cánh, mãi sau này mới biết mình nhầm

Chúng tôi đội mưa bão bằng những tán lá cọ bẻ vội ở vệ đường, và mừng vui hết biết khi nước lụt dâng ngập nhà trong sự lo lắng của cha mẹ

Nắng và gió Lào nung tóc và da chúng tôi cháy khét, những vũng nước chân trâu giữa đồng làm đã những cơn khát

Và rồi chúng tôi lớn lên

Và rồi chúng tôi mải miết đi xa theo những chân trời

Mỗi lần về làng

Làng mạc thưa dần

Nhưng trên đồi ngày càng dày thêm những ngôi mộ mới

Khi tôi kể lại cho con cái nghe câu chuyện thuở nhỏ cuộc đời mình

Chúng ngơ ngác

Khi tôi tự kể cho tôi nghe câu chuyện thuở nhỏ cuộc đời mình

Tôi đã khóc

Nước mắt chảy ngược về làng.

TÔI NGỒI ĐỢI TẾT

Tôi ngồi đợi Tết bao năm

Mà sao Tết vẫn xa xăm vô cùng

Nồi bánh chưng, bếp bập bùng

Manh áo mới, pháo đì đùng nay đâu?

Tôi ngồi đợi Tết từ lâu
Mà sao chẳng gặp chợ Trâu quê nhà
Tò he thổi, bóng bay và
Viên kẹo kéo, bám gánh bà mè nheo.

Tôi ngồi đợi cái Tết nghèo
Trời rét mướt, miếng khoai deo, mứt gừng
Thế thôi mà cứ tưng bừng
Học trò chốc chốc lại dừng: nhà tao!

Tôi ngồi đợi Tết năm nào
Cành mận hoa trắng, cành đào hồng phai
Giao thừa cha mặc áo dài
Đội khăn xếp khấn một bài chữ Nho.

Tôi ngồi đợi Tết mà lo
Bài khai bút cha giao cho, viết gì?
Hỏi bà, bà bảo ấy thì
Nghĩ sao viết vậy, khó chi ông đồ.

Tôi ngồi đợi Tết, Tết vô
Vẫn không thấy Tết năm mô quê mình...

TRƯỚC XUÂN

Chùa xa vọng lạnh tiếng chuông ngân
Khoảnh khắc Xuân sang đã rất gần
Khói quyện trầm thơm hương quyến luyến
Chồi bung lộc biếc lá phân vân

Ngong về chốn mẹ tầng mây lấp
Ngẫm đến tình cha giọt lệ rân
Những muốn thời gian quay ngược chút
Mà buồn tạo hoá cứ lần khân.

VẪN NẶNG LÒNG LẮM LẮM LẮM, QUÊ ƠI!
Mười bảy tuổi, cha cắt sợi dây neo
Thả thuyền đời, tôi xuôi dòng lặng lẽ
Hành lý nhẹ, ngực chứa đầy sức trẻ
Biệt luỹ tre, tôi xanh bước lên đường

Chào quê nhà bao ấp ủ, yêu thương
Chào Ngàn Phố, sông quê gần gụi quá
Chào Thiên Nhẫn, núi cao trèo thật đã
Chào cây sim, cây trện, tôi đi đây!

Tôi theo đời, phiêu bạt những tầng mây
Bao góc bể, chân trời sao kể xiết
Nếm tủi nhục, hưởng vinh hoa, đủ tiệt
Bước chân dài, năm tháng cũng dài theo

Bầu trời kia cũng có lúc trong veo
Có lúc hứng nổi ngàn cơn vần vũ
Giữa phong ba, thuyền lòng tôi tự nhủ
Vững tay chèo, an phận mỏng, nổi nênh

Đến hôm nay tạm qua hết thác gềnh
Năm mươi tuổi, đầu đã hai thứ tóc

Về với quê, lần đầu tiên tôi khóc
Xin được làm đứa trẻ của ngày xưa

Chào quê hương của lũ lụt bão mưa
Của củ sắn, của củ khoai, đói rét
Của khô hạn, của gió Lào, nắng khét
Tôi đã về bên chát nước chè xanh

Là tôi đây, của các chị, các anh
Của cô bác, người còn, người đã mất
Dù đã qua biết bao nhiêu miền đất
Vẫn nặng lòng, lắm lắm lắm, quê ơi!

Nhà văn Vũ Thảo Ngọc".

35. Chàng trai việt tốt nghiệp hai đại học danh tiếng bậc nhất Anh Và Mỹ

Bài đăng trên trang điện tử của báo *Dân trí* của tác giả Lệ Thu ngày 12/11/2020 viết về Đinh Nho Tâm, đời thứ 18, cháu nội cụ Đinh Nho Liêm, cụ Liêm nguyên là Thứ trưởng Thứ nhất Bộ Ngoại giao).

Thạc sĩ MBA Đinh Nho Tâm, từng đạt điểm GRE tuyệt đối (thuộc top 1% thế giới) tốt nghiệp ĐH Cambridge, Anh và nằm trong top 10% sinh viên tốt nghiệp tiêu biểu của khoa tại Đại học Stanford, Mỹ.

Huyền thoại "té" xuống sông Cam

Sinh năm 1986 tại Hà Nội, Đinh Nho Tâm sớm bộc lộ sự ham học và niềm yêu thích khám phá, thử thách.

Hành trình chinh phục tri thức ở môi trường quốc tế của Nho Tâm được truyền cảm hứng từ các thầy cô nhiệt huyết nhất. 'Cấp 2 mình học ở trường Trưng Vương từ thầy Vũ Hữu Bình, tác giả hàng trăm cuốn sách Toán gối đầu giường của nhiều thế hệ học sinh trung học. Cấp 3 mình được học từ thầy Trần Văn Khải, thầy giáo dạy Toán yêu quý của nhiều thế hệ học sinh chuyên Hà Nội – Amsterdam.

Nhờ nền tảng đó nên đại học mình đến Cambridge và học được tinh thần khám phá của ngôi trường đã đào tạo ra thiên tài khoa học như Newton, Darwin và Stephen Hawkings.

Ở bậc thạc sỹ, mình đến Stanford và thấm nhuần được tinh thần sáng tạo của ngôi trường đào tạo ra người sáng lập các công ty sáng tạo nhất thế giới như Google, Nike, Netflix, Instagram', anh chia sẻ.

Cũng vì luôn mong muốn tìm kiếm những thử thách khó nhất và niềm hâm mộ khoa Toán của trường Cambridge (đặc biệt là trường Trinity College, nơi đã đào tạo ra Isaac Newton), chàng trai Việt ứng tuyển và xuất sắc giành học bổng toàn phần của Đại học Cambrigde đến xứ sở sương mù du học bậc đại học.

Đại học Cambridge thực tế gồm 31 trường thành viên, trong đó trường Trinity College là trường nổi tiếng nhất. Trong 110 giải thưởng Nobel của Đại học Cambridge, Trinity College chiếm đến 34 giải. Cổng trường nơi Tâm theo hiện vẫn còn cây táo đã giúp Newton nghĩ ra định lý vạn vật hấp dẫn.

Vì nổi tiếng như vậy nên đăng ký vào khoa Toán của Trinity College cực kỳ khó.

Mừng là giáo sư Toán phỏng vấn rất thích câu trả lời sáng tạo của nam sinh Việt nên Tâm được trường cấp học bổng toàn phần Woods Studentship.

'Tổng giá trị học bổng trong các năm mình học ở Anh là gần 100 nghìn bảng, tương đương 3 tỷ đồng vào thời 2004, một phần thưởng lớn cho một cậu thiếu niên 18 tuổi mà mình không bao giờ quên được', Tâm kể.

Cambridge là một thành phố lãng mạn và cổ kính. Xen giữa các ngôi trường thành viên (college) và các thư viện lâu đời là các thảm cỏ trải dài, các công viên xanh tươi và dòng sông Cam uốn lượn giữa các cây cầu – ý nghĩa đằng sau cái tên Cambridge.

Một thú vui của sinh viên quốc tế là punting (chống bằng sào xuống đáy sông để đẩy thuyền đi) dọc sông Cam, len lỏi dưới các cây cầu hàng trăm năm mình và đi giữa khuôn viên các college. Năm đại học đầu tiên, Tâm thử punting không cẩn thận chống vướng sào vào cây cầu nên té thẳng xuống sông Cam.

Thạc sĩ 8X kể vui rằng, "thần thoại" được lưu truyền trong giới sinh viên ở đây là ai té vào sông Cam sẽ có điểm cao nên chắc nhờ vậy mà anh được vào top 3 sinh viên tiêu biểu xuất sắc của khoa Toán năm đó. 8X Việt là Chủ tịch Hội sinh viên Việt Nam ở Cambridge.

Cambridge với lịch sử 800 năm có rất nhiều bí ẩn cho một người thích khám phá như Tâm. Ngôi trường có 116 thư viện hàng trăm năm tuổi chứa 15 triệu cuốn sách, có những tài liệu cổ hàng trăm năm tuổi như bản thảo viết tay của Newton và Shakespeare.

Ham mê đọc sách, chàng trai Việt hằng tuần thường đến một thư viện mới để tìm tòi những quyển sách mới và tận hưởng cảm giác có kiến thức cả thế giới bao quanh mình.

Ngoài ra mỗi tuần anh còn đến dự giờ giảng của các môn khác trong 30 môn của Đại học Cambridge, lắng nghe chia sẻ

của những giáo sư của các môn từ Khoa học Tự nhiên đến Luật học.

Sau các giờ giảng, anh thường đi dạo với bạn bè mình giữa các công viên và khu vườn của đại học Cambridge để chia sẻ những gì học được và đến thăm, giao lưu với các sinh viên Việt Nam khác đang học ở các trường hàng đầu nước Anh như Oxford, London School of Economics, University College London, Warwick.

Tốt nghiệp cử nhân tại Cambridge, Đinh Nho Tầm lại tiếp tục hành trình du học, nhưng ở một quốc gia khác.

Hồ sơ độc đáo để vào Stanford học MBA

Vì luôn muốn tìm kiếm những thử thách khó nhất nên Tầm chọn Stanford, Mỹ.

Đại học Stanford nằm ở giữa lòng của thung lũng Silicon Valley nên Stanford chính là cái nôi của công nghệ, sáng tạo và khởi nghiệp, đào tạo nên người sáng lập các công ty sáng tạo nhất thế giới như Hewlett Packard (HP), Nike, Expedia, Google.

Chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Stanford được xếp số 1 toàn cầu và có tỷ lệ trúng tuyển dưới 6% - thấp nhất thế giới. Mặc dù nhiều người muốn học MBA nhưng không ít người không dám nộp hồ sơ trường này vì quá cạnh tranh.

Để giành vé học MBA tại đại học Stanford, ngôi trường hàng đầu Mỹ, Nho Tầm đã vượt qua các thử thách khó của hội đồng tuyển sinh.

Theo Tầm, Stanford không chỉ muốn tuyển sinh viên giỏi và còn muốn tuyển sinh viên có sự độc đáo khác biệt so với các ứng viên khác. Họ muốn tạo ra một lớp gồm 400 sinh viên khác

nhau để các sinh viên có thể học hỏi từ bạn bè cùng khóa và phát triển bản thân lên một tầm cao mới.

Tâm kể: 'Cùng khóa với mình có kỹ sư giỏi nhất từ Google, có người là thừa kế các tập đoàn hàng trăm tỷ USD, có người đã từng chỉ huy hàng trăm lính chiến đấu ở Afganistan, có vận động viên đoạt huy chương vàng Thế vận hội Olympic,...'

Để tạo ra sự khác biệt, điểm đầu tiên, Đinh Nho Tâm quyết định thi Graduate Record Examination (GRE) thay vì Graduate Management Admission Test (GMAT), lựa chọn của hơn 90% ứng cử viên MBA.

Đạt điểm tuyệt đối của GRE cho sinh viên quốc tế cũng khó hơn nhiều vì phần từ vựng của GRE rất khó. Chính vì khó khăn đó nên điểm tuyệt đối GRE cả 2 phần verbal (lý luận lời nói) và quantitative (lý luận định lượng) giúp chàng trai Việt nổi bật hơn các ứng viên khác. Anh được thầy Derrick Bolton nhắc đến tuyên dương trong khai giảng của khóa.

Điểm thứ hai, anh nhấn mạnh sự độc đáo của Việt Nam so với hàng trăm nước có ứng viên ứng tuyển vào Stanford và giấc mơ của Tâm là học hỏi sự sáng tạo của Stanford để thay đổi Việt Nam.

Quan trọng hơn hết, anh được rất nhiều người động viên trong quá trình gian nan đó, điển hình là vợ và các anh chị mentor kỳ cựu, giàu kinh nghiệm.

Luôn nỗ lực học tập, Tâm đoạt giải thưởng Arjay Miller Scholar cho top 10% sinh viên tốt nghiệp khóa Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Stanford – là người Việt Nam đầu tiên trong mấy chục năm nay đoạt được giải thưởng này.

Bí quyết của Tâm là luôn tò mò khám phá học hỏi các kiến thức và kỹ năng mới từ các bạn học và giáo sư của Stanford.

Nho Tâm và đồng đội cũng xuất sắc đoạt giải nhất trong kỳ thi của trường kinh doanh Stanford về áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xử lý dữ liệu lớn (Big Data) của giáo dục trực tuyến.

Ở Stanford, Tâm là trợ giảng cho lớp OIT 269 về chiến lược chuỗi cung ứng và quản lý vận hành. Lớp này dành riêng cho lãnh đạo các tập đoàn và chính phủ đã đi làm hơn 20 năm.

'Hồi đại học, mình là Chủ tịch hội sinh viên Việt Nam ở Cambridge và giờ mình cũng là đầu mối tổ chức các buổi giao lưu giữa các cựu sinh viên Oxford và Cambridge, từ những anh chị tốt nghiệp 20 năm trước cho đến các em mới vào học. Chúng mình thường gặp nhau để ôn lại kỷ niệm xưa và tìm kiếm các cơ hội hợp tác và khởi nghiệp tạo nên thay đổi cho Việt Nam', Tâm chia sẻ.

Mong muốn tạo ra nhiều doanh nghiệp "kỳ lân"

Sau khi chinh phục thành công bằng cử nhân và thạc sĩ ở Anh và Mỹ, Tâm lựa chọn trở về quê hương dù có nhiều cơ hội làm việc ở trời Tây.

Anh luôn tin rằng Việt Nam sẽ là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất và sáng tạo nhất thế giới trong 10 năm tới. Theo anh, kinh tế số và chuyển đổi số là cơ hội để các nhân tài Việt Nam tạo sự đột phá cho nền kinh tế, tạo ra việc làm và cơ hội cho 90 triệu người và đưa Việt Nam lên ngang với các con hổ kinh tế châu Á.

Thạc sĩ Đinh Nho Tâm hiện là giám đốc tài chính và đầu tư của Tập đoàn Galaxy. Anh áp dụng những gì mình học từ Cambridge và Stanford để đầu tư vào các dự án công nghệ xây dựng nền kinh tế số cho Việt Nam, đem các sản phẩm đến mọi người dân bất kể thu nhập và nơi sinh sống.

Tâm chia sẻ, hai dự án thú vị nhất mà anh đang làm là phát triển nền tảng giáo dục trực tuyến và nền tảng đầu tư tích lũy vừa và nhỏ. Cả hai đều nhắm đến hai nhu cầu thiết yếu mà 90 triệu người dân Việt Nam đều cần để phát triển bản thân: học hành và tích lũy.

'Trong vị trí một người đi trước cũng là một nhà tuyển dụng, anh có thể chia sẻ những vấn đề thường gặp nhất khiến bạn trẻ khó khăn trong phát triển sự nghiệp cá nhân?', PV đặt câu hỏi.

Thạc sĩ Nho Tâm đáp: 'Vấn đề thứ nhất mà các bạn trẻ thường gặp phải là không có mentor – những người đi trước chia sẻ kinh nghiệm để mình học hỏi. Vấn đề thứ hai là một số bạn trẻ không đủ can đảm dấn thân học hỏi phát triển bản thân và theo đuổi giấc mơ của mình'.

Nhắn gửi đến các bạn trẻ trong việc ứng tuyển học bổng đại học, thạc sĩ, vươn ra biển lớn và chinh phục tri thức, Tâm nói: 'Thứ nhất các bạn trẻ nên tìm kiếm những mentor gần với giấc mơ của mình để học hỏi kinh nghiệm của họ. Thứ hai các bạn trẻ nên đặt ra ước mơ lớn. Thứ ba các bạn cần có sự chuẩn bị lâu dài 3 đến 5 năm trước thời điểm các bạn muốn du học.

Đam mê lớn nhất của Tâm là tạo ra nhiều doanh nghiệp "kỳ lân" sáng tạo đột phá và tăng trưởng vượt bậc cho Việt Nam.

Tâm gói gọn hành trình nhiều dấu ấn đẹp của mình bằng việc mượn lời hai câu nói của hai cựu sinh viên Stanford: *Solving big problems is easier than solving smaller problems* - nghĩa là *Giải quyết bài toán lớn thực ra dễ hơn giải quyết bài toán nhỏ* và Phil Knight, người sáng lập Nike, thể hiện đúng tinh thần câu nói gắn với thương hiệu Nike *Just do it* – nghĩa là *Cứ dấn thân*'".

36. Chàng sinh viên Ngoại thương 2 lần đặt cược số phận, rinh học bổng hơn 4,7 tỷ đồng

Bài đăng trên trang điện tử ione.vnexpress.net ngày 11/02/2015 của tác giả Lan Vũ viết về Đinh Nho Minh, đời thứ 18 họ Đinh Nho, cháu nội cụ Đinh Nho Liêm, cụ Liêm nguyên Thứ trưởng Thứ nhất Bộ Ngoại Giao.

"Nho Minh cho biết cậu rinh được học bổng của trường Đại học top đầu ở Mỹ vì biết tự tin thể hiện bản thân, chứ không phải là 'cái máy học'.

Đinh Nho Minh (sinh năm 1996) là cựu học sinh chuyên Lý trường THPT Hà Nội Amsterdam, hiện là sinh viên năm nhất trường Đại học Ngoại thương. Tháng 2 vừa qua, Minh nhận được suất học bổng toàn phần trị giá 220.000 USD/4 năm học của trường ĐH Tufts - một trong những trường Đại học thuộc top đầu ở Mỹ.

Hai lần "đặt cược" tương lai

Minh tự nhận mình là người cẩn thận, nhưng cậu thật thà chia sẻ rằng, việc apply học bổng vào trường ĐH Tufts là một quá trình "đặt cược" đầy rủi ro. Thông thường, các bạn học sinh có ý định du học thường apply học bổng vào giữa năm lớp 12 nhưng đến tận năm thứ nhất ĐH, Minh mới quyết định nộp hồ sơ tới trường ĐH Tufts.

Minh gọi đó là lần đặt cược đầu tiên của mình, bởi với quyết định ấy, Minh đã vừa phải ôn thi vào trường ĐH Ngoại thương, vừa chuẩn bị hồ sơ, vừa tham gia thêm các hoạt động xã hội và vừa tìm hiểu về ngành học mà mình yêu thích. Bận rộn với một "núi" mục tiêu, kế hoạch cộng với sự sốt ruột khi bạn bè cứ lần lượt được nhận vào những trường ĐH ở Mỹ hay Singapore... khiến cho Minh cảm thấy không ít áp lực.

Sau đó, Minh thi đỗ vào trường ĐH Ngoại thương khối A1 với số điểm 25 nhưng cậu bạn tiếp tục "đặt cược" một lần nữa tương lai của mình khi "dám" bỏ khá nhiều tiết học để giành thời gian chuẩn bị hồ sơ du học. Và nếu như không được trường nào nhận, Minh sẽ phải quay lại tập trung vào việc học ở trường để cải thiện điểm số.

Cuối cùng, Minh đã chiến thắng sự mạo hiểm của chính mình khi vào tháng 2 vừa qua, cậu đã nhận được thư mời nhập học của trường ĐH Tufts với suất học bổng toàn phần trị giá 220.000 USD cho 4 năm học.

Rinh được học bổng vì không phải cái "máy học"

Nhận được học bổng toàn phần của một trường ĐH danh giá nước Mỹ vì Minh có hẳn một chiến thuật săn học bổng của riêng mình. Theo Minh, điều quan trọng nhất là phải tìm và lựa chọn một trường ĐH thật sự phù hợp với bản thân. Khi đã cảm thấy hợp với ngành học và môi trường học tại đó sẽ cảm thấy hào hứng và nhiều ý tưởng hơn khi viết luận.

Sau khi tìm hiểu kỹ các trường, Minh nhận thấy ĐH Tufts có nhiều điểm "hợp gu" với mình, ở đây có ngành Quan hệ quốc tế mà Minh yêu thích và đặc biệt, nhiều người Việt Nam thành danh cũng từng tốt nghiệp ở ngôi trường này, trong đó có Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh...

Bí quyết giành được học bổng khủng của cậu còn là việc không ngại thể hiện tính cách, quan điểm, cá tính của mình trong bài luận. "Khi nhà tuyển sinh của Mỹ đọc một hồ sơ, họ muốn nhìn thấy một con người thú vị chứ không phải chỉ là một "cái máy học". Tuy nhiên, cũng không nên thể hiện những quan điểm quá lố bịch, phản cảm hoặc trẻ con vì họ cũng cần thấy một con người trưởng thành và biết suy nghĩ", Minh tiết lộ.

Bộ Ngoại giao là đích đến

Vốn là một học sinh chuyên Lý, nhưng Minh lại rất thích ngành quan hệ quốc tế, cậu đặc biệt mê chương trình thời sự về các vấn đề của thế giới. Minh cũng từng là thành viên tích cực của Hội nghị Mô phỏng Liên hợp quốc (Model United Nations) cũng như tham gia vào hội nghị này khi được tổ chức ở ĐH Oxford, Anh hay ĐH Yale, Singapore. Hội nghị này là nơi những thành viên tham gia có thể trao đổi về các vấn đề toàn cầu mà giới trẻ quan tâm như biến đổi khí hậu, chống thiên tai, xóa đói giảm nghèo...

Minh chia sẻ, sau khi học xong ở ĐH Tufts, cậu bạn sẽ tiếp tục apply tiếp lên Cao học và có thể là Tiến sĩ ở các trường như Havard hay Columbia... để tiếp tục mở rộng kiến thức. Mục tiêu xa hơn trong tương lai của chàng trai tài năng này là được làm tại Bộ Ngoại giao, áp dụng những kiến thức mình từng học để có những đóng góp nhất định cho đất nước...

Lý lịch trích chéo

Cựu học sinh chuyên Lý, Trường THPT Hà Nội - Amsterdam.

Hiện là sinh viên lớp Anh 18 Khối 6 Kinh tế K53 - Khoa Thương mại Quốc tế - Đại học Ngoại thương.

Thành tích:

- Học bổng toàn phần (220.000 USD/ 4 năm) Đại học Tufls 2015 - 2019.

- IELTS 8.0; SAT 2270; SAT II: Toán 800/800, Lý 800/800.

- Đồng sáng lập và Phó ban Nội dung Tổ chức Hợp tác Thanh niên Việt Nam (VYCO).

- Phó Tổng Thư ký Chương trình Mô phỏng Liên Hợp Quốc dành cho học sinh Trung học Phổ thông (Little MUN 2015).

- Chủ toạ Hội đồng Khủng hoảng Lịch sử Chương trình Mô phỏng Liên Hợp Quốc (VYMUN 2014).

- Đại biểu 'Oxford International Model United Nations 2014'.

- Đại biểu 'Yale - NUS Model ASEAN 2014'.

- Đại biểu 'Hanoi Model United Nations 2013'.

Lan Vũ".

37. Kỳ thủ 'Gen Alpha' Đinh Nho Kiệt giành 6 HCV môn Cờ vua trẻ Đông Nam Á

Bài đăng trên trang điện tử của báo *Người Lao động* ngày 27/06/2023 của tác giả Đào Tùng viết về Đinh Nho Kiệt, đời thứ 18.

"Cử 163 kỳ thủ thuộc 14 nhóm tuổi nam, nữ tham gia Giải Vô địch cờ vua các nhóm tuổi Đông Nam Á mở rộng năm 2023 tại Thái Lan từ 17 đến 26-6, đội tuyển trẻ Việt Nam giành được thành tích không tưởng với 178 huy chương các loại, bao gồm 92 HCV.

Sau khi giành gần hết ngôi vô địch cá nhân lẫn đồng đội ở nội dung cờ tiêu chuẩn, đội tuyển trẻ cờ vua Việt Nam tiếp tục khẳng định sức mạnh ở hai ngày tranh tài sau cùng của giải. Ở nội dung cờ nhanh, các kỳ thủ 'nhí' Việt Nam chỉ nhường bước đối thủ ở lứa tuổi U12 nữ, U18 và U20 nam. Tương tự nhưng ít hơn, chỉ duy nhất bộ HCV cá nhân cờ chớp lứa tuổi U20 nam vuột khỏi tay đoàn Việt Nam.

Không chỉ chiếm ưu thế về cá nhân, sự đồng đều lẫn quân số áp đảo còn giúp đoàn Việt Nam "càn quét" toàn bộ 28 bộ HCV đồng đội nam, nữ ở hai nội dung cờ nhanh và cờ chớp.

Theo đánh giá của các nhà chuyên môn, đây là thành tích chưa từng có trong lịch sử giải đấu. Tính chung cả ba nội dung nhanh, chớp và tiêu chuẩn, đoàn Việt Nam giành tổng cộng 41 trên tổng số 42 ngôi vô địch đồng đội ở tất cả các nhóm tuổi!

Trong số các kỳ thủ thi đấu ổn định nhất tại giải, Đinh Nho Kiệt và Bạch Ngọc Thùy Dương là hai gương mặt nổi bật khi giành toàn bộ HCV ở các nội dung tham dự.

Nếu Bạch Ngọc Thùy Dương 'vô đối' ở bảng U20 nữ khi vô địch cả ba nội dung cờ nhanh, chớp và tiêu chuẩn đồng thời góp công quan trọng mang về trọn bộ 3 tấm HCV đồng đội nữ lứa tuổi U20 thì kỳ thủ nhí Đinh Nho Kiệt lại tỏa sáng "theo cách của mình".

Cậu bé sinh năm 2010 này 'vượt cấp' thi đấu cờ tiêu chuẩn lứa tuổi U16 nam và giành HCV cá nhân với tư cách hạt giống số 1 bảng đấu này. Sau đó, cậu trở về thi đấu đúng lứa tuổi U14 của mình ở hai nội dung cờ nhanh và cờ chớp, tất nhiên, giành thêm hai HCV cá nhân cùng hai HCV đồng đội.

Tính riêng Đinh Nho Kiệt và Bạch Ngọc Thùy Dương đã mang về đến 12 HCV trong tổng số 92 HCV của đoàn Việt Nam tại giải lần này.

Sau 10 ngày tranh tài tại Bangkok (Thái Lan), đoàn Việt Nam vững vàng ở ngôi số 1 toàn đoàn với 92 HCV, 37 HCB và 49 HCĐ, bỏ xa đoàn về nhì Philippines (15, 38, 8) và đoàn xếp thứ ba Ấn Độ (3, 3, 3). Chủ nhà Thái Lan xếp thứ 7 trên bảng xếp hạng (1, 3, 7) còn đoàn Trung Quốc chỉ giành vỏn vẹn 1 HCB, xếp hạng 9/10 đoàn có huy chương".

Trước đó, theo bài viết trên báo mạng vnexpress.net, ngày 21/9/2022 của tác giả Xuân Bình, Đinh Nho Kiệt dẫn đầu bảng U12 nam, giải cơ vua thiếu nhi thế giới tại thành phố Batumi (chúng tôi - người soạn sách này ghi chú).

38. Bài tán 4 vị Phúc thần

Bài tán tức là bài ngợi ca (Bài ngợi ca 4 vị Phúc thần) Bài này của Cụ tổ đời thứ 13, Thái Bộc Tự khanh Đinh Huy Tăng [Đinh Nho Tỉnh (Tĩnh)] sáng tác, chúng tôi chép lại từ Gia phả dòng họ Đinh Nho:

Trên chín bệ nối trời trị nước
Dưới muôn dân no đức say nhân
Có giang sơn có tổ thần
Phúc đào dòng họ ơn nhuần hưng thôn.

Đức Anh Nghị khơi nguồn Đinh thủy
Xây đắp nên phúc chỉ xưa nay
Từ phen rồng hãy chờ mây
Điềm thần đã hiện những ngày lạ sao.

Đội Thác Lác sớm chào Ngự sử
Chốn Eo Trèo trước hử cao khoa
Đã vin ngành quế cung nga
Đường mây thẳng lối bước qua Bá đài.

Vẫng bút ngự Kim bài rực rỡ
Chữ "Phong Lăng Ngôn Ngữ" càng vinh

Thủy chung một tiết liêm trinh
Thanh danh trước ấy anh linh sau này.

Ngôi Đắc Đạt lại hay hoa kế
Nếp trâm anh dáng vẻ danh gia
Bia Tây giám bảng Đông Ba
Đã khoa Canh Tuất lại khoa Canh Thìn.

Biên phương thuở cần quyền Đốc trấn
Tiếng giản thanh kinh chấn Hoa dy
Cao Bằng "Đức Chính" có bi
"Mặc Ông sứ tập" có thi Hoa trình.

Tiết ngọc xảy Yên Kinh tuyết nhuộm
Mà tôn mưu đã sớm sửa sang
Từ phen hồi quán tư trang
Nửa đeo việc nước, nửa mang việc nhà.

Dựng am tháp mấy tòa tịnh túc
Đặt tự điền hương, tộc phân canh
Rõ ràng bi ký khánh minh
Để cho con cháu tuân hành lưu xa.

Ngôi Á Thận là bà Phan thị
Dung hạnh mà thêm vẻ văn chương
Thuở đưa xe sứ lên đường
Lã Côi đã gửi can trường với nhau.

Tình lưu khứ mây sầu gió tủi
Áo Hoàng Hoa mở cởi cho ra
Trông vời tin nhạn xa xa
Thơ đưa còn đó áo là còn đây.

Xe ải Bắc vừa ngày quy sấn
Quyết đem mình tòng tuẫn cho xong
Thư tạ mẹ, văn khóc chồng
Mấy dòng tuyết lệ, một lòng giá sương.

Biển "Tiết Phụ" vàng dương ba chữ
Ruộng Tàm Tang hương lửa ngàn xuân
Sắc rồng sánh với phu quân
Tấc lòng tiết nghĩa muôn phần vinh ai.

Hầu Hương Nghĩa đủ tài văn võ
Khoa danh mà gồm có lược thao
La Sơn trước thí ngưu đao
Kỳ Anh Đốc lĩnh đổi vào Tổng binh.

Đã nối gót cha anh từ trước
Lại đội ơn làng nước về sau
Vừa năm tu bổ binh đao
Một tay quyền cán công lao còn truyền.

Danh hổ tướng vang miền biên thú
Nòi lân nhi dọi vẻ văn thân

Trên hộ nước, dưới che dân
Một nhà bốn vị phúc thần vinh bao!

Mày mặt nở non Tiêu nước Phố
Đời đời thêm miếu vũ nguy nga
Dân ta thờ phụng thần ta
Dưới là con cháu, trên là cha ông.

Lời tổ huấn in trong bia đá
Đoàn con em xem đó mà ghi
Chớ đua kiện, chớ bạc cờ
Chớ kiêu dâm, chớ phi vi lăng loàn.

Nòi trung hiếu giữ nền chất phác
Cam thanh bần kiệm ước cho qua
Bằng hay giữ đặng phép nhà
Tiến là nghĩa sĩ, thối là lương nông.

Thường năm tiết khai xuân quý tế
Họp họ hàng dâng lễ minh huân
Tấm thành thấu đến hương nguân
Miếu đình phảng phất tinh thần cảm thông.

Xin ai nấy dốc lòng kính tế
Sách có câu thần thánh hòa bình
Ngàn năm hòa mục yên lành
Bản chi càng vững, tâm anh càng dài".

39. Nhà thờ đại tôn & Nhà thờ Đức Đại vương tử

Kể từ Cụ tổ đời thứ 7 Đinh Nho Công, họ Đinh Nho ta phân chia thành 4 chi họ. Hai chi anh ở Sơn Hòa, Hương Sơn. Chi thứ ba ở Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh; Chi thứ tư ở Thanh Liên, Thanh Chương, Hà Tĩnh ngày nay.

Hai chi anh ở Sơn Hòa, Hương Sơn có nhà thờ đại tôn và nhà thờ chi thứ. Ngoài ra, bên cạnh nhà thờ đại tôn có nhà thờ Đức Đại Vương tử, tức nhà thờ Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn [Hai cha con cụ Đinh Nho Công và cụ Đinh Nho Hoàn đều được triều Cảnh Hưng gia phong Đại vương, do vậy, trong họ gọi là Đức Đại vương phụ (cha) và Đức Đại vương tử (con)].

Thuở ban đầu Thủy tổ Đinh Phúc Diên họ ta lập cư tại làng Bình Hòa (Gia phả bản năm 2020 chép là vườn nhà ông Thực, xóm 3, xã Sơn Hoà). Sau đó Cụ tổ đời thứ 6 Huyện tá Đông Ngạn Đinh Hữu Luân được thầy địa lý người Tàu là Ngô Tiên sinh chỉ cho mà chuyển về lập dương cơ (tức làm nhà cửa) tại vị trí là nhà thờ đại tôn hiện nay. Mảnh đất này khi xưa là của quan Đô Ngự sử Nguyễn Tử Trọng (1485 - ?), đậu Tiến sĩ năm 1502, là thủy tổ của dòng họ Nguyễn Đình hiện có nhà thờ tổ ở thôn Đông Mỹ, xã An Hòa Thịnh, huyện Hương Sơn, con cháu đời sau của cụ Nguyễn Tử Trọng chê mà bỏ hoang, Cụ tổ Đinh Hữu Luân đã gặp Hương trưởng (Trưởng làng) đổi cho ruộng tốt rồi làm nhà ở đó.

Hương yên phổ tự không chép nhà thờ được lập và được khang trang tự lúc nào. Gia phả bản năm 2020 đoán là nhà thờ được lập từ thời Cụ tổ Đinh Nho Công và được khang trang từ khoảng năm 1717, tức là cùng năm với việc vua sai lập đền thờ bà Tiết Phụ, tức đền Gôi Vỵ.

Gia phả bản năm 2020 chép:

"Sau khi Ngài Đại Vương tử mất đến việc bà Á Thận Phu nhân tuẫn tiết nhà vua ban hai chữ 'Tiết Phụ', cấp ruộng, lập đền thờ bà là đền Gôi Mỹ năm 1717 (Đinh Dậu, niên hiệu Vĩnh Thịnh 13, Lê Dụ Tông) thì chắc chắn nhà thờ họ ta cũng được khang trang từ đó.

Đến năm 1922 (Nhâm Tuất, đời Khải Định), theo di chỉ còn ghi lại ở cổng nhà thờ họ, nhà thờ được trung tu do tốp thợ làng Trung Cần (nay là Nam Trung, Nam Đàn, Nghệ An) xây cùng một lúc với đền Gôi vì mặt tiền có họa tiết giống nhau. Nhà thờ họ lúc đó gồm:

- Một nhà Thượng điện ba gian gỗ lim, mít lợp ngói vẩy âm dương.

- Một nhà Trung điện theo kiểu nhà một mái. Mặt tiền nhà trung điện có hai đôi câu đối:

(1). Đôi câu đối hai bên cửa chính (cửa ở giữa) mặt tiền nhà trung điện, hiện vẫn còn:

家 孝 子 國 忠 臣 事 業 勳 猷 炳 炳 三 百 年 天 下
生 榮 名 死 顯 號 精 神 命 脈 繩 繩 億 萬 世 雲 仍

Phiên âm:

Gia hiếu tử, Quốc trung thần, sự nghiệp huân du bính bính tam bách niên thiên hạ

Sinh vinh danh, tử hiển hiện, tinh thần mệnh mạch thằng thằng ức vạn thế vân nhưng.

Dịch nghĩa:

Nhà con hiếu, nước trung thần, sự nghiệp công lao rực rỡ ba trăm năm thiên hạ

Sống vinh danh, chết hiển ứng, tinh thần huyết mạch mãi lưu ngàn vạn đời về sau.

Đôi câu đối này *Hương Yên phổ tự*, bản của cụ Đinh Nho Chú chép, dịch thoát ý là: *Nhà con hiếu, nước tôi trung, sự nghiệp công lao ấy sáng chói Hậu Lê triều đại trước/ Sống danh thơm, chết hiển ứng, mệnh mạch tinh thần này thấm vào cháu chắt vạn sau".*

(2). Đôi câu đối hai bên cạnh ngoài của mặt tiền nhà trung điện, hiện vẫn còn:

祖 考 萃 精 神 如 在 上 在 左 右

尊 親 同 血 氣 此 其 身 其 子 孫

Phiên âm:

Tổ khảo tuỵ tinh thần như tại thượng, tại tả hữu

Tương thân đồng khí huyết, thử kỳ thân, kỳ tử tôn.

Dịch nghĩa:

Ông cha tụ tinh thần như ở trên, ở trái phải

Cha mẹ hoà khí huyết ở bản thân, ở cháu con.

- Một nhà Hạ điện (nhà Bái đường) cũng ba gian lim mít, lợp ngói vẩy âm dương.

Toàn bộ khuôn viên khoảng 3 sào đất Bắc Bộ (khoảng 1.500 m^2), tường gạch, sân gạch đầy đủ.

Phía trước là cổng lớn trên đề 3 chữ đại tự: 'Lai Dã Viễn 來也遠' (người soạn sách này tạm dịch nghĩa là: *Đến từ xa (ý nhắc là tổ tiên đến đây từ nơi xa); 3 chữ này cũng có nghĩa là đến mãi ngàn sau*. Ba chữ này liên tưởng đến đôi câu đối: *Tổ đức tôn công lai dã viễn/ Xuân thường thu tự phụng duy tư.* Nghĩa là: *Công đức tiên tổ đến mãi ngàn sau/ Xuân thu thường kỳ phụng thờ ghi nhớ).*

Hai bên cột cổng nhà thờ là hai đôi câu đối:

(1) Đôi câu đối ở hai bên cột cổng, phía ngoài đi vào:

椒聊且駟蓋高門福履攸集

火傳也本支百世氣脉相關

Phiên âm:

Tiêu liêu thả tứ cái cao môn, phúc lý du tập

Hỏa truyền dã bản chi bách thế, khí mạch tương quan.

Dịch nghĩa:

Con cháu đầy đàn, cửa cao xe mã võng lọng, phúc lộc đến đầy nhà

Chi này truyền đi xa hàng trăm đời có khí mạch (gốc gác) tương quan với nhau.

(2). Đôi câu đối ở hai bên cột cổng, phía trong sân nhà thờ đi ra. Rất tiếc là chúng tôi không có bản chữ Nho (chữ Hán cổ), chỉ có bản phiên âm chép từ bản Gia phả năm 2020:

Môn địa cao khả dụ

Thiên trụ hữu dĩ tôn.

Có thể đoán nghĩa là:

Thế đất này có cửa cao/ Có cột chống trời vững.

Bàn về vị trí này của dương cơ họ Đinh, trong quyển *Địa lý của Vương Dư Dụ* (quê ở xã Nam Kim, Nam Đàn, Nghệ An) do ông Đinh Nho Hoài sưu tầm được, có đoạn:

"Dương cơ họ Đinh Nho ở thôn Hoán Vỹ, xã An Ấp, huyện Hương Sơn từ các tiến sĩ Lê triều như Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn, đến triều Nguyễn như Đinh Nho Quang, Đinh Nho Hường (tức Đinh Nho Điển) là thuộc thế Bàn Long Tả Cục. Chú: 'mạch từ bên trái chảy sang trường viễn, lấy hồi long làm án, lấy triều nước bên trái vòng sau Huyền Vũ mà thoát đi làm kết các long vòng quanh bên trái là thế đất Bàn Long Tả Cục'.

Lễ tế tổ hằng năm được tổ chức trọng thể, con cháu về đông đúc. Lễ tế thường năm là ngày kỵ nhật của các vị sơ tổ, thế tổ và các vị phúc thần. Kinh phí lễ tế tổ dựa vào mấy mẫu tộc điền cho con cháu cày thu hoa lợi.

Đại lễ thường vào tiết Lập Xuân, tảo mộ đầu năm. Sau Cách mạng tháng Tám, theo chủ trương của Chính phủ, năm 1948, nhà thờ của các tiểu chi đều hợp tự tại nhà thờ lớn, kể cả nhà thờ chi họ con dòng ông Nho Thận do ông Nho Tuấn (tức ông Cu Đắc) làm tộc trưởng cũng đều hợp tự về đây.

Để phù hợp với tình hình, họ cử ra một ban quản lý để lo việc tế tự, thu hoa lợi hằng năm gồm các cụ Đinh Nho Kiên (tức cụ Ấm Thuyên), Đinh Nho An (Bá Yên), Đinh Nho Cầm, Đinh Nho Bá, Đinh Nho Tiến.

Trong thời gian này, do tình hình cả nước dốc toàn lực cho kháng chiến, con cháu sôi nổi tòng quân nên việc tế tự hằng năm được đơn giản và bớt nhộn nhịp hơn".

....

Gia phả viết tiếp:

"Sau năm 1953, do nhiều tác động bên ngoài nên một số người có chủ trương giảm bớt phần tế tự, thu gọn nhà thờ đại tôn. Họ đã bán nhà thờ Đức Hầu Tả (sau khi hợp tự, đã chuyển sang nhà thờ chính, lúc đó chỉ làm kho đựng lúa của họ) (Ở đây là họ ta đã bán đi nhà thờ Đức Đại vương tử, tức nhà thờ Cụ tổ Đinh Nho Hoàn; chúng tôi cho rằng nhà thờ Cụ Đinh Nho Hoàn không có tên gọi là nhà thờ Đức Hầu Tả mà có lẽ, nhà thờ chính mới có tên gọi là nhà thờ Đức Hầu Tả, tức nhà thờ Tả Hiệu Điểm, Công Tây Hầu Đinh Phúc Diên, có thể trong gia phả bản 2020 có chút nhầm lẫn, chúng tôi - người soạn sách này ghi chú). Song song với việc này những người đó cũng chủ trương chặt phá bán luôn cả các cây cổ thụ ở lăng Sắn Trà (nơi

đặt mộ Đại Vương tử), biến Lăng từ một khu rừng cổ thụ thành bãi đất hoang trơ trụi. Nhân đó cũng muốn bán luôn nhà Bái đường và Thượng điện. Trước tình hình đó, Cụ bà Tộc trưởng đời thứ 16 (thường gọi là bà Cu Hồ) đã kiên quyết không đồng ý, tìm mọi cách để ngăn cản. Việc này được một số vị bô lão có tâm huyết ủng hộ nên cuối cùng không bán, phá nhà thờ được. Nhờ vậy mà nhà thờ họ ta vẫn còn lưu giữ được đến ngày nay.

Đến năm 1970, một số cụ trong họ như Nho Bính, Nho Huề, Nho Khoách, Nho Đào, Nho Trương đã họp bà con trong họ để bàn củng cố việc họ. Hội nghị đã quyết định cho ông Đinh Nho Quỳ (tộc trưởng của họ) nhà Hạ điện, tức nhà Bái đường, quay ngang nhà này để ở. Đồng thời, ông Quỳ có trách nhiệm sửa chữa nhỏ khu vực nhà thờ và chăm lo hương khói phụng thờ tổ tiên. Lúc này họ không có gì, nhà thờ thì đã dột nát, xuống cấp nên chủ trương này là hợp lý. Kể từ năm 1970 trở đi, việc họ bắt đầu được củng cố. Để điều hành công việc, họ bầu ban tộc biểu gồm các ông: Đinh Xuân Bính, Đinh Nho Khoách, Đinh Nho Trương, Đinh Nho Lục và Đinh Nho Quỳ. Sau khi ông Khoách, ông Bính mất, họ bầu bổ sung và mở rộng thêm đại biểu các chi và các vùng ngoài xã gồm các ông Đinh Nho Cừ, Đinh Nho Cơ, Đinh Nho Phương (Sơn Bình), Đinh Nho Mai (Sơn Trường), Đinh Nho Thanh, Đinh Nho Điu, Đinh Nho Kỳ, Đinh Nho Phi, Đinh Nho Bàng, Đinh Nho Chiến, Đinh Nho Nghị, Đinh Nho Lục (Thượng Hòa). Ban tộc biểu đã hoạt động tích cực và làm được một số việc sau đây.

1. Củng cố việc tế lễ hằng năm, định kỳ là ngày: Tết Nguyên Đán và Trung Nguyên. Từ năm 1990, theo đề nghị của ban tộc biểu, con cháu đã nhất trí đóng góp quỹ hằng năm để tảo mộ và tế tổ. Hằng năm ngoài 2 ngày trên, họ lấy ngày mồng 9 tháng Giêng, là ngày mất của vị sơ tổ Phúc Diên làm ngày đại

lễ. Từ đó lại nay, ngày mồng 9 tháng Giêng trở thành ngày hội tụ con cháu mọi miền hướng về tổ tiên dâng nén hương thơm, chiêm niệm công đức tổ tiên và vui cùng nhau chén rượu đầu xuân ấm tình đồng tộc.

2.

...

Nâng cao và chuyển nhà Thượng điện, nới rộng 3 mét, cải tạo nhà Trung điện (giữ nguyên mặt tiền), làm thêm nhà trung gian giữa Trung và Thượng điện để tạo bệ cúng rộng rãi và đảm bảo sự cân đối, hài hòa của công trình.

Nhà Thượng điện các tế khí đã bị hư hỏng, mất mát nhiều, hiện còn lưu giữ được: Bức đại tự: "Thế Đức Từ", khám thờ "Đại Vương phụ" và một số bài vị, linh vị của các vị phúc thần (chuyển từ đền Gôi về), đáng tiếc là có 2 câu đối do ông nghè Chấp (Nghi Lộc) đề tặng bị mất. Mùa thu năm Canh Dần, các con ông Đinh Nho Tầm (đời 15 chi thứ) là Đinh Nho Sơn, Đinh Nho Hòa, Đinh Nho Lý, Đinh Nho Sự đã làm lại và tiến cúng vào nhà thờ.

Đợt 3: Năm 2007 xây tường bao nhà thờ, làm cổng sắt...".

Bài trí trong Thượng điện:

- Bàn thờ ở giữa là bàn thờ các vị nguyên tổ từ đời thứ nhất đến đời thứ 7.

- Bàn thờ bên tả (bên trái) nhìn từ ngoài ngước lên hương án là nơi thờ chi trưởng.

- Bàn thờ bên hữu (bên phải) nhìn từ ngoài ngước lên hương án là nơi thờ chi thứ.

Hiện nay trong Thượng điện nhà thờ có 2 đôi câu đối ở hai bên bàn thờ ở giữa.

1. Đôi câu đối phía trước là đôi câu đối làm lại đôi câu đối Hoàng Giáp Đinh Văn Chấp tiến cúng:

譜 存 本 何 敢 忘 歡 愛 二 州 經 世 代

族 同 地 亦 非 異 藍 鴻 千 古 一 江 山

Hai chữ Hồng Lam 鴻 藍 đã được khắc ngược lại thành Lam Hồng 藍 鴻 so với đôi câu đối của Hoàng giáp Đinh Văn Chấp đã được nói ở phần trên. Đọc đôi câu đối có vẻ không xuôi bằng Hồng Lam. Tuy nhiên, nghĩa không thay đổi. Bởi Hồng Lam là nói núi Hồng, sông Lam; còn Lam Hồng nghĩa là sông Lam, núi Hồng - nghĩa vẫn vậy.

Ông Tống Trần Tùng phiên âm:

Phả tồn bản, hà cảm vong, Hoan Ái nhị châu kinh thế đại

Tộc đồng địa, diệc phi dị, Hồng Lam thiên cổ nhất giang sơn

Và dịch nghĩa:

Phả còn gốc, quên được sao, Hoan Ái hai châu bao thế thứ

Họ trong vùng, đâu xa lạ, Hồng Lam muôn thuở một giang sơn.

Việc chữ Hồng Lam khắc ngược; phiên âm, dịch nghĩa này chúng tôi đã nêu ở các phần trên. Nhắc lại đây để tiện theo dõi.

2. Đôi câu đối phía sau là đôi câu đối của ông Đinh Nho Thanh (đời thứ 17B, là cha của chúng tôi, người soạn sách này). Được khắc bằng chữ Nôm:

丁 族 𠸘 𣍐 擬 册 玉

家 風 闖 課 浪 名 鐲

Nghĩa là:

Đinh tộc ngàn năm ghi sách ngọc

Gia phong muôn thuở rạng danh vàng.

Đôi câu đối này nguyên chữ Hán của ông Đinh Nho Thanh là:

丁族千秋留玉彩

家風萬代顯馨名

Phiên âm:

Đinh tộc thiên thu lưu ngọc thái

Gia phong vạn đại hiển hinh danh.

Dịch nghĩa:

Đinh tộc nghìn thu ngời vẻ ngọc

Gia phong muôn thuở rạng danh vàng.

Theo chúng tôi, sau này khi trùng tu nhà thờ, nên thay đôi câu đối khắc bằng chữ Nôm này bằng đôi câu đối khắc bằng chữ Hán (chữ Nho) nêu trên sẽ trang trọng hơn. Trong nhà thờ ít khi người ta dùng câu đối chữ Nôm.

Hiện trạng nhà thờ đại tôn:

Hiện trạng nhà thờ đại tôn đã và đang xuống cấp nghiêm trọng, cần phải được khẩn trương đầu tư trùng tu, tôn tạo.

40. Nhà thờ chi thứ

Nhà thờ chi thứ thờ từ tiên tổ đầu tiên là Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Thận cũng làm bằng ba gian gỗ lim mít, lợp ngói vẩy âm dương, tuy nhiên, quy mô không lớn lắm. Nhà thờ đó trước đây nằm ở khoảng giữa nhà ông Nguyễn Quốc Định và nhà bà Đinh Thị Thìn (bà Thìn là hậu duệ họ Đinh Nho đời thứ 17B), thôn Đông Mỹ, xã An Hòa Thịnh hiện nay. Tức, cách nhà thờ đại tôn khoảng chừng 200 mét.

Nhà thờ này đã được họ Đinh Nho chúng ta bán đi theo chủ trương hợp tự, giảm bớt việc thờ cúng của chính quyền vào khoảng năm 1948 để về cùng thờ cúng tổ tiên tại nhà thờ đại tôn.

Còn các chi của các cụ tổ đời thứ tám Đinh Nho Thường ở Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh; Đinh Nho Côn ở Thanh Liên, Thanh Chương, Nghệ An có các nhà thờ riêng.

41. Am thờ Ngô tiên sinh

Như các phần trên đã nêu, Cụ tổ đời thứ 6 Đinh Hữu Luân họ ta đã được Ngô Tiên sinh người Tàu tìm cho các huyệt mộ và truyền dạy thuật phong thủy để nhằm giúp phát triển cho con cháu dòng tộc được "Kế thế đăng khoa, đại đại bất tuyệt". Gia phả chép, lúc lâm chung, Cụ tổ Đinh Hữu Luân dặn con cháu rằng:

"Nhà ta đội ơn Ngô Tiên sinh không biết chừng nào. Nhưng 2 nước xa nhau. Ta chỉ nhớ được Tiên sinh họ Ngô. Tiên sinh hơn ta vài tuổi. Vậy ta lập một cái am nhỏ thờ ở bên nhà thờ ta để đến ngày kỵ ta tức là kỵ cả Ngô Tiên sinh, cho đến những tiết lễ như chính đán, thường tân, đoan ngọ hầu tỏ chút lòng thành của ta đó thôi. Há đủ báo đáp ân đức Tiên sinh!"

Gia phả chép tiếp:

"Trước kia bên tả từ đường có lập một cái am nhỏ để thường kính tế Tiên sinh. Sau tổ ta đã tứ thế rồi (tức là đã qua 4 đời, chúng tôi - người soạn sách này ghi chú), theo lễ thiêu diêu thần chủ cho nên cái am cũng nhân đó mà bỏ đi luôn".

42. Dòng tộc ngày nay

Dòng tộc Đinh Nho ngày nay tỏa đi khắp mọi miền trong nước, ngoài nước. Số thành đạt về sự nghiệp học hành, có học hàm, học vị giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ cũng nhiều, số làm ăn phát triển về kinh tế cũng lắm. Phần lớn đều có ý thức phát

huy truyền thống dòng họ, đoàn kết, động viên, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

Tuy nhiên, nếu không có ý thức giữ gìn truyền thống cha ông cũng như ghi chép, lưu giữ cẩn thận các thông tin phả hệ, con cháu mai sau dễ sẽ bị thất lạc gốc gác mà khó tìm về kết nối được với tổ tiên, với dòng tộc mà gây nên nỗi muộn phiền trong lòng không đáng có.

43. Ý Kiến của Giáo sư Đặng Thai Mai về dòng họ Đinh Nho

Trong *Lời nói đầu* bản *Hương Yên phổ tự* chép tay của cụ Đinh Nho Chú có chép đoạn ý kiến của Giáo sư Đặng Thai Mai (1902 - 1984, bà nội Giáo sư Đặng Thai Mai là cụ tổ bà đời thứ 14 Đinh Thị Hoan đã nói ở trên; Con gái của Giáo sư Đặng Thai Mai là Giáo sư sử học Đặng Bích Hà, vợ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp).

Chúng tôi xin đăng lại:

"Họ Đinh là một họ lớn. Nghe đâu truy nguyên lên mãi tới thời kỳ Đinh Tiên Hoàng, Đinh Điền cùng với Nguyễn Bặc là hai công thần của vương triều ấy. Về sau con cháu di cư vào làng Gôi Mỹ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Vào khoảng đời Hậu Lê rồi đến nhà Nguyễn, gia phả họ Đinh đã ghi tên nhiều vị tổ tiên đậu đại khoa. Nhà thờ còn treo tấm biển đời vua Lê biểu dương bà Tiết Phụ, vợ cụ Đinh Nho Hoàn, đậu Tiến sĩ, làm quan đến nhất nhị phẩm, đã đi sứ Tàu rồi chết trên đường công cán. Bà là một phụ nữ nổi tiếng đẹp và hay chữ, bạn thân của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm... Tủ sách gia đình cũng còn ghi chép những bài thơ bà xướng họa với chồng, với bạn. Ngày ông Đinh

Nho Hoàn mất, bà còn trẻ, nhưng sau khi quan tài ông chồng đưa về nước và lễ tang kết thúc thì bà cũng tự tử.

Đối với thế hệ chúng ta ngày nay, bấy nhiêu câu chuyện dòng dõi nho tôn, đậu đạt làm quan, mệnh một trên đường đi sứ hay là tấm bảng vàng son khắc mấy chữ 'Tiết hạnh khả phong' của một bà thiếu phụ cũng chỉ là những trang lịch sử phong hóa của thời đại phong kiến mà thôi. Dầu sao hàng trăm năm, con cháu họ Đinh ngoài niềm tự hào - xứng đáng hay không là một việc khác - vẫn đã nhìn thấy ở đây một truyền thống về đức tính học tập cần cù và cái đức được người xưa gọi là trung nghĩa, kiên trinh trong ý thức hệ của một thời đại giờ đây đã trôi qua để không bao giờ trở lại nữa".

(*Hồi ký Đặng Thai Mai*, Nhà xuất bản Tác phẩm mới 1985, trang 119).

44. Hành trình tìm kiếm nguồn gốc dòng họ của họ Đinh xã Cương Gián

Bài viết của ông Đinh Quang Tích đăng trên website hodinhvietnam.com ngày 19/1/2014:

Họ Đinh ở xã Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh là chi nhánh từ Họ Đinh Nho ở xã Sơn Hòa, Hương Sơn, Hà Tĩnh

Ở xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh chỉ có một họ Đinh duy nhất từ xưa tới nay. Có hai nhà thờ họ, chi anh làm nhà thờ ở thôn Trung Sơn, chi em làm nhà thờ ở thôn Song Long. Tôi lớn lên trong nỗi trăn trở tìm câu trả lời về nguồn gốc ngài thủy tổ. Tôi quyết tâm đi tìm nguồn cội họ Đinh làng tôi

và tìm câu trả lời cho những tò mò xung quanh các truyền thuyết đẹp về dòng tộc.

Từ nhỏ, tôi đã từng nghe các cụ trong họ kể về việc đi tìm gốc tích mà không thành công. Tôi rất nhớ việc các cụ kể rằng gốc cội họ Đinh ở xã Cương Gián chúng tôi là người đậu đạt và làm quan to lắm, to hơn quan huyện, quan tỉnh. Các cụ dặn mỗi lần trong họ có đại lễ thì con cháu phải dành phần cúng ngoài sân đủ cho hàng chục lính hầu và ngựa xe đi theo, hộ tống ngài thủy tổ làm quan, cùng nhiều truyền thuyết khác về dòng họ.

Tôi lớn lên trong nỗi trăn trở muốn đi tìm nguồn cội họ Đinh làng tôi và tìm câu trả lời cho những dấu hỏi xung quanh các truyền thuyết đẹp về dòng tộc. Tuy nhiên, khi sống ở quê hương, tôi suốt ngày bộn bề cơm áo, khi thoát được cái đói nghèo tôi lại sống nơi đất khách, xa quê hương bản quán. Vả lại tôi cũng không biết bắt đầu từ đâu để tìm nguồn gốc dòng họ. Rất may, khoảng giữa năm 2008, anh em tôi được chú Đinh Duyệt cho bản photocopy lời tựa cuốn *Gia phả họ Đinh nhánh trên thôn Trung Sơn* (họ Đinh xã Cương Gián có nhánh trên thôn Trung Sơn và nhánh dưới ở thôn Song Long) đó là bản dịch gia phả từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ. Lời tựa cuốn gia phả đó ghi chép khá sơ sài nhưng nhờ đó mà tôi được biết tổ tiên chúng tôi khi xưa ở Gia Viễn, Ninh Bình, sau đó cụ thủy tổ đi vào Nghệ An - Hà Tĩnh, một người ở An Ấp, một người ở Cổ Ngu. Trong họ xưa có hai cha con đậu Tiến sỹ vào thời Hậu Lê. Lúc chú Đinh Duyệt và vài người bàn nhau định về Gia Viễn - Ninh Bình tìm dòng họ nhưng có người can lại vì chưa có cơ sở gì, sao tìm được bóng chim, tăm cá. Riêng tôi, tôi quyết tâm đi tìm hai địa danh An Ấp và Cổ Ngu. Dịp may nữa là khi đó tôi đi Hải Phòng, tôi tranh thủ tìm gặp chú Đinh Xuân Dục, người

mà tôi biết rất rành các địa danh ở vùng Nghệ An - Hà Tĩnh. Chú cho tôi biết An Ấp hay Yên Ấp là quê chú ở xã Sơn Hòa - huyện Hương Sơn - Hà Tĩnh, nơi ấy có dòng họ Đinh của chú, còn Cổ Ngu là vùng Đức Thủy, Đức Lâm thuộc huyện Đức Thọ - Hà Tĩnh. Lần ấy tôi gửi chú bản photocopy có ghi lời tựa gia phả họ Đinh ở xã Cương Gián, trong đó có phần nói về gốc tích, nhờ chú mang về Hương Sơn cho bà con họ Đinh trên đó. Tôi dự định sẽ sắp xếp thời gian để tìm về vùng đất Cổ Ngu - Đức Thọ, vì tôi biết ngày xưa các cụ họ tôi cũng đã về vùng Đức Thanh (Đức Thọ) tìm họ nhưng không đúng. Các cụ đã đi Đức Thọ thì chắc là có cơ sở từ xa xưa ngài thủy tổ đi từ vùng ấy về Cương Gián - Nghi Xuân. Tôi ở Sài Gòn, đang thu xếp thời gian về Đức Thọ để tìm nguồn cội thì nhận được tin từ bà con họ Đinh ở Cương Gián báo rằng họ tìm thấy họ Đinh ở Trung Lương - Đức Thọ có lời tựa gia phả ghi chép nguồn gốc của ngài thủy tổ tương đối giống với họ Đinh Cương Gián ta. Tôi mừng lắm, Rằm Tháng Bảy năm 2009, anh em trong họ Đinh Cương Gián tổ chức đi lên nhà thờ họ Đinh ở xã Trung Lương - Đức Thọ - Hà Tĩnh. Tại đây, bà con cho chúng tôi mượn photocopy gia phả của họ Đinh ở Trung Lương. Tôi đối chiếu thấy 2 cuốn gia phả khá giống nhau về phần nguồn gốc của ngài thủy tổ: từ Gia Viễn - Ninh Bình về An Ấp - Hương Sơn và một người về Cổ Ngu - Đức Thọ. Trong họ có 2 cha con đậu tiến sỹ đời Lê. Tôi hy vọng tìm ra nguồn cội, tôi photocopy 2 cuốn gia phả của họ Đinh ở Cương Gián và họ Đinh ở Trung Lương về để lần tìm, kết nối. Tuy nhiên, qua nhiều ngày say sưa mò mẫm, đưa ra nhiều giả thuyết mà tôi không thể nào tìm ra được sự liên kết trực tiếp giữa 2 nhánh họ Đinh ở Cương Gián và ở Trung Lương. Tôi buồn và thất vọng lắm! Nhưng thật may, đến tháng Tám năm 2011 tôi tìm thấy trang web họ Đinh Việt Nam. Tôi phấn khởi và gửi lên trang web đó bài viết để mọi

người biết nguyện vọng đi tìm nguồn cội dòng họ Đinh Cương Gián của tôi. May mắn thay, chỉ vài ngày sau là tôi được bác Đinh Nho Quỳ, tộc trưởng họ Đinh Nho ở xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh gửi thư điện tử cho. Thế là bác cháu có số điện thoại và email của nhau. Sau vài lần trao đổi qua điện thoại, tôi được bác Quỳ gửi cho xem bản sao gia phả họ Đinh Nho ở xã Sơn Hòa - Hương Sơn, Hà Tĩnh. Tôi rất mừng, mừng đến nao lòng khi đem 2 gia phả ra đối chiếu. Giống nhau khủng khiếp! trong bảy đời đầu thủy tổ đều giống tên cụ thủy tổ ông, giống họ cụ thủy tổ bà và giống cả tước phẩm nữa, tất cả chỉ khác nhau vài chữ - tôi nghĩ chắc do tam sao thất bản nên có những lỗi ấy mà thôi. Tôi sung sướng điện thoại báo cho bác Quỳ và một số anh em trong họ Đinh Cương Gián chúng tôi. Tôi hạnh phúc vô cùng! Tôi đã làm được cái việc mà nhiều đời trước ông cha chúng tôi chưa làm được! Tôi đã làm thỏa lòng mong mỏi của mọi người trong họ Đinh ở làng Cương Gián chúng tôi!

Rằm Tháng Bảy năm 2013, chúng tôi đã tổ chức anh em họ Đinh ở xã Cương Gián về thắp hương cúng tổ tiên, đồng thời mang gia phả về để chính thức đối chiếu. Kết quả làm mọi người rất tin tưởng do trùng khớp nhau từ đời thứ nhất là ngài Tả Hiệu Điểm Công Tây Hầu Đinh Phúc Diên, đến đời Thứ Bảy là Ngài Tiến Sỹ Đinh Nho Công.

Đến nay, việc chắp nối gia phả họ Đinh ở xã Cương Gián vào gia phả họ Đinh Nho ở xã Sơn Hòa đang còn một số khó khăn do trong gia phả họ Đinh ở xã Cương Gián không ghi tên thật của các ngài thủy tổ khi rời khỏi Hương Sơn ra đi. Việc này khá khó khăn nhưng tôi nghĩ tương lai sẽ làm được. Nếu dựa vào các ghi chép của gia phả và đi tìm kiếm thêm các nguồn tư liệu lịch sử thì chúng ta hay các thế hệ sau này sẽ lần tìm ra

những điều bí ẩn đó. Riêng tôi, tôi cũng đã có giả thuyết đáng tin về vị thủy tổ sinh ra họ Đinh ở làng Cương Gián chúng tôi, tôi sẽ thu thập thêm chứng cứ cho chắc chắn hơn rồi sẽ viết ra để bà con cùng trao đổi.

Dù chúng tôi chưa biết chính xác vị thủy tổ họ Đinh làng Cương Gián khi rời xã An Ấp - Hương Sơn (xã Sơn Hòa - Hương Sơn) tên thật là gì, nhưng chúng tôi đã xác định được chính xác nguồn cội của họ Đinh ở xã Cương Gián - Nghi Xuân - Hà Tĩnh là từ xã An Ấp (nay là xã Sơn Hòa) - huyện Hương Sơn - Tỉnh Hà Tĩnh. Đó là dòng họ Đinh Nho mà từ xưa lại nay có rất nhiều người thành đạt, thời Hậu Lê và thời nhà Nguyễn có đến gần chục người đậu tiến sĩ, thời nay, từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay cũng có nhiều người có học vị tiến sĩ và giữ các chức vụ quan trọng trong các cơ quan, tổ chức của Đảng và Nhà nước ta.

Càng tự hào với truyền thống của tổ tiên, lớp cháu con trong dòng họ càng phải cố gắng vươn lên trong học tập, lao động, công tác, để xứng đáng với cha ông, xứng đáng với công lao mà các vị tiền bối đã dày công vun đắp.

KHÚC CA DÂNG HƯƠNG TỪ ĐƯỜNG DÒNG HỌ ĐINH NHO

Nhạc và lời: Đinh Tú Anh
Hậu duệ dòng họ Đinh Nho
Đời thứ 17B
(Sáng tác: Tháng 8/2023)




17
Quyết noi lời tổ huấn. Tiến làm người nghĩa
19
sĩ. Lui về làm lương nông. Con cháu con một
21
lòng đoàn kết bảo ban nhau. Nhớ xưa từ Gia
24
Viễn tổ tiên về Hương Sơn cho đến nay con
26
cháu đông vui khắp mọi miền. Nhớ xưa từ Gia
29
Viễn tổ tiên về Hương Sơn cho đến nay con
31
cháu đông vui khắp mọi miền.

Câu chuyện về bài hát
'Chia tay tôi, Người về bên kia thế giới'

Cha chúng tôi (chúng tôi tức là Đinh Tú Anh - người soạn sách này) hiện nay đã gần 90 tuổi (ông sinh năm 1937, nhưng tuổi trong hồ sơ, lý lịch là 1934), hiện ông vẫn đang còn rất khoẻ mạnh, minh mẫn. Cách đây mấy năm, một hôm trong lúc hai cha con đang cùng đùa vui, ông cũng nói vui:

"Con biết viết nhạc, con hãy viết một bài hát chia tay cha để hát cho cha nghe. Bởi biết đâu, sau này khi cha chết, con có viết, có hát thì cha cũng chắc gì đã nghe được?"

Thấy có lý nên tôi đã sáng tác bài hát này tặng cho cha tôi. Và quả thật, cha tôi đã rất hạnh phúc. Ông nói:

"Trên đời này có mấy ai mà có bài hát chia tay khi mình sẽ trở về với tiên tổ? Mà lại là do con trai của mình sáng tác? Vả lại, lại được nghe cho đến thuộc lòng khi còn đang sống".

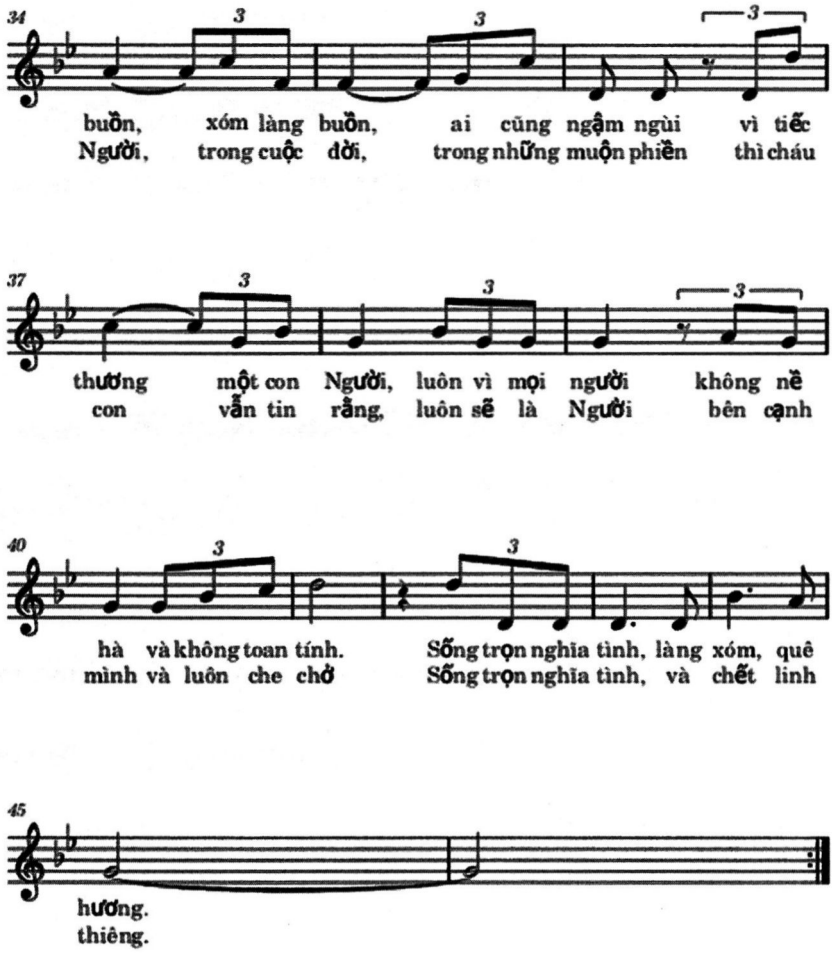
Theo chúng tôi, bài hát này rất hay từ giai điệu đến ý nghĩa của lời hát. Do vậy, thiết tưởng cũng nên chia sẻ trong sách này để cùng lưu lại với *Lịch sử dòng họ Đinh Nho*; để tặng bà con đồng tộc họ Đinh Nho, tặng mọi người, và để kính tặng những người cha. Sinh tử là lẽ vô thường của tạo hoá chứ chẳng của riêng ai.

Bài hát đó như sau:

Chia tay tôi, Người về bên kia thế giới

Nhạc và lời: Đinh Tú Anh




34
buồn, xóm làng buồn, ai cũng ngậm ngùi vì tiếc
Người, trong cuộc đời, trong những muộn phiền thì cháu
37
thương một con Người, luôn vì mọi người không nề
con vẫn tin rằng, luôn sẽ là Người bên cạnh
40
hà và không toan tính. Sống trọn nghĩa tình, làng xóm, quê
mình và luôn che chở Sống trọn nghĩa tình, và chết linh
45
hương.
thiêng.

Phần II.

VĂN CÚNG TỔ

I. CÁC NGÀY CÚNG TẾ TRONG NĂM

Ngoài việc Ban Tộc biểu có trách nhiệm phân công người quét dọn nhà thờ, lau chùi đồ thờ, bàn thờ (ban thờ); sắm sửa lễ vật và kính cẩn dâng hương tại Nhà thờ đại tôn các ngày rằm, mồng một hằng tháng, thì, hằng năm, Đinh Nho đại tôn có 4 ngày cúng giỗ, 5 nơi tảo mộ, dâng hương tại lăng mộ và có các kỳ cúng tế khác sau đây:

1. Bốn ngày giỗ tổ

1.1. Giỗ Tổ mẫu Hoàng Quý thị (Ngày tiết Thanh minh hằng năm)

Tổ mẫu Hoàng Quý thị là mẹ của thủy tổ họ ta Đinh Phúc Diên, mẹ của thủy tổ họ Đinh Văn ở Nghi Long Đinh Phúc Tiên và là mẹ của thủy tổ họ Đinh ở Đức Thủy Đinh Phúc... (chưa rõ tên). Trong các bài văn tế, chúng ta có thể gọi là Tổ mẫu hoặc Thủy Tổ mẫu đều được.

Do chưa biết được tổ mẫu mất vào ngày tháng năm nào, nên các dòng họ Đinh có cùng tổ mẫu (Đinh Nho ở Hương Sơn; Đinh Văn ở Nghi Long, Nghi Lộc và họ Đinh ở Đức Thủy, Đức Thọ) vào khoảng năm 2017 đã thống nhất lấy ngày tiết Thanh minh hằng năm làm ngày giỗ Tổ mẫu. Địa điểm tế giỗ tại 2 nơi: 1, tảo mộ tại phần mộ tổ mẫu; và 2, tế giỗ tại nhà thờ họ Đinh

Văn ở Nghi Long. Sắm sửa lễ tế do họ Đinh Văn ở Nghi Long đảm nhận và các dòng họ có cùng tổ mẫu có trách nhiệm cử đại diện cùng tham dự và cùng đóng góp.

1.2. Giỗ Thủy tổ Đinh Phúc Diên (Ngày 9 tháng Giêng âm lịch). Đây là kỳ giỗ tổ và là kỳ lễ trọng lớn nhất trong năm của dòng họ Đinh Nho.

1.3. Giỗ Tộc trưởng đại tôn đời thứ 8 Đinh Nho Trạch (Ngày 15 tháng Chạp).

1.4. Giỗ Tộc trưởng chi thứ (đời thứ 8 đại tôn) Đinh Nho Thận (Ngày 7 tháng Chạp).

Trong bốn ngày giỗ này, để thuận tiện cho bà con trong họ, ngoài việc giỗ kết hợp tảo mộ tổ mẫu chúng ta cử đại diện tham gia cùng các dòng họ Đinh khác tổ chức tại Nghi Long, thì tại nhà thờ đại tôn dòng họ Đinh Nho, hằng năm, chúng ta chỉ tổ chức một ngày giỗ lớn, tập trung đầy đủ con cháu tại địa phương cũng như khắp mọi miền về dự lễ giỗ. Đó là ngày mồng 9 tháng Giêng - ngày giỗ Thủy tổ Đinh Phúc Diên.

Còn các ngày giỗ hai cụ tổ đầu tiên của hai chi trưởng, thứ là ngày giỗ Cụ tổ Đinh Nho Trạch và ngày giỗ Cụ tổ Đinh Nho Thận, Ban Tộc biểu sẽ thay mặt bà con trong họ tổ chức đơn giản, thậm chí, chỉ cần cử người thắp hương tưởng nhớ.

Trong họ có người đề xuất hằng năm nên tổ chức thêm lễ giỗ cụ tổ đời thứ 7 Đinh Nho Công, ngày 27 tháng Hai âm lịch. Bởi Cụ tổ Đinh Nho Công là cụ tổ khai khoa và phá thế độc đinh cho dòng họ. Thực sự, ngày giỗ này và ngày giỗ Cụ tổ đời thứ 6 Đinh Hữu Luân rất có ý nghĩa với dòng họ Đinh Nho chúng ta bởi vừa kính nhớ, biết ơn các cụ lại vừa động viên, tiếp thêm sức mạnh cho con cháu noi gương các cụ mà tích cực học tập, luyện rèn. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng bà con trong

họ còn bao nỗi lo toan, bận rộn trong cuộc sống, nên sau khi cân nhắc, chúng tôi thấy chúng ta chỉ nên tập trung mỗi năm một lần vào ngày giỗ thủy tổ mà thôi. Ngày đó vừa ra Giêng, đang trong kỳ nghỉ Tết, rất thuận tiện cho bà con trong họ, đặc biệt là bà con, con cháu ở xa.

2. Năm nơi tảo mộ

2.1. Tảo mộ Tổ mẫu Hoàng Quý thị.

Tảo mộ Tổ mẫu Hoàng Quý thị hằng năm, chúng ta cử đại diện tham gia cùng họ Đinh Văn ở Nghi Long và họ Đinh ở Đức Thủy vào ngày tiết Thanh minh kiêm ngày giỗ tổ mẫu đã nêu ở trên.

2.2. Tảo mộ Áng Phần (mồng 9 tháng Giêng âm lịch).

2.3. Tảo mộ Rú Trai (mồng 9 tháng Giêng âm lịch).

2.4. Tảo mộ lòi Chim Chim (mồng 9 tháng Giêng âm lịch).

2.5. Tảo mộ lăng Kim Hoa (mồng 9 tháng Giêng âm lịch).

Tảo mộ Áng Phần, tảo mộ Rú Trai, tảo mộ lòi Chim Chim và tảo mộ lăng Kim Hoa, hằng năm, vào sáng ngày mồng 9 tháng Giêng, Ban Tộc biểu cử đại diện là người trong Ban Tộc biểu và/ hoặc bà con trong họ đi tảo mộ các nơi rồi về tế giỗ thủy tổ Đinh Phúc Diên.

3. Các kỳ cúng tế khác

3.1. Cúng tổ chiều 30 Tết.

3.2. Cúng tổ Giao thừa.

3.3. Cúng tổ sáng Mồng Một Tết.

3.4. Cúng tổ (Lễ tạ, tức Lễ hóa vàng) Mồng Ba Tết.

3.5. Cúng rằm tháng Bảy (âm lịch).

5.6. Con cháu về nhà thờ họ dâng hương.

5.7. Con cháu dâng hương báo công với tổ tiên (Tối ngày mồng 8 tháng Giêng, tức là trước ngày giỗ thủy tổ 1 ngày).

Cúng tổ chiều 30 Tết, cúng tổ Giao thừa, cúng tổ sáng Mồng Một Tết, cúng tổ Mồng Ba Tết và cúng rằm tháng Bảy âm lịch, trước đây do Tộc trưởng đời thứ 18 đảm nhiệm. Nay do Tộc trưởng đời thứ 19 đang sinh sống và làm việc ở xa nên Ban Tộc biểu sẽ phân công nhau, thay mặt bà con trong họ đảm nhận việc này.

Con cháu về nhà thờ họ dâng hương thì con cháu sẽ tự chủ động trong việc dâng hương kính nhớ tổ tiên.

Con cháu dâng hương báo công với tổ tiên. Hằng năm, để tôn vinh con cháu có thành tích cao trong học tập, rèn luyện và để khuyến học, khuyến tài trong dòng họ Đinh Nho cũng như để giáo dục con cháu biết hướng về nguồn cội, họ Đinh Nho tổ chức lễ cho con cháu dâng hương báo công với tổ tiên vào buổi tối ngày mồng 8 tháng Giêng, tức là trước ngày giỗ thủy tổ 1 ngày). Những năm có sự thay đổi, Ban Tộc biểu sẽ thông báo sau.

Giỗ Tổ mẫu Hoàng Quý thị vì được tổ chức tại Nghi Long nên chúng ta theo nghi thức của họ Đinh Văn ở Nghi Long.

Trong các bài văn tế tại nhà thờ họ Đinh Nho, chúng ta khấn tế thỉnh mời các cụ tổ ông, các cụ tổ bà từ Tổ mẫu đến Thủy tổ cho đến các cụ tổ đời thứ 8 (tổng cộng 30 cụ tổ, trong đó có 6 cụ tổ ông đời thứ 8). Các cụ tổ còn lại chúng ta khấn tế thỉnh mời chung. Tuy nhiên, việc soạn văn tế thì chúng tôi soạn đầy đủ như vậy, còn tuỳ tình hình thực tế, trong quá trình thực hành nghi lễ cúng tế cũng có thể lược bớt việc xướng danh các cụ tổ nếu thời gian không cho phép.

Trong các bài văn tế tảo mộ thì ở đó có mộ của vị tổ tiên nào, chúng ta khấn tế các vị tổ tiên đó.

Các bài văn khấn tế có nội dung cơ bản là giống nhau. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn trình bày lặp lại trong các bài văn khấn tế riêng biệt để tiện cho việc thực hành nghi thức cúng tế.

Ngoài 4 ngày cúng giỗ 4 vị tổ tiên nêu trên, khi bà con đồng tộc thống nhất tổ chức cúng giỗ riêng 1 vị tổ tiên nào khác, chúng ta có thể căn cứ các bài văn tế cúng giỗ trong sách này để soạn lại cho phù hợp theo nguyên tắc, người được cúng giỗ là người được khấn tế thỉnh mời trước, rồi sau đó mới đến các vị tổ tiên còn lại theo thứ tự thứ bậc của tổ tiên từ cao đến thấp.

Hiện nay các bài vị ghi tên tổ tiên để thờ cúng trên các bàn thờ (ban thờ) trong Nhà thờ họ không đủ tên các vị tổ tiên như trong các bài văn tế trong sách này. Thiết nghĩ, chúng ta sẽ bổ sung đầy đủ khi trùng tu lại Nhà thờ.

II. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRONG CÁC DỊP CÚNG TẾ

Trước mỗi kỳ cúng tế chuẩn bị như sau:

1. Quét dọn nhà thờ, lau chùi các bàn thờ (ban thờ), đồ thờ sạch sẽ, trang nghiêm.

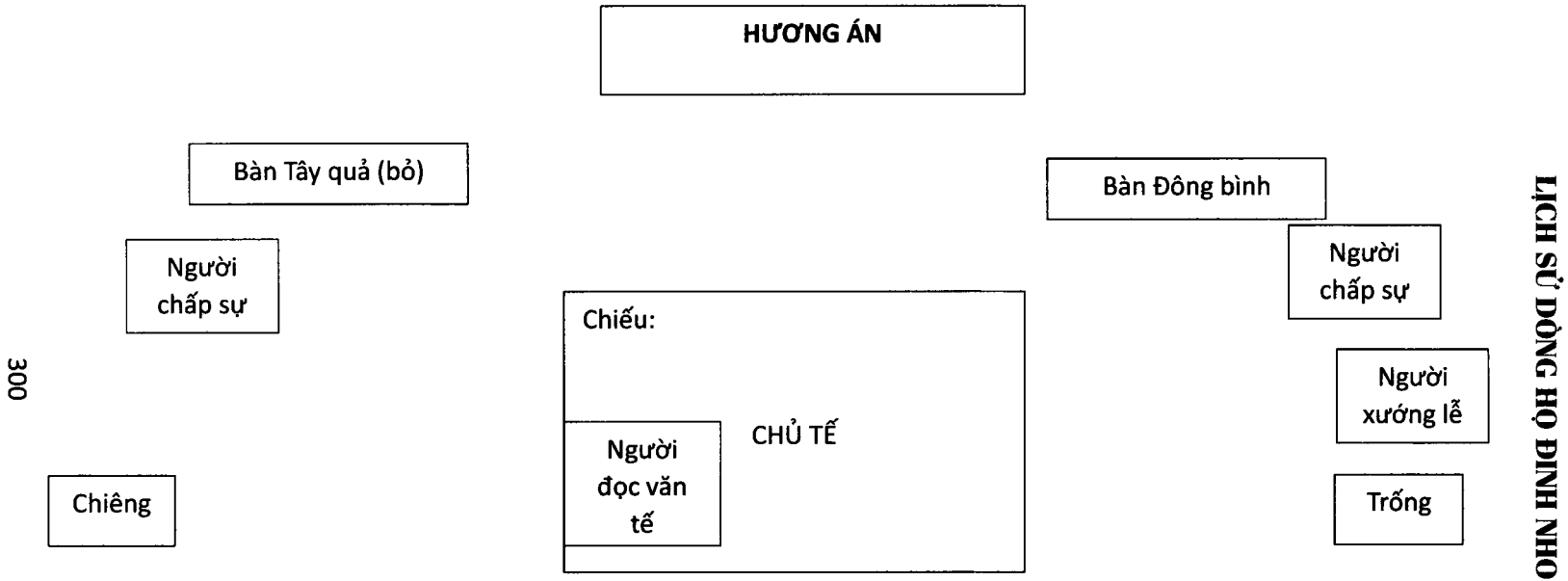
2. Chuẩn bị, bày biện lễ vật, hương, hoa, đèn, nến, trà, rượu lên các bàn thờ. Thắp hương, thắp đèn, nến một lượt trên các bàn thờ (ban thờ) trước khi bắt đầu cúng tế.

3. Chuẩn bị văn tế (văn khấn), văn xướng lễ. Bản văn tế, bản văn xướng lễ cần sạch sẽ, ngay ngắn để thể hiện sự kính cẩn, trang nghiêm. Bản văn tế cần được in trên giấy dễ cháy, cháy ít khói vì sau khi cúng tế thì được đốt đi theo đúng nghi thức của người xưa. Tuy nhiên, cũng có thể bỏ phần đốt văn tế này để đảm bảo an toàn cháy nổ và góp phần nêu cao ý thức bảo vệ vệ sinh môi trường.

4. Chuẩn bị chiếu: Thông thường, theo chúng tôi, để thuận tiện cho con cháu, chúng ta chỉ nên thực hành nghi lễ cúng tế theo nghi thức rút gọn. Tuy nhiên, trong sách này, chúng tôi trình bày cả 2 nghi thức: rút gọn và đầy đủ, để tuỳ từng thời điểm cụ thể, bà con trong họ có thể lựa chọn áp dụng nghi thức nào cho phù hợp.

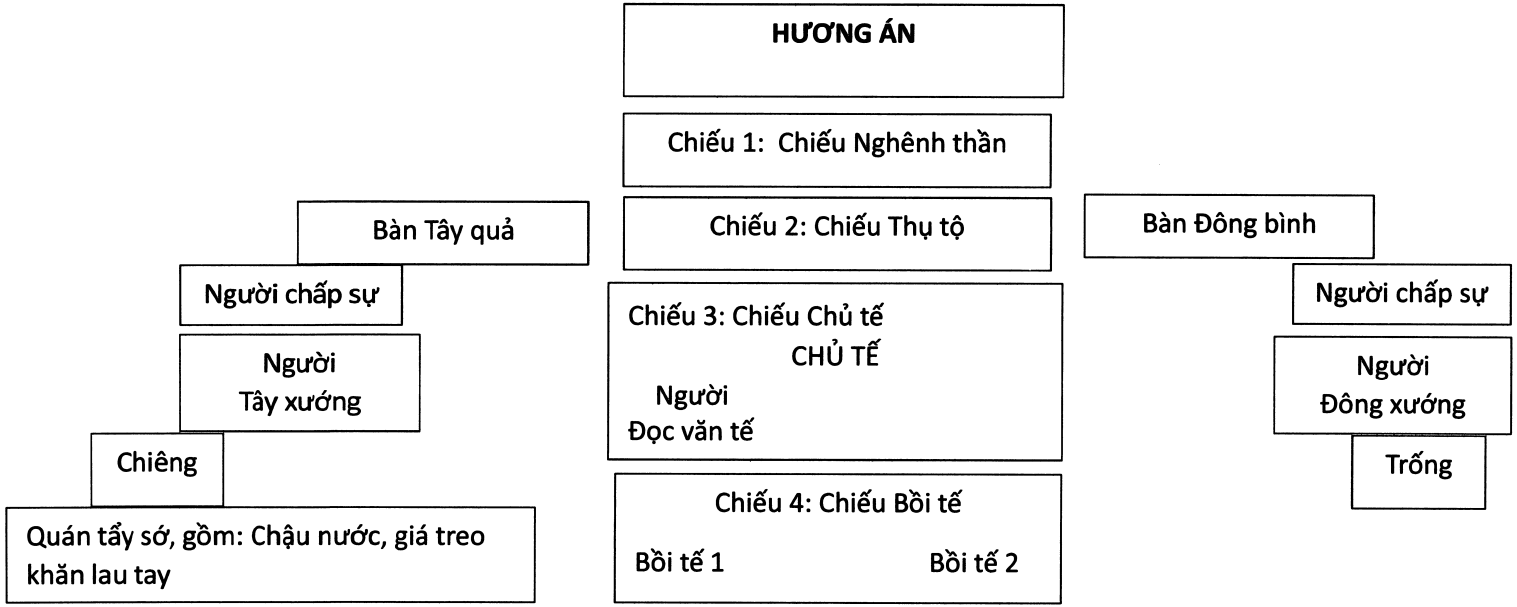
- Nghi thức rút gọn: Chỉ trải 1 chiếc chiếu.
- Nghi thức đầy đủ: trải 4 chiếc chiếu.

1. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ TẾ LỄ NGHI THỨC RÚT GỌN



Ghi chú: 1. Không bố trí bàn Tây quả; 2. Bàn Đông bình để: 1 cây đèn, 1 bình hương, 1 bình rượu và 3 cái chén để trên 3 đài rượu (hoặc dùng đĩa thay cho đài rượu); 3. Chấp sự: mỗi bên 1 người; 4. Người đọc văn tế ở vị trí thấp hơn người chủ tế chỉ một chút (thấp hơn một chút đến mức khó nhận ra là thấp hơn).

2. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ TẾ LỄ NGHI THỨC ĐẦY ĐỦ



Ghi chú: 1. Bàn Tây quả để: 1 cái đĩa đựng một tý huyết và một ít lông của con vật dùng để tế ; 2. Bàn Đông bình để: 1 cây đèn, 1 bình hương, 1 bình rượu và 3 cái chén để trên 3 đài rượu (hoặc dùng đĩa thay cho đài rượu); 3. Chấp sự: mỗi bên 1 người; 4. Người đọc văn tế ở vị trí thấp hơn người chủ tế chỉ một chút (thấp hơn 1 chút đến mức khó nhận ra là thấp hơn).

5. Phân công ban cúng tế.

5.1. Nghi thức rút gọn.

Vị trí, chức danh	Số lượng người	Ghi chú
1. Chủ tế	1	Là tộc trưởng, nếu tộc trưởng vắng, do Ban Tộc biểu cử ra. Chủ tế mặc trang phục, đội khăn xếp dành cho chủ tế.
2. Bồi tế	0	
3. Xướng lễ	1	Người đọc văn xướng lễ để mọi người theo đó mà thực hiện nghi thức cúng tế. Đứng phía bên trái Hương án nhìn từ trong ra.
4. Điển văn, độc chúc văn	1	Người viết và đọc văn tế.
5. Nội tán	0	
6. Chấp sự	2	Tức phụ lễ, thắp hương, rót rượu, rót trà…
7. Đánh chuông, đánh trống	2	1 người đánh chiêng (hoặc chuông), 1 người đánh trống
Tổng cộng	**7**	

5.2. Nghi thức đầy đủ.

Vị trí, chức danh	Số lượng người	Ghi chú
1. Chủ tế	1	Là tộc trưởng, nếu tộc trưởng vắng, do Ban Tộc biểu cử ra. Chủ tế mặc trang phục, đội khăn xếp dành cho chủ tế.
2. Bồi tế	2	Đại diện cho 2 chi: chi trưởng, chi thứ. Nếu thiếu người có thể bỏ vị trí 2 bồi tế này.
3. Xướng lễ	2	Người đọc văn xướng lễ để mọi người theo đó mà thực hiện nghi thức cúng tế. 2 người đứng 2 bên hương án gọi là Đông xướng (đứng phía bên trái hương án nhìn từ trong ra ngoài), Tây xướng (đứng phía bên phải hương án). Nay người ta thường dùng một người.
4. Điển văn, độc chúc văn	1	Người viết và đọc văn tế.
5. Nội tán	2	Đứng 2 bên chủ tế để dẫn chủ tế đi vào, đi ra. Hiện nay các họ thường bỏ vị trí 2 người nội tán này.
6. Chấp sự	2	Tức phụ lễ, thắp hương, rót rượu, rót trà...
7. Đánh chuông, đánh trống	2	1 người đánh chiêng (hoặc chuông), 1 người đánh trống.
Tổng cộng	12	

Tuy nhiên, cũng có thể có những thời điểm mà chúng ta không có đủ người để thực hiện đầy đủ các nghi thức của nghi lễ cúng tế kể cả nghi thức đầy đủ hay rút gọn. Lúc đó, có thể giản lược. Thậm chí, trường hợp chỉ có 1 người, chúng ta có thể chỉ vái lạy tổ tiên và quỳ hoặc đứng đọc văn tế (cũng gọi là văn khấn) như các bài văn tế trong sách này là được.

Để việc cúng tế diễn ra thông suốt, trang nghiêm và thành kính, chúng ta nên sắm đầy đủ bộ quần áo lễ cho ban cúng tế và ban cúng tế cũng nên thường xuyên tập luyện nghi thức cúng tế cho nhuần nhuyễn.

Quần áo lễ được bán ở các cửa hàng chuyên đồ lễ. Tất cả đều đội mũ kiểu phốc đầu, tay áo thụng, quần màu trắng kiểu ống sớ, chân đi hia. Mũ và áo cùng một màu như sau:

- Chủ tế: Màu đỏ.
- Bồi tế: Màu tím.
- Chấp sự, nội tán: Màu xanh lam.

III. VĂN XƯỚNG LỄ BẢN RÚT GỌN

Trong mỗi dịp cúng tế lễ trọng đều sử dụng bài văn xướng lễ bản rút gọn này. Còn các kì tảo mộ hay các lễ cúng nhỏ như các ngày rằm, mồng 1 trong tháng thì để cho đơn giản, chỉ cần đọc văn tế hoặc là chỉ khấn nôm.

Người xướng lễ phải là người có giọng đọc tốt, trang nghiêm.

Nội dung bài văn xướng lễ mà người xướng lễ sẽ lần lượt đọc để những người hành lễ theo đó mà thực hiện như sau: *(Phần ngoài ngoặc là phần phiên âm Hán - Việt, phần trong ngoặc là phần Việt ngữ phổ thông; nên đọc cả 2 phần, phần Hán Việt đọc trang nghiêm, phần Việt ngữ đọc nhỏ hơn để vừa trang nghiêm vừa*

mọi người hiểu được; số thứ tự các câu xướng là để dễ dàng cho việc đọc, khi đọc không đọc các số thứ tự này; phần ghi chú cũng chỉ để biết, không đọc):

NỘI DUNG VĂN XƯỚNG LỄ BẢN RÚT GỌN

1. **Tĩnh túc thị lập** *(Con cháu giữ trật tự; chiêng, trống đánh 3 tiếng, trống trước chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Có nơi quy định chiêng trước, trống sau}.

2. **Hành tế đại lễ, chấp sự giả các tư kỳ sự** *(Bắt đầu đại lễ, các vị chấp sự chuẩn bị vào việc; xếp thành 2 hàng; chiêng, trống đánh 3 tiếng - âm lượng vừa phải).*

3. **Khởi chinh cổ, các tam nghiêm** *(nổi chiêng trống, mỗi bên 3 hồi; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Đánh 1 hồi rồi 3 tiếng (cứ trống đánh tiếng nào thì chiêng đánh theo tiếng ấy; đánh 3 lần như vậy thành ra 3 hồi 9 tiếng}.

4. **Tế chủ tựu vị** *(chủ tế vào vị trí (vào chiếu)).*

{Ghi chú: Thực hành nghi thức rút gọn nên không có bồi tế; Chủ tế đi từ phía bên trái bàn thờ (bên trái được xác định theo hướng từ bàn thờ nhìn ra ngoài), đi không được quay lưng về phía bàn thờ}.

5. **Nghệ hương án tiền** *(chủ tế bước lên 1 bước thể hiện đi lên trước hương án; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Quỵ** *(chủ tế quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Phân hương** *(người chấp sự bên bàn Đông bình đốt 3, hoặc 5, hoặc 7 nén hương và đưa cho chủ tế; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Thượng hương** *(chủ tế cầm hương, nâng lên cao quá mày, quỳ vái 3 vái, xong đưa cho chấp sự bên Đông bình cắm vào bát hương trên hương án; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

6. Phủ phục

- **Nhất Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

7. Bình thân phục vị *(chủ tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

8. Nghênh thần cúc cung bái *(chủ tế bước lên 1 bước).*

- **Nhất Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tam Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tứ Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

9. Bình thân phục vị *(chủ tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

10. Hành sơ hiến lễ *(chuẩn bị dâng rượu lần đầu; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Quỵ** *(chủ tế quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nghệ tửu tương sở, tửu tương giả cử mịch** *(chấp sự ở bàn Đông bình mở nắp bình rượu).*

- **Chước tửu** *(rót rượu; chấp sự rót rượu vào 1 cái chén để trên đài rượu hoặc trên 1 cái đĩa trên bàn Đông bình; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tiến tước** *(chấp sự dâng đài rượu mà trên đài đã có chén rượu đầy cho chủ tế, chủ tế đỡ lấy, vái 1 vái rồi đưa lại cho chấp sự; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hiến tước** *(dâng rượu lên bàn thờ; chấp sự 2 tay nâng đài rượu dâng lên hương án; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các chấp sự đi vào trong Thượng điện, rót rượu vào các chén; mỗi chén rót vừa phải vì dâng rượu 3 lần trong buổi tế}.

11. Phủ phục

- Nhất Bái *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hưng *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Nhị Bái *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hưng *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

12. Bình thân phục vị *(chủ tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

13. Độc chúc tựu vị *(người đọc văn tế vào chiếu, đứng bên cạnh và thấp hơn chủ tế 1 chút; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

14. Tiền thân chúc vị *(chủ tế cùng người đọc văn tế bước lên 1 bước; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

15. Phủ phục

- Nhất Bái *(chủ tế và người đọc văn tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hưng *(chủ tế và người đọc văn tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế và người đọc văn tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế và người đọc văn tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

16. Giai quỵ *(chủ tế và người đọc văn tế cùng quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

17. Chuyển chúc *(chuyển văn tế; người chấp sự lấy văn tế trên hương án, quỳ vái 4 vái rồi chuyển văn tế đưa cho chủ tế vái 4 vái, xong chuyển cho người đọc văn tế vái 4 vái; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

18. Tuyên độc *(người đọc văn tế vái 4 vái rồi đọc; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Trong quá trình đọc văn tế, hễ người đọc văn tế đọc hết 1 ý thì dừng lại, người đánh chiêng đánh 1 tiếng chiêng, rồi đọc tiếp trống không đánh; sau khi đọc xong, người đọc văn tế vái 4 vái rồi đưa cho chủ tế; lúc này chiêng, trống cùng đánh 3 tiếng}

19. Dâng chúc *(chủ tế vái 4 vái rồi đưa chấp sự dâng văn tế lên bàn thờ).*

- **Hưng** *(chủ tế và người đọc văn tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

20. Phủ phục

- **Nhất Bái** *(chủ tế và người đọc văn tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế và người đọc văn tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế và người đọc văn tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế và người đọc văn tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

21. Bình thân phục vị *(chủ tế và người đọc văn tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh; người đọc văn tế đứng vái 4 vái rồi đi ra).*

22. Hành á hiến lễ *(chuẩn bị dâng rượu lần 2; chủ tế bước lên 1 bước; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Quỵ** *(chủ tế quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Chước tửu** *(rót rượu; chấp sự rót rượu vào 1 cái chén để trên đài rượu hoặc trên 1 cái đĩa trên bàn Đông bình; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tiến tước** *(chấp sự dâng đài rượu mà trên đài đã có chén rượu đầy cho chủ tế, chủ tế đỡ lấy, vái 1 vái rồi đưa lại cho chấp sự; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hiến tước** *(dâng rượu lên bàn thờ; chấp sự 2 tay nâng đài rượu dâng lên hương án; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các chấp sự đi vào trong Thượng điện, rót rượu vào các chén; mỗi chén rót vừa phải vì còn 1 lần rót nữa}

23. Phủ phục

- Nhất Bái *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hưng *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Nhị Bái *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hưng *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

24. Bình thân phục vị *(chủ tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

25. Hành chung hiến lễ *(chuẩn bị dâng rượu lần 3; chủ tế bước lên 1 bước; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Quỵ *(chủ tế quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Chước tửu *(rót rượu; chấp sự rót rượu vào 1 cái chén để trên đài rượu hoặc trên 1 cái đĩa trên bàn Đông bình; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Tiến tước *(chấp sự dâng đài rượu mà trên đài đã có chén rượu đầy cho chủ tế, chủ tế đỡ lấy, vái 1 vái rồi đưa lại cho chấp sự; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hiến tước *(dâng rượu lên bàn thờ; chấp sự 2 tay nâng đài rượu dâng lên hương án; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các chấp sự đi vào trong Thượng điện, rót rượu vào các chén lần cuối cùng trong buổi lễ}

26. Phủ phục

- **Nhất Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

27. Bình thân phục vị *(chủ tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

28. Điểm trà *(chủ tế bước lên 1 bước).*

- **Quỵ** *(chủ tế quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tiến trà** *(chấp sự mang bình trà đã chuẩn bị sẵn ở bàn Đông bình đưa cho chủ tế, chủ tế cầm bình trà vái 1 vái rồi đưa cho chấp sự).*

- **Điểm trà** *(chấp sự rót trà từ bình trà vào ly đã chuẩn bị sẵn trên bàn Đông bình).*

- **Dâng trà** *(chấp sự mang ly trà dâng lên hương án và rót trà vào các ly đã có sẵn trên hương án).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các chấp sự đi vào trong Thượng điện, rót trà vào các chén}

29. Phủ phục

- Nhất Bái *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hưng *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Nhị Bái *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hưng *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

30. Bình thân phục vị *(chủ tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

31. Tạ lễ tổ tiên cúc cung bái *(chủ tế bước 1 bước rồi đứng nghiêm).*

- Nhất Bái *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hưng *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Nhị Bái *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hưng *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Tam Bái *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Hưng *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Tứ Bái *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

32. Bình thân phục vị *(chủ tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

33. Phân chúc *(chấp sự mang bài văn tế trên hương án xuống rồi đốt tại chỗ, khi đốt mọi người nhìn theo hướng đó; chấp sự khác mang tiền vàng ra ngoài đốt;chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

34. Tiền thân tạ lễ *(chủ tế bước lên 1 bước).*

35. Đồng tộc tạ lễ tổ tiên đồng tam bái

- **Nhất Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tam Bái** *(chủ tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Tất cả mọi người cùng đứng vái 3 vái}.

36. Lễ tất *(lễ đã xong; chiêng trống khua 1 hồi dài với âm lượng vừa phải, tuyệt đối không đánh thêm tiếng nào).*

{Ghi chú: Mọi người đi ra}.

IV. VĂN XƯỚNG LỄ BẢN ĐẦY ĐỦ

Chúng tôi thiết nghĩ khi thực hành nghi thức cúng tế tổ tiên, chúng ta chỉ cần thực hiện theo bài văn xướng lễ bản rút gọn trên đây là đã đầy đủ và đã đảm bảo trang nghiêm, thành kính tổ tiên. Tuy nhiên, theo yêu cầu của một số bà con trong họ, chúng tôi đưa thêm văn xướng lễ bản đầy đủ sau đây để bà con tham khảo, và khi cần thiết họ ta cũng có thể áp dụng.

NỘI DUNG VĂN XƯỚNG LỄ BẢN ĐẦY ĐỦ

1. Tĩnh túc thị lập *(Con cháu giữ trật tự; chiêng, trống đánh 3 tiếng, trống trước chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Có nơi quy định chiêng trước, trống sau}

2. Hành tế đại lễ, chấp sự giả các tư kỳ sự *(Bắt đầu đại lễ, các vị chấp sự chuẩn bị vào việc; xếp thành 2 hàng; chiêng, trống đánh 3 tiếng - âm lượng vừa phải).*

3. Khởi chinh cổ, các tam nghiêm *(nổi chiêng trống, mỗi bên 3 hồi; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Đánh 1 hồi rồi 3 tiếng (cứ trống đánh tiếng nào thì chiêng đánh theo tiếng ấy; đánh 3 lần như vậy thành ra 3 hồi 9 tiếng)}

4. Nhạc sinh tựu vị, tấu nhạc.

{Ghi chú: Trong trường hợp có ban nhạc thì xướng như trên; còn trong trường hợp không có ban nhạc thì xướng:}

Khởi nhạc *(mở nhạc lễ - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Nhạc lễ (có thể lấy từ youtube) mở 1 đoạn ngắn rồi thôi}.

5. **Củ soát lễ vật** *(chủ tế và 2 chấp sự cầm đèn hoặc nến vào soi xét lễ vật trên bàn thờ xem có sơ suất gì không, có thiếu gì không; 2 nội tán đi theo 2 bên chủ tế; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

6. **Ế mao huyết** *(nhặt lông chưa sạch trên vật tế lễ bỏ đi chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Chấp sự ở bàn Tây quả cầm cái đĩa đựng sẵn 1 ít huyết và mấy sợi lông con vật tế trên bàn Tây quả mang ra ngoài đổ đi}

7. **Thuế căn, nghệ quán tẩy sớ** *(chủ tế, các bồi tế và các chấp sự, các nội tán lần lượt đến nơi để chậu nước và khăn đã được chuẩn bị sẵn ở góc bên phải phía hương án nhìn ra (gọi là phía Tây), thực hiện nghi thức rửa tay, lau khô; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

8. **Các bồi tế tựu vị** *(2 bồi tế vào chiếu ngoài cùng (chiếu thứ tư tính từ hương án tính ra), sau chiếu chủ tế, đứng hàng ngang, phía sau và 2 bên vị trí chủ tế sẽ đứng; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

9. **Tế chủ tựu vị** *(chủ tế vào vị trí (vào chiếu thứ 3, trước chiếu bồi tế; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Chủ tế đi từ phía bên trái bàn thờ (bên trái được xác định theo hướng từ bàn thờ nhìn ra ngoài), đi không được quay lưng về phía bàn thờ; Nếu có nội tán, 2 nội tán đi 2 bên chủ tế để dẫn chủ tế vào chiếu rồi 2 nội tán đi ra}

10. **Nghệ hương án tiền** *(chủ tế và 2 bồi tế bước lên 1 bước thể hiện đi lên trước hương án; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Giai quỵ** *(chủ tế và 2 bồi tế quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Phân hương** *(người chấp sự bên bàn Đông bình đốt 3, hoặc 5, hoặc 7 nén hương và đưa cho chủ tế; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Thượng hương** *(chủ tế cầm hương, nâng lên cao quá mày, quỳ vái 3 vái, xong đưa cho chấp sự bên Đông bình cắm vào bát hương trên hương án; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các bồi tế vái theo chủ tế; các bồi tế luôn luôn thực hiện theo các nghi lễ vái, lạy của chủ tế}

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Toàn bộ văn xướng lễ là người Đông xướng xướng, duy chỉ có chỗ nào xướng Hưng (đứng lên) thì người Tây xướng xướng}.

11. Tấu nhạc

{Ghi chú: Xướng Tấu nhạc nếu có ban nhạc; còn không thì xướng:}.

- **Khởi nhạc** *(mở nhạc lễ - âm lượng vừa phải).*

12. Phủ phục

- **Nhất Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

13. Bình thân phục vị *(chủ tế và các bồi tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

14. Nghênh thần cúc cung bái

- **Nhất Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tam Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tứ Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

15. Bình thân phục vị *(chủ tế và các bồi tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

16. Hành sơ hiến lễ *(chuẩn bị dâng rượu lần đầu; chủ tế và các bồi tế bước lên 1 bước; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Giai quỵ** *(chủ tế và các bồi tế cùng quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nghệ tửu tương sở, tửu tương giả cử mịch** *(chấp sự ở bàn Đông bình mở nắp bình rượu).*

- **Chước tửu** *(rót rượu; chấp sự rót rượu vào 1 cái chén để trên đài rượu hoặc trên 1 cái đĩa trên bàn Đông bình; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tiến tước** *(chấp sự dâng đài rượu mà trên đài đã có chén rượu đầy cho chủ tế, chủ tế đỡ lấy, vái 1 vái rồi đưa lại cho chấp sự; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: các bồi tế cùng vái theo chủ tế}

- **Hiến tước** *(dâng rượu lên bàn thờ; chấp sự 2 tay nâng đài rượu dâng lên hương án; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- { Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các chấp sự đi vào trong Thượng điện rót rượu lên các chén trên các bàn thờ; rót vừa phải vào từng chén vì trong buổi tế có 3 lần rót rượu như thế}

17. Tấu nhạc

{Ghi chú: Xướng Tấu nhạc nếu có ban nhạc; còn không thì xướng:}

- Khởi nhạc *(mở nhạc lễ - âm lượng vừa phải).*

18. Phủ phục

- Nhất Bái *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} Hưng *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Nhị Bái *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} Hưng *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

19. Bình thân phục vị *(chủ tế và các bồi tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

20. Chuyển chúc vị *(1 chúc sự chuẩn bị để chuyển văn tế ra đưa cho chủ tế, nhưng chưa chuyển mà chờ lệnh từ người xướng lễ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

21. Độc chúc tựu vị *(người đọc văn tế vào chiếu, đứng bên cạnh và thấp hơn chủ tế 1 chút; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

22. Tiền thân chúc vị *(chủ tế cùng người đọc văn tế lên chiếu trên; đi ra ngoài sang phía bên trái rồi đi lên, vào chiếu trên; chiêng,*

trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).

{Ghi chú: chủ tế và người đọc văn tế đi ra ngoài chiếu về bên trái rồi đi lên và vào chiếu trên, không bước từ chiếu dưới lên chiếu trên; các bồi tế bước lên 1 bước}

23. Nghệ độc chúc vị *(chuẩn bị đọc văn tế; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

24. Phủ phục

- Nhất Bái *(chủ tế, các bồi tế và người đọc văn tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế, các bồi tế và người đọc văn tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- Nhị Bái *(chủ tế, các bồi tế và người đọc văn tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế, các bồi tế và người đọc văn tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

25. Giai quỵ *(chủ tế, các bồi tế và người đọc văn tế cùng quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

26. Chuyển chúc *(chuyển văn tế; người chấp sự lấy văn tế trên hương án, quỳ vái 4 vái rồi chuyển văn tế đưa cho chủ tế vái 4 vái, xong chuyển cho người đọc văn tế vái 4 vái; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các bồi tế vái theo chủ tế}

27. **Tuyên độc** *(người đọc văn tế vái 4 vái rồi đọc; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Trong quá trình đọc văn tế, hễ người đọc văn tế đọc hết 1 ý thì dừng lại, người đánh chiêng đánh 1 tiếng chiêng, rồi đọc tiếp trống không đánh; sau khi đọc xong, người đọc văn tế vái 4 vái rồi đưa cho chủ tế; lúc này chiêng, trống cùng đánh 3 tiếng}

28. **Dâng chúc** *(chủ tế vái 4 vái rồi đưa chấp sự dâng văn tế lên bàn thờ).*

{Ghi chú: các bồi tế vái theo chủ tế}

29.{Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế, các bồi tế và người đọc văn tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

30. **Tấu nhạc**

{Ghi chú: Xướng Tấu nhạc nếu có ban nhạc; còn không thì xướng:}

- **Khởi nhạc** *(mở nhạc lễ - âm lượng vừa phải).*

31. **Phủ phục**

- **Nhất Bái** *(chủ tế, các bồi tế và người đọc văn tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế, các bồi tế và người đọc văn tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế, các bồi tế và người đọc văn tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế, các bồi tế và người đọc văn tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

32. Bình thân phục vị *(chủ tế và người đọc văn tế đi ra ngoài về phía bên trái, đi xuống chiếu dưới, vào chiếu rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh; người đọc văn tế đứng vái 4 vái rồi đi ra).*

{Ghi chú: Các bồi tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm}

33. Hành á hiến lễ *(chuẩn bị dâng rượu lần 2; chủ tế và các bồi tế tiến lên 1 bước; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Giai Quỵ** *(chủ tế và các bồi tế quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Chước tửu** *(rót rượu; chấp sự rót rượu vào 1 cái chén để trên đài rượu hoặc trên 1 cái đĩa trên bàn Đông bình; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tiến tước** *(chấp sự dâng đài rượu mà trên đài đã có chén rượu đầy cho chủ tế, chủ tế đỡ lấy, vái 1 vái rồi đưa lại cho chấp sự; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các bồi tế vái theo chủ tế}

- **Hiến tước** *(dâng rượu lên bàn thờ; chấp sự 2 tay nâng đài rượu dâng lên hương án; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các chấp sự đi vào trong Thượng điện rót rượu lên các chén trên các bàn thờ; rót vừa phải vào từng chén vì trong buổi tế có 1 lần rót rượu như thế nữa}.

34. Tấu nhạc

{Ghi chú: Xướng Tấu nhạc nếu có ban nhạc; còn không thì xướng:}

- **Khởi nhạc** *(mở nhạc lễ - âm lượng vừa phải).*

35. Phủ phục

- **Nhất Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

36. **Bình thân phục vị** *(chủ tế và các bồi tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

37. **Hành chung hiến lễ** *(chuẩn bị dâng rượu lần 3; chủ tế và các bồi tế tiến lên 1 bước; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Giai Quỵ** *(chủ tế và các bồi tế cùng quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Chước tửu** *(rót rượu; chấp sự rót rượu vào 1 cái chén để trên đài rượu hoặc trên 1 cái đĩa trên bàn Đông bình; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tiến tước** *(chấp sự dâng đài rượu mà trên đài đã có chén rượu đầy cho chủ tế, chủ tế đỡ lấy, vái 1 vái rồi đưa lại cho chấp sự;*

chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).

{Ghi chú: Các bồi tế vái theo chủ tế}

- **Hiến tước** *(dâng rượu lên bàn thờ; chấp sự 2 tay nâng đài rượu dâng lên hương án; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các chấp sự đi vào trong Thượng điện rót rượu lên các chén trên các bàn thờ lần cuối cùng trong buổi lễ}

38. Tấu nhạc

{Ghi chú: Xướng Tấu nhạc nếu có ban nhạc; còn không thì xướng:}

- **Khởi nhạc** *(mở nhạc lễ - âm lượng vừa phải).*

39. Phủ phục

- **Nhất Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

40. Bình thân phục vị *(chủ tế và các bồi tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

41. Điểm trà *(chủ tế và các bồi tế tiến lên 1 bước).*

- **Giai Quỵ** *(chủ tế và các bồi tế cùng quỳ; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tiến trà** *(chấp sự mang bình trà đã chuẩn bị sẵn ở bàn Đông bình đưa cho chủ tế, chủ tế cầm bình trà vái 1 vái rồi đưa cho chấp sự).*

{Ghi chú: Các bồi tế vái theo chủ tế}

- **Điểm trà** *(chấp sự rót trà từ bình trà vào ly đã chuẩn bị sẵn trên bàn Đông bình).*

- **Dâng trà** *(chấp sự mang ly trà dâng lên hương án và rót trà vào các ly đã có sẵn trên hương án).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Các chấp sự đi vào trong Thượng điện, rót trà ra các chén trà trên các bàn thờ}

42. Tấu nhạc

{Ghi chú: Xướng Tấu nhạc nếu có ban nhạc; còn không thì xướng}

- **Khởi nhạc** *(mở nhạc lễ - âm lượng vừa phải).*

43. Phủ phục

- **Nhất Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

44. Bình thân phục vị *(chủ tế và các bồi tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

45. Nghệ ẩm phước vị *(chủ tế đi ra ngoài về phía bên trái đi lên chiếu trên và bước vào chiếu; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

46. Quỵ *(chủ tế quỳ; các bồi tế đứng nghiêm; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

47. Ẩm phước *(chủ tế uống rượu lộc; chấp sự lấy một chén rượu trên hương án mang ra giữa chiếu, quỳ xuống dâng cho chủ tế, chủ tế nhận chén rượu, vái 1 vái rồi lấy tay áo che miệng và uống hết; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

48. Thụ tộ *(chủ tế ăn 1 miếng trầu; chấp sự lấy 1 miếng trầu trên hương án mang ra giữa chiếu, quỳ dâng cho chủ tế, chủ tế nhận miếng trầu, vái 1 vái rồi lấy tay áo che miệng và bỏ vào miệng nhai; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

49. {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

50. Bình thân phục vị *(chủ tế đi ra ngoài về phía bên trái, đi xuống chiếu dưới và vào chiếu, đứng nghiêm; chiêng trống không đánh khi lệnh bình thân phục vị).*

51. Tạ lễ tổ tiên cúc cung bái *(chủ tế và các bồi tế bước 1 bước rồi đứng nghiêm).*

- **Nhất Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tam Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tứ Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

52. Bình thân phục vị *(chủ tế và các bồi tế lùi 1 bước rồi đứng nghiêm; chiêng, trống không đánh).*

53. Phân chúc *(chấp sự mang bài văn tế trên hương án xuống rồi đốt tại chỗ, khi đốt mọi người nhìn theo hướng đó; chấp sự khác mang tiền vàng ra ngoài đốt; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

54. Tiền thân tạ lễ *(chủ tế và các bồi tế bước lên 1 bước).*

55. Đồng tộc tạ lễ tổ tiên đồng tam bái

Nhất Bái *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- { Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Nhị Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- **Tam Bái** *(chủ tế và các bồi tế lạy theo lối phủ phục toàn thân; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

- {Tây xướng:} **Hưng** *(chủ tế và các bồi tế đứng dậy; chiêng, trống đánh 3 tiếng; trống trước, chiêng theo sau - âm lượng vừa phải).*

{Ghi chú: Tất cả mọi người cùng đứng vái 3 vái}.

56. **Lễ tất** *(lễ đã xong; chiêng trống khua 1 hồi dài với âm lượng vừa phải, tuyệt đối không đánh thêm tiếng nào).*

{Ghi chú: Mọi người đi ra}

V. CÁC BÀI VĂN TẾ

Các bài văn tế nên được chép hoặc in ra giấy dễ cháy, ít khói để thuận tiện khi thực hiện nghi thức đốt văn tế. Hoặc cũng có thể đọc văn tế trực tiếp từ sách này mà bỏ phần phân chúc (đốt văn tế) trong nghi thức cúng tế để đảm bảo an toàn cháy nổ và nêu cao ý thức, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

Ở đây cũng cần nói thêm rằng, trong Thượng điện nhà thờ họ Đinh Nho chúng ta, cha ông chúng ta chỉ rước các bài vị thờ cúng tổ tiên của chúng ta vào thờ mà không rước các bài vị của các vị thần linh khác. Do vậy, trong các bài văn tế, chúng ta chỉ

thỉnh mời các vị tổ tiên của chúng ta mà thôi. Các vị thần linh khác, nếu có và nếu cần thiết, tổ tiên chúng ta sẽ thỉnh mời họ, chúng ta không được phép tùy tiện. Mặc dù, khi tham khảo các bài văn tế tổ trên mạng internet, chúng tôi thấy nhiều dòng họ đều tế thỉnh mời các vị thần linh khác trước khi tế thỉnh mời tổ tiên. Chúng tôi cho rằng như vậy là không đúng và không được phép. Ông Đinh Quang Tích, họ Đinh xã Cương Gián, là một nhánh của họ Đinh Nho ta đã giúp chúng tôi tham khảo ý kiến của một số phó giáo sư, tiến sĩ đang giảng dạy văn hóa cổ truyền ở một số khoa, một số trường đại học văn hóa trong nước và họ cũng đều đồng quan điểm với chúng tôi.

Thường trong các bài văn tế, chúng tôi ngắt các câu văn tế thành nhiều đoạn ngắn, xuống dòng không phải là tùy tiện mà là để phù hợp với cách đọc văn tế theo truyền thống cổ truyền của cha ông.

1. VĂN TẾ GIỖ TỔ

Tổ mẫu Hoàng Quý thị là mẹ của thủy tổ Đinh Phúc Diên. Dùng từ chuẩn phải là Thủy tổ mẫu (mẹ của thủy tổ). Tuy nhiên, chúng ta có thể dùng từ Tổ mẫu (mẹ của tổ) cũng được.

Giỗ tổ mẫu Hoàng Quý thị được tổ chức tại họ Đinh Văn ở Nghi Long, nơi có mộ tổ mẫu. Hằng năm nhằm tiết Thanh minh, họ Đinh Nho ta cử đại diện dự lễ giỗ kiêm lễ tảo mộ tổ mẫu cùng với họ Đinh Văn ở Nghi Long và họ Đinh ở Đức Thủy. Do vậy, để đơn giản cho con cháu, ở nhà thờ họ Đinh Nho chúng ta không tổ chức riêng ngày giỗ tổ mẫu. Ở nhà thờ họ Đinh Nho, đại diện Ban Tộc biểu chỉ cần thắp hương tưởng nhớ vào ngày giỗ tổ mẫu mà thôi.

Do vậy, chúng tôi không đưa bài văn tế giỗ tổ mẫu vào đây. Tuy nhiên, vào những dịp đặc biệt, chúng ta có thể tổ chức

giỗ tổ mẫu ở nhà thờ họ Đinh Nho, lúc đó, Ban Tộc biểu hay đại diện dòng họ có thể tham khảo các bài văn tế trong sách này để soạn bài văn tế giỗ tổ mẫu. Bởi, các bài văn tế giỗ có nội dung cơ bản giống nhau.

1.1. VĂN TẾ GIỖ THỦY TỔ ĐINH PHÚC DIÊN

(Ngày giỗ: Mồng 9 tháng Giêng)

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hòa Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn.

(Thôn Đồng Vực)

Tuế thứ *Quý Mão* niên, [Ghi chú: Hằng năm thay tên năm của năm đó vào chữ Quý Mão]

(Năm Quý Mão)

Chính nguyệt

(Tháng Giêng)

Cửu nhật.

(Ngày Mồng Chín)

Tại bản tộc đường

(Tại nhà thờ)

Đinh Nho đại tôn

(Dòng họ lớn Đinh Nho)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha:

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ..... thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Tư nhân thích lâm huý nhật, phỉ lễ cáo kiền: Thủy tổ

(Nay nhân ngày giỗ Cụ thủy tổ)

Kiêm tỉnh tảo mộ phần

(Kiêm quét dọn mộ phần)

Nghênh Xuân gia tiết chi lễ

(Nghênh đón tiết Xuân)

Cẩn dĩ: Hương đăng phù tửu,

(Xin dùng: Hương, đèn, trầu, rượu)

kim ngân, minh y, diêm cốc,

(tiền bạc, quần áo, muối gạo)

hoa quả phẩm,

(hoa quả)

tư thình hàn âm,

(xôi, gà)

cụ soạn thức trần chi nghi

(sửa soạn thức trần)

cung trần bạc tế.

(lễ bạc dâng tế).

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển Sơ tổ khảo Hậu Lê, Lê Sơ,

Tả Hiệu Điểm

Công Tây Hầu,

Nhị phẩm tòng võ giai

Đinh Tổ công

tự Phúc Diên

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ thủy tổ họ Đinh

Tên chữ là Phúc Diên

Chức: Tả Hiệu Điểm,

Tước: Công Tây Hầu,

Phẩm hàm: Nhị phẩm, Phó Ban võ

Triều Hậu Lê, Lê Sơ)

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển Thủy tổ mẫu Hoàng Quý thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Tổ mẫu là Hoàng Quý thị)

- Hiển Sơ tổ tỷ

Đinh chính thất Đào thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà người họ Đào

là vợ cả của Cụ Thủy tổ Đinh Phúc Diên)

- Hiển Sơ tổ tỷ Đinh á thất

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

Là vợ hai của Cụ Thủy tổ Đinh Phúc Diên)

{Ghi chú: Cụ tổ vợ hai của Cụ tổ Đinh Phúc Diên không rõ họ tên}

- Hiển Đệ nhị thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Phúc Trường

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 2 họ Đinh

Tên chữ là Phúc Trường)

{Ghi chú: Mạnh: đầu, cả. Đinh Mạnh công tức cụ tổ là con trai cả họ Đinh; Trọng: giữa. Đinh Trọng công tức cụ tổ là con trai ở giữa; Quý: Cuối, út. Đinh Quý công tức cụ tổ là con trai út}.

- Hiển Đệ nhị thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 2, người họ Lê

Là vợ của Cụ tổ Đinh Phúc Trường)

- Hiển Đệ tam thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Phúc Bảo

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 3 họ Đinh

Tên chữ là Phúc Bảo)

- Hiển Đệ tam thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 3, người họ Lê

Là vợ của Cụ tổ Đinh Phúc Bảo)

{Ghi chú: Vợ của Cụ tổ đời thứ 2 Đinh Phúc Trường và vợ của Cụ tổ đời thứ 3 Đinh Phúc Bảo đều là người họ Lê}

- Hiển Đệ tứ thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Chính Tính

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 4 họ Đinh

Tên chữ là Chính Tính)

- Hiển Đệ tứ thế tổ tỷ

Đinh chính thất Dương thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 4, người họ Dương

Là vợ của Cụ tổ Đinh Chính Tính)

- Hiển Đệ ngũ thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Phúc Khánh

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 5 họ Đinh

Tên chữ là Phúc Khánh)

- Hiển Đệ ngũ thế tổ tỷ

Đinh chính thất Nguyễn thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 5, người họ Nguyễn

Là vợ của Cụ tổ Đinh Phúc Khánh)

- Hiển Đệ lục thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Hữu Luân

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 6 họ Đinh

Tên chữ là Hữu Luân)

- Hiển Đệ lục thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 6, người họ Nguyễn

Là vợ của Cụ tổ Đinh Hữu Luân)

- Hiển Đệ thất thế tổ khảo

Lê Cảnh Trị Canh Tuất Tiến sĩ khoa

Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử

Đinh Mạnh công

thuỵ Liêm Trực

tự Nho Công

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Anh Nghị Đại vương

Nguyễn triều khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 7

Tiến sĩ khoa thi năm Canh Tuất,

Triều Lê, niên hiệu Cảnh Trị.

Chức vụ: Phó thứ 2 của Ngự sử đài, là cơ quan

Chuyên việc can gián vua và giám sát, thanh tra, kiểm soát các quan lại, các cơ quan của bộ máy nhà nước.

Tên cúng cơm là Liêm Trực

Tên chữ là Nho Công

Triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Anh Nghị Đại Vương

Triều Nguyễn khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

- Hiển Đệ thất thế tổ tỷ

Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử

Đinh chính thất Đặng thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ bà đời thứ 7 người họ Đặng

Là vợ cả của Cụ tổ Đinh Nho Công)

- Hiển Đệ thất thế tổ tỷ

Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử

Đinh á thất Đặng thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ bà đời thứ 7 người họ Đặng

Là vợ hai của Cụ tổ Đinh Nho Công)

{Ghi chú: Cụ tổ ông đời thứ 7 Đinh Nho Công có 2 bà vợ đều là người họ Đặng}

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Trưởng tộc đại tôn

Hương cống

Tiên phong Tiên nhân

Đinh Mạnh công

tự Nho Trạch

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Trưởng tộc

Đậu Hương cống

Được người đời ca tụng như một vị Tiên ông

Tên chữ là Nho Trạch)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Trưởng tộc

Đinh chính thất Đặng thị

Chi linh vị tiền:

(Trước linh vị của Cụ tổ bà người họ Đặng

Là vợ của Cụ tổ Đinh Nho Trạch)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ nhị tổ khảo

Đinh Trọng công

tự Nho Huân

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 2

Tên chữ là Nho Huân)

{Ghi chú: Cụ tổ ông đời thứ 8, cụ tổ thứ 2 (là em trai thứ 2 của Cụ tổ ông Đinh Nho Trạch) là Đinh Nho Huân có tài học nhưng mất sớm}

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ tam tổ khảo

Lê Chính Hòa Canh Thìn Tiến sĩ khoa

Thượng Bảo tự Tự khanh

Phụng sứ tặng

Lễ bộ Tả thị lang

Thọ Sơn Tử

Đinh Trọng công

thụy Giản Tĩnh

hiệu Mặc Trai

tự Tồn Phác

tự Nho Hoàn

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Đặc Đạt Đại vương

Nguyễn triều khâm phong

Tuấn Lương Lượng Trực

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 3

Đậu Tiến sĩ khoa Canh Thìn

Triều Lê, niên hiệu Chính Hoà

Chức vụ: Trưởng cơ quan Thượng Bảo tự, tức là Trưởng cơ quan giúp việc cho vua về văn phòng, ấn chỉ, sắc dụ vua ban.

Sau khi mất được nhà vua phong tặng:

Chức vụ: Lễ bộ Tả Thị lang (tương đương chức thứ trưởng thời nay của Bộ Lễ, là bộ chuyên lo việc nghi lễ trong triều.

Tước: Thọ Sơn Tử (tước thứ 4 trong 5 tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam).

Tên cúng cơm là Giản Tĩnh

Tên hiệu là Mặc Trai

Tên chữ là Tồn Phác

Tên chữ là Nho Hoàn

Được triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Đặc Đạt Đại vương

Được triều Nguyễn khâm phong

Tuấn Lương Lượng Trực

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tam tổ tỷ

Lễ bộ Tả Thị lang

Đinh chính thất Lê thị tự Vệ

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị Của cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Lê, tên là Vệ

Là vợ cả của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tam tổ tỷ

Lễ bộ Tả Thị lang

Đinh á thất Phan thị tự Viên

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Trinh Nhất Á Thận Nhân

Nguyễn triều khâm phong

Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển

Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Phan, tên Viên

Là vợ thứ 2 của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn

Cụ tổ bà được triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Trinh Nhất Á Thận Nhân

Được triều Nguyễn khâm phong

Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển

Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ tứ tổ khảo

Trưởng tộc Đệ nhị đại tôn

Quan viên tử

Đinh Trọng công

tự Nho Thận

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 4

Tộc trưởng chi thứ 2 đại tôn

Con quan

Tên chữ là Nho Thận)

{Ghi chú: Quan viên tử nghĩa là con quan}

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tứ tổ tỷ

Quan viên tử

Đinh chính thất Bùi thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Bùi

Là vợ của Cụ tổ Đinh Nho Thận)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ ngũ tổ khảo

Trưởng tộc Đệ tam đại tôn

Thủy tổ Đinh đại tôn Cương Gián xã

Tri huyện

Đinh Trọng công

tự Nho Thường

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 5

Tộc trưởng chi thứ 3 đại tôn

Và tức là thủy tổ dòng họ Đinh đại tôn ở xã Cương Gián

Chức tri huyện

Tên chữ là Nho Thường)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ ngũ tổ tỷ

Tri huyện

Đinh chính thất Phan thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ bà đời thứ 8, người họ Phan

Là vợ của Cụ tổ ông Đinh Nho Thường)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ lục tổ khảo

Trưởng tộc Đệ tứ đại tôn

Thủy tổ Đinh đại tôn Thanh Liên xã

Tri huyện

Tổng binh Đồng tri Hương Nghĩa Hầu

Đinh Quý công

tự Nho Côn

Nguyễn triều tấn phong

Đoan Túc Dực Bảo

Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 6

Tộc trưởng chi thứ 4 đại tôn

Và tức là thủy tổ dòng họ Đinh đại tôn

Tại xã Thanh Liên

Chức vụ: Tri huyện

Chức vụ: Tổng binh Đốc lĩnh

Tước: Hương Nghĩa Hầu (tước Hầu là tước thứ 2 trong 5 tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam)

Cụ tổ là con trai út, tên chữ là Nho Côn

Được triều Nguyễn khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo

Trung hưng Phúc thần)

{Ghi chú: Cụ tổ Đinh Nho Côn là con trai út trong số 6 con trai của Cụ tổ Đinh Nho Công nên ở trên tế là: Đinh Quý công}

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ lục tổ tỷ

Tri huyện

Tổng binh Đồng tri

Hương Nghĩa Hầu

Đinh chính thất Văn thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị Cụ tổ bà

Đời thứ 8, người họ Văn

Là vợ cả của cụ tổ Đinh Nho Côn)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ lục tổ tỷ

Tri huyện

Tổng binh Đồng Tri

Hương Nghĩa hầu

Đinh á thất

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị Cụ tổ bà đời thứ 8,

Là vợ 2 của Cụ tổ Đinh Nho Côn)

Kính kỵ:

(Cùng kính thỉnh mời:)

- Hiển nội tộc Thế tổ khảo, Thế tổ tỷ

liệt vị gia tiên cập lĩnh bá, lĩnh thúc,

chư vị liệt sĩ thương vong,

cô di tỷ muội yểu tử đồng tộc,

đồng bào, đồng kiên, nguyên phối,

thứ phối, huynh đệ, tỷ muội, huyết sảo, tảo thương,

hữu vô danh vị, liệt vị chư linh

(Các cụ tổ ông,

các cụ tổ bà nội tộc các đời nối tiếp

Các vị tổ tiên cùng với các bậc chú, bác,

Các vị liệt sĩ thương vong,

các vong cô, vong cậu trong dòng tộc)

đồng lai hiến hưởng.

(Cùng đến hưởng)

- Viết vị hữu:

(Xin bày tỏ rằng:)

Tuế thứ lưu dịch;

(Năm tháng quay vòng)

Huý nhật phục lâm;

(Ngày kỵ đã tới)

Truy viễn cảm thần;

(Tưởng vọng ơn tổ tiên xưa)

Bất thăng vĩnh mộ;

(Nhớ ơn muôn thuở)

Cung trần phụ lễ;

(Sửa soạn lễ bạc)

Tinh sảng hữu thành

(Thanh khiết thành tâm)

Thức biểu hiếu tâm

(Tỏ lòng hiếu kính)

Ngưỡng duy lai hâm;

(Ngửa trông chư vị giáng về hưởng lễ)

- Viết tam bôi, phục vọng:

(Dâng ba tuần rượu, cúi mong)

Phù hộ độ trì toàn tộc;

(Phù hộ độ trì cho cả dòng họ)

Tử tôn, hôn tế;

(Con, cháu, dâu, rể)

An khang thịnh vượng;

(Bình an, Mạnh khỏe, Thịnh vượng)

Tích chí hanh cát;

(Được hưởng bình an, tốt lành, hanh thông)

Thượng hưởng!

(Đến hưởng!)

1.2. VĂN TẾ GIỖ TỔ ĐINH NHO TRẠCH

(Tộc trưởng đại tôn đời thứ 8 Đinh Nho Trạch, ngày giỗ: 15 tháng Chạp)

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hòa Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn.

(Thôn Đồng Vực)

Tuế thứ *Quý Mão* niên,

[Ghi chú: Hằng năm thay tên năm của năm đó vào chữ Quý Mão]

(Năm Quý Mão)

Lạp nguyệt,

(Tháng Chạp)

Thập ngũ nhật.

(Ngày 15)

Tại bản tộc đường

(Tại nhà thờ)

Đinh Nho đại tôn

(Dòng họ lớn Đinh Nho)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là .....thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Tư nhân thích lâm huý nhật, phỉ lễ cáo kiền:

Đệ bát thế tổ khảo

Trưởng tộc đại tôn

Đinh Mạnh công tự Nho Trạch

(Nay nhân ngày giỗ Cụ tổ đời thứ 8

Là Tộc trưởng đại tôn

Tên chữ là Nho Trạch)

Cẩn dĩ: Hương đăng phù tửu,

(Xin dùng: Hương, đèn, trầu, rượu)

kim ngân, minh y, diêm cốc,

(tiền bạc, quần áo, muối gạo)

hoa quả phẩm,

(hoa quả)

tư thình hàn âm,

(xôi, gà)

cụ soạn thức trần chi nghi

(sửa soạn thức trần)

cung trần bạc tế.

(lễ bạc dâng tế).

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Trưởng tộc đại tôn

Hương cống

Tiên phong Tiên nhân

Đinh Mạnh công

tự Nho Trạch

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Trưởng tộc

Đậu Hương cống

Được người đời ca tụng như một vị Tiên ông

Tên chữ là Nho Trạch)

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển Thủy tổ mẫu Hoàng Quý thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Tổ mẫu là Hoàng Quý thị)

- Hiển Sơ tổ khảo Hậu Lê, Lê Sơ,

Tả Hiệu Điểm

Công Tây Hầu,

Nhị phẩm tòng võ giai

Đinh Tổ công

tự Phúc Diên

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ Thủy tổ họ Đinh

Tên chữ là Phúc Diên

Chức: Tả Hiệu Điểm,

Tước: Công Tây Hầu,

Phẩm hàm: Nhị phẩm, Phó Ban võ

Triều Hậu Lê, Lê Sơ)

- Hiển Sơ tổ tỷ

Đinh chính thất Đào thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà người họ Đào

là vợ cả của Cụ Thủy tổ Đinh Phúc Diên)

- Hiển Sơ tổ tỷ Đinh á thất

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

Là vợ hai của Cụ Thủy tổ Đinh Phúc Diên)

{Ghi chú: Cụ tổ vợ hai của cụ tổ Đinh Phúc Diên không rõ họ tên}

- Hiển Đệ nhị thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Phúc Trường

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 2 họ Đinh

Tên chữ là Phúc Trường)

{Ghi chú: Mạnh: đầu, cả. Đinh Mạnh công tức cụ tổ là con trai cả họ Đinh; Trọng: giữa. Đinh Trọng công tức cụ tổ là con trai ở giữa; Quý: Cuối, út. Đinh Quý công tức cụ tổ là con trai út}

- Hiển Đệ nhị thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 2, người họ Lê

Là vợ của Cụ tổ Đinh Phúc Trường)

- Hiển Đệ tam thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Phúc Bảo

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 3 họ Đinh

Tên chữ là Phúc Bảo)

- Hiển Đệ tam thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 3, người họ Lê

Là vợ của Cụ tổ Đinh Phúc Bảo)

{Ghi chú: Vợ của Cụ tổ đời thứ 2 Đinh Phúc Trường và vợ của Cụ tổ đời thứ 3 Đinh Phúc Bảo đều là người họ Lê}

- Hiển Đệ tứ thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Chính Tĩnh

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ đời thứ 4 họ Đinh

Tên chữ là Chính Tĩnh)

- Hiển Đệ tứ thế tổ tỷ

Đinh chính thất Dương thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ bà

đời thứ 4, người họ Dương

Là vợ của cụ tổ Đinh Chính Tĩnh)

- Hiển Đệ ngũ thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Phúc Khánh

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ đời thứ 5 họ Đinh

Tên chữ là Phúc Khánh)

- Hiển Đệ ngũ thế tổ tỷ

Đinh chính thất Nguyễn thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ bà

đời thứ 5, người họ Nguyễn

Là vợ của cụ tổ Đinh Phúc Khánh)

- Hiển Đệ lục thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Hữu Luân

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ đời thứ 6 họ Đinh

Tên chữ là Hữu Luân)

- Hiển Đệ lục thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ bà

đời thứ 6, người họ Nguyễn

Là vợ của cụ tổ Đinh Hữu Luân)

- Hiển Đệ thất thế tổ khảo

Lê Cảnh Trị Canh Tuất Tiến sĩ khoa

Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử

Đinh Mạnh công

thuỵ Liêm Trực

tự Nho Công

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Anh Nghị Đại vương

Nguyễn triều khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 7

Tiến sĩ khoa thi năm Canh Tuất,

Triều Lê, niên hiệu Cảnh Trị.

Chức vụ: Phó thứ 2 của Ngự sử đài, là cơ quan chuyên việc can gián vua và giám sát, thanh tra, kiểm soát các quan lại, các cơ quan của bộ máy nhà nước.

Tên cúng cơm là Liêm Trực

Tên chữ là Nho Công

Triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Anh Nghị Đại Vương

Triều Nguyễn khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

- Hiển Đệ thất thế tổ tỷ

Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử

Đinh chính thất Đặng thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ bà đời thứ 7 người họ Đặng

Là vợ cả của cụ tổ Đinh Nho Công)

- Hiển Đệ thất thế tổ tỷ

Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử

Đinh á thất Đặng thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ bà đời thứ 7 người họ Đặng

Là vợ hai của cụ tổ Đinh Nho Công)

{Ghi chú: Cụ tổ ông đời thứ 7 Đinh Nho Công có 2 bà vợ đều là người họ Đặng}

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Trưởng tộc

Đinh chính thất Đặng thị

Chi linh vị tiền:

(Trước linh vị của cụ tổ bà người họ Đặng

Là vợ của cụ tổ Đinh Nho Trạch)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ nhị tổ khảo

Đinh Trọng công

tự Nho Huân

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 2

Tên chữ là Nho Huân)

{Ghi chú: Cụ tổ ông đời thứ 8, cụ tổ thứ 2 (là em trai thứ 2 của cụ tổ ông Đinh Nho Trạch) là Đinh Nho Huân có tài học nhưng mất sớm}

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ tam tổ khảo

Lê Chính Hòa Canh Thìn Tiến sĩ khoa

Thượng Bảo tự Tự khanh

Phụng sứ tặng

Lễ bộ Tả thị lang

Thọ Sơn Tử

Đinh Trọng công

thuỵ Giản Tĩnh

hiệu Mặc Trai

tự Tồn Phác

tự Nho Hoàn

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Đặc Đạt Đại vương

Nguyễn triều khâm phong

Tuấn Lương Lượng Trực

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 3

Đậu Tiến sĩ khoa Canh Thìn

Triều Lê, niên hiệu Chính Hoà

Chức vụ:Trưởng cơ quan Thượng Bảo tự, tức là Trưởng cơ quan giúp việc cho vua về văn phòng, ấn chỉ, sắc dụ vua ban.

Sau khi mất được nhà vua phong tặng:

Chức vụ: Lễ bộ Tả Thị lang (tương đương chức thứ trưởng thời nay của Bộ Lễ, là bộ chuyên lo việc nghi lễ trong triều.

Tước: Thọ Sơn Tử (tước thứ 4 trong 5 tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam).

Tên cúng cơm là Giản Tĩnh

Tên hiệu là Mặc Trai

Tên chữ là Tồn Phác

Tên chữ là Nho Hoàn

Được triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Đặc Đạt Đại vương

Được triều Nguyễn khâm phong

Tuấn Lương Lượng Trực

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tam tổ tỷ

Lễ bộ Tả Thị lang

Đinh chính thất Lê thị tự Vệ

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Lê, tên là Vệ

Là vợ cả của cụ tổ Đinh Nho Hoàn)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tam tổ tỷ

Lễ bộ Tả Thị lang

Đinh á thất Phan thị tự Viên

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Trinh Nhất Á Thận Nhân

Nguyễn triều khâm phong

Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển

Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Phan, tên Viên

Là vợ thứ 2 của cụ tổ Đinh Nho Hoàn

Cụ tổ bà được triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Trinh Nhất Á Thận Nhân

Được triều Nguyễn khâm phong

Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển

Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ tứ tổ khảo

Trưởng tộc Đệ nhị đại tôn

Quan viên tử

Đinh Trọng công

tự Nho Thận

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 4

Tộc trưởng chi thứ 2 đại tôn

Con quan

Tên chữ là Nho Thận)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tứ tổ tỷ

Quan viên tử

Đinh chính thất Bùi thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Bùi

Là vợ của cụ tổ Đinh Nho Thận)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ ngũ tổ khảo

Trưởng tộc Đệ tam đại tôn

Thủy tổ Đinh đại tôn Cương Gián xã

Tri huyện

Đinh Trọng công

tự Nho Thường

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 5

Tộc trưởng chi thứ 3 đại tôn

Và tức là thủy tổ dòng họ Đinh đại tôn ở xã Cương Gián

Chức tri huyện

Tên chữ là Nho Thường)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ ngũ tổ tỷ

Tri huyện

Đinh chính thất Phan thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ bà đời thứ 8, người họ Phan

Là vợ của cụ tổ ông Đinh Nho Thường)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ lục tổ khảo

Trưởng tộc Đệ tứ đại tôn

Thủy tổ Đinh đại tôn Thanh Liên xã

Tri huyện

Tổng binh Đồng tri Hương Nghĩa Hầu

Đinh Quý công

tự Nho Côn

Nguyễn triều tấn phong

Đoan Túc Dực Bảo

Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 6

Tộc trưởng chi thứ 4 đại tôn

Và tức là thủy tổ dòng họ Đinh đại tôn

Tại xã Thanh Liên

Chức vụ: Tri huyện

Chức vụ: Tổng binh Đốc lĩnh

Tước: Hương Nghĩa Hầu (tước Hầu là tước thứ 2 trong 5 tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam)

Cụ tổ là con trai út, tên chữ là Nho Côn

Được triều Nguyễn khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo

Trung hưng Phúc thần)

{Ghi chú: Cụ tổ Đinh Nho Côn là con trai út trong số 6 con trai của cụ tổ Đinh Nho Công nên ở trên tế là: Đinh Quý công}

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ lục tổ tỷ

Tri huyện

Tổng binh Đồng tri

Hương Nghĩa Hầu

Đinh chính thất Văn thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị cụ tổ bà

Đời thứ 8, người họ Văn

Là vợ cả của cụ tổ Đinh Nho Côn)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ lục tổ tỷ

Tri huyện

Tổng binh Đồng Tri

Hương Nghĩa hầu

Đinh á thất

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị cụ tổ bà đời thứ 8,

Là vợ 2 của cụ tổ Đinh Nho Côn)

Kính kỵ:

(Cùng kính thỉnh mời:)

- Hiển nội tộc Thế tổ khảo, Thế tổ tỷ

liệt vị gia tiên cập lĩnh bá, lĩnh thúc,

chư vị liệt sĩ thương vong,

cô di tỷ muội yểu tử đồng tộc,

đồng bào, đồng kiên, nguyên phối,

thứ phối, huynh đệ, tỷ muội, huyết sảo, tảo thương,

hữu vô danh vị, liệt vị chư linh

(Các cụ tổ ông,

các cụ tổ bà nội tộc các đời nối tiếp

Các vị tổ tiên cùng với các bậc chú, bác,

Các vị liệt sĩ thương vong,

các vong cô, vong cậu trong dòng tộc)

đồng lai hiến hưởng.

(Cùng đến hưởng)

- Viết vị hữu:

(Xin bày tỏ rằng:)

Tuế thứ lưu dịch;

(Năm tháng quay vòng)

Huý nhật phục lâm;

(Ngày kỵ đã tới)

Truy viễn cảm thần;

(Tưởng vọng ơn tổ tiên xưa)

Bất thăng vĩnh mộ;

(Nhớ ơn muôn thuở)

Cung trần phụ lễ;

(Sửa soạn lễ bạc)

Tinh sảng hữu thành

(Thanh khiết thành tâm)

Thức biểu hiếu tâm

(Tỏ lòng hiếu kính)

Ngưỡng duy lai hâm;

(Ngửa trông chư vị giáng về hưởng lễ)

- Viết tam bôi, phục vọng:

(Dâng ba tuần rượu, cúi mong)

Phù hộ độ trì toàn tộc;

(Phù hộ độ trì cho cả dòng họ)

Tử tôn, hôn tế;

(Con, cháu, dâu, rể)

An khang thịnh vượng;

(Bình an, Mạnh khỏe, Thịnh vượng)

Tích chí hanh cát;

(Được hưởng bình an, tốt lành, hanh thông)

Thượng hưởng!

(Đến hưởng!)

1.3. VĂN TẾ GIỖ TỔ ĐINH NHO THẬN

(Tộc trưởng chi thứ đầu tiên kể từ khi phân chi, đời thứ 8 đại tôn Đinh Nho Thận, ngày giỗ: Mồng 7 tháng Chạp)

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hòa Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn.

(Thôn Đồng Vực)

Tuế thứ *Quý Mão* niên, [Ghi chú: Hằng năm thay tên năm của năm đó vào chữ Quý Mão]

(Năm Quý Mão)

Lạp nguyệt,

(Tháng Chạp)

Thất nhật.

(Ngày Mồng Bảy)

Tại bản tộc đường

(Tại nhà thờ)

Đinh Nho đại tôn

(Dòng họ lớn Đinh Nho)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ..... thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Tư nhân thích lâm huý nhật, phỉ lễ cáo kiền:

Đệ bát thế tổ khảo

Trưởng tộc đệ nhị đại tôn

Đinh Trọng công tự Nho Thận

(Nay nhân ngày giỗ Cụ tổ đời thứ 8

Là Tộc trưởng chi thứ hai

Tên chữ là Nho Thận)

Cẩn dĩ: Hương đăng phù tửu,

(Xin dùng: Hương, đèn, trầu, rượu)

kim ngân, minh y, diêm cốc,

(tiền bạc, quần áo, muối gạo)

hoa quả phẩm,

(hoa quả)

tư thình hàn âm,

(xôi, gà)

cụ soạn thức trần chi nghi

(sửa soạn thức trần)

cung trần bạc tế.

(lễ bạc dâng tế).

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ tứ tổ khảo

Trưởng tộc Đệ nhị đại tôn

Quan viên tử

Đinh Trọng công

tự Nho Thận

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 4

Tộc trưởng chi thứ 2 đại tôn

Con quan

Tên chữ là Nho Thận)

{Ghi chú: Quan viên tử *Hương Yên phổ tự* giải nghĩa là con quan}

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển Thủy tổ mẫu Hoàng Quý thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Tổ mẫu là Hoàng Quý thị)

- Hiển Sơ tổ khảo Hậu Lê, Lê Sơ,

Tả Hiệu Điểm

Công Tây Hầu,

Nhị phẩm tòng võ giai

Đinh Tổ công

tự Phúc Diên

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ Thủy tổ họ Đinh

Tên chữ là Phúc Diên

Chức: Tả Hiệu Điểm,

Tước: Công Tây Hầu,

Phẩm hàm: Nhị phẩm, Phó Ban võ

Triều Hậu Lê, Lê Sơ)

- Hiển Sơ tổ tỷ

Đinh chính thất Đào thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà người họ Đào

là vợ cả của Cụ thủy tổ Đinh Phúc Diên)

- Hiển Sơ tổ tỷ Đinh á thất

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

Là vợ hai của Cụ thủy tổ Đinh Phúc Diên)

{Ghi chú: Cụ tổ vợ hai của Cụ tổ Đinh Phúc Diên không rõ họ tên}

- Hiển Đệ nhị thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Phúc Trường

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ đời thứ 2 họ Đinh

Tên chữ là Phúc Trường)

{Ghi chú: Mạnh: đầu, cả. Đinh Mạnh công tức cụ tổ là con trai cả họ Đinh; Trọng: giữa. Đinh Trọng công tức cụ tổ là con trai ở giữa; Quý: Cuối, út. Đinh Quý công tức cụ tổ là con trai út}

- Hiển Đệ nhị thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 2, người họ Lê

Là vợ của Cụ tổ Đinh Phúc Trường)

- Hiển Đệ tam thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Phúc Bảo

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 3 họ Đinh

Tên chữ là Phúc Bảo)

- Hiển Đệ tam thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 3, người họ Lê

Là vợ của cụ tổ Đinh Phúc Bảo)

{Ghi chú: Vợ của cụ tổ đời thứ 2 Đinh Phúc Trường và vợ của Cụ tổ đời thứ 3 Đinh Phúc Bảo đều là người họ Lê}

- Hiển Đệ tứ thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Chính Tính

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 4 họ Đinh

Tên chữ là Chính Tính)

- Hiển Đệ tứ thế tổ tỷ

Đinh chính thất Dương thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 4, người họ Dương

Là vợ của Cụ tổ Đinh Chính Tính)

- Hiển Đệ ngũ thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Phúc Khánh

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 5 họ Đinh

Tên chữ là Phúc Khánh)

- Hiển Đệ ngũ thế tổ tỷ

Đinh chính thất Nguyễn thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 5, người họ Nguyễn

Là vợ của cụ tổ Đinh Phúc Khánh)

- Hiển Đệ lục thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Hữu Luân

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ đời thứ 6 họ Đinh

Tên chữ là Hữu Luân)

- Hiển Đệ lục thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 6, người họ Nguyễn

Là vợ của Cụ tổ Đinh Hữu Luân)

- Hiển Đệ thất thế tổ khảo

Lê Cảnh Trị Canh Tuất Tiến sĩ khoa

Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử

Đinh Mạnh công

thuỵ Liêm Trực

tự Nho Công

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Anh Nghị Đại vương

Nguyễn triều khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 7

Tiến sĩ khoa thi năm Canh Tuất,

Triều Lê, niên hiệu Cảnh Trị.

Chức vụ: Phó thứ 2 của Ngự sử đài, là cơ quan chuyên việc can gián vua và giám sát, thanh tra, kiểm soát các quan lại, các cơ quan của bộ máy nhà nước.

Tên cúng cơm là Liêm Trực

Tên chữ là Nho Công

Triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Anh Nghị Đại Vương

Triều Nguyễn khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

- Hiển Đệ thất thế tổ tỷ

Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử

Đinh chính thất Đặng thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ bà đời thứ 7 người họ Đặng

Là vợ cả của Cụ tổ Đinh Nho Công)

- Hiển Đệ thất thế tổ tỷ

Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử

Đinh á thất Đặng thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ bà đời thứ 7 người họ Đặng

Là vợ hai của Cụ tổ Đinh Nho Công)

{Ghi chú: Cụ tổ ông đời thứ 7 Đinh Nho Công có 2 bà vợ đều là người họ Đặng}

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Trưởng tộc đại tôn

Hương cống

Tiên phong Tiên nhân

Đinh Mạnh công

tự Nho Trạch

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Trưởng tộc

Đậu Hương cống

Được người đời ca tụng như một vị Tiên ông

Tên chữ là Nho Trạch)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Trưởng tộc

Đinh chính thất Đặng thị

Chi linh vị tiền:

(Trước linh vị của Cụ tổ bà người họ Đặng

Là vợ của Cụ tổ Đinh Nho Trạch)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ nhị tổ khảo

Đinh Trọng công

tự Nho Huân

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 2

Tên chữ là Nho Huân)

{Ghi chú: Cụ tổ ông đời thứ 8, cụ tổ thứ 2 (là em trai thứ 2 của Cụ tổ ông Đinh Nho Trạch) là Đinh Nho Huân có tài học nhưng mất sớm}

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ tam tổ khảo

Lê Chính Hòa Canh Thìn Tiến sĩ khoa

Thượng Bảo tự Tự khanh

Phụng sứ tặng

Lễ bộ Tả thị lang

Thọ Sơn Tử

Đinh Trọng công

thuỵ Giản Tĩnh

hiệu Mặc Trai

tự Tồn Phác

tự Nho Hoàn

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Đặc Đạt Đại vương

Nguyễn triều khâm phong

Tuấn Lương Lượng Trực

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 3

Đậu Tiến sĩ khoa Canh Thìn

Triều Lê, niên hiệu Chính Hoà

Chức vụ:Trưởng cơ quan Thượng Bảo tự, tức là Trưởng cơ quan giúp việc cho vua về văn phòng, ấn chỉ, sắc dụ vua ban.

Sau khi mất được nhà vua phong tặng:

Chức vụ: Lễ bộ Tả Thị lang (tương đương chức thứ trưởng thời nay của Bộ Lễ, là bộ chuyên lo việc nghi lễ trong triều.

Tước: Thọ Sơn Tử (tước thứ 4 trong 5 tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam).

Tên cúng cơm là Giản Tĩnh

Tên hiệu là Mặc Trai

Tên chữ là Tồn Phác

Tên chữ là Nho Hoàn

Được triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Đặc Đạt Đại vương

Được triều Nguyễn khâm phong

Tuấn Lương Lượng Trực

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tam tổ tỷ

Lễ bộ Tả Thị lang

Đinh chính thất Lê thị tự Vệ

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Lê, tên là Vệ

Là vợ cả của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tam tổ tỷ

Lễ bộ Tả Thị lang

Đinh á thất Phan thị tự Viên

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Trinh Nhất Á Thận Nhân

Nguyễn triều khâm phong

Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển

Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Phan, tên Viên

Là vợ thứ 2 của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn

Cụ tổ bà được triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Trinh Nhất Á Thận Nhân

Được triều Nguyễn khâm phong

Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển

Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tứ tổ tỷ

Quan viên tử

Đinh chính thất Bùi thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của Cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Bùi

Là vợ của Cụ tổ Đinh Nho Thận)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ ngũ tổ khảo

Trưởng tộc Đệ tam đại tôn

Thủy tổ Đinh đại tôn Cương Gián xã

Tri huyện

Đinh Trọng công

tự Nho Thường

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 5

Tộc trưởng chi thứ 3 đại tôn

Và tức là thủy tổ dòng họ Đinh đại tôn ở xã Cương Gián

Chức tri huyện

Tên chữ là Nho Thường)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ ngũ tổ tỷ

Tri huyện

Đinh chính thất Phan thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ bà đời thứ 8, người họ Phan

Là vợ của Cụ tổ ông Đinh Nho Thường)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ lục tổ khảo

Trưởng tộc Đệ tứ đại tôn

Thủy tổ Đinh đại tôn Thanh Liên xã

Tri huyện

Tổng binh Đồng tri Hương Nghĩa Hầu

Đinh Quý công

tự Nho Côn

Nguyễn triều tấn phong

Đoan Túc Dực Bảo

Trung hưng Phúc thần

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị của

Cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 6

Tộc trưởng chi thứ 4 đại tôn

Và tức là thủy tổ dòng họ Đinh đại tôn

Tại xã Thanh Liên

Chức vụ: Tri huyện

Chức vụ: Tổng binh Đốc lĩnh

Tước: Hương Nghĩa Hầu (tước Hầu là tước thứ 2 trong 5 tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam)

Cụ tổ là con trai út, tên chữ là Nho Côn

Được triều Nguyễn khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo

Trung hưng Phúc thần)

{Ghi chú: Cụ tổ Đinh Nho Côn là con trai út trong số 6 con trai của cụ tổ Đinh Nho Công nên ở trên tế là: Đinh Quý công}

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ lục tổ tỷ

Tri huyện

Tổng binh Đồng tri

Hương Nghĩa Hầu

Đinh chính thất Văn thị

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị cụ tổ bà

Đời thứ 8, người họ Văn

Là vợ cả của cụ tổ Đinh Nho Côn)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ lục tổ tỷ

Tri huyện

Tổng binh Đồng Tri

Hương Nghĩa hầu

Đinh á thất

Chi linh vị tiền;

(Trước linh vị cụ tổ bà đời thứ 8,

Là vợ 2 của cụ tổ Đinh Nho Côn)

Kính kỵ:

(Cùng kính thỉnh mời:)

- Hiển nội tộc Thế tổ khảo, Thế tổ tỷ

liệt vị gia tiên cập lĩnh bá, lĩnh thúc,

chư vị liệt sĩ thương vong,

cô di tỷ muội yểu tử đồng tộc,

đồng bào, đồng kiên, nguyên phối,

thứ phối, huynh đệ, tỷ muội, huyết sảo, tảo thương,

hữu vô danh vị, liệt vị chư linh

(Các cụ tổ ông,

các cụ tổ bà nội tộc các đời nối tiếp

Các vị tổ tiên cùng với các bậc chú, bác,

Các vị liệt sĩ thương vong,

các vong cô, vong cậu trong dòng tộc)

đồng lai hiến hưởng.

(Cùng đến hưởng)

- Viết vị hữu:

(Xin bày tỏ rằng:)

Tuế thứ lưu dịch;

(Năm tháng quay vòng)

Huý nhật phục lâm;

(Ngày kỵ đã tới)

Truy viễn cảm thần;

(Tưởng vọng ơn tổ tiên xưa)

Bất thăng vĩnh mộ;

(Nhớ ơn muôn thuở)

Cung trần phụ lễ;

(Sửa soạn lễ bạc)

Tinh sảng hữu thành

(Thanh khiết thành tâm)

Thức biểu hiếu tâm

(Tỏ lòng hiếu kính)

Ngưỡng duy lai hâm;

(Ngửa trông chư vị giáng về hưởng lễ)

- Viết tam bôi, phục vọng:

(Dâng ba tuần rượu, cúi mong)

Phù hộ độ trì toàn tộc;

(Phù hộ độ trì cho cả dòng họ)

Tử tôn, hôn tế;

(Con, cháu, dâu, rể)

An khang thịnh vượng;

(Bình an, Mạnh khỏe, Thịnh vượng)

Tích chí hanh cát;

(Được hưởng bình an, tốt lành, hanh thông)

Thượng hưởng!

(Đến hưởng!)

2. Văn tế tảo mộ

Như đã nói ở phần trên. Hằng năm, họ Đinh Nho ta cùng họ Đinh Văn Kim Khê, Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An và họ Đinh ở Đức Thủy, Đức Thọ, Hà Tĩnh tổ chức lễ tảo mộ và lễ giỗ tổ mẫu Hoàng Quý thị vào tiết Thanh minh. Văn tế tảo mộ, văn tế giỗ tổ mẫu chúng ta sử dụng các bài văn tế 3 dòng họ Đinh đã thống nhất và đang lưu tại họ Đinh Văn ở Nghi Long.

2.1. VĂN TẾ TẢO MỘ TỔ MẪU HOÀNG QUÝ THỊ

Đây là bài văn tế tảo mộ Tổ mẫu Hoàng Quý thị nhân tiết Thanh minh hằng năm, 3 dòng họ Đinh có cùng tổ mẫu đã và đang thống nhất sử dụng (ông Đinh Văn Ngư, họ Đinh Văn ở Nghi Long cung cấp). Chúng tôi tôn trọng theo văn bản gốc, chỉ sắp xếp lại thứ tự câu chữ và trật tự từ cho hợp lý và sửa một số từ dùng sai, chép ra đây để mọi người tham khảo và dịch nghĩa Việt ngữ phổ thông để mọi người cùng hiểu được.

Tổ mẫu Hoàng Quý thị là mẹ của các thủy tổ. Do vậy, trong các bài văn tế ở các phần trên, chúng tôi dùng từ Thủy Tổ mẫu (mẹ của tổ mẫu). Tuy nhiên, chúng ta có thể dùng từ Tổ mẫu (mẹ của tổ) như bài văn tế này đều được.

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Nghệ An tỉnh,

(Tỉnh Nghệ An)

Nghi Lộc huyện,

(Huyện Nghi Lộc)

Nghi Long xã,

(Xã Nghi Long)

Tuế thứ Quý Mão niên,

(Năm Quý Mão)

..... Nguyệt,

(Tháng .....)

..... Nhật,

(Ngày .....)

Tại Kỳ Ông Trường nghĩa trang

Hậu duệ đại diện các Đinh tộc phái

Cộng đồng tổ mẫu Hoàng Quý thị

Cảm kiền cáo vu:

(Tại nghĩa trang Kỳ Ông Trường

Các con cháu đại diện cho các dòng họ Đinh

Cùng chung tổ mẫu Hoàng Quý thị

Kính cẩn thưa rằng:)

Từ nhân Thanh minh giai tiết chi lễ.

(Hôm nay là ngày lễ nhân tiết Thanh minh)

Tử tôn bàn soạn lễ vật

(Cháu con sắm sửa lễ vật)

Hương, đăng, phù, tửu

(Hương, đèn, trầu, rượu)

Kim ngân, minh y, diêm cốc

(Vàng bạc, áo quần, gạo muối)

Hoa quả phẩm

(Hoa quả)

Diêu soạn thứ tu

(Các thứ khác)

Hiến trình tiền án

(Dâng lên trước án)

Cung thỉnh:

- Đương kim Thái tuế quản niên

- Long quân xứ mạch

- Thổ địa tôn thần

- Tiền Chu Tước, hậu Huyền Vũ, tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ liệt vị chi linh tọa tiền.

(Cung kính thỉnh mời:

- Thần Thái tuế quản năm;

- Thần Long mạch quản xứ;

- Thần Đất;

- Các vị thần Chu Tước đằng trước, Huyền Vũ đằng sau, Thanh Long bên trái, Bạch Hổ bên phải cùng ngồi lên trước án).

Cung thỉnh:

- Hiển Tổ mẫu Hoàng Quý thị chi linh mộ tiền.

- Hiển Sơ tổ khảo Đinh Trọng công tự Phúc Tiên chi linh mộ tiền.

- Hiển Sơ tổ tỷ, Tiên tổ khảo tỷ, thế tổ khảo tỷ di duệ tam huynh đệ cập Tổ mẫu Hoàng Quý thị liệt vị hương linh lai đáo Kỳ Ông Trường nghĩa trang.

(Cung kính thỉnh mời:

- Trước linh mộ của Tổ mẫu Hoàng Quý thị.

- Trước linh mộ của Thủy tổ họ Đinh tên chữ là Phúc Tiên.

- Hương linh của cụ tổ bà thủy tổ, các vị tổ ông, tổ bà các đời nối tiếp đến nghĩa trang Kỳ Ông Trường.

Viết vị hữu:

Thanh minh giai tiết

Vượng khí thanh bình

Tử tôn lai đáo mộ phần thỉnh lễ.

(Xin bày tỏ rằng:

Nhân tiết thanh minh

Khí tốt, đẹp ngày

Con cháu đến mộ phần mời lễ).

Cung duy:

Cao sơn dục tú

Tổ địa chung anh

{Ghi chú: "Dục tú" và "chung anh" (hoặc "chung linh") thường đi đôi với nhau. "Dục tú": nuôi nấng đấng (bậc) anh tú' "chung anh": hung đúc đấng (bậc) anh linh}.

Càn khôn tạo thiết

Sơn thủy hữu tình

Ức tích bản tổ

Tằng thử tiềm linh

Tằng kinh thế đại

Vĩnh bảo phần hoành

Lưu phục địa

Đãi phúc nhân

Thừa cát tường

Dĩ ấm khô cốt.

(Kính nghĩ:

Núi cao nuôi nấng bậc anh tú

Đất nơi phần mộ hun đúc đấng anh linh

Đất trời tạo lập

Non nước hữu tình

Nhớ xưa tiên tổ

Từng chứa đựng linh thiêng nơi đây

Từng trải qua bao thời đại

Luôn rạng rỡ

Giữ đất lành

Để phúc cho con cháu

Thừa hưởng những điều tốt đẹp

Bởi mộ phần luôn được ấm áp)

Y dã:

Hội âm long, dưỡng âm hướng

Tạ dư linh, dĩ bảo hậu sinh.

(Nghĩ rằng:

Hội long mạch nuôi hướng phần âm

Được khí thiêng bảo hộ cho thế hệ sau bền vững).

Tín hồ:

Tử tôn ngôn niệm tổ đức

Bái tạ thần linh

Phục vọng chiếu giám

Tích dĩ an bình

Tiền nhân chi thể phách điện yên

Mộ dữ sơn nhi tỉnh thọ

Tử nhược tôn hề vĩnh ninh.

(Tin tưởng rằng:

Cháu con luôn niệm công đức tổ tiên .

Bái tạ thần linh

Cúi mong chứng giám

Tích dưỡng sự bình an

Thể xác, linh hồn của tổ tiên được yên ổn

Phần mộ mãi mãi trường tồn

Cháu con an khang mãi mãi).

Cung thỉnh:

- Đương kim Thái tuế quản niên

- Long quân xứ mạch

- Bản địa tôn thần

Đồng lai hâm hưởng.

(Cung kính thỉnh mời:

- Thần Thái tuế quản năm

- Thần Long mạch quản xứ

- Thần Đất.

Cùng đến hưởng).

Cung thỉnh:

- Hiển Tổ mẫu Hoàng Quý thị chi linh mộ tiền.

- Hiển Sơ tổ khảo Đinh Trọng công tự Phúc Tiên chi linh mộ tiền.

- Hiển Sơ tổ tỷ, Tiên tổ khảo tỷ, thế tổ khảo tỷ di duệ tam huynh đệ cập Tổ mẫu Hoàng Quý thị liệt vị hương linh lai đáo Kỳ Ông Trường nghĩa trang.

Đồng lai hâm hưởng.

(Cung kính thỉnh mời:

- Trước linh mộ của Tổ mẫu Hoàng Quý thị.

- Trước linh mộ của Thủy tổ họ Đinh tên chữ là Phúc Tiên.

- Hương linh của cụ tổ bà thủy tổ, các vị tổ ông, tổ bà các đời nối tiếp đến nghĩa trang Kỳ Ông Trường.

Cùng đến hưởng).

Cung thỉnh:

- Đồng nghĩa trang hương linh liệt vị.

- Cô hồn, cô quả đồng khu vực lai đáo án tiền chứng quả lễ phẩm hậu vi.

Hâm hưởng.

(Cung kính thỉnh mời:

-Hương linh các vị cùng nghĩa trang.

-Vong linh cô hồn, cô quả cùng khu vực đến trước án để hưởng phẩm vật sau lễ.

Đến hưởng!)

2.2. VĂN TẾ TẢO MỘ ÁNG PHẦN

(Gồm 16 phần mộ của các cụ tổ: Thủy tổ Đinh Phúc Diên, Vợ cả Cụ Đinh Phúc Diên họ Đào, Vợ hai Cụ Đinh Phúc Diên không rõ họ tên, Cụ tổ đời thứ 4 Đinh Chính Tính, Vợ cả Cụ Đinh Chính Tính họ Dương, Vợ cả Cụ tổ đời thứ 7 Tiến sĩ Đinh Nho Công họ Đặng tên Đô, Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Trạch, Vợ cả Cụ Đinh Nho Trạch họ Đặng tên Giản, Cụ tổ đời thứ 8 Tiến sĩ Đinh Nho Hoàn, Vợ cả Cụ tổ Đinh Nho Hoàn họ Lê tên Vệ, Vợ hai Cụ tổ Đinh Nho Hoàn họ Phan tên Viên, Vợ cả Cụ tổ đời thứ 8 Tổng binh Đinh Nho Côn, Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Thận, Cụ tổ đời thứ 9 Đinh Nho Thành, Cụ tổ đời thứ 12 Đinh Thái Lãng, Vợ cả Cụ tổ đời thứ 12 họ Trần tên Bảng)

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

Tại Áng Phần bản sơn.

(Tại rú Áng Phần)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là.....thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển Sơ tổ khảo Hậu Lê, Lê Sơ,

Tả Hiệu Điểm

Công Tây Hầu,

Nhị phẩm tòng võ giai

Đinh Tổ công

tự Phúc Diên

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ của Cụ Thủy tổ họ Đinh

Tên chữ là Phúc Diên

Chức: Tả Hiệu Điểm,

Tước: Công Tây Hầu,

Phẩm hàm: Nhị phẩm, Phó Ban võ

Triều Hậu Lê, Lê Sơ)

- Hiển Sơ tổ tỷ

Đinh chính thất Đào thị

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ của Cụ tổ bà người họ Đào

là vợ cả của Cụ Thủy tổ Đinh Phúc Diên)

- Hiển Sơ tổ tỷ

Đinh á thất

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ của Cụ tổ bà

Là vợ hai của Cụ Thủy tổ Đinh Phúc Diên)

{Ghi chú: Cụ tổ vợ hai của Cụ tổ Đinh Phúc Diên không rõ họ tên}

- Hiển Đệ tứ thế tổ khảo
Đinh Mạnh công
tự Chính Tĩnh chi linh mộ tiền;
(Trước linh mộ
của Cụ tổ đời thứ tư họ Đinh
tên chữ là Chính Tĩnh)
- Hiển Đệ tứ thế tổ tỷ
Đinh chính thất Dương thị
Chi linh mộ tiền;
(Trước linh mộ của Cụ tổ đời thứ tư
Người họ Dương,
Là vợ của Cụ tổ Đinh Chính Tĩnh)
- Hiển Đệ thất thế tổ tỷ
Hậu Lê, Lê Trung hưng,
Anh Nghị Đại vương
Đinh chính thất Đặng thị tự Đô
Chi linh mộ tiền;
(Trước linh mộ của Cụ tổ bà đời thứ 7
Người họ Đặng, tên Đô
Là vợ của Cụ tổ Đinh Nho Công)
- Hiển Đệ bát thế tổ khảo
Trưởng tộc đại tôn
Hương cống
Tiên phong tiên nhân
Đinh Mạnh công

tự Nho Trạch

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ của

Cụ tổ đời thứ 8

Trưởng tộc

Đậu Hương cống

Được người đời ca tụng như một vị Tiên ông

Tên chữ là Nho Trạch)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đinh Chính thất

Đặng thị

tự Giản chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ của Cụ tổ bà đời thứ 8

Người họ Đặng, tên chữ là Giản

Là vợ của Cụ tổ Đinh Nho Trạch)

- Hiển Đệ bát thế tổ khảo

Đệ tam tổ khảo

Lê Chính Hòa Canh Thìn Tiến sĩ khoa

Thượng Bảo tự Tự khanh

Phụng sứ tặng

Lễ bộ Tả thị lang

Thọ Sơn Tử

Đinh Trọng công

thuỵ Giản Tĩnh

hiệu Mặc Trai

tự Tồn Phác, tự Nho Hoàn

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Đặc Đạt Đại vương

Nguyễn triều khâm phong

Tuấn Lương Lượng Trực

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ của cụ tổ đời thứ 8

Cụ tổ thứ 3

Đậu Tiến sĩ khoa Canh Thìn

Triều Lê, niên hiệu Chính Hoà

Chức vụ:Trưởng cơ quan Thượng Bảo tự, tức là Trưởng cơ quan giúp việc cho vua về văn phòng, ấn chỉ, sắc dụ vua ban.

Sau khi mất được nhà vua phong tặng:

Chức vụ: Lễ bộ Tả Thị lang (tương đương chức thứ trưởng thời nay của Bộ Lễ, là bộ chuyên lo việc nghi lễ trong triều.

Tước: Thọ Sơn Tử (tước thứ 4 trong 5 tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam).

Tên cúng cơm là Giản Tĩnh

Tên hiệu là Mặc Trai

Tên chữ là Tồn Phác

Tên chữ là Nho Hoàn

Được triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Đặc Đạt Đại vương

Được triều Nguyễn khâm phong

Tuấn Lương Lượng Trực

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tam tổ tỷ

Lễ bộ Tả thị lang

Đinh chính thất Lê thị tự Vệ

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ của Cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Lê, tên là Vệ

Là vợ cả của Cụ tổ Đinh Nho Hoàn)

- Hiển Đệ bát thế tổ tỷ

Đệ tam tổ tỷ

Lễ bộ Tả Thị lang

Đinh á thất Phan thị tự Viên

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Trinh Nhất Á Thận Nhân

Nguyễn triều khâm phong

Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển

Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ của Cụ tổ bà

đời thứ 8, người họ Phan, tên Viên

Là vợ thứ 2 của cụ tổ Đinh Nho Hoàn

Cụ tổ bà được triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Trinh Nhất Á Thận Nhân

Được triều Nguyễn khâm phong

Lương Tĩnh Thục Diệu Nhàn Uyển

Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

-Hiển Đệ bát thế tổ tỷ
Tổng binh Đốc lĩnh
Hương Nghĩa Hầu
Nguyễn triều khâm phong
Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần
Đinh chính thất
Văn thị chi linh mộ tiền;
(Trước linh mộ Cụ tổ bà
đời thứ tám họ Đinh,
người họ Văn,
vợ của Cụ tổ Tổng binh Đốc lĩnh
Hương Nghĩa Hầu,
Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần
Đinh Nho Côn)
- Hiển Đệ bát thế tổ khảo
Đệ tứ tổ khảo
Trưởng tộc Đệ nhị đại tôn
Quan viên tử
Đinh Trọng công tự Nho Thận
Chi linh mộ tiền;
(Trước linh mộ của
Cụ tổ đời thứ 8
Cụ tổ thứ 4
Tộc trưởng chi thứ 2 đại tôn
Con quan
Tên chữ là Nho Thận)
{Ghi chú: Chức Quan viên tư là 1 chức quan cấp xã}

-Hiển Đệ cửu thế tổ khảo

Đinh Trọng công tự Nho Thành

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ

Cụ tổ đời thứ 9 họ Đinh,

tên chữ là Nho Thành)

-Hiển Đệ thập nhị thế tổ khảo

Triều Liệt Đại Phu,

Hàn Lâm Viện Thị giảng học sỹ

Đinh Mạnh Công

tự Thái Lãng chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ Cụ tổ

đời thứ 12,

tên chữ là Thái Lãng,

chức Triều Liệt Đại phu,

chức Hàn Lâm Viện Thị giảng học sĩ)

-Hiển Đệ thập nhị thế tổ tỷ

Triều Liệt Đại Phu

Đinh chính thất

Trần thị tự Bảng

Chi linh mộ tiền,

(Trước linh mộ Cụ tổ bà

đời thứ 12,

tên chữ là Bảng,

vợ của Cụ Triều Liệt Đại phu Đinh Thái Lãng)

Viết vị hữu:

(Xin bày tỏ rằng)

Kim nhân tỉnh tảo mộ phần tiên tổ;

(Nay vừa dịp quét tước mộ phần tiên tổ)

Bái tạ long mạch kỳ yên;

(Bái tạ long mạch cầu yên)

Y dã:

(Nghĩ rằng:)

Hội âm long, dưỡng âm hướng;

(Hội long mạch nuôi hướng phần âm)

Tạ dư linh, dĩ bảo hậu sinh;

(Được khí thiêng bảo hộ cho thế hệ sau bền vững)

Mộ dữ sơn nhi tĩnh thọ;

(Phần mộ mãi mãi trường tồn)

Đồng tộc chi vân nhưng trường thịnh,

(Dòng tộc thịnh vượng dài lâu)

tử nhược tôn hề... vĩnh ninh.

(Cháu, con an khang mãi mãi)

Cung thỉnh tiên tổ khảo, tiên tổ tỷ liệt vị

(Cung kính kính thỉnh các vị tổ ông, tổ bà)

lai đáo đại bản tộc từ đường

(đến đại bản tộc từ đường)

tại Hà Tĩnh tỉnh,

(Tại tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hòa Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn

(Thôn Đồng Vực)

chấp kỳ lễ húy nhật

Sơ Tổ Hậu Lê, Lê Sơ,

Tả Hiệu Điểm

Công Tây Hầu,

(dự lễ giỗ Cụ Thủy tổ

chức Tả Hiệu Điểm,

tước Công Tây Hầu,

triều Hậu Lê, Lê Sơ)

kiêm lễ tỉnh tảo mộ phần,

(kiêm lễ quét tước mộ phần tiên tổ)

nghênh Xuân giai tiết.

(nghênh đón tiết Xuân)

Cẩn cáo!

(Kính cẩn báo cáo!)

2.3. VĂN TẾ TẢO MỘ RÚ TRAI

(Gồm 2 phần mộ của: Cụ tổ ông đời thứ 5 Đinh Phúc Khánh, Và vợ Cụ tổ ông Đinh Phúc Khánh họ Nguyễn)

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

Tại Trai sơn.

(Tại rú Trai)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ..... thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển Đệ ngũ thế tổ khảo

Đinh Mạnh Công tự Phúc Khánh

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ Cụ tổ họ Đinh đời thứ 5

tên chữ là Phúc Khánh)

- Hiển Đệ ngũ thế tổ tỷ

Đinh chính thất Nguyễn thị

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ Cụ tổ bà họ Đinh đời thứ 5

người họ Nguyễn

Là vợ của Cụ tổ Đinh Phúc Khánh)

Viết vị hữu:

(Xin bày tỏ rằng)

Kim nhân tỉnh tảo mộ phần tiên tổ;

(Nay vừa dịp quét tước mộ phần tiên tổ)

Bái tạ long mạch kỳ yên;

(Bái tạ long mạch cầu yên)

Y dã:

(Nghĩ rằng:)

Hội âm long, dưỡng âm hướng;

(Hội long mạch nuôi hướng phần âm)

Tạ dư linh, dĩ bảo hậu sinh;

(Được khí thiêng bảo hộ cho thế hệ sau bền vững)

Mộ dữ sơn nhi tĩnh thọ;

(Phần mộ mãi mãi trường tồn)

Đồng tộc chi vân nhưng trường thịnh,

(Dòng tộc thịnh vượng dài lâu)

tử nhược tôn hề... vĩnh ninh.

(Cháu, con an khang mãi mãi)

Cung thỉnh tiên tổ khảo, tiên tổ tỷ liệt vị

(Cung kính kính thỉnh các vị tổ ông, tổ bà)

lai đáo đại bản tộc từ đường

(đến đại bản tộc từ đường)

tại Hà Tĩnh tỉnh,

(Tại tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hòa Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn

(Thôn Đồng Vực)

chấp kỳ lễ húy nhật Sơ Tổ

Hậu Lê, Lê Sơ,

Tả Hiệu Điểm

Công Tây Hầu,

(dự lễ giỗ Cụ Thủy Tổ

chức Tả Hiệu Điểm,

tước Công Tây Hầu,

triều Hậu Lê, Lê Sơ)

kiêm lễ tỉnh tảo mộ phần,

(kiêm lễ quét tước mộ phần tiên tổ)

nghênh Xuân giai tiết.

(nghênh đón tiết Xuân)

Cẩn cáo!

(Kính cẩn báo cáo!)

2.4. VĂN TẾ TẢO MỘ LÒI CHIM CHIM

(Phần mộ Cụ tổ Đinh Phúc Trường đời thứ 2. Ở đây có 2 phần mộ; 1 của cụ tổ họ Đinh ta và 1 của cụ tổ họ Nguyễn. Các phần mộ sau khi táng đều được xóa dấu vết. Hiện con cháu hai dòng tộc thống nhất xây chung 1 lăng mộ để làm chỗ thăm viếng, hương khói. Lòi - được hiểu như là một phần rừng nguyên sinh rậm rạp còn sót lại sau khi các phía xung quanh đều đã trở thành làng mạc, ruộng đồng. Địa danh này tên chữ là núi Điểu Lĩnh. Trong gia phả chép cụ tổ bà vợ của Cụ tổ ông Đinh Phúc Trường cũng được táng ở đây nhưng văn bia lăng mộ không thấy nói đến).

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

Tại Sơn Bằng xã.

(Tại xã Sơn Bằng)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là.....thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển Đệ nhị thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

tự Phúc Trường

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ của Cụ tổ họ Đinh

đời thứ 2, tên chữ là Phúc Trường)

- Hiển Đệ nhị thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh mộ tiền.

(Trước linh mộ của Cụ tổ bà người họ Lê

Là vợ của Cụ tổ Đinh Phúc Trường)

Viết vị hữu:

(Xin bày tỏ rằng)

Kim nhân tỉnh tảo mộ phần tiên tổ;

(Nay vừa dịp quét tước mộ phần tiên tổ)

Bái tạ long mạch kỳ yên;

(Bái tạ long mạch cầu yên)

Y dã:

(Nghĩ rằng:)

Hội âm long, dưỡng âm hướng;

(Hội long mạch nuôi hướng phần âm)

Tạ dư linh, dĩ bảo hậu sinh;

(Được khí thiêng bảo hộ cho thế hệ sau bền vững)

Mộ dữ sơn nhi tĩnh thọ;

(Phần mộ mãi mãi trường tồn)

Đồng tộc chi vân nhưng trường thịnh,

(Dòng tộc muôn đời thịnh vượng)

tử nhược tôn hề... vĩnh ninh.

(Cháu, con an khang mãi mãi)

Cung thỉnh tiên tổ khảo, tiên tổ tỷ liệt vị

(Cung kính kính thỉnh các vị tổ ông, tổ bà)

lai đáo đại bản tộc từ đường

(đến đại bản tộc từ đường)

tại Hà Tĩnh tỉnh,

(Tại tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hòa Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn

(Thôn Đồng Vực)

chấp kỳ lễ húy nhật Sơ Tổ

Hậu Lê, Lê Sơ,

Tả Hiệu Điểm

Công Tây Hầu,

(dự lễ giỗ Cụ Thủy tổ

chức Tả Hiệu Điểm,

tước Công Tây Hầu,

triều Hậu Lê, Lê Sơ)

kiêm lễ tỉnh tảo mộ phần,

(kiêm lễ quét tước mộ phần tiên tổ)

nghênh Xuân giai tiết.

(nghênh đón tiết Xuân)

Cẩn cáo!

(Kính cẩn báo cáo!)

2.5. VĂN TẾ TẢO MỘ LĂNG KIM HOA

(Gồm 3 phần mộ: Cụ tổ đời thứ 6 Đinh Hữu Luân, Vợ cả Cụ tổ Đinh Hữu Luân họ Lê, Cụ tổ đời thứ 7 Tiến sĩ Đinh Nho Công là con của 2 cụ).

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

Tại Kim Hoa Xã.

(Tại xã Kim Hoa)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ····· thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiển cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng)

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời)

- Hiển Đệ lục thế tổ khảo

Đinh Mạnh công

Huyện tá Đông Ngạn

tự Hữu Luân

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ Cụ tổ đời thứ 6 họ Đinh

Chức Huyện tá Đông Ngạn

Tên là Đinh Hữu Luân))

-Hiển Đệ lục thế tổ tỷ

Đinh chính thất Lê thị

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ Cụ tổ bà đời thứ 6 họ Đinh

Vợ Huyện tá Đông Ngạn

Đinh Hữu Luân)

- Hiển Đệ thất thế tổ khảo

Lê Cảnh Trị Canh Tuất Tiến sĩ khoa

Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử

Đinh Mạnh công

thuỵ Liêm Trực

tự Nho Công

Lê Cảnh Hưng triều gia phong

Anh Nghị Đại vương

Nguyễn triều khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần

Chi linh mộ tiền;

(Trước linh mộ của

Cụ tổ đời thứ 7

Tiến sĩ khoa thi năm Canh Tuất,

Triều Lê, niên hiệu Cảnh Trị.

Chức vụ: Phó thứ 2 của Ngự sử đài, là cơ quan chuyên việc can gián vua và giám sát, thanh tra, kiểm soát các quan lại, các cơ quan của bộ máy nhà nước.

Tên cúng cơm là Liêm Trực

Tên chữ là Nho Công

Triều Lê, niên hiệu Cảnh Hưng gia phong

Anh Nghị Đại Vương

Triều Nguyễn khâm phong

Đoan Túc Dực Bảo Trung hưng Phúc thần)

Viết vị hữu:

(Xin bày tỏ rằng)

Kim nhân tỉnh tảo mộ phần tiên tổ;

(Nay vừa dịp quét tước mộ phần tiên tổ)

Bái tạ long mạch kỳ yên;

(Bái tạ long mạch cầu yên)

Y dã:

(Nghĩ rằng:

Hội âm long, dưỡng âm hướng;

(Hội long mạch nuôi hướng phần âm)

Tạ dư linh, dĩ bảo hậu sinh;

(Được khí thiêng bảo hộ cho thế hệ sau bền vững)

Mộ dữ sơn nhi tĩnh thọ;

(Phần mộ mãi mãi trường tồn)

Đồng tộc chi vân nhưng trường thịnh,

(Dòng tộc muôn đời thịnh vượng)

tử nhược tôn hề... vĩnh ninh.

(Cháu, con an khang mãi mãi)

Cung thỉnh tiên tổ khảo, tiên tổ tỷ liệt vị

(Cung kính kính thỉnh các vị tổ ông, tổ bà)

lai đáo đại bản tộc từ đường

(đến đại bản tộc từ đường)

tại Hà Tĩnh tỉnh,

(Tại tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hòa Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn

(Thôn Đồng Vực)

chấp kỳ lễ húy nhật Sơ Tổ

Hậu Lê, Lê Sơ,

Tả Hiệu Điểm

Công Tây Hầu,

(dự lễ giỗ Cụ Thủy tổ

chức Tả Hiệu Điểm,

tước Công Tây Hầu,

triều Hậu Lê, Lê Sơ)

kiêm lễ tỉnh tảo mộ phần,

(kiêm lễ quét tước mộ phần tiên tổ)

nghênh Xuân giai tiết.

(nghênh đón tiết Xuân)

Cẩn cáo!

(Kính cẩn báo cáo!)

3. Các bài văn tế tổ trong các dịp khác

3.1. VĂN TẾ TỔ CHIỀU 30 TẾT

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hòa Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn.

(Thôn Đồng Vực)

Tuế thứ *Quý Mão* niên, [Ghi chú: Hằng năm thay tên năm của năm đó vào chữ Quý Mão]

(Năm Quý Mão)

Lạp nguyệt,

(Tháng Chạp)

Tam Thập nhật. [Ghi chú nếu năm không có 30 Tết thì 29 Tết là Nhị Thập Cửu nhật]

(Ngày Ba Mươi)

Tại bản tộc đường

(Tại nhà thờ)

Đinh Nho đại tôn

(Dòng họ lớn Đinh Nho)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ..... thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Tư nhân: Trừ tịch chi tiết.

Năm cũ sắp qua

Năm mới đang tới

Nay theo lệ cũ

Tống cựu nghênh tân.

Chúng con thành tâm, sửa biện hương hoa phẩm vật, nghi lễ cung trần, dâng lên trước án, kính tiến cúng Tổ tiên, đốt nén tâm hương dốc lòng bái thỉnh.

Chúng con cung kính thỉnh mời:

- Hiển nội tộc Thế tổ khảo, Thế tổ tỷ

liệt vị gia tiên cập lĩnh bá, lĩnh thúc,

chư vị liệt sĩ thương vong,

cô di tỷ muội yểu tử đồng tộc,

đồng bào, đồng kiên, nguyên phối,

thứ phối, huynh đệ, tỷ muội, huyết sảo, tảo thương,

hữu vô danh vị, liệt vị chư linh

(Các cụ tổ ông,

các cụ tổ bà nội tộc các đời nối tiếp

Các vị tổ tiên cùng với các bậc chú, bác,

Các vị liệt sĩ thương vong,

các vong cô, vong cậu trong dòng tộc)

Nhân năm cũ sắp qua, năm mới đang tới, giáng lâm trước án chiêm ngưỡng tân xuân, thụ hưởng lễ vật.

Nguyện cho tín chủ:

Minh niên khang thái,

trú dạ cát tường.

Thời thời được chữ bình an,

gia đạo hưng long thịnh vượng.

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

3.2. VĂN TẾ TỔ GIAO THỪA

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hòa Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn.

(Thôn Đồng Vực)

Tuế thứ *Quý Mão* niên,

[Ghi chú: Hằng năm thay tên năm của năm đó vào chữ Quý Mão, lưu ý: Là tên năm ăm mới, vì cúng Giao thừa là cúng vào thời điểm ngay sau thời khắc Giao thừa]

(Năm Quý Mão)

Chính nguyệt,

(Tháng Giêng)

Nguyên Đán

(Ngày Mồng Một tháng Giêng)

Tại bản tộc đường

(Tại nhà thờ)

Đinh Nho đại tôn

(Dòng họ lớn Đinh Nho)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ..... thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Tư nhân: Giao thừa chi lễ.

(Nhân lễ Giao thừa)

Cẩn dĩ: Hương đăng phù tửu,

(Xin dùng: Hương, đèn, trầu, rượu)

kim ngân, minh y, diêm cốc,

(tiền bạc, quần áo, muối gạo)

hoa quả phẩm,

(hoa quả)

tư thình hàn âm,

(xôi, gà)

cụ soạn thức trần chi nghi

(sửa soạn thức trần)

cung trần bạc tế.

(lễ bạc dâng tế).

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển nội tộc Thế tổ khảo, Thế tổ tỷ

liệt vị gia tiên cập lĩnh bá, lĩnh thúc,

chư vị liệt sĩ thương vong,

cô di tỷ muội yểu tử đồng tộc,

đồng bào, đồng kiên, nguyên phối,

thứ phối, huynh đệ, tỷ muội, huyết sảo, tảo thương,

hữu vô danh vị, liệt vị chư linh

(Các cụ tổ ông,

các cụ tổ bà nội tộc các đời nối tiếp

Các vị tổ tiên cùng với các bậc chú, bác,

Các vị liệt sĩ thương vong,

các vong cô, vong cậu trong dòng tộc)

đồng lai hiến hưởng.

(Cùng đến hưởng)

Viết vị hữu:

(Xin bày tỏ rằng:)

Tư duy: Bạo trúc nhất thanh;

(Kính nghĩ: Pháo tre nổ một loạt)

Trừ cựu: Đào phù vạn tượng;

(Tiễn cũ đi: Bùa đào khắp chốn)

Giao thừa tích trị;

(Giao thừa vừa tới)

Bạc lễ cung trần;

(Lễ bạc kính dâng)

Phục duy linh đức;

(Tiên tổ linh thiêng)

Bảo ngã hậu nhân;

(Chở che con cháu)

Vĩnh tích khang thái;

(Muôn đời an khang, thái bình)

Hiếu tự tất phân.

(Lòng hiếu kính dâng)

Cẩn cáo:

(Kính nguyện)

Nhật nguyệt lưu mại

(Nhật nguyệt đắp đổi)

Hốt trị tuế trừ

(Đúng tiết Giao thừa)

Truy vĩnh chi tư

(Nhớ đến tổ tiên)

Đối thời tang cảm

(Cảm động tâm can)

Cẩn dĩ diêu soạn trở đậu thứ tu

(Sửa soạn cỗ bàn dâng lên)

Quả phẩm tửu phù

(Quả phẩm, trầu rượu lễ bạc)

kính trần bạc tế;

(Lễ bạc)

Tồn linh tại thượng;

(Dâng lên trước án)

Phục khất giám hâm;

(Cúi xin giáng về)

Bảo hữu hậu nhân;

(Chở che con cháu)

Vĩnh miên thế trạch.

(Mãi mãi bình an)

Thượng hưởng!

(Đến hưởng!)

3.3. VĂN TẾ TỔ SÁNG MỒNG MỘT TẾT

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hòa Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn.

(Thôn Đồng Vực)

Tuế thứ *Quý Mão* niên, [Ghi chú: Hằng năm thay tên năm của năm đó vào chữ Quý Mão]

(Năm Quý Mão)

Chính nguyệt,

(Tháng Giêng)

Nguyên đán

(Ngày Mồng Một tháng Giêng)

Tại bản tộc đường

(Tại nhà thờ)

Đinh Nho đại tôn

(Dòng họ lớn Đinh Nho)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ..... thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Tư nhân: Nghênh Xuân gia tiết

(Nhân đón Xuân)

Cẩn dĩ: Hương đăng phù tửu,

(Xin dùng: Hương, đèn, trầu, rượu)

kim ngân, minh y, diêm cốc,

(tiền bạc, quần áo, muối gạo)

hoa quả phẩm,

(hoa quả)

đẳng vật chi nghi

(các thứ khác)

cụ soạn thức trần chi nghi

(sửa soạn thức trần)

cung trần bạc tế.

(lễ bạc dâng tế).

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển nội tộc Sơ tổ khảo, Sơ tổ tỷ;

Thế tổ khảo, Thế tổ tỷ

liệt vị gia tiên cập lĩnh bá, lĩnh thúc,

chư vị liệt sĩ thương vong,

cô di tỷ muội, yểu tử đồng tộc

(Các cụ tổ ông

các cụ tổ bà nội tộc các đời nối tiếp

Các vị tổ tiên cùng với các bậc chú, bác,

Các vị liệt sĩ thương vong;

các vong cô, vong cậu trong dòng họ)

đồng lai hiến hưởng.

(Cùng đến hưởng)

Viết vị hữu:

(Xin bày tỏ rằng:)

Cung duy:

Đại đức phổ thi,

hùng mưu anh đoán

Phỉ đoan, vị chính nguy nguy
Cao xuất, tầm thường vạn vạn
Tiết thích tân niên,
lễ trần chính đán.
Nguyện giám đan thần,
tỵ kỳ ninh án.
Phụng lai, hàm lạc cát hanh.
Đoái duyệt, tư đào hòa diễn.
Phục vọng giáng lâm,
quyết phúc phong kiện.
Cẩn cáo!
(Kính nghĩ: Tổ tiên
Đức lớn bao trùm,
Mưu lược quả đoán,
Lồng lộng, chính ngôi cao vời vợi,
Vời cao, vượt muôn vạn tầm thường,
Năm mới tết đến,
Mồng một lễ bày,
Nguyện tấm lòng thành,
Dâng lên trước án,
Phụng cầu: An vui cát khánh,
Đoái mong: Con cháu hiền hòa,
Cúi trông chứng giám,
Ban phúc đủ đầy.
Cẩn cáo)

3.4. VĂN TẾ LỄ TẠ NĂM MỚI

(Cúng hóa vàng, sáng Mồng 3 Tết)

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hà Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn.

(Thôn Đồng Vực)

Tuế thứ *Quý Mão* niên, [Ghi chú: Hằng năm thay tên năm của năm đó vào chữ Quý Mão]

(Năm Quý Mão)

Chính nguyệt,

(Tháng Giêng)

Sơ Tam nhật.

(Ngày Mồng Ba)

Tại bản tộc đường

(Tại nhà thờ)

Đinh Nho đại tôn

(Dòng họ lớn Đinh Nho)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ..... thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Hôm nay là ngày mồng Ba tháng Giêng năm .....,

Chúng con thành tâm sửa biện hương hoa phẩm vật, phù tửu lễ nghi, cúng dâng trước án.

Kính cẩn thưa trình: Tiệc Xuân đã mãn, Nguyên Đán đã qua, nay xin thiêu hoá kim ngân, lễ tạ Tôn Thần, rước tiễn tiên linh trở về Âm giới.

Kính xin: lưu phúc lưu ân, phù hộ độ trì, dương cơ âm mộ, mọi chỗ tốt lành. Cháu con được chữ bình an, gia đạo hưng long thịnh vượng. Lòng thành kính cẩn, lễ bạc tiến dâng, lượng cả xét soi, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

3.5. VĂN TẾ TỔ RẰM THÁNG BẢY

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hà Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn.

(Thôn Đồng Vực)

Tuế thứ *Quý Mão* niên, *[Ghi chú: Hằng năm thay tên năm của năm đó vào chữ Quý Mão]*

(Năm Quý Mão)

Mạnh Thu,

(Tháng Bảy)

Thập Ngũ nhật.

(Ngày Rằm)

Tại bản tộc đường

(Tại nhà thờ)

Đinh Nho đại tôn

(Dòng họ lớn Đinh Nho)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ..... thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Tư nhân: Trung nguyên thu tiết,

(Hôm nay ngày Rằm tháng Bảy)

Cẩn dĩ: Hương đăng phù tửu,

(Xin dùng: Hương, đèn, trầu, rượu)

kim ngân, minh y, diêm cốc,

(tiền bạc, quần áo, muối gạo)

hoa quả phẩm,

(hoa quả)

đẳng vật chi nghi,

(các thứ khác)

cụ soạn thức trần chi nghi

(sửa soạn thức trần)

cung trần bạc tế.

(lễ bạc dâng tế).

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển nội tộc Thế tổ khảo, Thế tổ tỷ
liệt vị gia tiên cập lĩnh bá, lĩnh thúc,
chư vị liệt sĩ thương vong,
cô di tỷ muội yểu tử đồng tộc,
đồng bào, đồng kiên, nguyên phối,
thứ phối, huynh đệ, tỷ muội, huyết sảo, tảo thương,
hữu vô danh vị, liệt vị chư linh

(Các cụ tổ ông,
các cụ tổ bà nội tộc các đời nối tiếp
Các vị tổ tiên cùng với các bậc chú, bác,
Các vị liệt sĩ thương vong,
các vong cô, vong cậu trong dòng tộc)

đồng lai hiến hưởng.

(Cùng đến hưởng)

Kính nghĩ
Công đức Tổ tiên
Phúc dày gây dựng
Con cháu thịnh vượng
phúc lộc đơm đầy.
Nhân ngày Vu Lan báo hiếu
cúi xin chư vị chân linh
Tiên tổ khảo tỷ
Thế tổ khảo tỷ
chư vị gia tiên,
hương linh liệt sỹ

giáng về trước án

thụ hưởng lễ vật chúng con soạn dâng.

Cúi xin chư vị

phù hộ độ trì cho chúng con,

con cháu mạnh khỏe bình an,

lộc tài vượng tiến,

gia đạo hưng long,

hướng về chính nghĩa.

Chúng con nguyện một lòng trau dồi lời dạy của Tổ tiên, "Tu trung hiếu, phác hậu, thanh kiệm lạc bần, tiến vi nghĩa sỹ, thoái vi lương nông, vật kiêu dâm, vật phạm thượng, vật tranh tụng, vật đổ bác, phương khả cận tư am".

(Tu dưỡng là người con trung hiếu, phúc hậu thật thà, thanh bạch cần kiệm vui vẻ nếu chưa giàu. Tiến thì là kẻ sĩ có nghĩa khí, Lui về thì làm người nông dân lương thiện, không kiêu căng thái quá, không xúc phạm bậc trưởng thượng, không cờ bạc, noi theo đức tổ tiên).

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám!

3.6. VĂN TẾ TỔ NGÀY MỒNG 1 HẰNG THÁNG

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hà Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn.

(Thôn Đồng Vực)

Tuế thứ *Quý Mão* niên, [Ghi chú: Hằng năm thay tên năm của năm đó vào chữ Quý Mão]

(Năm Quý Mão)

....., {Ghi chú: điền các tháng theo âm lịch: Tháng Giêng là Chính Nguyệt, tháng 2 là Trọng Xuân, tháng 3 là Quý Xuân, tháng 4 là Mạnh Hạ, tháng 5 là Trọng Hạ, tháng 6 là Quý Hạ, tháng 7 là Mạnh Thu, tháng 8 là Trọng Thu, tháng 9 là Quý Thu, tháng 10 là Mạnh Đông, tháng 11 là Trọng Đông, tháng 12 là Quý Đông hoặc Lạp Nguyệt. Tùy nhiên, còn có nhiều cách gọi tháng âm lịch khác như tháng Giêng là Nhất Nguyệt, tháng 2 là Nhị Nguyệt...}

(Tháng .....)

Sơ nhất nhật (Ngày Mồng 1 tháng Giêng là: Nguyên Đán)

(Ngày Mồng 1)

Tại bản tộc đường

(Tại nhà thờ)

Đinh Nho đại tôn

(Dòng họ lớn Đinh Nho)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ..... thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Tư nhân lễ Sóc,

(Nhân ngày Mồng một)

Cẩn dĩ: Hương đăng phù tửu,

(Xin dùng: Hương, đèn, trầu, rượu)

kim ngân, minh y, diêm cốc,

(tiền bạc, quần áo, muối gạo)

hoa quả phẩm,

(hoa quả)

đẳng vật chi nghi,

(các thứ khác)

cụ soạn thức trần chi nghi

(sửa soạn thức trần)

cung trần bạc tế.

(lễ bạc dâng tế).

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển nội tộc Thế tổ khảo, Thế tổ tỷ

liệt vị gia tiên cập lĩnh bá, lĩnh thúc,

chư vị liệt sĩ thương vong,

cô di tỷ muội yểu tử đồng tộc,
đồng bào, đồng kiên, nguyên phối,
thứ phối, huynh đệ, tỷ muội, huyết sảo, tảo thương,
hữu vô danh vị, liệt vị chư linh
(Các cụ tổ ông,
các cụ tổ bà nội tộc các đời nối tiếp
Các vị tổ tiên cùng với các bậc chú, bác,
Các vị liệt sĩ thương vong,
các vong cô, vong cậu trong dòng tộc)
đồng lai hiến hưởng.
(Cùng đến hưởng)
Kính nghĩ
Công đức Tổ tiên
Phúc dày gây dựng
Con cháu thịnh vượng
phúc lộc đơm đầy.
Nhân ngày lễ Sóc
cúi xin chư vị chân linh
Tiên tổ khảo tỷ
Thế tổ khảo tỷ
chư vị gia tiên,
hương linh liệt sỹ
giáng về trước án
thụ hưởng lễ vật chúng con soạn dâng.
Cúi xin chư vị
phù hộ độ trì cho chúng con,
con cháu mạnh khỏe bình an,

lộc tài vượng tiến,

gia đạo hưng long,

hướng về chính nghĩa.

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám!

3.7. VĂN TẾ TỔ NGÀY RẰM HẰNG THÁNG

Duy

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

(Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hà Tĩnh tỉnh,

(Tỉnh Hà Tĩnh)

Hương Sơn huyện,

(Huyện Hương Sơn)

An Hà Thịnh xã,

(Xã An Hòa Thịnh)

Đồng Vực thôn.

(Thôn Đồng Vực)

Tuế thứ *Quý Mão* niên, {*Ghi chú: Hằng năm thay tên năm của năm đó vào chữ Quý Mão*}

(Năm Quý Mão)

....., {Ghi chú: điền các tháng theo âm lịch: Tháng Giêng là Chính Nguyệt, tháng 2 là Trọng Xuân, tháng 3 là Quý Xuân, tháng 4 là Mạnh Hạ, tháng 5 là Trọng Hạ, tháng 6 là Quý Hạ, tháng 7 là Mạnh Thu, tháng 8 là Trọng Thu, tháng 9 là Quý Thu, tháng 10 là Mạnh Đông, tháng 11 là Trọng Đông, tháng 12 là Quý Đông hoặc Lạp Nguyệt. Tuy nhiên, còn có nhiều cách gọi tháng âm lịch khác như tháng Giêng là Nhất Nguyệt, tháng 2 là Nhị Nguyệt...}

(Tháng .....)

Thập Ngũ nhật.

(Ngày Rằm)

Tại bản tộc đường

(Tại nhà thờ)

Đinh Nho đại tôn

(Dòng họ lớn Đinh Nho)

hậu duệ Trưởng tộc Đinh Hải Quân,

(Hậu duệ là Trưởng tộc Đinh Hải Quân)

Nếu Tộc trưởng Đinh Hải Quân vắng mặt thì khấn (tế) thêm:

Trưởng tộc Đinh Hải Quân thời bất tại gia, tín chủ con là ..... thế tha

(Trưởng tộc Đinh Hải Quân hiện nay không có mặt ở nhà, tín chủ con là ..... thay mặt cho ông ấy)

hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão,

(cùng với các vị cha chú, người lớn tuổi)

cập nội ngoại, tử tôn, hôn tế, đồng tộc đẳng, hội đồng bản tộc đồng lập bái thỉnh

(và con cháu nội ngoại, dâu, rể, người cùng trong họ; hội đồng dòng tộc lạy mời)

cảm kiền cáo vu:

(kính cẩn thưa rằng:)

Tư nhân lễ Vọng,

(Nhân ngày Rằm)

Cẩn dĩ: Hương đăng phù tửu,

(Xin dùng: Hương, đèn, trầu, rượu)

kim ngân, minh y, diêm cốc,

(tiền bạc, quần áo, muối gạo)

hoa quả phẩm,

(hoa quả)

đẳng vật chi nghi,

(các thứ khác)

cụ soạn thức trần chi nghi

(sửa soạn thức trần)

cung trần bạc tế.

(lễ bạc dâng tế).

Cung thỉnh:

(Cung kính thỉnh mời:)

- Hiển nội tộc Thế tổ khảo, Thế tổ tỷ

liệt vị gia tiên cập lĩnh bá, lĩnh thúc,

chư vị liệt sĩ thương vong,

cô di tỷ muội yểu tử đồng tộc,

đồng bào, đồng kiên, nguyên phối,

thứ phối, huynh đệ, tỷ muội, huyết sảo, tảo thương,

hữu vô danh vị, liệt vị chư linh

(Các cụ tổ ông,

các cụ tổ bà nội tộc các đời nối tiếp

Các vị tổ tiên cùng với các bậc chú, bác,

Các vị liệt sĩ thương vong,

các vong cô, vong cậu trong dòng tộc)

đồng lai hiến hưởng.

(Cùng đến hưởng)

Kính nghĩ
Công đức Tổ tiên
Phúc dày gây dựng
Con cháu thịnh vượng
phúc lộc đơm đầy.
Nhân ngày lễ Vọng
cúi xin chư vị chân linh
Tiên tổ khảo tỷ
Thế tổ khảo tỷ
chư vị gia tiên,
hương linh liệt sỹ
giáng về trước án
thụ hưởng lễ vật chúng con soạn dâng.
Cúi xin chư vị
phù hộ độ trì cho chúng con,
con cháu mạnh khỏe bình an,
lộc tài vượng tiến,
gia đạo hưng long,
hướng về chính nghĩa.
Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám!

3.8. VĂN TẾ DÂNG HƯƠNG KÍNH NHỚ TỔ TIÊN

Khi con cháu làm ăn, sinh sống ở xa có dịp về quê, đến nhà thờ dâng hương kính nhớ tổ tiên, hoặc khi con cháu tại địa phương hay tại địa phương lân cận qua lại ghé nhà thờ thắp nén hương thơm lên bàn thờ (ban thờ) tiên tổ, thì không nhất thiết phải đủ ban bệ và thực hiện đầy đủ nghi thức cúng tế, mà

chỉ cần 1 người đại diện đoàn con cháu thắp hương, đốt đèn (nến) trên các bàn thờ, dâng lễ vật (nếu có lễ vật) và khấn nôm na nghĩ sao khấn vậy, hoặc, tham khảo bài văn khấn tế sau đây (chỉ cần đứng chắp tay khấn, không nhất thiết phải quỳ). Con cháu thành kính với tổ tiên chỉ cần đứng trước Hương án khấn và vái lạy. Hạn chế việc thắp hương. Hạn chế việc gõ chuông, trống. Nếu gõ chuông, trống nên gõ với âm lượng vừa phải, tránh làm phiền hàng xóm xung quanh nhà thờ.

BÀI VĂN TẾ THAM KHẢO

Hôm nay ngày ….. tháng …..năm…..

Tức là ngày ……. tháng….. năm….. âm lịch.

Con (hoặc chúng con) **tên là …….**

Đời thứ ….. (nếu nhớ đời của mình)

Đang sinh sống và làm việc tại ….

Nhân dịp về quê (hoặc nhân có dịp ghé đến, …) **con** (hoặc chúng con) **đến nhà thờ xin được dâng nén hương thơm lên bàn thờ tiên tổ, cùng các lễ vật** (nếu có lễ vật)…. (kể tên các lễ vật dâng cúng nếu có).

Trước bài vị và trước hương linh của:

Các vị tổ ông, các vị tổ bà các đời nối tiếp,

Các vị tổ tiên cùng các bậc chú, bác,

Các vị liệt sĩ thương vong,

Các vong cô, vong cậu.

Chúng con kính nghĩ

Công đức của tổ tiên thật là lớn lao

Con (hoặc chúng con) **luôn ghi lòng tạc dạ.**

Con (hoặc chúng con) **cúi xin hương linh chư vị tổ tiên giáng về trước án thụ hưởng lễ vật con** (hoặc chúng con) **soạn dâng** (nếu có lễ vật).

Con (hoặc chúng con) **xin được kính cẩn báo cáo với tổ tiên** (nếu có điều cần báo cáo): ....(nội dung cần báo cáo, ví dụ như gặp khó khăn, vướng mắc trong công việc, trong cuộc sống...; hoặc có niềm vui, hoặc học hành đỗ đạt, thăng quan tiến chức, con cháu dựng vợ, giả chồng...)

Con (hoặc chúng con) **cúi xin chư vị**

Phù hộ độ trì cho con (hoặc chúng con)

Con cháu mạnh khỏe, bình an

Lộc tài vượng tiến

Gia đạo hưng long.

(Có thể khấn tế thêm: Con (hoặc chúng con) cúi xin: ... nêu những nội dung cần cầu xin tổ tiên phù hộ...)

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám!

Ghi chú: Khi đoàn con cháu về đông (ví dụ một gia đình lớn, hoặc một chi, nhánh họ), thì để cho trang nghiêm, nên thực hiện đầy đủ nghi thức cúng tế theo bài văn xướng lễ (tùy chọn sử dụng bản rút gọn hoặc sử dụng bản đầy đủ), đến phần đọc văn tế (độc chúc văn) thì sử dụng bài văn tế này. Hoặc cũng có thể tự soạn một bài văn tế khác theo ý của mình, miễn sao lòng thành kính với tổ tiên là được.

3.9. VĂN TẾ BÁO CÔNG VỚI TỔ TIÊN

Nhằm tôn vinh sự học, hằng năm, họ Đinh Nho tổ chức lễ dâng hương để cho con cháu có thành tích cao trong học tập thực hiện nghi thức báo công với tổ tiên tại nhà thờ họ.

Thông thường, lễ dâng hương báo công này sẽ được thực hiện vào buổi tối ngày mồng 8 tháng Giêng, tức trước ngày đại lễ - ngày giỗ thủy tổ Đinh Phúc Diên. Trường hợp năm nào đó có sự thay đổi, Ban Tộc biểu sẽ thông báo cụ thể.

NGHI THỨC LỄ DÂNG HƯƠNG BÁO CÔNG VỚI TỔ TIÊN

1. Ban tổ chức buổi lễ cho con cháu có thành tích đứng xếp hàng trước sân nhà thờ hướng vào nhà thờ.

2. Đại diện ban tổ chức buổi lễ phổ biến nghi thức buổi lễ theo các nội dung trong mục **Nghi thức lễ dâng hương báo công với tổ tiên** này.

3. Đánh trống, đánh chuông 3 hồi dài. Sau đó có thể mở nhạc lễ suốt buổi lễ. Nhưng lưu ý, đánh trống, đánh chuông, mở nhạc lễ với âm lượng vừa phải, tránh làm phiền hàng xóm xung quanh nhà thờ.

4. Đại diện ban tổ chức hô: **Dâng hương!**

5. Một đại diện cho con cháu về dâng hương báo công với tổ tiên dâng hương lên Hương án.

6. Sau khi dâng hương, nếu số lượng con cháu ít, con cháu đứng xếp hàng trước hương án ở trong nhà thờ. Nếu số lượng con cháu đông, trong nhà thờ không có đủ chỗ đứng, con cháu đứng xếp hàng trước sân nhà thờ, hướng vào trong nhà thờ. Đại diện ban tổ chức đứng ở đằng trước.

Bà con nội ngoại trong dòng tộc, những người ngoại tộc có mối quan hệ với bà con trong dòng tộc đến tham gia buổi lễ đứng đằng sau hoặc 2 bên tốp con cháu có thành tích đang đứng xếp hàng.

7. Đại diện ban tổ chức hô: **Vái 3 vái.** Tất cả con cháu và mọi người có mặt tham gia buổi lễ đều đứng vái 3 vái.

8. Đại diện ban tổ chức đọc bài văn tế báo công với tổ tiên. Hoặc có thể soạn 1 bài văn tế báo công khác cho phù hợp hơn nếu thấy cần thiết. Trong lúc đại diện ban tổ chức đọc văn tế báo công, tôn nghiêm và để tỏ lòng tôn kính tổ tiên, mọi người tắt điện thoại, không nói chuyện riêng và tất cả đều đứng nghiêm hướng về phía thượng điện.

9. Sau khi đại diện ban tổ chức đọc bài văn tế báo công với tổ tiên xong, đại diện ban tổ chức hô: **Lễ đã xong, tất cả mọi người vái 3 vái!**

Đồng thời đánh trống, đánh chiêng khua 1 hồi dài với âm lượng vừa phải rồi dứt.

Tất cả mọi người có mặt cùng vái 3 vái rồi đi ra.

BÀI VĂN TẾ BÁO CÔNG VỚI TỔ TIÊN

Hôm nay ngày ..... tháng .....năm.....

Tức là ngày ..... tháng..... năm..... âm lịch.

Trước bài vị và trước hương linh của:

Các vị tổ ông, các vị tổ bà các đời nối tiếp.

Con cháu dòng họ Đinh Nho tổ chức Lễ dâng hương báo công với tổ tiên những thành tích học tập, rèn luyện thật đáng tự hào mà con cháu đã nỗ lực đạt được trong năm qua, năm 202..... như sau:

1. Đinh Nho A, đời thứ .... , đã đạt thành tích ...
2. Đinh Thị B, đời thứ ...., đã đạt thành tích....

.....

Kính thưa hương linh liệt vị tổ tiên,

Kính thưa bà con nội ngoại dòng tộc.

Dòng họ Đinh Nho ta là một dòng họ danh gia, vọng tộc "kế thế đăng khoa, đại đại bất tuyệt", nghĩa là: "đời đời đỗ đạt đại khoa và không bao giờ dứt".

Họ ta nguyên là hậu duệ của Tướng quân Đinh Điền, một trong 4 thuộc tướng tâm phúc của vua Đinh Bộ Lĩnh.

Cụ thủy tổ Đinh Phúc Diên họ ta là quan võ, chức Tả Hiệu Điểm, tước Công Tây Hầu, phẩm hàm Nhị phẩm, tức là đứng hàng thứ hai trong số các quan lại trong triều.

Thời phong kiến, thi đậu tú tài đã là quá khó. Thế mà, họ Đinh Nho ta đã có rất nhiều người đỗ đạt. Chỉ tính riêng từ đậu thủ khoa kỳ thi Hương trở lên, họ Đinh Nho ta đã có:

Đời thứ 7, Tiến sĩ Đinh Nho Công.

Đời thứ 8, Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn.

Đời thứ 8, Giải nguyên Đinh Nho Côn.

Đời thứ 11, Tiến sĩ Đinh Nhật Thận - nhánh họ Đinh Nho xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương. Tiến sĩ Đinh Nhật Thận là người đã để lại cho đời bài thơ *Thu dạ lữ hoài ngâm* nổi tiếng.

Đời thứ 14, Tiến sĩ Đinh Nho Điển. Tiến sĩ Đinh Nho Điển được vua triều Nguyễn sai lập đền thờ. Đền thờ cụ Hường - Đinh Nho Điển hiện nay đã được xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh.

Và điều hết sức đặc biệt, dòng họ Đinh Nho ta có 4 cha con trong một gia đình được triều đình nhà Nguyễn phong Phúc thần và được thờ trong đền Gôi Vỵ. Đó là:

- Tiến sĩ Đinh Nho Công;

- Hoàng giáp Đinh Nho Hoàn;

- Cụ tổ bà Phan Thị Viên, vợ của cụ tổ Đinh Nho Hoàn;

- Giải nguyên, Tổng binh Đốc lĩnh Đinh Nho Côn.

Các thế hệ sau này cũng có nhiều người học hành, đỗ đạt cao.

Con cháu dòng họ Đinh Nho ta luôn giữ gìn nền nếp gia phong và tuân theo lời giáo huấn của tổ tiên. Đó là:

Tu dưỡng là người con trung hiếu, phúc hậu thật thà, thanh bạch cần kiệm vui vẻ nếu chưa giàu. Tiến thì là kẻ sĩ có nghĩa khí, lui về thì làm người nông dân lương thiện, không kiêu căng thái quá, không xúc phạm bậc trưởng thượng, không cờ bạc, noi theo đức tổ tiên.

Kính thưa hương linh liệt vị tổ tiên.

Con cháu dòng họ Đinh Nho nguyện suốt đời đoàn kết bên nhau, bảo ban, giúp đỡ lẫn nhau và noi theo đức sáng của tổ tiên để không hổ thẹn với tiền nhân, không phụ lòng mong mỏi và không phụ công đức của tổ tiên đã gầy dựng. Nguyện luôn phấn đấu, luyện rèn để trở thành những con người có ích cho gia đình và xã hội.

Con cháu dòng họ Đinh Nho cúi xin hương linh liệt vị tổ tiên giáng về chứng giám và vui chung niềm vui cùng con cháu!

Mục lục

	Trang
LỜI THƯA	5
Phần I. LỊCH SỬ DÒNG HỌ & CHUYỆN VỀ NHỮNG BẬC DANH NHÂN DÒNG HỌ ĐINH NHO	10
I. GIA PHẢ	10
II. TỔ MẪU VÀ 4 ANH EM	14
1. Tổ mẫu và 4 anh em	14
2. Việc kết nối các nhánh họ	16
3. Họ Đinh Văn ở Nghi Long	22
4. Hoà thượng Thích Minh Châu	25
5. Họ Đinh ở Đức Thủy	43
6. Họ Đinh ở Trung Lương	44
7. Họ Đinh ở Hàm Giang	48
III. LỊCH SỬ DÒNG HỌ VÀ CHUYỆN VỀ NHỮNG BẬC DANH NHÂN DÒNG HỌ ĐINH NHO	51
1. Sơ lược lịch sử dòng họ Đinh Nho	51
2. Thủy tổ Đinh Phúc Diên	67
3. Cụ tổ đời thứ 2 Đinh Phúc Trường	71
4. Cụ tổ đời thứ 5 Đinh Phúc Khánh	74
5. Lăng Kim Hoa	81
6. Cụ tổ đời thứ 7 Đinh Nho Công	82
6.1. Cụ tổ Đinh Nho Công	82
6.2. Hình thành 4 chi họ Đinh	86
6.3. Sự tích đền Bạch Vân	87

7. Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Hoàn 89
7.1. Cụ tổ Đinh Nho Hoàn 89
7.2. Cụ tổ Đinh Nho Hoàn với dân làng và con cháu, dòng tộc 101
8. Cụ tổ bà Phan Thị Viên 103
8.1. Cụ tổ bà Phan Thị Viên 103
8.2. Đền Gôi Vỵ ngày nay 117
8.3. Mất chuông đồng cổ 132
8.4. Mất thêm 1 chuông đồng cổ 133
9. Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Thường 134
10. Cụ tổ đời thứ 8 Đinh Nho Côn 138
11. Cụ tổ đời thứ 11 Đinh Nhật Thận với Thu dạ lữ hoài ngâm 139
12. Cụ tổ đời thứ 14 Đinh Nho Điển 152
13. Cụ tổ bà đời thứ 14 Đinh Thị Hoan 159
14. Cụ tổ đời thứ 14 Đinh Nho Lệ và những câu chuyện liên quan 161
15. Cụ tổ đời thứ 15 Đinh Doãn Tế 167
16. Cụ tổ đời thứ 15 Đinh Nho Bộc 169
17. Nhà thơ tiền chiến Quỳnh Dao 172
18. Đinh Nho Khôi: Nhà báo tài năng, đức độ 179
19. Có một người họ Đinh thời nay như thế 184
20. Nhớ về Thủ trưởng Đinh Nho Liêm 192
21. Những ký ức khó phai về Nhà báo Đinh Nho Liêm 194
22. Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân Đinh Xuân Lâm: Con người và sự nghiệp 198
23. Tộc trưởng đời thứ 18 Đinh Nho Quỳ 204

23.1. Cuộc đời và sự nghiệp 204
23.2. Một lòng đau đáu với công việc thờ phụng tổ tiên 206
24. Thầy giáo già lên núi Pháo 208
25. Người gìn giữ những giá trị của cha ông 214
26. 'Cây đại thụ' tâm huyết với ngành vàng Việt Nam 217
27. Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học Đinh Dũng - Giải thưởng Tạ Quang Bửu 219
28. Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học Đinh Nho Hào 223
29. Thầy tôi 225
30. Thầy Đinh Nho Kiểu – Người thầy trong cõi nhớ 232
31. Doanh nhân Đinh Thị Hoa 238
32. Đinh Nho Tuấn, củ khoai, quả cà làm nên vóc dáng 240
33. Người phụ nữ khiếm thị tài năng vượt lên số phận 247
34. Những câu thơ ẩn chứa nỗi niềm 251
35. Chàng trai việt tốt nghiệp hai đại học danh tiếng bậc nhất Anh Và Mỹ 257
36. Chàng sinh viên Ngoại thương 2 lần đặt cược số phận, rinh học bổng hơn 4,7 tỷ đồng 264
37. Kỳ thủ "Gen Alpha" Đinh Nho Kiệt giành 6 HCV môn Cờ vua trẻ Đông Nam Á 267
38. Bài tán 4 vị Phúc thần 269
39. Nhà thờ đại tôn & Nhà thờ Đức Đại vương tử 273
40. Nhà thờ chi thứ 281

41. Am thờ Ngô tiên sinh 282
42. Dòng tộc ngày nay 282
43. Ý Kiến của Giáo sư Đặng Thai Mai về dòng họ Đinh Nho 283
44. Hành trình tìm kiếm nguồn gốc dòng họ của họ Đinh xã Cương Gián 284
* Khúc ca dâng hương từ đường dòng họ Đinh Nho 289
* Câu chuyện về bài hát 'Chia tay tôi, Người về bên Kia thế giới 292
Phần II. VĂN CÚNG TỔ 294
I. CÁC NGÀY CÚNG TẾ TRONG NĂM 294
1. Bốn ngày giỗ tổ 294
2. Năm nơi tảo mộ 296
3. Các kỳ cúng tế khác 296
II. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRONG CÁC DỊP CÚNG TẾ 298
1. Quét dọn nhà thờ 298
2. Chuẩn bị 298
3. Chuẩn bị văn tế (văn khấn) 298
4. Chuẩn bị chiếu 299
5. Phân công ban cúng tế 302
5.1. Nghi thức rút gọn 302
5.2. Nghi thức đầy đủ 303
III. VĂN XƯỚNG LỄ BẢN RÚT GỌN 304
IV. VĂN XƯỚNG LỄ BẢN ĐẦY ĐỦ 315
V. CÁC BÀI VĂN TẾ 329
1. Văn tế giỗ tổ 330

1.1. Văn tế giỗ thủy tổ Đinh Phúc Diên 331
1.2. Văn tế giỗ tổ Đinh Nho Trạch 347
1.3. Văn tế giỗ tổ Đinh Nho Thận 364
2. Văn tế tảo mộ 381
2.1. Văn tế tảo mộ Tổ mẫu Hoàng Quý thị 381
2.2. Văn tế tảo mộ Áng Phần 387
2.3. Văn tế tảo mộ Rú Trai 397
2.4. Văn tế tảo mộ lòi Chim Chim 401
2.5. Văn tế tảo mộ lăng Kim Hoa 404
3. Các bài văn tế tổ trong các dịp khác 409
3.1. Văn tế tổ chiều 30 tết 409
3.2. Văn tế tổ Giao thừa 411
3.3. Văn tế tổ sáng Mồng một Tết 416
3.4. Văn tế lễ tạ Năm mới 420
3.5. Văn tế tổ Rằm tháng Bảy 422
3.6. Văn tế tổ ngày mồng 1 hằng tháng 425
3.7. Văn tế tổ ngày rằm hằng tháng 429
3.8. Văn tế dâng hương kính nhớ tổ tiên 432
3.9. Văn tế báo công với tổ tiên 434

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ VIỆT NAM
39 Hàng Chuối - Hà Nội
ĐT: (024) 39717979 - 39717980 - 39710717 - 39716727 - 39712832.
FAX: (024) 39712830
E-mail: nxbphunu@vnn.vn
Website: www.nxbphunu.com.vn
Chi nhánh
16 Alexandre de Rhodes - Q. I - TP Hồ Chí Minh. ĐT: (028) 38234806

Lịch sử dòng họ Đinh Nho

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập
KHÚC THỊ HOA PHƯỢNG

Biên tập: Nguyễn Thị Thu Quỳnh
Thẩm định Văn khấn nôm :
Nguyễn Thị Thu Quỳnh
Thiết kế bìa: ĐINH TÚ ANH
Trình bày: NGUYỄN THỊ HỒNG
Sửa bản in: HỒNG NGUYÊN
Đối tác liên kết:
TRUNG TÂM XUẤT BẢN TÁC PHẨM MỚI
Địa chỉ: P342 – Tòa CT12B, Khu Đô thị Kim Văn – Kim Lũ, đường Nguyễn Xiển, Hoàng Mai, Hà Nội.

Số ISBN: 978-604-472-693-9
In 500 cuốn khổ 16 x 24 cm in tại Công ty CP phát triển công nghệ in Nguyên Khang. ĐC: Lô C5-D5-12 cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội.
Xác nhận ĐKXB số: 3756-2023/CXBIPH/1-86/PN, ký ngày 27/10/2023.
Quyết định XB số: 1140/QĐ-PNVN cấp ngày 6/11/2023.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2023.